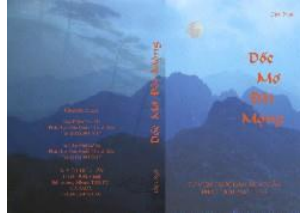


Diệu Nga
DỐC MƠ ĐỒI MỘNG



Tu Viện Trúc Lâm Canada
Xuất Bản PL. 2547 DL. 2003

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 08-08-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

Lời Giới Thiệu
Mùa Hoa Năm Nào
Bệnh Nan Y
Sư Ông và Lãng Tử
Hữu Công, Hữu Tội
Bức Tranh Phù Thủy
Những Giọt Lệ Hồng
Tiếng Gọi
Mẹ Tôi
Khai Bút
Xuân Tâm
Họa Phúc Trùng Trùng
Dốc Mơ Đồi Mộng
Phật Mẫu
Sông Túc Là Tương Quan

---o0o---

Lời Giới Thiệu

Tôi tình cờ gặp lại chị Diệu Nga vào dịp lễ Phật Đản năm 2003 tại chùa An Lạc, San Jose, sau mười lăm năm kể từ ngày chị và gia đình rời thành phố Calgary, Canada để sang định cư tại Hoa Kỳ theo diện đoàn tụ. Sau khi hàn huyên đôi chuyện xa gần, chị mở lời muốn in lại các bài viết ngắn của chị đã được đăng trên một số đặc san, nguyệt san Phật giáo ở hải ngoại thành một tuyển tập, và nhờ tôi viết lời giới thiệu. Tuyển tập này lấy tên “Dốc Mơ Đồi Mộng” mà chị dự định ấn hành vào cuối năm 2003. Tôi hoan hỷ nhận lời không chút do dự. Vậy mà từ khi nhận tập tài liệu, tôi lại bận rộn với nhiều Phật sự đây đó, giam quyền sách của chị gần một năm trường, bây giờ cuối năm 2004 mới chuẩn bị đem ra đánh máy để in, thành thật cáo lỗi cùng chị ...

Tôi còn nhớ mùa hè năm 1988, trước khi gia đình chị Diệu Nga rời Canada, chị đã mang đến Tu Viện Trúc Lâm một bản thảo của quyển kinh “Bát Nhã Cương Yếu” để nhờ “Việt Publisher” ấn hành. Nhà in “Việt Publisher” mới vừa khai trương được hơn một tháng, do một nhóm anh em trong Gia Đình Phật Tử Thiện Tâm lập nên. Họ là những thành viên của Tu Viện Trúc Lâm, nên tôi cũng được tham gia duyệt lại bản thảo đó. Dù chưa quen thân với chị Diệu Nga, nhưng tôi cũng cảm nhận được lòng nhiệt thành của một vị nữ cư sĩ hiếu đạo. Được biết lúc bấy giờ việc ấn loát một bản văn chữ Việt vẫn còn rất khó khăn và khá tốn kém. Trong khi chị mới vừa đặt chân đến Canada chỉ trước tôi một vài năm, việc làm, lương bổng chắc chắn vẫn còn eo hẹp, vậy mà chị đã góp nhóp số tiền dành dụm của gia đình, và một số ít của bạn bè thân thiết, phát tâm làm công việc ấn tống này. Quả tình tôi rất khâm phục. Tôi hỏi chị: quyển sách này có phải do chị viết không? – Dạ không, đây là loại sách biên khảo rất công phu, nghiên cứu toàn bộ kinh Đại Bát Nhã gồm 600 quyển do Sư Bà Ni Trưởng Thích Nữ Như Thanh (hiệu Hồng Ân) bỏ công nhiều năm soạn thành bộ cương yếu này. Rất tiếc lúc ấy nhà nước cộng sản vừa chiếm miền Nam nên không cho phép in ấn bất cứ một loại kinh sách nào. Con đã xin nhận lãnh sứ mạng của Sư phụ đem bộ kinh này ra hải ngoại để kịp thời phổ biến, kẻo nó bị mai một, chị trả lời câu hỏi. Lúc đó tôi tự nghĩ, kinh “Đại Bát Nhã” là một bộ kinh mà áo nghĩa vô cùng thâm sâu, không dễ gì một vị tu sĩ bình thường mà có thể mò mẫm vào được cánh cửa chơn không diệu hữu của triết lý tánh không, hay “Đại Bát Nhã Trí Tuệ” u huyền này. Như thế thì việc phổ biến một quyển kinh thật khúc mắc, khó hiểu trong lúc này tại hải ngoại thực sự có lợi ích gì cho độc giả không? Dường như chị cũng có cùng cảm nghĩ nên không để tôi hỏi, chị trả lời: - Đó là tài liệu khổ công rất nhiều của Sư phụ con trong lúc tuổi

quá già; con chỉ muốn sư phụ được nhìn thấy nó khi Sư phụ còn sống; đồng thời cũng để đóng góp vào kho tàng chánh pháp của nhân gian một tài liệu quý báu, một tác phẩm trọng yếu cho người học Phật, hay cho những bậc thức giả khát khao, muốn khám phá kho tàng “Diệu Trí” của chư Phật, tôi khẽ mỉm cười đồng tình với chị ...

Rồi từ đó mất liên lạc. Thỉnh thoảng, tôi có dịp đọc một số bài viết đăng tải trên các đặc san, nguyệt san Phật giáo ở hải ngoại với bút hiệu “Diệu Nga” là pháp danh của chị, tôi nghĩ không biết đó có phải là chị hay không. Cho đến một hôm, khi nhận được quyển “Giọt Lệ Như Sương” của Diệu Nga do Phật Học Viện Quốc Tế xuất bản lần đầu và gửi tặng, trong đó có ít bài tôi đã đọc được trên các báo, mới hay đó chính là bài viết của chị. Những câu chuyện tản mạn này tuy ngắn nhưng lại làm cho nhiều người cảm xúc, tỉnh ngộ, thích thú, đón nhận nó thật nồng nhiệt như một loại giáo lý nhân gian dễ hiểu, không cần động não, có lẽ vì tính chất bình dị và có lý tưởng của nó.

Đọc hết những mẫu chuyện ngắn trong tuyển tập “Dốc Mơ Đồi Mộng” của Diệu Nga, tôi có cảm tưởng chị đã đem cả tâm hồn mình để hòa quyện trong cái lý tưởng thương đời, mến đạo của chị. Đã trải hết tâm tư mình dệt thành một bức tranh với những màu sắc linh động như thật, như hư, như mơ, như mộng, khi thăng khi trầm, chợt ẩn, chợt hiện trong cái chân lý sống thực của thế gian: có, không, vô thường, vô ngã và đau khổ. Mỗi cốt chuyện đều có sức lôi cuốn đặc biệt. Lôi cuốn ở đây không có nghĩa là vì nó éo le tình tiết như những thiên tiểu thuyết tình cảm ướt át, hoặc những chuyện hư cấu đầy kịch tính của tiểu thuyết kiếm hiệp. Mà mỗi câu chuyện được kể đều là những ước vọng đơn sơ, rất thường tình trong cái hỷ, nộ, ái, ố, ai, lạc, dục, còn phủ trùm bởi phiền não vô minh. Kết thúc mỗi câu chuyện chị thường cho người đọc cái cảm quan trong tinh thức để nhận diện nó với chính nhân sinh quan của mình. Hương liệu của những vị mặn, chát, chua, cay, đắng, ngọt của cuộc đời còn được chị xem là cốt lõi của triết lý sống. Đối đãi, phân biệt là trò chơi của nhơn gian, ai chấp nhận nó là phải chấp nhận tất cả những quy luật của thế gian. Tuy nhiên trên quy luật của thế gian còn có một thứ quy luật bình đẳng chưa hề tha thứ cho một ai đó là “Luật Nhân Quả”. Chính điều đó mà con người mới có lý tưởng để đeo đuổi, có hạnh phúc để xây dựng, để nhìn đời chứ, phải không quý vị?

Tuyển tập “Dốc Mơ Đồi Mộng” này tuy không thâm uyên như “Bát Nhã Cương Yếu” mà chị đã bỏ rất nhiều thì giờ, công sức để đáp đền ơn Sư phụ. Nhưng nó có một công năng chuyển hóa rất lớn đối với những mảnh đời trôi

dạt biển khơi. Trong đêm đen tăm tối, nhìn được cây “Đèn Bão” lung linh trước gió cũng định được bến bờ. Tôi vẫn thấy giá trị đồng bản thể của nó với “Bát Nhã Cương Yếu” không khác chút nào. Vì vậy, để trân trọng giới thiệu đến các bạn độc giả xa gần, tôi chỉ xin quý vị thử rảo bước vào thế giới “Đốc Mơ Đồi Mộng” của tác giả Diệu Nga thì sẽ cảm nhận được trọn vẹn cái hương vị của nó.

Quý đông, năm Giáp Thân 2004

Thích Thiện Tâm.

---o0o---

Mùa Hoa Năm Nào

Thật là một sự trùng hợp lý thú, một ngạc nhiên đầy thi vị khi vợ chồng Quảng được nhìn ngắm hoa Đào hồng thắm rợp nở trên đường phố California vào dịp Tết Nguyên Đán. Đâu khác gì Đà Lạt với hơi lạnh quyện trong sương vào buổi sáng và đường hoa rực rỡ trong ánh nắng êm ái dịu dàng như lụa mỏng...

Cảnh quang đằm tươi đẹp của mùa Xuân nơi thung lũng hoa vàng của miền Bắc Cali, cái nôi của ngành điện tử trên thế giới, là vùng đất hứa cho những người có khả năng chuyên môn đặc biệt và có tham vọng thành triệu phú. Quảng là một trong những người ấy.

Vừa tốt nghiệp đại học MIT - trường của những sinh viên xuất sắc, của những nhân tài - ở miền Bắc, nơi mà mùa Đông nhiệt kế thường xuống độ âm và mùa Xuân hãy còn là những ngày 0 độ, hai vợ chồng Quảng quyết định nhận job ở San Jose – nơi đây khí hậu lý tưởng và cảnh trí nên thơ như tranh vẽ.

Diệu mơ mộng:

- Anh ơi, chừng nào có nhà, mình trồng hai hàng đào trên lối đi và sân sau thì trồng cây ăn trái nha! Vùng này không có tuyết, hầu như ẩm áp quanh năm, chắc trồng ổi, mận, thanh long, hồng dòn được đó!

Quảng âu yếm nắm tay vợ siết nhẹ thay lời hứa. Hai người bước chậm chậm dưới hàng đào đang độ nở. Những chùm hoa mềm mại trắng hồng phớt màu tím nhạt hòa trộn với nhau một cách toàn bích, in trên nền trời xanh lơ. Hai

vợ chồng son nhìn nhau mỉm cười. Tương lai tươi đẹp, bầu trời hạnh phúc mở rộng trước mắt.

Họ thuộc về thế hệ thứ hai của người Việt di tản. Theo cha mẹ xuống tàu đi bán chính thức năm 1978 lúc mới lên tám, lên mười, Diệu và Quảng hấp thụ nền học vấn xứ người rất dễ dàng. Họ gặp nhau tại đại học, yêu nhau và cưới nhau. Chuyện tình suông sẻ và chứa nhiều kỷ niệm của thời sinh viên.

Bác sĩ David bắt tay bệnh nhân với nụ cười và cái nhìn sắc bén. Bộ đồ màu xám tro đất tiền với cà vạt màu lụa đỏ sang trọng không làm tươi được vẻ mặt nặng nề của Quảng. Trên khuôn mặt đều đặn nở nang ấy chìm sâu hai hòn bi màu nâu đen, đờ đẫn như mắt hờn. Vàng trán rộng xếp nếp quá sớm công thêm cặp mày rậm lúc nào cũng nhíu nhăn một cách cau có khiến kẻ đối diện, nếu không phải là nhà chữa bệnh tâm lý, ắt phải mắt cảm tình.

“Người đàn ông trẻ này thành công sớm nhưng không có hạnh phúc”. Đó là nhận xét đầu tiên của David. Là một bác sĩ yêu nghề, David có nhiều thân chủ về sau trở thành bạn bè của ông. Đây là bệnh nhân gốc Á châu đầu tiên.

Ông cảm thấy thích thú, gọi chuyện một cách thoải mái tự nhiên. Phòng mạch trở thành nơi để bầu bạn tâm sự.

Quảng có dịp phơi bày mọi khúc mắc, u uẩn trong lòng:

- Người Á châu chúng tôi thường tin vào luật bù trừ, hễ được cái này thì mất cái kia. Lúc còn nghèo, tôi có hạnh phúc, bây giờ giàu hơn người, tôi bị cô đơn - sở làm, đa số đều ghét tôi vì tôi có khả năng thiên phú đặc biệt.

Khả năng này đưa tôi lên địa vị giám đốc lúc mới ba mươi một tuổi, còn ở gia đình, vợ con thì lạt lẽo, lảm lì. Không ai thương tôi cả!

Là một bác sĩ tâm lý trị liệu, David không tò mò hỏi ngay “thiên phú đặc biệt của anh là gì?” Ông khơi nguồn cho câu chuyện từ chỗ bắt đầu:

- Anh tốt nghiệp kỹ sư điện tử, thay đổi sở làm hai lần, mỗi lần đổi là một sự thăng tiến?

Quảng duỗi chân ra trên ghế Lazy boy, ngã người ra sau trong tư thế nằm thoải mái.

Giọng anh đều đều:

- Tôi ra trường năm hai mươi ba tuổi. Đầu tiên tôi làm cho hãng AT&T với chức vụ kiểm soát phẩm chất (quality control) mặt hàng sản xuất. Vừa tí mí lại thêm ý hướng kiện toàn hoàn hảo, tôi trả lại hàng khối sản phẩm. Chỉ sau ba tháng làm việc, nhân viên ở đây đặt tên tôi là “Mr. No” vì tôi thường từ chối hơn là chấp nhận. Họ chạy mặt tôi, họ chế diễu, bóng gió, họ nói xấu sau lưng... Nhưng tôi lại được chủ cưng vì chất lượng của hãng được nâng cao, sức bán mạnh hơn trước. Cái mặt non choẹt của một sinh viên mới ra lò trở nên có giá, tôi được chủ tăng lương, được bonus khá nhiều rồi lại lên chức trưởng nhóm một năm sau đó.

Vợ chồng tôi mua ngay căn nhà chuẩn bị cho đứa con đầu lòng sắp sửa ra đời. Diệt, vợ tôi, làm việc cho một nhà băng. Nàng không có tham vọng, chỉ muốn an hưởng hạnh phúc gia đình.

David dò hỏi:

- Anh có phàn nàn chi về sự an phận của vợ anh?

Quảng lắc đầu cười héo hắt:

- Không! Đó cũng là sự thường tình. Đa số phụ nữ đều như vậy. Căn nhà đầu tiên của chúng tôi già hai mươi tuổi, có ba phòng với sân sau rộng rãi. Đó là nơi vợ chồng tôi trải qua những năm vui vẻ hạnh phúc với tiếng cười của bé Cẩm và sau đó là bé Giao.

Quảng chậm điều thuốc. Anh rít một hơi dài, im lặng nhìn khói thuốc xanh xao lãng đãng như những sợi mây lạc lõng cô đơn.

- Tôi làm ở đây hai năm, đang có ý định bay nhảy vì phong trào sản xuất máy điện toán đang lên cao, không lợi dụng thời cơ này cũng uổng. Một công ty nhỏ mới thành lập tìm tới Mr. No. Họ cần một người như tôi. Họ đề nghị chức vụ manager với lương bổng hậu hỉ, lại thêm nhiều cổ phần, nếu trúng stock, tôi sẽ trở thành triệu phú.

Thành thật mà nói, tôi đã đem tất cả nhiệt huyết của tuổi trẻ và tài năng thiên phú ra làm việc cho công ty này và chúng tôi đã thành công vượt bậc. Tôi trở thành triệu phú lúc mới ba mươi tuổi.

Bác sĩ David dịu dàng xen vào:

- Anh Quảng, tôi rất muốn được nghe anh nói về tài năng đặc biệt đã giúp anh thành công trong nghề nghiệp.

Chàng thanh niên vói tay gạt tàn thuốc rồi ngã người ra sau. Thế nằm làm anh dễ chịu hơn trong cuộc nói chuyện này.

- Tôi muốn cái gì cũng phải hoàn hảo, không sơ sót. Do ý muốn đó tôi hay “bới lông tìm vết”, tôi luôn luôn chú ý tới khía cạnh xấu của sự việc hoặc của người đối diện. Tôi luôn luôn đề phòng những rủi ro, bất trắc. Ít khi tôi bằng lòng những đề nghị, những dự án của nhân viên mà không có sự sửa đổi. Trên bàn họp, trong khi mọi người hân hoan khen ngợi một ý kiến mới, một đề xuất đặc biệt hay một mẫu design mới, tôi chỉ cần phán ra một câu là vấn đề bị đảo ngược. Nhờ vậy chúng tôi tiết kiệm được những tổn phí dò dẫm vô ích và thành phẩm của hãng vừa tốt lại vừa rẻ. Đó là yếu tố thành công.

Trong lúc David nhanh tay ghi vài điểm mà ông thấy cần lưu tâm, Quảng tiếp tục kể, máy lọc không khí vẫn từ tốn xoay:

- Chúng tôi mua một biệt thự mới xây trên đồi. Ngôi nhà này rộng rãi và khang trang hơn sự mơ ước của chúng tôi rất nhiều. Có hồ bơi, sân tennis và mười mẫu đất trồng.

- Vợ ông tha hồ hoạch định việc trang trí nội thất cũng như trồng cây cảnh chung quanh?

Quảng lắc đầu:

- Điều không đủ trình độ để trang trí một tòa biệt thự 5000 sf cho phù hợp với kiến trúc tân thời.

Còn về cây cảnh, cô ta chỉ muốn trồng cây anh đào đây sân. Tôi bác bỏ ý kiến đó ngay lập tức. Tất cả đều phải nhờ chuyên viên. Tôi không thích cái gì có tính cách nửa mùa, vá vúi.

- Hai đứa con ông thích nhà mới chứ?

- Bé Cẩm mới sáu tuổi đã có một phòng riêng rộng bằng master bedroom của căn nhà tôi lúc trước. Bé Giao có riêng một phòng để đồ chơi. Tụi nó hí hửng lắm, nhưng mà con nít không biết giữ gìn. Tôi thường bắt gặp những vết dơ trên thảm, trên tường. Tôi giận lắm!

- Mỗi lần như vậy, ông có phạt các cháu không?

- Tôi la hét dữ dội. Tụi nó sợ xanh mặt. Thấy cũng tội, tôi không nỡ phạt. Nhưng rồi chúng lại tiếp tục. Tôi lại la ó. Dần dần chúng trốn tránh tôi như trốn con voi điên.

Vốn giàu kinh nghiệm, bác sĩ David đã nhìn thấy vấn đề. Ông chậm rãi uống một ngụm nước lọc rồi hỏi thêm:

- Phản ứng của vợ ông ra sao?

Quảng cười gằn:

- Dĩ nhiên là nàng binh con dù không nói ra. Thật tình tôi không hiểu nổi người bạn đời của tôi. Tất cả sự nghiệp tôi tạo ra là để cho vợ con. Tôi là người chồng tốt, thủy chung. Nhưng hình như càng ngày nàng càng lạnh nhạt xa cách tôi. Ban đầu, tôi tưởng nàng binh con nên giận chồng nhưng cả những lúc tôi cố gắng thân mật với con, Diệu cũng lằm lì, lạnh băng.

Ông tưởng tượng xem, ở sở làm, tôi phải đối phó với những vấn đề nan giải, đầu óc luôn luôn căng thẳng. Cho nên khi về nhà, tôi mong được sự an ủi vỗ về, hạnh phúc vui vẻ cho đầu óc êm dịu lại hầu tôi có thể tiếp tục đối phó với đời. Nhưng than ôi, tôi có cảm tưởng tòa biệt thự thênh thang ấy là một ngôi nhà mồ lạnh lẽo ghê người.

Bác sĩ nghiêng mình về phía trước. Ông hỏi một câu quan trọng:

- Trước khi tình trạng này xảy ra, ông bà có thường chuyện trò, tâm sự ...?

Quảng thành thật:

- Hai năm nay, từ ngày làm giám đốc điều hành, quả tình tôi không có nhiều thì giờ riêng tư. Về nhà, cơm nước xong, mở tivi xem tin tức một chập là tôi

vào phòng làm việc. Đọc sách, nghiên cứu, suy nghĩ, tính toán... Vợ tôi tôn trọng những giờ phút này, nàng không hề quấy rầy tôi.

- Ông và bà có trao đổi ý kiến khi cần quyết định một điều gì không? Bà vẫn còn đi làm chứ?

- Không. Diệu đã nghỉ việc từ khi chúng tôi trở nên giàu có. Nàng thích ở nhà chăm sóc con cái. Có lẽ vì thế mà nàng ngày càng có vẻ khù khờ. Những ý nghĩ của nàng đơn giản, ngô nghê, tôi không thể chấp thuận được. Thành ra mọi chuyện lớn nhỏ chỉ mình tôi là người đề quyết.

David gật gù. Mái tóc nâu vàng của ông rủ xuống trán, óng ánh. Đôi mắt sâu của ông toát ra vẻ tự tin, chững chạc. Giọng ông nhẹ nhàng hơn:

- Tình trạng này khác biệt với thuở trước, lúc hai ông bà mới thành hôn và chưa giàu có?

Nhờ sự khéo léo của David, Quảng không cảm thấy khó chịu. Anh thành thật tiếp:

- Tôi công nhận có sự thay đổi về cá tính của tôi. Chắc là do ảnh hưởng của nghề nghiệp. Đôi khi Diệu phàn nàn: “Anh khó tánh quá! Anh hay chỉ trích người này người nọ, toàn là chú ý tới khuyết điểm của người. Đời này, đâu ai hoàn toàn, trừ phi người ấy tu thành Phật.”

David lộ vẻ vui mừng như bắt gặp tia sáng ở cuối đường hầm:

- Ông bà đều theo Phật giáo?

- Chúng tôi ở trong gia đình theo Phật giáo thì đúng hơn. Vợ chồng tôi chưa biết gì về đạo Phật.

Bác sĩ đứng lên. Nụ cười hân hoan của ông làm Quảng ngạc nhiên. Anh im lặng chờ đợi. David tiến đến tủ sách, rút ra một quyển sách bìa mỏng, màu vàng. Vừa trao cho Quảng ông vừa nói:

- Tâm sự của anh và nỗi đau khổ của anh cũng giống y như tôi thuở trước. Lý do là mình không biết cách sống hòa hợp thôi. Quyển sách này đã khiến tôi đi tìm gặp tác giả, đó là một vị Lạt Ma Tây Tạng. Người dạy tôi cách hóa giải phiền muộn để sống hạnh phúc.

Anh hãy đọc đi, và nếu muốn, chúng ta sẽ đi đến nghe người giảng dạy. Tôi là đệ tử của Thầy.

Bây giờ, trước khi ra về, anh vui lòng nghe lại cuốn băng ghi âm những gì anh đã nói với tôi. Có dịp lắng nghe và nghĩ về chính mình, anh sẽ thấy rõ vấn đề hơn. Chào anh!

Hai tháng hè trôi qua thật nhanh. Từ giã Boston, thành phố xinh đẹp của nghệ thuật và âm nhạc, cả ba mẹ con đều lưu luyến. Ở đây, họ được hưởng tình cảm chứa chan của nội, của ngoại, họ được tự do thoải mái, khỏi phải phụng lo sợ vì sự vui buồn thất thường cũng như sự nghiêm khắc quá đáng của Quảng.

Máy bay đã hạ cánh. Diệu đứng lên lấy hành lý. Hai đứa nhỏ đã gọn gàng với túi cá nhân trên lưng. Khi ba mẹ con theo đoàn người ra khỏi cái hộp cầu thang dài, họ đã thấy Quảng đứng đợi. Hôm nay trông anh đơn giản và trẻ trung với cái áo thun trắng, quần jean xanh, tóc hót ngắn.

Quảng quì xuống, hai cánh tay mở rộng để đón con. Cảm chập chạp tiến đến với cha, Giao cúi nhìn đôi giày lấm lem của mình, chỉ sợ cha nổi giận. Nó quên nhắc mẹ giặt trước khi trở về.

Diệu dừng chân lại, như một khách bàng quan. Quảng hôn các con xong, đứng lên, nhìn sang Diệu. Áo sơ mi màu tím hoa cà làm anh nhớ lại thời gian theo đuổi nàng, lúc hai người mới vào học năm thứ nhứt. Diệu yêu màu tím và anh thường hái trộm bông hồng tím ở nhà ông giáo sư để tặng nàng.

Rung động với kỷ niệm xưa, Quảng âu yếm tìm ánh mắt vợ nhưng than ôi, trong cửa sổ tâm hồn ấy, giờ đây anh chỉ thấy sự nhẫn nhục câm nín, sự chịu đựng le lói mầm oán hận.

Thái độ làm lì này giống y như thái độ của nhân viên đối với anh trong thời gian anh làm manager trực tiếp điều khiển họ. Chính vì không chịu nổi những cặp mắt u trầm ấy, anh đã bỏ hảng cũ. Tự nghĩ rằng với chức vụ giám đốc ở sở mới, không phải trực tiếp điều khiển nhân viên, anh sẽ được yên ổn nhẹ nhàng hơn.

Nhưng Quảng đã làm. Dù anh làm việc có hiệu quả cao, người chung quanh, thiệt tình không ai ưa Quảng cả, họ chỉ đóng kịch để giữ job.

Quảng nở một nụ cười với vợ, gởi gắm trong đó sự hối lỗi ăn năn. Diệu đáp lễ chồng bằng cái nhìn u uẩn, cánh môi chỉ hơi nhếch lên chút xíu làm vẻ mặt nàng thêm héo hon. Quảng hiểu rằng cây hoa ấy đã vì anh mà khô héo, cần phải kiên nhẫn và khéo léo lắm mới cứu vãn được hạnh phúc gia đình.

Từ miền Bắc mát mẻ trở về, Diệu cảm thấy Cali nóng quá dù trời sắp sửa vào Thu. Nàng lơ đãng nhìn đường phố với xe cộ nối đuôi không dứt, nhìn những dãy đồi thoai thoải chập chùng phơi mình trong ánh nắng còn gay gắt của một ngày hè muộn.

Nếu hôm nay không có Quảng ở nhà, ba mẹ con nàng sẽ nhảy ùm xuống hồ bơi tung tăng đùa giỡn với nhau trong nước mát. Sự hiện diện của Quảng làm tụi nhỏ lúc nào cũng phải “đề phòng” thành ra không đứa nào, kể cả Diệu, muốn Quảng tham gia trong bất cứ trò vui nào. Vô tình, họ cô lập ông chủ khó tánh trong cái tháp do chính ông tạo ra.

Chiếc xe Mercedes của họ bắt đầu lên đồi, rẽ vào con đường riêng của khu vực. Hai đứa nhỏ tiếc ngày vui qua mau, Diệu chán ngán những ngày chịu đựng sắp tới. Nàng phải tiếp tục sống vô vị mãi bên ông “chỉ huy trưởng” khô khan nóng tánh này chăng?

Con đường nhỏ với hai hàng thông xanh dẫn họ tới nhà. Quảng không bấm nút mở garage như thường lệ, anh chạy ra khu đậu xe phía sau. Không để ai kịp hỏi han điều gì, anh đi vòng qua mở cửa cho vợ. Hai đứa nhỏ tinh mắt, chúng chạy ùa ra khu vườn mới kiến tạo. Quảng nhẹ nhàng nắm tay Diệu dẫn nàng chậm chậm bước qua cái cổng nhỏ bằng tre khô trên có đề hai chữ “Vườn Thiên”.

Diệu linh cảm có một biến chuyển lớn lao nào đó trong tâm tư chồng. Trước mắt nàng là một khu vườn Nhật xinh xắn, bao bọc chung quanh là những hàng trúc xanh tươi. Con đường đất đỏ dài ngoằn ngoèo chậm chậm đưa hai người đi qua một cái suối róc rách chảy từ bờ đá ong nâu sậm đổ xuống cái ao rộng, điểm lơ thơ vài bông súng trắng ngần, vài chòm bông lục bình tím nhạt.

Hai chị em Cẩm đang trở mắt nhìn những chú cá vàng nhớn như bơi lội trong đó. Chúng tưởng đây là một phèo lạ thần tiên. Đầu óc thơ trẻ, hai đứa

không thể tin rằng chỉ sau hai tháng hè xa nhà, mảnh đất trống phía sau đã biến thành một khu vườn xinh đẹp.

Cạnh hồ sen là nhà thủy tạ lợp tranh, hình bát giác. Trên sàn gỗ bóng chỉ thấy một bàn trà thấp đan bằng mây và những chiếc gối tròn, đẹp, màu nâu sậm.

Hai đứa trẻ thích thú đi sâu hơn nữa để thấy những chùm hoa tím bắt chợt hiện ra giữa các kẽ đá, những cây cảnh mới trồng đã lớn... Rồi con đường dốc tẻ ra làm nhiều ngã: đây là đôi cỏ mịn như râu xanh, nọ là dốc đá trắng đục như sữa đang lấp lánh trong nắng và những bậc thang nhỏ bằng cây nối tiếp nhau dẫn lên cao mãi ...

Diệu cảm thấy lòng dịu lại những ưu phiền, nhưng kinh nghiệm bản thân khiến nàng không dám vui vội. Dù biết Quảng muôn chuộc lỗi với vợ con, Diệu cũng nơm nớp lo âu vì tánh khí thất thường của chồng.

Đôi vợ chồng đã bước lên nấc thang cuối cùng để thấy những cây anh đào mọc thành hàng, chừa lối đi ở giữa.

Quảng dịu dàng:

- Mùa xuân này chúng ta có dịp ngắm hoa đào nở, và khu vườn sẽ rực rỡ như tranh, những bức tranh trong các phòng triển lãm ở Boston và ngày xưa chúng mình hay nhìn ngắm xuýt xoa.

Diệu nhắm mắt lại, không biết mình đang mơ hay tỉnh.

Phép lạ nào đã biến đổi tâm hồn Quảng đến không ngờ?

Nàng đã bắt gặp trở lại những hàng đào năm xưa với ước mong bình dị tươi vui lúc hai người còn hàn vi và Quảng hãy còn dễ thương lắm...

Quảng có nhiều điều để bày tỏ với vợ. Chàng kiên nhẫn chờ đến khuya, khi trăng rằm đã sáng tỏ khắp vườn, chàng pha trà mời Diệu đối ẩm. Họ ngồi trong nhà thủy tạ, xếp bằng trên tọa cụ. Mặt hồ tĩnh lặng phản chiếu ánh trăng vàng vạc trên cao.

- Thở đi em!

Diệu bật cười:

- Lúc nào em lại không thờ!

- Phải, mọi người đều thờ cả nhưng ít ai ý thức đến hơi thở của mình. Lạt Ma G.D. đã dạy anh tập trung tư tưởng vào hơi thở nhờ đó anh hiểu được chính mình và cuộc sống. Nhờ quán chiếu hơi thở, anh biết mạng sống mong manh, biết trân trọng sự sống trong từng phút giây. Lâu nay anh đã phí phạm đời sống, đã quan niệm sai lầm về hạnh phúc, anh đem hai thứ quý báu ấy đổi lấy quyền uy, thỏa mãn tham vọng. Chỉ là thả mồi bắt bóng mà thôi.

Diệu cảm thấy phẫn chấn

- Lạt Ma G.D. là ai?

Quảng cúi đầu, giọng nói đầy kính cẩn:

- Đó là một tu sĩ Tây Tạng, phái Mật tông. Chính bác sĩ David, bạn anh, đã hướng dẫn anh đến gặp người: một nhà sư già, mặc áo vá, ốm tong teo. Người đã tiếp anh bằng một nụ cười cởi mở và ánh mắt tràn ngập thương yêu.

Khi anh quì xuống, người đặt tay trên đầu anh, ngay lúc ấy anh tiếp nhận nguồn an lạc vô biên. Luồng từ điện này biến đổi một kẻ ngoan cường kiêu mạn thành người điềm đạm, biết hồi quang tự kỷ.

Thiếu phụ ngẩng mặt lên. Ánh trăng soi chiếu vào đôi mắt tinh anh của nàng, trong đó phảng phất những nghi ngờ, dè dặt.

Quảng hiểu vợ sắp hỏi điều gì. Anh tiếp tục bày tỏ một cách chân thật, say sưa:

- Em ơi! từ lâu rồi, anh là một người cô độc, một kẻ đói khát tình thương, thiếu thốn nguồn an ủi tâm linh. Trong khoảnh khắc thôi, sư G.D. cho anh tất cả. Sau khi ban cho anh liều thuốc an thần vô giá ấy, người dạy anh phương cách sống sao cho có hạnh phúc.

Diệu im lặng tự hỏi: “Hồng phúc nào đã xui khiến con người độc tài khó tánh như Quảng bỗng nhiên biết thay đổi?”

- Người dạy anh mỗi đêm dành ít nhất ba mươi phút để thực tập tư duy. Trước tiên là tập thở nhẹ nhàng, theo dõi sự ra vào của hơi thở một cách êm

ái. Điều hòa hơi thở là cách làm thư giãn sự căng thẳng của trí óc, giúp ta trút bỏ được những phiền muộn. Đa số chúng ta thường đem những khó khăn trong sở làm về nhà để mất ăn mất ngủ vì nó và làm cho người nhà cũng khổ lây.

Thầy Diệu gạt gù biểu đồng tình, Quảng hứng chí thêm:

- Thầy nói: “Sự sai lầm chung của con người là hay phán xét tha nhân, soi mói khuyết điểm của người để chê bai. Thái độ đó dễ gây hiềm khích và làm tăng ngã mạn. Càng ngã mạn, con người càng khổ đau. Thái độ sống đúng đắn là luôn luôn phải hồi quang tự kỷ.”

Sống đúng mới có hạnh phúc. Thầy quả quyết như vậy, và anh cảm nhận được điều ấy. Mỗi đêm, sau khi điều hòa hơi thở, anh đã nhìn lại chính mình để quán xét những gì đã nói, đã làm hay đã nghĩ trong ngày, xem có gì sai quấy thì kịp thời chỉnh đốn lại. Sau đó, anh quán xét về cách liên hệ với người chung quanh, từ gia đình để sở làm ...

Những giọt lệ tủi hờn bắt đầu lăn dài trên đôi gò má xanh xao. Ai gặp lại nàng những năm sau này cũng ngạc nhiên hỏi: “Tại sao ở trong cảnh giàu sang nhưng lựa mà trông nàng hốc hác bơ phờ đến thế này?” Than ôi! đâu phải tiền bạc đồng nghĩa với hạnh phúc!

Quảng hiểu giây phút quan trọng đã đến. Chàng quì xuống, nâng tay vợ, hôn nhẹ lên đôi tay gầy guộc của nàng. Giọng chàng run run:

- Anh xin lỗi em. Bấy lâu nay anh làm em đau khổ vì lúc nào anh cũng cho mình là bậc trưởng thượng, anh luôn luôn ra lệnh, chỉ huy... Anh không tôn trọng em như xưa. Anh biến em thành một người phục dịch câm nín... Anh làm em đau khổ biết bao! Bây giờ anh mới nhận ra mối tương quan hai chiều giữa em và anh: nếu anh làm em khổ, anh cũng đâu được hưởng niềm vui.

Em Diệu, anh chân thành sám hối. Em và các con hãy tha thứ cho anh...

Những tiếng nấc nghẹn ngào, tức tữ của Diệu khiến Cẩm và Giao nóng ruột. “Ba lại làm khổ mẹ nữa, chúng mình ra can đi, ba muốn đánh mình thì đánh, em không sợ nữa đâu!”

Hai đứa nắm tay nhau bước ra khỏi lùm cây, nơi chúng đã núp sẵn tự này giờ. Cả hai xấn tới trong tư thế của người cảnh binh bảo vệ...

Nhưng hai đứa ngạc nhiên biết bao khi thấy ba dịu dàng đỡ mẹ đứng lên và âu yếm hôn lên đôi mắt đầm lệ của mẹ. Chợt thấy các con, Diệu bèn lên đây Quảng ra. Một nụ cười rạng rỡ như đóa hoa Quỳnh vừa nở dưới ánh trăng...

Sống

Khi chiếc tàu hải quân lặng lẽ nhô neo vào một ngày cuối tháng tư năm 1975 – mà nhiều người gọi là tháng tư đen - để tìm bến tự do thì chàng trung sĩ Cường có cảm tưởng được thoát ly cùng một lúc hai vòng kiềm tỏa: gia đình và quân đội.

Mặc cho ai khóc lóc, than thở hay u sầu, Cường bắt đầu lân la đi tán gẫu trên tàu. Nhưng nụ cười thoải mái và những câu bông đùa của anh không được ai hưởng ứng nên trở thành tro trên, vô duyên. Anh muốn nói chuyện, muốn làm một hành động gì đó cho niềm vui rộn ràng trong anh được biểu lộ ra ngoài nhưng đành cụt hứng.

Trung úy Bảo thấy anh cứ lẩn quẩn trong đám dân di tản với bộ đồng phục xộc xệch lôi thôi, đã nghiêm mặt nhìn anh, yêu cầu anh trở về với vị trí và phận sự. Cường nói thâm trong bụng: “Được rồi, ông còn chỉ huy tôi một tháng nữa là cùng. Tới Mỹ rồi, ai cũng như ai. Chùng đó tha hồ tôi hưởng tự do!”

Nhưng anh cũng không vội gì đi vào bếp phụ lo việc ẩm thực như vừa mới phân công hôm qua. Anh len lỏi xuống khu cơ khí là vùng hoạt động quen thuộc của anh. Ở đây không có ai, anh nằm dài trên sàn, tính đánh một giấc ngủ ngon lành. Song giấc ngủ không đến được vì bao nhiêu ý nghĩ, hình ảnh dồn dập hiện ra trong đầu anh.

Mọi người đều di tản chung cả gia đình, riêng anh là dân hải quân mà không mang ai theo; không phải chỉ vì lệnh cấm quân tại chỗ, nhưng sâu xa hơn còn lý do tâm lý rất thâm kín đã khiến anh dứt khoát ra đi không muốn dây dưa liên hệ với những người trong nhà. Dù anh gia nhập quân ngũ đã năm năm rồi, đã bao năm thường xuyên vắng nhà nhưng cảm giác bị hắt hủi, bị khinh rẻ trong gia đình từ thuở ấu thơ vẫn còn ám ảnh Cường một cách mạnh mẽ.

Ba anh, giáo sư Toán của trường Chu Văn An, là con người ốm nhom, khô cằn, nghiêm nghị với gương mặt xương xẩu và giọng nói khàn khàn vì dạy thêm quá nhiều. Ông chưa bao giờ cởi mở, vui vẻ với anh. Con người khoa bảng ấy chỉ chú trọng bằng cấp mà anh thì không sao đậu nổi cái bằng Tú Tài I nói chi tốt nghiệp đại học như bà chị dược sĩ và cậu em kỹ sư điện của

anh. Anh biết, đối với “ông”, anh là một cái gì đó đã kéo nấc thang danh vọng của gia đình anh xuống thấp một bậc. Dù ông không đánh đập, mắng mỏ gì – lý do vì ông không có thì giờ - nhưng đối với cha, anh luôn luôn mang mặc cảm có tội nên cứ lẩn tránh luôn.

Mẹ anh cũng là nhà mô phạm, bà dạy nữ công gia chánh cho một trường trung học công lập. Bà hiền lành, dễ thương với mọi người, ai cũng mến nhưng có lẽ không ai biết được cái tánh quá cẩn thận, quá tỉ mỉ và hay rầy rà của bà, đặc biệt là đối với Cường. Có thể vì chị Nguyệt và em Dũng ngày tối cứ vùi đầu vào sách vở nên chẳng làm phiền bà.

Cường thì lúc nào cũng có vẻ rảnh rỗi quá. Ngoài giờ đến trường, nếu không đá banh thì về nhà luyện chường. Anh say mê truyện kiếm hiệp đến nỗi quên ăn cơm chiều thì dĩ nhiên những “công tác” trong nhà của anh như quét sân, lau nhà, lau bàn ghế... anh đâu thể nhớ được! Hoặc đôi khi, vì bị “dũa” quá anh cũng rần rờ nhưng ngoài tánh lười anh lại còn có tật “âu” nên làm quấy quá cho xong, chẳng sạch sẽ gì, chẳng đâu ra đâu, nên cũng bị la rầy. Làm cũng rầy mà không làm cũng rầy nên anh sinh ra lì lợm., cứ rần rờ chịu đựng làm thỉnh mỗi khi “bà dũa” thì có thể buông trôi hết mọi công tác. Bởi thế nên hai mẹ con chẳng hợp nhau, anh không thích bà mà có lẽ bà cũng chẳng thương anh như chị Hai và em Dũng.

Đối với Cường, Nguyệt và Dũng là hai con một sách, không biết gì khác hơn là “gạo bài” lo thi cử. Chẳng những họ không biết chuyện năm châu bốn bể mà ngay đến thời sự nóng hổi trong nước, trong thành phố, thậm chí trong cư xá Phú Lâm của họ, họ cũng không quan tâm. Kiến thức của hai người chỉ là những công thức cũ xì, những bài bản cũ rích. Hai người ấy lúc nào cũng an phận đi theo con đường đã được vạch sẵn.

Cũng tội cho em Dũng, nó kém anh có hai tuổi mà người nhỏ thó như “bộ xương cách trí” vì chẳng bao giờ tập thể dục, chơi thể thao; còn anh từ lúc mười sáu tuổi, thân hình đã phát triển thành một thanh niên cao lớn, vạm vỡ.

Tuy nhiên, anh biết, dưới mắt chị Hai và thằng Dũng, anh chỉ là người vô tích sự, lười biếng và ba xạo. Tuy họ không nói ra nhưng trong cái nhìn, cách đối xử và lời lẽ bóng gió, anh nhận ra điều ấy không khó. Thành ra, tuy sống trong gia đình ruột thịt mà anh cảm thấy lạc lõng, cô đơn. Anh không thương người nào trong nhà và có lẽ trong nhà cũng chẳng ai thích anh. Sau hai năm rớt Tú Tài I, không còn đủ điều kiện để được hoãn dịch vì

lý do học vấn, anh không buồn chút nào mà lại cảm thấy phấn khởi vì sắp được đi lính, được thoát ra khỏi gia đình tẻ nhạt của anh.

Cường xin vào hải quân, hy vọng được thỏa thích tự do giữa cảnh trời cao bể rộng, như con cá được vẫy vùng giữa biển khơi. Nhưng thực tế không phải như anh tưởng. Quân đội là lò luyện thép. Anh phải khẹp mình trong kỷ luật cứng ngắt của nhà binh, phải tuân thượng lệnh một cách tuyệt đối, phải giữ gìn mọi thứ ngăn nắp và sạch sẽ. Đó là những gì anh ghét nhất vì nó trái ngược với thói quen bừa bãi và tánh buông trôi của anh. Thành ra bị phạt hoài, vì vậy trong suốt năm năm anh không được lên cấp bậc. Thượng cấp xếp anh vào loại “bê bối”. Anh cảm thấy không ai hiểu được mình; mọi người đánh giá anh quá thấp; tự ái của anh bị tổn thương một cách thường xuyên.

Được đi Mỹ, anh sung sướng biết bao! Anh tin rằng nơi vùng đất mới này anh sẽ hạnh phúc hơn, trước tiên là được sống tự do theo ý mình, kế đó là không còn bị ba mẹ rầy rà, không có thượng cấp ban lệnh. Anh được làm chủ đời mình.

Sau thời gian tạm trú vô vị ở đảo Guam, Cường được một nhà thờ Tin Lành bảo lãnh về San Francisco. Với dáng dấp khỏe mạnh, cao ráo, cái miệng hay cười và số vốn Anh vẫn tạm đủ để giao thiệp, Cường chiếm cảm tình của những người trong hội bảo trợ không khó. Họ giúp anh có một nơi để cư ngụ, các vật dụng cần thiết và việc làm tạm thời tại cây xăng. Ngày Chủ nhật, sau lễ nhà thờ, họ thay phiên nhau chở Cường đi ăn tiệm, đi chơi trong thành phố. Anh cảm thấy mình trở thành quan trọng vì được nhiều người săn sóc và chú ý. Anh hài lòng.

Nhưng ông mục sư có cái nhìn xa hơn. Ông nói riêng với Cường: “Cậu còn trẻ, nên tìm học một nghề chuyên môn thì tương lai sẽ khá hơn, chẳng lẽ làm việc ở cây xăng mãi à?”.

Cường trả lời cho qua chuyện: “Tôi không đủ tiếng Anh!” Vì câu nói đó, hội bảo trợ sắp xếp người dạy Anh văn cho Cường. Anh ngán quá! Thà vô trường học còn dễ hơn, ở đây thầy kèm sát bên anh chịu không nổi. Thầy càng hăng hái tâm tâm, Cường càng khổ sở vì anh sợ học hành, sợ sách vở từ nhỏ đến giờ. Để thoát nạn, anh nảy ra ý định xin đi học sửa xe hơi.

Ông mục sư biết thời gian ở quân đội, anh chuyên về ngành cơ khí, rất tán thành ý kiến này. Chính ông đứng ra lo giấy tờ và chỉ dẫn anh nộp đơn vay tiền học. Chính phủ Mỹ rất khuyến khích việc học nên sẵn sàng giúp

phương tiện. Người ta cho anh ba ngàn đồng và cho mượn bảy ngàn để hoàn tất chương trình học một năm, nghĩa là trong năm học ấy, anh khỏi phải bận tâm về học phí cũng như tiền ăn ở.

Trường học tận Oakland, cách nơi đây khá xa nên Cường phải dời chỗ. Đi xa nhà thờ, không còn gặp ông mục sư và những người trong hội, anh cảm thấy thoải mái hơn. Rồi đây anh có thể sống hoàn toàn theo ý mình. Sau một năm ở Mỹ, anh coi như đã quen mọi thứ, không còn rụt rè e sợ gì nữa. Tung hoành kể từ đây!

- Mày kêu cậu Ba dậy uống thuốc đi chớ! Thuốc sắc lâu, nguội ngắt rồi. Tao phải về nhà lo cơm nước cho ba mày. Cơm trễ, ổng nhằn dữ lắm.

Ngân có vẻ không vui:

- Chiều nay con có hẹn đá banh, giờ kẹt vô vụ này! Bệnh tiểu đường mà nhà thương chạy rồi thì chỉ chờ ngày thôi. Cả tuần nay, ổng mê man hoài, má thấy không?

Chị Hai Nguyệt xuống giọng gần như năn nỉ:

- Lúc mê lúc tỉnh thành ra phải có người canh chừng! Thôi con rán bữa nay nữa, tuần sau đổi phiên, bên cậu Tư mày lo.

Thấy Ngân vẫn ngồi im, sự mặt, Nguyệt thêm:

- Chừng nào cậu Ba tỉnh dậy, cho uống thuốc rồi, muốn đi đâu thì đi.

Ngân tiếp tục càu nhàu:

- Việt kiêu như cậu Ba thiệt con hông ham chút nào, sao ổng nghèo rớt mồng tơi vậy?

- Má cũng hông biết nữa! Nhưng lúc mới về nước, thấy cậu Ba mày cũng khá đó chớ. Cậu cho tiền anh em, cô bác cũng bộn. Chắc tại ngồi không mà ăn thì bao nhiêu cũng hết. “Tọa thực sơn băng” mà. Tánh cậu Cường từ nhỏ đã vậy rồi, lười biếng và không biết lo xa.

Nói xong, Nguyệt bước nhanh ra khỏi nhà. Bà không muốn nói chuyện với con trai lâu hơn.

Cường trở mình, anh nghe có tiếng nói chuyện léo nhéo bên tai nhưng không nhận ra được gì cả. Anh lại chìm trong giấc mộng triền miên.

Thời gian ở Oakland là giai đoạn thoải mái tự do trăm phần trăm của Cường. Muốn làm gì thì làm, không ai dòm ngó, kiểm soát hay khuyên nhủ! Muốn nghỉ học ư? Cứ nằm nhà xem tivi. Căn phòng bừa bãi lung

tung khỏi cần dọn dẹp. Đồ sạch, đồ dơ, giày vớ, khăn tắm... cứ vứt đại đầu đó, lộn xộn có sao đâu, chừng nào cần tới thì tính sau. Như vậy mới sướng, còn sống ngăn nắp, thứ tự sao mà chán phèo!

Trong lớp, Cường quen với mấy người bạn Mỹ cùng trang lứa và cũng thích sống bừa bãi, bụi đời; họ thường rủ nhau đi chơi biển, leo núi, cắm trại, đi săn, câu cá là những thú giải trí rất thích hợp với Cường nên anh thường nghỉ học để “sống vui về hôn nhiên”. Kết quả là anh không đủ tiêu chuẩn để tiếp tục khóa hai. Chuyện đó cũng chẳng quan trọng gì đối với anh, Cường bỏ học luôn. Bỏ học, trường còn hoàn lại học phí của khóa sau, Cường sung sướng ký nhận ba ngàn rưỡi, đổi chiếc xe khá hơn và đi ăn tiệm thường xuyên hơn, khỏi phải nấu nướng lôi thôi chi hết. Oakland có nhiều quán ăn Tàu, chủ tiệm đa số là người Hồng Kông, họ nấu ngon lắm, nhất là Hải Ký mì gia, quán ăn trông có vẻ bình dân mà hợp khẩu anh. Cường trở thành thực khách quen thuộc ở đấy.

Nhưng thời gian hưởng thụ này không kéo dài được bao lâu. Khi tiền cạn dần thì thư đòi nợ của nhà băng bắt đầu gửi đến yêu cầu trả góp số tiền bảy ngàn đô đã mượn trước kia. Để lánh nợ, Cường bắt đầu dời chỗ ở thường xuyên; những người trong nhà thờ không ai biết địa chỉ của Cường; họ âm thầm chia sẻ với nhau sự thất bại của lòng nhân ái. “Ai đem con sáo sang sông, để cho con sáo xô lông bay xa!”

Chờ mẹ ra khỏi cửa hồi lâu, Ngân đập mạnh vào vai cậu, ông không nhúc nhích, chàng ta nắm tóc mai của ông mà giựt. Cường nghe đau điếng, mở mắt ra, ngơ ngác, chẳng biết mình đang ở đâu? Ông rên khừ khừ trong miệng, cổ họng khô ran.

Ngân vừa đỡ cậu ngồi dậy, vừa nói:

- Cậu Ba dậy uống thuốc!

Cường rần nhường mắt lên, dò dẫm nhìn chung quanh:

- Đây là đâu vậy?

- Nhà cậu, bộ cậu không biết sao?

- Tao tưởng nhà thương!

- Cậu nằm nhà thương hai tháng trời, thuốc men tốn kém quá chùng mà không hết bệnh, bác sĩ biểu đưa trở về nhà.

Ngân thấy cậu có vẻ tỉnh táo, tỏ vẻ ân cần, bung chén thuốc kê tận miệng Cường. Cường hớp một hớp, chén thuốc vừa đắng vừa lạnh làm ông lợm giọng muốn ói.

Ngân lật đật nói:

- Cậu bóp mũi lại, ực một hơi là xong. Má con nói cậu có vẻ chịu thuốc Nam.

Rồi chờ cậu uống xong chén thuốc, chàng thanh niên gọi chuyên:

- Cậu hết bệnh ăn Tết mới vui. Còn năm tuần nữa là Tết rồi mà gia đình chưa chuẩn bị gì, mấy chủ nợ thì bắt đầu kêu réo.

Cường thở dài. Hể tỉnh được một chút thì nghe mọi người nhắc đến nợ, đến tiền. “Không ai thật sự thương mình cả!” Cường buồn ngao ngán.

Chẳng biết vô tình hay cố ý, Ngân tiếp:

- Có người khuyên khi nào thấy cậu tỉnh táo, nên nhắc cậu làm tờ di chúc.

Cường nổi giận một cách đột ngột:

- Tao có cái “đách” gì mà làm di chúc di ngôn mậy!

Ngân đáp tỉnh khô:

- Cái nhà này, có người định giá một trăm cây.

Cơn giận ập tới thật ác liệt, nó làm Cường uất nghẹn, ông nghèo đói đầu một bên, bất tỉnh. Ngân nhún vai, bỏ ra ngoài hút thuốc.

... Thời gian ở không, sống thoải mái hưởng thụ tại Oakland chưa đầy một tháng thì Cường đã cảm thấy chán. Ăn không ngồi rồi, chẳng nghề nghiệp, chẳng tương lai, đôi khi nghĩ lại cũng giật mình. Rủi đau yếu bệnh hoạn thì sao? Hết tiền, làm sao sống? Ở Mỹ, việc làm là quan trọng hơn cả, nó như lá bùa hộ mạng. Có việc làm, chuyện gì cũng hanh thông.

Một người bạn ‘bụi đời’ rủ Cường vào nhóm bán cần sa, ma túy, nghề này kiếm tiền nhanh, sống ngoài vòng pháp luật, tự do lắm. Nhưng Cường vốn không có “máu lạnh”, anh nhát gan lắm nên Cường quyết thôi thoát. Dù sao cũng cần một việc làm. Anh muốn làm nơi nào trả tiền mặt, như vậy có thể trốn nợ một thời gian.

Anh đến tiệm ăn Hải Ký quen thuộc để xin một chân bồi bàn. Người chạy bàn không thiếu nhưng cũng may, ông chủ tốt bụng vui tính cho anh vào phụ bếp. Việc này cực nhọc chẳng hạn với anh nhưng đành vậy, vì không có cơ may nào khác. Làm ở đây được ba tháng thì anh chiếm cảm tình của ông chủ, chẳng phải vì anh giỏi dẫn siêng năng hơn người, nhưng nhờ tánh mềm mỏng, chịu đựng và vui vẻ.

Ông Hải Ký hay đùa, cứ hỏi anh muốn vợ không, ông gả con gái cho. Cường tự lo thân mình còn chưa xong, dám đâu nghĩ đến chuyện gánh thêm nợ, chỉ biết cười trừ. Nhưng con gái của ông chủ - A Muối - vốn ế ẩm lâu rồi vì tánh dở hơi, vui buồn thất thường như “mát dây mát điện”, chẳng ai dám rớ, nay cứ đeo sát anh chàng thanh niên Việt Nam khá đẹp trai này.

Ông Hải Ký không muốn để “trái bom nổ chậm” trong nhà lâu hơn nữa, và lại con gái ông đã ba mươi tuổi rồi, nếu không nhân dịp này gả phức đi thì biết bao giờ mới tống “của nợ” ra khỏi nhà được.

Ông bèn thương lượng với Cường: “Nếu anh đồng ý cưới A Muối làm vợ, ông sẽ cho của hồi môn bộn bàng đủ để mở một tiệm ăn nho nhỏ ở vùng xa. Chỉ cần một điều kiện duy nhất, đừng bao giờ bỏ con gái ông!”

Trong lúc Cường đang do dự chưa trả lời thì dịp may đến. Ông Hải Ký cho biết người bà con của ông ở Sacramento muốn sang tiệm ăn năm mươi chỗ ngồi, đang đông khách. Nếu Cường bằng lòng, ông cho phân nửa vốn còn phân nửa sẽ trả góp dần cho chủ cũ, lại truyền nghề nấu ăn cho.

Cường ngẫm nghĩ: “Kẻ khổ rách như mình nếu không nắm cơ hội này thì chẳng biết đời nào mới được làm chủ nhân ông? Và lại, A Muối dù không đẹp cũng đâu xấu như Chung Vô Diệm! Còn rũi nó nổi cơn, nó xỏ tiếng Tàu, mình hiểu chi đâu mà ngại. Tiếng Anh của nó cũng cỡ mình thôi, chưa đủ để gây lộn”.

Thế là đám cưới được cử hành. Hai vợ chồng dọn về Sacramento ngay. Cuộc hôn nhân bằng lý trí tưởng đâu sẽ làm Cường khổ sở vì cô vợ “tóc kê” nào ngờ tình yêu chân thật của A Muối có tác dụng không ngờ. Nàng chăm

sóc, chịu đựng, thương yêu và phục tòng Cường hết mực, khiến Cường sung sướng quá; anh hài lòng lắm và bắt đầu yêu vợ. Và mâu thuẫn thay, tình cảm của Cường khiến cho chứng bệnh tâm thần của A Muối thuyên giảm. Hai người sống hạnh phúc bên nhau, chí thú lo làm ăn. Hai năm sau, họ trả dứt số tiền còn thiếu rồi năm kế đó, họ tậu nhà. Khi họ định cư ở đây được mười năm, thì họ đã là chủ một nhà hàng lớn, có thể lãnh tiệc đám cưới ba trăm người.

Thời đó, việc làm ăn sao dễ dàng quá! Sự thành công làm hai vợ chồng phấn chấn trên đường sự nghiệp, không buồn để ý đến vấn đề hiếm muộn. Hai người cũng có đi bác sĩ trị liệu nhưng không có thì giờ để theo các ông chuyên khoa mãi, vì ông này điều trị một thời gian lại gửi đến ông khác, chẳng ai dám cả quyết, hứa hẹn gì. Vì vậy hai mươi năm sống bên nhau, họ chẳng có mụn con nào.

Cường không hề quan tâm đến vấn đề nối dõi tông đường, chuyện đó chẳng có nghĩa lý gì đối với anh vì chính anh đã khước từ gia đình, tuyệt giao với họ bao nhiêu năm rồi. Có con mà nó không đồng quan niệm sống với mình thì chỉ gây khổ cho cả hai bên.

A Muối cũng biết điều, cứ khuyên Cường nên liên lạc với cha mẹ anh em bên Việt Nam, nài nỉ cả quyết: “Tại anh cắt đứt tình nghĩa mẹ cha nên trời trả báo, khiến anh chẳng có con!”

Nghe vợ cần nài mãi, Cường cũng rón viết một bức thư gửi về Việt Nam nhưng thư bị trả lại vì không còn ai ở địa chỉ cũ, thế là anh có lý do để trấn an lương tâm và khỏi bị A Muối “tụng” hoài.

rong tiềm thức thăm thẳm của tuổi thơ, những lời giáo huấn nghiêm khắc, những sự rầy rà mắng nhiếc của cha mẹ, sự khi dễ của chị, của em kết thành một khối mặc cảm ần ức trong tâm hồn Cường, khiến anh oán ghét họ đến muôn lìa xa, và tệ hơn nữa, muốn cắt đứt cả ân tình.

“Cái tôi” hèn mọn của mỗi người luôn luôn có khuynh hướng muốn đượcâng tâng, khen ngợi, được trọng vọng. Cường không bao giờ thỏa mãn được những ước vọng thầm kín ấy nên tự ái của anh bị tổn thương nặng nề, anh đau khổ không nguôi. Mãi đến khi gặp A Muối, nàng yêu anh, nể vì anh, vô tình đáp ứng những khao khát mòn mỏi tự thưở nào, anh cảm thấy sung sướng. Hơn thế nữa, Cường còn được làm chủ nhân ông của mấy chục người giúp việc. Cường trả lương hậu hĩ nên ai cũng vui lòng, họ tuân lời chủ nhân răm rắp; anh tự thấy mình có uy quyền, trở thành một nhân vật

quan trọng, ai làm việc chi cũng phải hỏi ý kiến anh; đó cũng là một sự thích thú chưa từng có trong quãng thời gian đầu đời của anh. Bao nhiêu điều thỏa thuê ấy đủ để bù đắp cho sự thiếu vắng tiếng cười của trẻ thơ. Anh không hề bận tâm đến vấn đề con cái nhưng vợ anh lúc sau này thì cứ ủ ê sầu muộn.

Cường hỏi thẳng vợ: “Tại sao em quá lo về việc con cái. Sống sung túc, làm ăn phát đạt như vậy chưa đủ cho em hài lòng sao? Hãy nói thiệt cho anh biết vì sao em khao khát có một đứa con? Ngoài nhu cầu tình cảm muốn được làm mẹ, em còn mong con vì lý do nào khác nữa, phải không?”

A Muối đã khóc suốt muốt, trả lời trong tiếng nấc nghẹn ngào: “Đối với người Tàu, đàn bà không con là một trọng tội, chồng có thể bỏ. Hồi đó, dù anh hứa với ba em là sẽ không bao giờ ly dị, nhưng nếu dựa vào cơ này, ba không có lý do phản đối”.

Cường xót xa, ôm vợ vào lòng: “Sao em lại có ý nghĩ ấy? Quan niệm đó đã cũ rích, lỗi thời và không hợp lý. Vả lại anh là người Việt nam, chúng mình sống trên đất Mỹ, không ai bắt mình phải theo phong tục ấy được. Vả lại, như em thấy đó, trên đời này, anh chỉ có mình em, em đã làm cho anh được hạnh phúc, không bao giờ anh có ý nghĩ bỏ bê em. Anh thương em nhưt trên đời!”

Người chồng nhìn sâu vào đôi mắt đắm lệ của vợ mình, âu yếm hôn lên trán nàng, hỏi tiếp: “Rồi, còn lý do nào nữa, em nói luôn đi!”

Nàng xúc động vì sự thương yêu của chồng nhưng lòng nàng cũng còn nặng mối lo: “Anh nghĩ coi, gia tài sự nghiệp của mình gây dựng mấy chục năm nay sẽ không có người tiếp tục. Sự sản mình bây giờ trị giá bạc triệu chớ ít đâu, nếu không con cái, khi mình chết biết giao lại cho ai?”

Cường bật cười lớn: “Em lo xa quá! Hãy tính chuyện bây giờ nè, coi mình cần bổ thêm hàng gì? Hệ thống lạnh có tốt không, thằng Chánh sắp nghỉ việc phải lo tìm người thay thế... Cả trăm thứ trước mắt không lo, rảnh đâu mà tính chuyện xa vời...”

“Xa hay gần gì thì chuyện đó cũng tới mà anh!”

“Được rồi, nếu em muốn tính thì anh tính cho, gọn lắm! Khi hai đứa mình qua đời, tất cả tài sản sẽ cúng cho hội từ thiện, hoặc nhà thương, hoặc trường học!”

“Làm việc phước đức thì cũng tốt nhưng mà nghĩ lại cũng tiếc, công mình làm việc cực nhọc biết bao lâu mới có được như ngày nay...”

Cường thương cái tánh thiệt tình của vợ, anh cười an ủi: “Lúc đó chết rồi, sống đâu mà tiếc của hả em!”

A Muôi “háy” chồng một cái dài thọt: “Ồ, em thì ưa lo đủ thứ, còn anh thì khỏe ru, không biết lo là gì!”

Cường thức giấc lúc tờ mờ sáng. Anh cảm thấy tỉnh mình hơn mọi ngày. Có tiếng chim ríu rít trên cây trứng cá trước nhà, nghe vui quá, anh lần bước ra cửa. Trời còn mát lạnh trong sương sớm. Cường im lặng đứng nhìn hạnh phúc bình dị của mấy chú chim sẽ đang réo gọi nhau tìm mấy trái chín đỏ ẩn mình trong lá.

Bỗng nhiên Cường thấy cuộc đời vẫn còn tươi đẹp nếu mình biết sống. Anh không còn muốn chết, không muốn tiếp tục tự tử bằng viên kẹo ngọt mà Dũng lén chị tiếp tế cho anh theo lời yêu cầu.

Anh đi rửa mặt, chải tóc và có dịp nhìn mình trong gương, chỉ sau hai tháng mang bệnh trầm kha, anh không ngờ mình biến đổi đến như vậy. Mặt mày xanh dờn, thịt thà trên mặt chạy đi đâu hết làm cho bộ da như dán sát vào xương gò má, đôi mắt thụt sâu. Nếu không có râu tóc xồm xàm trắng xám ở chung quanh thì có lẽ anh giống hệt cái đầu lâu. Anh cười thầm: thân chết chắc cũng xấu xí như thế này là cùng.

Bây giờ, anh biết mình đã thoát khỏi lưỡi hái của tử thần. Sau một tuần uống thuốc Nam, bệnh tình anh thuyên giảm một cách không ngờ. Anh cảm thấy sung sướng được sống lại, dù chưa biết sống để làm gì và sống như thế nào cho có hạnh phúc chân thật chứ hai năm nay, sống giữa lòng quê hương bên cạnh những người thân thuộc với tiền bạc thừa mứa mà anh tự thấy chán chường, vô nghĩa làm sao!

Có tiếng đứa bé rao bán bánh mì. Ngày mới dọn về xóm chợ Cây Gòn này, anh đã nghe tiếng đứa bé rao hàng. Bây giờ chân nó vẫn rảo bước, miệng nó vẫn còn rao lanh lảnh: “Bánh mì đây, bánh mì nóng dòn đây...!” Cuộc đời nói sẽ mãi mãi như thế này ư?

Anh thềm một ổ bánh mì nóng, màu vàng sậm thơm phức ruột trắng xốp bên trong. Bánh mì ở Việt Nam ngon hơn bánh mì ở Mỹ nhiều vì lớp da ngoài dày hơn, giòn hơn, lại có vị ngọt, ăn không cũng đủ ngon rồi.

Cường bước ra sân chờ đứa bé đi qua, chuẩn bị sẵn tiền trong túi áo. Thằng bé ốm, lùn, thuộc loại nhỏ con, đang quảy bao vải sau lưng, cái bao to gần bằng nó. Nó lạnh quá, thấy anh đứng chờ, tấp vô liền, không đợi kêu. Anh không đoán được tuổi của đứa bé vì nó chai quá. Nó lẹ làng mở túi vải trao anh một ổ bánh còn nóng hổi, xốp xốp, vàng lươm rồi cột túi lại cũng nhanh như khi mở. Cường đưa nó tờ giấy bạc, định bảo giữ luôn phần thối, nhưng lại thôi. Lòng tốt nhiều khi phải xử dụng một cách khôn ngoan. Anh cho nó lần này, có thể nó sẽ quảy rầy mời mọc anh mỗi ngày và vô tình sẽ làm hỏng vở kịch “nghèo” của anh từ bao lâu nay.

Anh trở vào nhà, đóng cửa cẩn thận rồi ngồi vào ghế salon bắt đầu ăn. Anh trân trọng xé từng miếng bánh nóng và thơm bỏ vào nhai thật kỹ, thật chậm. Ngon quá! Không cần chấm đường, cũng không cần trét bơ; miếng bánh tự nó đã có vị ngọt khi trộn lẫn với dịch vị, nếu mình ăn vội vàng, sẽ không được hưởng sự ngon ngọt này.

Ổ bánh không lớn lắm nên Cường đã ăn hết tron. Ăn xong, anh nằm duỗi chân trên ghế, tận hưởng sự thú vị còn ứ đầy trong miệng làm cả thân tâm đều dễ chịu.

Một lúc sau anh mới để ý quan sát thấy vật dụng trong nhà đều biến đi đâu hết: từ cái truyền hình, máy hát CD-Stereo, máy chiếu phim ở trong phòng khách cho đến quạt điện ở đầu giường, microwave trong nhà bếp đều không còn.

Cường lật đật chun dưới gầm giường, giờ miếng gạch lên, yên tâm khi thấy cái tủ sắt nhỏ, khóa số, vẫn nằm y nguyên chỗ cũ. Tủ này anh không để nhiều tiền đồ trong đó nhưng nó chứa đựng mọi thứ giấy tờ cần thiết liên quan đến tài sản của anh. Cường không muốn ai biết mình giàu có vì người giàu thường bị kẻ xung quanh tâng tặc, nịnh nọt chó ít khi gặp được chân tình. Anh lục tủ tìm cái đồng hồ đeo tay, nó cũng chịu chung số phận với những món đồ kia, chắc đã ra chợ trời rồi. May mà đồng hồ treo tường có lịch ngày tự động vẫn còn, chắc vì nó thuộc loại rẻ tiền.

Gần tám giờ rồi. Bữa nay Chủ nhật, thế nào chị Hai Nguyệt và chú Dũng cũng đến đây. Cường muốn giả mê như mấy hôm trước để có thể hiểu họ nhiều hơn: họ sẵn sàng vì thương mình hay chỉ vì tiền bạc?

Khi nghe tiếng máy xe Honda nổ bình bịch trước sân, Cường vội lên giường nằm, vò đầu cho tóc bù xù lại rồi nhắm mắt xây mặt vào vách.

Có người mở cửa, rồi giọng căn nhắc của Dũng:

- Chị Hai, bộ chị tính cho anh Ba uống mấy thứ lá cây đó hoài sao? Chị cũng là dược sĩ mà đầu óc chẳng khoa học chút nào hết!

- Thì lá cây cũng là dược liệu. Thuốc tây cũng có thứ lấy chất liệu từ thảo mộc vậy.

- Nhưng mà người ta có nghiên cứu, có thử nghiệm đàng hoàng. Đàng này chị đi tin ông thầy bá vợ nào đó; mỗi ngày mắc công canh chừng sắc thuốc. Bác sĩ bó tay thì mấy ông lang vườn làm sao trị được?

Cường nghe có bàn tay đặt trên trán mình và tiếng chị Hai trả lời:

- Thì còn nước, còn tát. Chẳng lẽ nằm yên chờ chết sao?

Rồi chị mĩa mai:

- Ai cũng mong cậu Ba chết đâu chết phức cho rồi để chia gia tài, tôi biết mà! Nhưng tôi vẫn hy vọng cậu ấy qua khỏi, nếu không sống lâu thêm được thì ít ra cũng sáng suốt, tỉnh táo trở lại để biết lòng dạ của mọi người.

Dũng hơn chột dạ vì bà chị nói đúng tim đen của anh. Hồi bác sĩ tuyên bố “Không còn hy vọng gì nữa!” thì Dũng đem anh mình về trở về nhà với lòng vui thầm vì sắp được hưởng mớ tiền to. Nhưng chẳng biết sao “anh” sống dai quá, cả tháng rồi chớ ít sao!

Nguyệt được nước, chị nói thêm:

- Có người còn mua kẹo, mua đường thẻ cho cậu ấy ăn đặng chết sớm!

Dũng chống chế:

- Tại “anh” thèm, “anh” nói: “Sắp chết rồi, còn cữ kiêng gì nữa!” Tôi thấy tội nghiệp mới cho “anh” ăn chút đỉnh.

Nguyệt bước trở lại giường:

- Nè, cậu Tư thấy bữa nay sắc mặt anh cậu có khá hơn trước không? Chịu thuốc rồi đó!

Dũng không phải không biết tây của bà chị, anh nói móc:

- Ồ, anh Ba hết bệnh thì chị có công lớn! Thuốc thì chẳng tốn hao gì mà được lợi to!

Dù đó là sự thật mà nghe em nói trúng phóc như vậy, Nguyệt cũng thấy khó chịu. Chị bắt sang chuyện khác:

- Lợi đâu không biết, chỉ thấy nợ nần bủa vây. Hồi cậu Ba bệnh tới giờ, tôi đứng ra vay năm trăm đô rồi. Chỉ mong cậu ấy tỉnh táo trở lại để thanh toán nợ nần cho tôi rảnh rang ăn Tết.

Nguyệt bước ra cửa để chấm dứt câu chuyện. Vừa đi chị vừa nói:

- Thôi, em ở nhà lo phần vệ sinh cho Cường. Tôi đi đến “Thầy Hai lá cây” xin thuốc thêm. Nếu thầy rảnh, tôi rước thầy về đây bắt mạch cho cậu ấy luôn.

Nguyệt xăng xai đi ra khỏi nhà, nổ máy xe Honda, phóng đi. Dũng đứng im quan sát anh kỹ hơn, quả thật vậy, thần sắc anh mình đã có sinh khí trở lại. Không biết nên buồn hay nên vui. Dũng xây Cường nằm ngửa lại vừa lúc Cường mở mắt ra. Đôi mắt tỉnh táo rõ ràng, không còn mê man đờ đẫn như trước.

- Anh Ba, bữa nay anh thấy trong người ra sao?

- Ồ, thấy cũng đỡ!

- Để em nấu cháo cho anh ăn nghe!

- Thôi khỏi, tôi chưa thấy đói. Chú đỡ dùm tôi ngồi dậy.

Cường ngồi lên, dựa lưng vào đầu giường giả bộ ngồi thở dốc một hồi lâu rồi nói:

- Tôi muốn đi vòng vòng trong nhà!

- Chi vậy anh! Anh còn yếu, đi coi chừng té! Anh muốn gì để em lấy cho!

- Chú tính thử coi đồ đạc trong nhà này nếu bán hết có đủ trả nợ không?

Dũng đáp ngay, kèm theo cái lắc đầu:

- Trong nhà này còn món gì quý giá đâu anh! Nếu cùng quá chắc phải bán nhà.

Cường cố ý buông một hơn dài nảo ruột:

- Nhà này tôi mượn dài hạn hai năm, không phải nhà mua chú à! Giờ nói thiệt với chú, tôi đâu còn tiền bạc gì, chỉ biết trông cậy vào tình nghĩa anh chị em.

Dũng chưng hửng. Anh đứng như trời trồng. Dáng dấp gầy gò ốm yếu của anh trông càng thảm sầu hơn vì sự thất vọng làm cặp mắt anh tối sầm lại và cái miệng trệ xuống như chiếc xuống úp ngược.

Cường quay mặt chỗ khác để nín cười.

Đầu óc Dũng lúc đó làm việc nhanh: “may mà nợ nần chị Hai đứng ra mượn; thôi vụ này buông xuôi hết cho chỉ lo, mình tìm cách rút êm là vừa. Anh Cường này, từ nhỏ tới giờ chỉ là người vô dụng, sống không ích lợi cho ai!” Dũng làm thinh đi tới đi lui, không biết nói gì, vì nếu há miệng thì mắc lời hứa. Nhưng thấy làm thinh hoài cũng kỳ, Dũng đỡ anh đứng dậy và dìu vô nhà tắm.

Trong lúc Dũng đang lau mình cho Cường thì chị Hai Nguyệt vừa về. Có tiếng nói chuyện, giọng đàn ông.

Dũng nói:

- Chắc có ông thầy tới xem mạch.

- Sau mau quá vậy?

- Tại cũng gần đây, ở đường Hương lộ chớ đâu. Với lại ông thầy may mắn lắm. Ông chuyên môn chữa bệnh cho người nghèo, không lấy tiền bạc gì hết. Ai cúng tiền cho ông, ông cũng từ chối.

- Vậy làm sao sống?

- Em cũng không biết!

Cường nghe lạ tai, tự hỏi: “tại sao ở đời này lại có người không cần tiền?” Anh định hỏi thêm nhưng tiếng nói chuyện đã rõ mồn một, Cường làm thỉnh thoảng lắng nghe.

- Thầy coi đó, nay em tôi đã ra khỏi giường được rồi! Tuần trước còn nằm mê man chờ chết! Nếu thầy không phiền, tôi xin được phép hỏi một câu có tính cách nghề nghiệp vì tôi cũng là dược sĩ.

- Bà cứ hỏi.

- Tôi biết thuốc Nam mình cũng hay lắm. Riêng bệnh tiểu đường của em tôi, thầy dùng dược liệu nào làm căn bản?

- Lá vú sữa phơi khô, sao thủy thô.

- Chỉ vậy thôi sao?

- Đó là phần chánh. Phải xem mạch, tùy theo mạch yếu, khí hàn, nhiệt mà thêm vài vị khác nữa.

- Hai người ngưng nói chuyện; nhìn Dũng đỡ Cường bước ra phòng khách, bấy giờ đầu tóc, mặt mày đã sạch sẽ đàng hoàng.

Cường kín đáo, lặng lẽ quan sát ông thầy: Ông trạc bốn mươi, dáng người tầm thước, khỏe mạnh với làn da sạm nắng. Bộ đồ vải lam tạo vẻ sáng sủa cho gương mặt rắn rỏi nhưng hiền từ. Tóc ông cạo không hẳn lắm nên thoát trông, có thể lầm tưởng ông đội cái mũ màu xám vì những sợi tóc muối tiêu mọc thẳng đứng, cao chừng một phân tây phủ đều trên đầu ông. Nếu ông mặc bộ đồ nâu đà, người ta có thể tưởng ông là một nhà sư.

Cường khẽ cúi đầu chào ân nhân, thầy hai đáp lại bằng nụ cười thân thiện:

- Bữa nay coi bộ khá rồi đó nghen! Anh ngồi xuống ghế cho tôi xem mạch lại.

Cường rón nói một lời cảm tạ:

- Đội ơn thầy cứu mạng!

- Ôn nghĩa gì, phước chủ may thầy mà!

Cường sinh cảm tình với thầy Hai ngay, không phải vì ơn cứu tử nhưng từ nơi thầy, anh bắt gặp có cái gì gần gũi, thân thương.

Cả đời, Cường không có một người thân nào, ngoài người vợ quá cố. Cha mẹ thì đã qua đời; chị em và các cháu chỉ biết có tiền. Anh cảm thấy cô đơn dễ sợ giữa lòng quê hương, giữa những người quyến thuộc.

Nếu A Muối không qua đời một cách đột ngột vì bệnh viêm màng óc thì chắc anh không trở lại Việt Nam làm gì; nơi này đã một lần anh dứt áo ra đi không luyến tiếc. Ở đây, anh không có ai bầu bạn. Rải tiền ra mua vui với rượu và gái chẳng những không giải tỏa được sự cô đơn mà còn chuốc thêm sự chán chường. Nhiều hôm, anh nhớ A Muối quá, cứ đi lang thang hết phố nọ đến đường kia. Vợ qua đời rồi, anh mới thấy rõ, nếu không có sự tháo vát, kim chỉ của nàng, một mình anh chẳng thể nào làm nên sự nghiệp. Vậy mà lúc nào nàng cũng tỏ vẻ tôn trọng, cầu hỏi ý kiến anh trong mọi việc.

Sau khi chôn cất A Muối, Cường tiếp tục việc làm ăn, hy vọng công việc làm quen nổi nhớ nhưng. Nhưng chỉ cầm cự được ba tháng thì sự thua lỗ đã trở nên nặng nề.

Những người làm công biết Cường rộng rãi, không để ý đến tiểu tiết, lại thêm tánh bừa bãi, không ngăn nắp, không ghi chép sổ sách đảng hoàng, không kiểm soát hàng nhập hàng xuất một cách cẩn thận nên họ sinh lòng tham, mạnh ai nấy ăn cắp, từ tiền bạc đến thịt cá, tôm cua, thậm chí các vật dụng nữa, thành ra tháng nào cũng thua lỗ năm, ba ngàn đồng.

Cường chán ngán quá, không thiết tha gì nữa, anh kêu bán tiệm, rồi sau đó, anh bán luôn nhà cửa, xe cộ, đồ đạc các thứ, gom hết tiền bỏ vào nhà băng. Anh muốn du lịch vòng quanh thế giới nhưng sau đổi ý, về Việt Nam một chuyến xem sao; hy vọng ở đây có thể tìm được thân tình ruột thịt. Sự thật đã làm anh thất vọng!

Thầy Hai chăm chú nghe mạch, vạch xem mí mắt bệnh nhân, xem lưỡi, cô họng; ông gõ nhẹ vào đầu gối Cường rồi bảo anh đứng dậy đi tới đi lui.

- Được, được rồi! Nhưng mà cần uống thuốc thêm ba tháng nữa. Thời gian này ăn uống phải cứ kiêng. Cứ củ cải trắng, củ cải đỏ, bắp cải, trái cây có chất ngọt, kiêng rượu và ngũ vị tân. Tốt nhất nên ăn gạo lức muối mè.

Chị Hai Nguyệt mừng rỡ thiếu điều muốn nhảy tung lên. Dừng thì “trong héo ngoài tươi”. Anh đứng xơ rớ một hồi rồi kiem có rút lui, hẹn sẽ trở lại.

Nguyệt xuống bếp nấu nước pha trà đãi khách. Cường có dịp nói chuyện với thầy Hai.

- Thầy có phải nhà sư không?

- Tôi là cư sĩ, tức người tu tại gia.

- Ở nhà tu cũng được hả thầy?

- Ồ! ở đâu tu cũng được hết, chỉ do tâm mình muốn tu hay không mà thôi.

- Mà tu là gì, thưa thầy?

Thầy Hai khoát tay, cười xuề xòa:

- Cứ kêu tôi là anh Hai, đừng “thầy, bà” gì hết. Tuổi mình cũng xuýt xoát nhau thôi.

Rồi Thầy đổi giọng nghiêm trang:

- Tu là sửa, là chuyển đổi ác nghiệp thành thiện nghiệp. Trước, chưa biết tu mình có những ý nghĩ sai lầm, giờ sửa thành chân chánh; hành động ích kỷ độc hại thành xả kỷ lợi tha; lời nói khó nghe thành từ ái, hiền hòa.

- Tu có ích lợi gì không?

- Có chứ, nếu không, tu làm chi cho mắc công! Khi tu thì bản thân mình được an vui, tương lai mình tốt đẹp vì biết sống xứng đáng, sống ích lợi cho người chung quanh.

- Tại sao mình phải vì mọi người, phải sống vị tha trong khi chung quanh mình ai cũng lo thủ lợi và sống vị kỷ?

Thầy Hai gục gặc đầu:

- Ồ, hỏi chưa biết đạo, tôi cũng nghĩ như vậy, tôi cũng đã sống như vậy đó, y như đa số người đời nhưng mà anh nghĩ kỹ lại coi, chẳng lẽ mình tới một nơi có bệnh truyền nhiễm rồi cũng để bị lây như mọi người hay sao? Mình phải biết vươn lên, như bông sen mọc giữa bùn lầy, và tìm cách cảm hóa, sửa đổi người, chuyển đổi hoàn cảnh xấu xa ác liệt thành tốt đẹp, thiện hảo.

- Đó là nhiệm vụ của các nhà đạo đức, chính trị, đâu phải bổn phận của mình, chỉ là người dân thường.

- Theo tôi, đó là bổn phận của mỗi chúng ta. Toàn thể xã hội là sự kết hợp của nhiều cá nhân, nếu cá nhân không chịu chuyển đổi thì xã hội không thể tiến bộ. Hơn nữa, anh thử quán xét lòng mình đi, anh sẽ thấy rằng trong chúng ta có nhu cầu làm chuyện tốt, muốn sống ích lợi, muốn giúp đỡ mọi người. Đáp ứng được nhu cầu ấy thì hạnh phúc lắm, hơn hẳn cái sung sướng tạm thời khi dục vọng ích kỷ được thỏa mãn.

Chị Nguyệt trở ra với hai tách trà bốc khói, nét mặt còn rạng vẻ hân hoan.

- Mời Thầy dùng trà.

Hai người đàn ông ngưng câu chuyện. Cường chăm chú nhìn ông thầy uống trà: hai tay ông nâng tách trà thật nhẹ nhàng và trân trọng, hình như ông thổi vào thật sâu để hưởng mùi thơm của hoa lái, rồi ông thổi cho bớt nóng và hớp từng ngụm nhỏ. Ông có vẻ hạnh phúc lắm khi được uống trà. “Chẳng lẽ hạnh phúc đến với ông đơn giản và dễ dàng như vậy sao?”

Tự nhiên Nguyệt và Cường đều giữ im lặng; họ không dám quấy động bầu không khí đạo vị đang bao phủ quanh đây. Sau khi uống cạn tách trà, thầy Hai đứng dậy cáo từ. Cường tiếc rẻ phút giây gặp gỡ sao quá ngắn ngủi. Anh nói như một cái hẹn:

- Hy vọng uống hết đợt thuốc này, tôi có thể đi đến nhà thầy và nói chuyện lâu hơn.

- Ồ, rán ăn uống cứ kiêng thì có lẽ đi được, bằng không, tôi trở lại xem mạch cho.

Cường nhón lên định tiễn thầy ra cửa nhưng thầy đã thấm mệt, anh ngồi trở lại, thở hổn hển. Thầy Hai ra hiệu bảo anh nằm xuống nghỉ.

Khi chị Hai trở vào, Cường có dịp nhìn kỹ bà chị của mình. Chị đâu còn vẻ đài các sang trọng như xưa. Có lẽ tuổi già và sự cực khổ đã tàn phá gương mặt bầu bĩnh trắng hồng của thời con gái huy hoàng ngày cũ. Dáng dấp thanh mảnh thuở nào giờ rút lại nhỏ thó, khô cằn, xơ xác như cây mùa thu. Cường nhớ lại lời thầy Hai vừa nói: “Ai cũng có lòng tốt.” Bà chị chắc cũng không đến nỗi tệ. Có lẽ hoàn cảnh túng thiếu chật vật làm chị phải tính

toán thiệt hơn. Còn chú Dũng thì nổi tiếng sợ vợ nên đâu dám tự ý làm gì cho anh mình. Thôi, hơi đâu để ý bắt bẻ chấp nhứt làm chi, khổ tâm vô ích.

- Cậu khỏe lại tôi mừng quá, còn hơn trúng số nữa!

Cường nhếch miệng cười, hỏi nửa đùa nửa thật:

- Chị mong trúng số chừng bao nhiêu?

- Một ngàn đô là sướng rồi, có vốn làm ăn.

- Chờ em khỏe, em viết thư mượn tiền ông già vợ của em ở bên Mỹ cho chị.

Nguyệt sáng mắt, chị nói như reo vui:

- Thiệt hả em, mà em nhớ mượn đủ để trả nợ luôn nghe. Hồi em bệnh tới giờ, chị vay cả thầy năm trăm đô rồi.

Cường gật đầu, anh không còn cay cú khi nghe nhắc tới nợ nần:

- Em hiểu.

- Thôi để chị đi chợ mua thịt về băm nấu cháo cho em ăn.

- Chị làm gạo lúc muối mè cho em. Ráng kiêng cũ theo lời thầy Hai cho mau hết bệnh.

- Ờ, vậy cũng tốt!

Khi Nguyệt vừa quay lưng đi, Cường hỏi, như một sự tình cờ:

- Còn chiếc xe Honda của em đâu?

Chị Hai đáp, hơn ngượng ngập:

- Thăng Ngân mượn. Để tôi biểu nó trả lại.

Cường biết chị Hai bị thăng Ngân phá của. Nó là út, chị cưng lắm; được nuông chiều từ nhỏ nên nó hư. Nó mà biết Cường còn lắm tiền gửi ở nhà băng bên Mỹ chắc nó không để yên.

Cường tìm được nhà của thầy Hai không khó vì cả khu vực này ai cũng biết. Đây chỉ là căn nhà lá nhỏ ở giáp ranh thành phố. Anh xuống xe, lững thững bước vào. Nắng chiều còn sáng lấm ở chung quanh. Vào giữa tháng chạp, ở xứ mình, trời đã mát mẻ dễ chịu.

Tự nhiên Cường cảm thấy thích sự đơn sơ ở vùng này. Những ngôi nhà lá rải rác trên cánh ruộng đã gặt hái xong tạo nên vẻ đẹp thanh thoi, yên bình.

Anh bước vào trong mà chẳng ai hay. Nền nhà bằng đất được nện cứng, láng o, vách đất sét trộn rom. Gian nhà trước không có gì ngoài cái bàn nhỏ, vài ba cái ghế. Thuốc khô chất đầy trên những kệ đóng sơ sài bằng ván tạp kê ở hai bên vách. Mùi thơm của lá thuốc khô lan tỏa trong không khí nghe thật dễ chịu.

Cường chưa kịp lên tiếng thì từ bên trong, một đứa bé chạy ra. “- Thằng bé bán bánh mì!” Anh nhận ra nó ngay. Nó lễ phép nói:

- Thưa chú, giờ này thầy Hai nghỉ xem mạch rồi, nếu cần bổ thêm thuốc thì được.

- Tôi muốn gặp thầy có chút chuyện.

Trong lúc nó còn ngần ngừ chưa dám quyết định, thầy Hai bước ra.

- Anh Cường! Tưởng ai chớ! Vô đây, vô đây!

Gian nhà sau tương đối rộng rãi hơn. Trên cao là bệ thờ Phật, phía dưới là tấm bảng đen với cái bàn dài, ghế xếp ở chung quanh.

Thằng bé bán bánh mì ra hiệu. Bốn đứa trẻ khác chẳng biết núp trốn ở đâu, giờ mới xuất đầu lộ diện.

Thầy Hai nói:

- Thôi mấy đứa lo học bài làm bài, thầy tiếp khách một chút.

Cường hỏi ngay:

- Thầy Hai, ý quên, anh Hai dạy học nữa sao?

- Ồ, tôi dạy đủ thứ: chữ nghĩa, Phật pháp và thuốc. Nhưng nghề thuốc chỉ truyền cho đệ tử ruột thôi.

Cường thắc mắc:

- Anh chọn đệ tử ruột bằng cách nào?

- Thử thách coi nó ham tiền không? Người ham tiền mà hành nghề thì trước sau gì cũng thành kẻ bất nhân.

- Tôi nghe nói thầy chữa bệnh không nhận tiền bạc gì của ai, vậy làm sao có tiền bổ thuốc, hoặc là sinh sống, ăn mặc.

Thầy Hai cười vui vẻ:

- Bổ thuốc thì có bọn trẻ đó. Hễ tụi nó đưa nào rảnh thì đi hái thuốc về, tôi phơi khô. Cũng có nhiều bệnh nhân sau khi được lành mạnh trở lại, tình nguyện phụ giúp tôi trong việc này. Còn chuyện ăn mặc đối với tôi không thành vấn đề. Ăn ngày một bữa, hoặc là bánh mì lạt, hoặc gạo lức muối mè,

đôi khi cơm trắng với rau luộc chấm nước tương. Quần áo thì hai ba bộ thay đổi qua lại là đủ.

- Dù ít dù nhiều cũng phải cần tiền chớ thầy, nhất là thầy còn nuôi các em nhỏ này nữa.

- Các em này không ở đây. Tụi nó có cha mẹ hoặc ông bà, phải buôn bán phụ giúp gia đình. Còn phần tôi thì có chiếc xe xích lô đó - thầy vừa nói vừa chỉ chiếc xe đậu khuất trong góc nhà - khi nào cần tiền thì chạy vài cuộc là xong.

Cường khâm phục thầy Hai quá nhưng cũng lấy làm khó hiểu, không biết động cơ nào khiến thầy có thể sống lạ lùng như vậy được. Anh ngồi làm thỉnh ngẫm nghĩ.

Thầy Hai bây giờ mới có dịp ngắm nghía bệnh nhân:

- Bữa nay anh khá lắm rồi đó, sắc mặt có máu trở lại. Với lại anh cắt tóc cạo râu nhẵn nhụi, mới nhìn tôi nhận không ra.

Cường bắt đầu tâm tình:

- Từ nhỏ, tôi đã thích sống tự do theo ý mình, không cần dư luận, không quan tâm đến sự khen chê của mọi người, nghĩa là không muốn bị gò bó trong khuôn mẫu thông thường của xã hội. Bởi vậy, đối với gia đình, tôi là kẻ không ra gì, đối với quân đội tôi là lính “ba gai”. Tôi muốn thoát ra khỏi vở kịch đời để sống chân thật với lòng mình, nhưng thú thật, tôi không tìm ra hướng đi, không có lẽ sống.

Thầy Hai chăm chú lắng nghe, tỏ vẻ hiểu biết:

- Anh muốn thoát ra khỏi sự ràng buộc phải không? Đừng tìm cách vượt ra khỏi cuộc đời. Hãy thoát ra khỏi “cái tôi” của mình. “Cái tôi” của mỗi người là một cái ngục khắt khe, nó làm mình mất hạnh phúc, nó tạo sự đau khổ không cùng tận.

Đôi mắt Cường mở to, chứa đầy ngạc nhiên trong đó:

- Tôi không hiểu gì cả!

- Mỗi người ôm “cái tôi” của mình như một báu vật thiêng liêng bất khả xâm phạm và từ trên căn bản đó mà phán xét người chung quanh. Ai đối xử tốt với mình thì mình cho họ là tốt, ai khinh rẻ hắt hủi mình thì bảo họ xấu.

Điều đó rất sai lầm.

Trên thế gian này không có ai hoàn toàn tốt cũng không có ai hoàn toàn xấu; chỉ tùy theo hoàn cảnh mà họ trở thành thế này hay thế kia mà thôi.

Cường mơ màng trở về quá khứ:

- Đã có thời kỳ tôi được hạnh phúc lắm với người vợ hoàn toàn, với công việc làm ăn phát đạt.

- Hạnh phúc mà anh nói đó, tôi gọi là hạnh phúc có điều kiện. Cái gì cần phải có điều kiện, nhân duyên mới thành thì cái đó không chắc thật, không

vững bền. Bằng chứng là bây giờ anh không còn nắm giữ được hạnh phúc thuở xưa bởi vì hoàn cảnh đã đổi khác.

- Tôi đồng ý! Nhưng mà nếu mình có được một chân tình hay một người thân hết mực thương yêu lo lắng thì mình có thể sống vui được.

Thầy Hai mỉm cười:

- Đừng bao giờ nương vào một nhân vật hay một hoàn cảnh bên ngoài để mưu cầu niềm vui. Hãy điều chỉnh tâm tư mình đừng sống trong ảo vọng, hãy bằng lòng với những gì mình đang có. Một chén cơm gạo lức muối mè có thể ngon hơn bữa cơm thịnh soạn nếu bữa cơm ấy mình dùng trong sự lo lắng hay lo âu.

Cường thầm công nhận thầy Hai hữu lý nhưng tâm tư anh vẫn còn nặng trĩu ưu sầu:

- Thú thật với anh, tôi cảm thấy cô đơn quá!

Thầy Hai đứng dậy rót hai ly nước lạnh, trao cho Cường một ly. Hai người im lặng uống thật chậm rãi. Hồi lâu, thầy Hai cất tiếng nói:

- Anh có thấy lạ lùng không khi mình cảm thấy cô đơn giữa lòng quê hương, bên cạnh bà con chòm xóm? Tại sao ta lại cô đơn, bơ vơ, trơ trọi trên trái đất có mấy tỉ người? Tại vì ta nghĩ rằng không ai thương mình hết, phải không?

Thầy chắc lưỡi, nói tiếp:

- Cái ý nghĩ đó tâm bậy lắm đó nghe! Đừng để ý đến “cái tôi” của mình nhiều quá! Anh dẹp nó qua một bên rồi lắng nghe những tiếng kêu cứu vì đau khổ, vì nghèo đói, vì hoạn nạn tai ương. Hãy tìm đến với họ rồi trải lòng ra mà giúp đỡ tận tình, chừng đó “phép lạ” sẽ đến với anh.

Cường nhìn Thầy Hai đăm đăm, chờ thầy nói tiếp. Thầy biết lời của mình bắt đầu có tác dụng.

- Nếu anh bỏ được lòng vị kỷ hay đập vỡ được ngã chấp thì lòng anh lúc nào cũng an ổn nhẹ nhàng, đó là thứ hạnh phúc chân thật vì không cần phải có điều kiện thế này, thế kia.

- Tôi chưa hiểu!

- Cũng khó nói cho anh nhận ra vì điều này phải thực hành, thực nghiệm mới hiểu được. Anh cứ quên mình để sống vì mọi người đi, anh sẽ không còn đau khổ!

Cường lộ vẻ phân chân:

- Cám ơn anh Hai đã vạch cho tôi một hướng đi đúng lúc. Tôi sẽ làm theo lời anh, trước là đền ơn cứu tử sau là sống ích lợi cho đời.

Thầy Hai cảm động:

- Tôi làm nghề thuốc chỉ vì thấy người bệnh cũng như tôi bệnh vậy thôi, không để ý chuyện nghĩa ơn gì hết. Xứ mình ngoài sự bệnh tật ra còn cái khổ vì nghèo đói, vì ngu dốt tôi tằm.

Một quyết định chốt đến với Cường, anh nói ngay:

- Tôi tuy không giàu có gì hơn ai nhưng tôi có thể đến với người nghèo đói, những người gặp thiên tai hoạn nạn hay những kẻ tật nguyền...

Thấy thầy Hai nở một nụ cười hoan hỉ, Cường biết mình đã đáp ứng hoài bão của ân nhân. Anh cảm thấy sung sướng vì đã có một hướng đi, một lối thoát cho đời mình.

Cường cảm thấy đã gần gũi lắm với thầy Hai, anh đề nghị:

- Hay là thầy dọn về ở chung với tôi đi, nhà tôi rộng rãi mà không có ai.

Thầy Hai không dấu được sự cảm động:

- Cám ơn anh, nhưng tôi không còn ở đây bao lâu.

Chưa chi Cường đã cảm thấy mất mát vì anh cần một người thân, một người dẫn đường.

- Sao vậy?

- Tôi trụ mỗi nơi và ba năm là cùng, để khỏi sinh chuyện lôi thôi.

- Thầy xả thân để cứu nhân độ thế mà, có gì lôi thôi đâu?

- Đó là anh đứng trên lập trường cá nhân mà nói như vậy. Nếu không vượt ra khỏi “trung tâm vũ trụ” là ngã chấp của mình, anh sẽ tức giận lắm khi mình làm việc nghĩa mà có người dằn mặt, có kẻ hăm dọa vì ảnh hưởng của mình ngày càng lan rộng, hay vì mình làm vơi bớt túi tiền của những ông thầy thuốc khác.

Cường nghe nóng mặt:

- Sao họ kỳ cục vậy?

Thầy Hai trả lời với nụ cười hiền hậu:

- Ồ, tại vì họ còn mê; hơi nào chấp nhứt. Chi bằng mình hiểu người và tránh cho họ những sự chướng ngại, khó khăn thì mọi sự đều ổn thỏa.

Hai người nói chuyện mãi mê, trời tối lúc nào không hay. Chú bé “bán bánh mì” bung cái đèn dầu ra đặt lên bàn, ánh sáng chung quanh bóng đèn tỏa rạng như một vòng hào quang. Cường biết đã đến lúc phải từ giã. Trước khi đứng lên, anh còn rón hỏi thêm:

- Hễ đừng nghĩ cho riêng mình thì không khổ nữa hả thầy?

- Ồ, chắc chắn như vậy. Không chấp ngã thì không phiền não, còn tiến thêm một bước nữa, không chấp pháp thì ở trong cảnh nào cũng không bị vương mắc, tức là được tự tại, giải thoát.

Cường có cảm tưởng như những tia chớp sáng lòe đã từ lời nói của thầy Hai nổ tung trong đêm tối làm anh giật mình, như có ai vừa đánh thức anh dậy sau một cơn mê dài.

Anh đứng lên, đôi chân hơi run rẩy nhưng cái đầu tỉnh táo và sáng suốt hơn bao giờ. Anh muốn cảm tạ thầy Hai lần nữa, không phải chỉ vì ơn cứu mạng mà vì thầy đã chỉ cho anh con đường tràn ngập ánh sáng mà chắc chắn rằng khi dẫn thân vào, anh sẽ gạt hái được vô vàn hạnh phúc.

Nhưng Cường biết rằng giây phút này, giữa hai người, ngôn từ đã trở nên thừa thãi. Thầy Hai chấp hai tay giữa ngực như một búp sen, cúi đầu chào Cường trước, Cường tự động bắt chước làm theo. Khi hai người ngẩng lên, người này thấy người kia đã nở cho mình một nụ cười mãn nguyện.

Vườn Cải Hoa Vàng

Trong ký ức tuổi thơ khô cằn của Ngọc Châu, chỉ có một bóng mát duy nhất, tuy nhỏ nhoi nhưng quý báu vô cùng. Đó là hình ảnh bà ngoại lui cui tưới đám cải ngọt hay chăm sóc dây bí xanh mướt đầy hoa vàng leo trên dàn tre cạnh hàng rào cây bằng gỗ tạp.

Căn nhà mái tôn ở ven biên Sài Gòn, vào mùa hè, nóng nung như lò than, là nơi Ngọc Châu chào đời – Và sống qua suốt thời gian mười mấy năm – không khắc ghi được một kỷ niệm nào êm đẹp trong lòng nàng.

Nếu không có bà ngoại là nơi nương tựa tinh thần chắc Ngọc Châu đã hóa điên với người cha lúc nào cũng say sưa nhậu nhẹt và nổi nóng thường xuyên vì sự túng huyệt của gia đình.

Mẹ nàng tảo tần ngoài chợ để vừa nuôi con vừa nuôi chồng, thêm bà mẹ đã ngoài sáu mươi. Có lẽ vì gánh nặng của cả nhà đè nặng trên vai mẹ nên trông mẹ già sụm dù chỉ mới bốn mươi.

Sáng ra chợ sáng, chiều ra chợ chiều, mẹ tất tả ngược xuôi như người đàn ông tháo vát, về đến nhà thì mệt nhoài. Để trút cái lo, cái mệt, bà chỉ biết càu nhàu, trách móc chuyện nọ, chuyện kia: “Tụi bây để nhà dơ quá; sao áo quần phơi để khô cháy mới đem vô; thằng Hai lại trốn học, trường gửi giấy về đây nè, sao ông không chịu để mắt tới giùm; còn thằng quý nhỏ đâu rồi...”

Bà tuôn ra một loạt những lời nghe chẳng chút êm tai. Nếu cả nhà im lặng chịu trận thì yên nhưng nếu hôm nào thiếu rượu, ba Châu sùng sộ lại thì thế nào cũng có trận ẩu đả giữa hai người.

Căn nhà không tiếng cười. Nơi đó ba mẹ gấu ó đánh nhau, anh Hai thì lêu lổng; còn hai đứa em thì đánh lộn hoài, nếu không đánh nhau vì giành miếng bánh trong nhà thì ra đường cũng đập lộn với hàng xóm.

Châu chỉ cảm thấy dễ chịu khi vào trường học nhưng dù vậy, mặc cảm thua sút vẫn làm cô bé rụt rè, thu mình trong vỏ ốc kín câm.

Bà ngoại thì tìm an ủi trong mấy luống cải mà tự tay bà đã lên giồng. Dù mắt đã bắt đầu kéo mây chỉ thấy lò mờ, bà vẫn đủ sức cuốc đất. Như người làm rẫy chuyên nghiệp, bà biến khoảnh đất chai cứng nứt nẻ ở sau nhà thành nơi trồng trọt. Chính bà đi lượm củt bò, củt ngựa ở xóm trên về ủ làm phân rồi chặt rom trộn chung vào. Đó là thức ăn mầu mỡ cho đất. Và đất vì nặng ơn sẵn sóc, đã cho bà những luống cải xanh tươi. Bà lên liếp trồng được bốn luống cải, chừa một luống làm giống thì số còn lại đủ ăn cho cả nhà. Chính những cây cải chừa làm giống đã trở hoa vàng làm cho mảnh vườn có vẻ tươi mát. Những đốm hoa vàng tí xíu nổi bật trên những lá cải xanh già, đong đưa theo những cơn gió hiém hoi của mùa hạ làm mát rượi tâm hồn cô bé đang tuổi dậy thì. Thỉnh thoảng vài chú bướm vàng nhởn nhơ đùa cùng hoa cải, giúp cô bé được vài phút mộng mơ.

Ngọc Châu không dám trách cha cũng không nỡ phiền mẹ. Đầu óc đơn giản hiền hòa khiến Châu chỉ biết an phận. Nhưng đôi khi nàng cũng thầm mong cha tìm được việc làm để không có thì giờ nhậu nhẹt và mẹ cô, ước gì bà gọi tên những đứa con trong nhà một cách dịu dàng thay vì gọi Châu là “con ma lờ đờ”, anh Hai là “thằng trời đánh”, em kế cô - thằng Chiến - là “quí lớn” và em út - Thắng - là “quí nhỏ”.

Chẳng biết có phải vì ngày nào mẹ cũng kêu réo quí ma như vậy nên cảnh nhà lục đục hoài, không lúc nào được êm ả thuận hòa dù họ chỉ gặp nhau trong bữa ăn chính. Mỗi người có một chỗ để tìm sự yên thân.

Ngoài giờ học ở trường, anh Hai la cà nơi nhà bè bạn, Chiến và Thắng thì đánh đáo, tạt lon, đánh banh ở khu nghĩa địa; bà ngoại lui cui miết ở sân sau; riêng Ngọc Châu, với chiếc xe đạp cũ kỹ, thường tới Chùa Giác Viên ngồi dưới mái hiên mát rượi để học bài và làm bài.

Đôi khi cô bé tựa đầu vào tường vách rêu phong, tận hưởng sự im vắng mát mẻ và ngủ quên. Mãi đến khi tiếng chuông công phu chiều thông thả tan trong gió, dịu dàng đánh thức cô dậy, cô bẽn lẽn dụi mắt lên xe trở về.

Chiều nay Châu về nhà hơi trễ; chưa bắc nồi cơm, chưa làm cá lặt rau sẵn cho ngoại nấu ăn. Cô bé gò lưng nhấn mạnh bàn đạp. Xe lại sút dây sên. Xui thật! Loay hoay mãi. Tới đầu hẻm, trời đã nhá nhem tối.

Trái với lệ thường, hôm nay mọi người tụ tập xôn xao, có vẻ nghiêm trọng, chợt có người nhận ra Châu, họ la lớn:

- Châu ơi, em mày bị xe đụng chết rồi! Cô bé quăng đại chiếc xe và tập vở, ùa chạy vào nhà.

Căn nhà trống trơn, chỉ còn bà ngoại ngồi ôm đầu cúi mặt, cái khăn rằn đỏ vắt lệch trên vai run run theo tiếng nấc. Bà ngẩng mặt lên, đôi mắt kéo mây đục lờ giờ đỏ au, sung húp. Mặt bà co rúm lại, các nếp nhăn hằn sâu như trái táo tàu phơi khô.

Bà nắm tay Châu, mếu máo:

- Xe hơi cán nó bẽ đầu... chở vô nhà thương Chợ Rẫy, cứu không được con ơi! Nó mê trái banh chạy ra đường bất tử, xe nào thắng kịp. Tội quá!

Cái chết thình lình của Thắng càng làm cho gia đình Châu thêm khó thở. Ba của Châu có cố đi uống rượu nhiều hơn để “giải sầu”. Uống ghi sổ. Cuối tháng chủ quán đòi tiền mẹ, thế là ông bà có dịp gây gổ đập lộn định kỳ.

Anh Hai bỏ học đăng lính thủy, lại bắt đầu uống rượu y như ba. Thăng Chiến cũng bỏ học luôn, đi bán cà ren để tự kiếm sống.

Mẹ Châu giờ như bà điên. Bà ăn nói lộn xộn không đầu không đuôi, lập ba lập báp, mở miệng là sẵn sàng để chửi rủa. Bà mắng Châu luôn miệng đã đành, là còn đổ tội cho bà ngoại: “Cháu hư tại bà. Bà không coi chừng, coi đỏi, để nó đi chơi lu bù xe cán nó. Thử cột chân thằng quỷ nhỏ ở nhà, xe nào vô đây cán được!”

Ngoại lặng câm như hén. Nhiều lần Châu thấy ngoại ngồi khóc sau hè, cạnh mấy luống cải giờ đã còi cọc. Hình như cây cỏ sầu úa cùng với nỗi đau của ngoại. Ngoại khóc vì bị buộc tội oan? Vì thương thằng cháu út của bà? Thương bà quá, Châu bỗng nảy sinh ra ý định chở bà đi chùa mỗi khi Châu đến đây học bài. Ít ra phải cho bà một nơi mát mẻ để chịu như hiên chùa để tránh cái oi nồng của căn nhà lợp tôn.

Thấy bà ngần ngại, Châu thuyết phục:

- Bà ôm nhóm nhẹ hều mà, chở ngoại như chở cái cặp táp của con vậy, không sao đâu ngoại à!

Và quả nhiên, cảnh tĩnh mịch của ngôi chùa cổ nằm giữa những cây cổ thụ tỏa bóng mát quanh năm, có tiếng chim riu rít trên cành quả là cảnh giới lý tưởng, là thiên đàng hạ giới cho bà lão. “Mát quá!” Bà đi tới đi lui hít thở

không khí dễ chịu ở chung quanh tưởng chừng như chưa bao giờ được hạnh phúc như vậy.

Sau khi đi lòng vòng quanh chùa chiêm ngưỡng mấy cái tháp đen xám bám đầy rêu xanh, bà quan sát những vùng đất còn trống liệu xem có thể trồng trọt gì được không? Rồi bà lân la vào bếp mượn cây chổi quét sân.

Mỗi ngày tình nguyện quét sân chùa, dần dần bà trở thành quen thuộc với mọi người. Từ sự cụ hiện hòa có đôi mày bạc trắng như tiên ông đến các vị sư trẻ và chú tiểu Minh.

Tiểu Minh chỉ có ba vá tóc trên đầu, là cậu bé lí lắc và thích chuyện trò. Trước đây hay mon men làm quen với Ngọc Châu nhưng cô nàng chỉ ậm ừ cho qua chuyện khiến chú cụt hứng tìm qua nhóm học trò khác để bắt chuyện hơn.

Từ ngày có bà cụ đến quét sân, chú như được gặp một người bạn sẵn sàng nghe chú nói, hơn nữa, chú còn có dịp xỏ ra những câu đạo lý – mà chú từng nghe lóm được khi hầu quạt sư cụ - Khiến bà lão phục chú sát đất.

Có lần chú thắc mắc hỏi bà:

- Sao bà không ở nhà nghỉ cho khỏe? Vô chùa quét sân mệt thấy mồ!

Bà ngưng tay quét mồ hôi trán, nhìn cái sân dài và rộng phủ đầy lá trước mặt:

- Làm công quả vừa vui vừa được phước chú à.

Như chú đó, chắc kiếp trước đã tu rồi nên kiếp này còn nhỏ mà được nương cảnh Phật. Còn tôi vụng tu, đời tôi khổ quá!

Tiểu Minh buông ra một câu mà chú đã nằm lòng.

- Đời là bể khổ mà!

Rồi chú tỉnh thật tâm sự:

- Ở chùa cũng khổ, tại bà không biết đó! Kỷ luật gắt lắm. Lớp đi học chữ ở trường, lớp học kinh, học chữ nho trong chùa, không thuộc phải qui hương. Tôi không được đánh đáo, bắn bi, đá dế, buồn lắm!

Bà lão mến sự trong sáng chân thật của Minh, hơn nữa chú cũng trạc tuổi Thăng. Bà muốn giải thích cho tiểu Minh biết là chú đang hưởng phúc:

- Ồ, thì chịu buồn chút xíu thôi mà khỏi khổ. Chớ như tôi suốt đời gánh gồng buôn bán, tuổi già tuy đỡ nhọc nhằn nhưng mà khổ tâm lắm!

Minh tròn xoe đôi mắt sáng:

- Sao vậy?

Bà ngoại cười buồn:

- Chú còn nhỏ, lại ở lại trong chùa, đâu hiểu chuyện đời! Tôi ước gì được sống luôn trong chùa để tai khỏi nghe những lời thô lỗ cộc cằn, mắt khỏi phải nhìn những cảnh éo le bực bội, như vậy đủ hạnh phúc rồi.

Tiểu Minh chợt nhớ sự cụ mới giảng giáo lý tuần rồi, nói về cảnh giới Cực Lạc, chú lập lại một cách trơn tru những gì mà chú còn nhớ vì thấy hay hay:

- Bà biết không, sư ông dạy rằng cách đây xa lắm, về phương Tây có thế giới tên là Cực Lạc. Nhân dân trong nước đó không biết đau khổ là gì. Khí hậu mát mẻ dễ chịu, thức ăn uống, đồ dùng muốn gì có nấy, tuổi thọ thì vô lượng, nhà cửa, đường xá thì làm bằng bầy báu, đẹp ghê lắm. Ai được sanh về Cực Lạc rồi thì khỏi trở lại trần gian này, không còn chịu cảnh sanh già bệnh chết nữa. Họ tu riết rồi thành Phật luôn.

Bà lão há mồm lắng nghe. Đây là một hình ảnh kỳ diệu, một đất nước lý tưởng, theo bà, nó chỉ có trong sự ao ước, trong tâm tưởng của những người đang khổ thôi. Nhưng sự cụ đã nói như vậy, lẽ nào không có thật sao?

Ngoại thắc mắc muốn hiểu thêm nhưng tiểu Minh dường như không biết gì hơn, chỉ nhăn răng sún ra cười khi bà hỏi dồn: “Làm sao về đó được?” Rồi chú nhún nhảy bước chân chim, tấp vào nhóm học sinh gần đó.

Chỉ sau mấy tháng được ở luôn trong chùa để làm công quả, bà Tư đã trồng được những luống cải bẹ trắng, cải ngọt, cải làm dưa, xanh mướt mướt. Cải ngọt đang đúng lứa, mơn mớn xấp hàng trên những luống đất xốp có phủ rơm, chờ nhổ.

Trưa chủ nhật, Ngọc Châu lẳng xăng phụ bà ngoại cắt bỏ rễ cải cho chùa. Những cây cải bụ bẫm, khỏe và tươi chong khiến nàng mơ tưởng đến một bữa ăn gia đình đông đủ vui vẻ có tô canh nóng hổi do chính tay ngoại nấu và nôi cơm gạo mới thơm lừng cộng thêm món trứng chiên tôm khô, củ hành hay vài con cá chiên tỏi.

Từ ngày ngoại vô chùa ở, cảnh nhà vốn đã điêu hiu giờ càng thêm quạnh quẽ. Mẹ không còn hơi sức đâu để gây gổ đánh lộn với ba. Không có ai để kiếm chuyện, ông hay la cà ngoài đường xá, trong các quán cóc để giết thì giờ dư thừa đã trở thành nhàm chán.

Nhanh tay cắt gốc xếp cải lại, cột thành từng bó, bà Tư nói giọng vui tươi:

- Sự cụ biểu ngoại chừng nào nhổ cải thì đem về một mớ. Sẵn có con đây, con chở ngoại về nhà nghe. Tính ra ngoại ở chùa cũng nửa năm rồi, mau quá!

Ngọc Châu dừng tay nhổ cải, đứng lên nhìn ngoại, cười lộ hàm răng trắng phau. Cô sung sướng thấy ngoại khỏe mạnh, hạnh phúc với nụ cười luôn nở trên môi. Ngoại cũng muốn truyền hạnh phúc ấy cho cô bằng cách khuyên cô nhiếp tâm niệm Phật A-Di-Đà, đừng nghĩ ngợi vẩn vơ.

Nhưng cô bé chẳng làm được như bà. Tâm cô hãy còn rong duỗi xa gần, đây đó nên cô chưa nếm được vị an lạc mà ngoại đang hưởng.

Khi Châu chở ngoại về tới nhà, hai bà cháu lui cui ôm mấy bó cải vào. Căn nhà còn nóng hanh. Ba Châu ở trần, nằm quạt phành phạch trên chiếc ghế xếp dài đặt sau cánh cửa đang mở.

Thấy bà già vợ bước vô nhà, chàng rỏ ngời bật dậy, mặt mày còn đỏ gay và mùi rượu nồng trộn lẫn trong giọng nói nhừa nhựa:

- Sao bữa nay về nhà vậy? Chán cảnh chùa rồi hả?

Nghe giọng nói “móc lò” của ba, Châu cau mặt. Sợ ngoại buồn, cô đỡ lời:

- Ngoại về chơi, đem cải cho ba má. Mai trở lại chùa.

Bà Tư lợm giọng vì mùi rượu lại vừa tức thẳng rỏ vô công rồi nghề thường mượn hơn men để nói năng vô phép với bà. Nghĩ thương con gái vô phước bạc phần, lấy chồng như rước nợ vào thân, trả cả đời không hết.

Ngày xưa, không biết bao nhiêu giọt nước mắt của bà đã âm thầm rơi trên đám cải sau nhà, giờ đây nước mắt cũng từ từ ứa ra. Bà tự trấn an, im lặng ôm mớ cải đi thẳng vô bếp.

Trong trạng thái ưu phiền ấy, đột nhiên giọng suối từ kết bằng vô số chuỗi niệm Phật tuôn chảy trong tâm bà. Bà lão nhớ lại mình đã phát nguyện vãng sanh Cực Lạc, bà không muốn để những hệ lụy của thế gian quấy rầy mình nữa. Bà hít vào một hơi dài và thâm niệm Phật theo hơi thở ra vào. Dần dần, tâm bà trở nên an ổn.

Từ ngày được sư cụ giảng rõ về thế giới Cực Lạc cùng đại nguyện của đức Phật A-Di-Đà và dạy cho pháp niệm Phật cầu vãng sanh, bà Tư sung sướng vô vàn. Bà không còn thiết gì chuyện đời, ngày đêm chuyên chú niệm Phật không xao lãng. Lạ thay, dù chưa xả bỏ xác thân phàm tục để vãng sanh Cực Lạc, bà đã cảm thấy an lạc rồi.

Một hôm, trong lúc bà Tư cặm cùi xách nước tưới cải, sư cụ bước ra sân. Nhìn vẻ mặt rạng rỡ của người đệ tử muôn màng qui y nhưng quyết tâm giải thoát, sư cụ hài lòng. Sư cụ dạy bà Tư ngưng tay làm việc để nghe thầy nói chuyện.

Thầy hỏi:

- Đệ tử cầu vãng sanh Cực Lạc để làm gì?

- Bạch Thầy, đời con đã khổ, gia đình con ai cũng khổ, còn chung quanh con thì chẳng mấy ai hoàn toàn sung sướng. Bởi vậy khi nghe thầy dạy có nước Cực Lạc toàn vui, không khổ, con muốn sanh về để thoát cảnh khổ trần gian.

Nhà sư cười thật hiền. Dáng thầy gầy guộc trong chiếc áo nâu già, nổi bật trong nắng mai. Gió sớm phất phơ tay áo thầy.

- Con muốn về cõi Phật thì phải chuẩn bị Phật tâm. Phật không bao giờ nghĩ chuyện cá nhân tư lợi mà luôn luôn thương tưởng đến chúng sanh, tìm cách cứu họ ra khỏi biển khổ trầm luân. Như đức Phật Thích Ca, tuy là thái tử nhưng đã lìa bỏ cung vàng điện ngọc, chịu gian nan khổ nhọc, đi tìm chân lý cứu khổ sinh tử cho mọi người. Ngài Địa Tạng Bồ Tát nguyện vào địa ngục độ tận chúng sanh. Còn đức Phật A-Di-Đà, do bi nguyện mà tạo ra cõi Cực Lạc để tiếp dẫn chúng sanh về đây tu hành chớ không phải ngài tạo ra để thọ hưởng. Muốn xứng danh là con Phật chúng ta phải phát tâm Bồ Đề, trên cầu Phật đạo, dưới nguyện độ quần sinh. Vừa tự độ mình, vừa lo độ người chớ

không phải tu cho riêng phần mình mà thôi. Tu cho riêng mình là tiểu hạnh, tiểu chí, không đáp ứng được hoài bảo của chư Phật, chư Tổ.

Bà Tư rụt rè thưa:

- Bạch Thầy, con vừa ngu dốt, vừa già nua, đâu dám nghĩ đến đại sự như Thầy nói.

Sư ông rõ căn cơ của bà Tư, không tiện giảng nói nhiều, chỉ vấn tắt hỏi:

- Con niệm Phật thế nào?

- Bạch Thầy, mỗi khi niệm Phật, con thấy trong lòng an vui.

- Hãy tìm cách giúp người chung quanh cũng được an lạc như con. Đó là độ người, con hiểu không?

- Dạ hiểu!

Từ đó, mỗi khi xách nước tưới cải, bà Tư đều nguyện rằng: “Nguyện cho ai ăn được cải tôi trồng đều bỏ ác về thiện, đều biết tu Tịnh Độ, niệm Phật cầu vãng sanh”.

... Bà Tư chuẩn bị bữa cơm chay thật ngon cho cả nhà. Trong lúc hai tay làm việc, đầu óc bà suy nghĩ, tình cách “độ” thẳng rể. “Tại nó nhậu nhẹt quá không ai dám mướn thành ra thất nghiệp dài dài chớ nghề mộc của nó cũng khéo lắm. Cái nhà này tự tay nó cất chớ ai. Nếu nó có công ăn việc làm như mọi người chắc cũng không đến nỗi tệ. Phải lấy công tâm mà nói vậy”.

Ngọc Châu vừa đặt bàn dọn cơm xong thì mẹ nàng về. Thấy bà già lui cui trong bếp, bà bước tới ôm lưng mẹ một cách trìu mến không ngờ. Ngoại mau nước mắt đã đành, mẹ nàng tuy bề ngoài cứng cỏi khô khan nhưng cũng lộ vẻ xúc động lắm.

Mẹ nói, giọng run run:

- Má về con mừng quá! Chèn ơi! Bà già chịu cơm chùa, mới đây mà mập rồi. Lên cân ba kí lô chớ không ít.

Thấy mẹ vui, Châu đùa:

- Ý, má đừng quở!

Thằng Chiến cũng vừa bước vô nhà. Thấy ngoại, nó buông thùng cà rem, chạy tới ôm cứng lấy bà. Trong cảnh tranh tối tranh sáng của chiều tà, bà nhận nó không muốn ra:

- Cháu tôi mau lớn quá! Hai bà cháu có nhiều điều để hỏi han nhau, thỉnh thoảng mẹ và Châu cũng xen vào. Câu chuyện nổ dòn như bắp rang.

Ba của Châu có cảm giác mình bị bỏ rơi, bị đứng bên lề của gia đình. Mặc cảm cô đơn, vô tích sự kích thích tự ái khiến ông sinh bực bội. Bởi vậy, khi vào bữa ăn, liếc sơ một cái, ông cự nự liền, để tỏ uy quyền của một người đàn ông, người chủ trong nhà:

- Bữa nay sao không có thịt cá gì hết vậy? Ăn vậy làm sao nuốt vô?

Bà Tư đáp, giọng dịu dàng, ngọt xót:

- Quí à, con ăn thử coi, cơm chay cũng ngon miệng lắm. Nếu con ăn chay được, má sẽ xin sư cụ cho con việc làm. Làm cho chùa phải ăn chay mới được.

Hai tiếng “việc làm” có sức thu hút mạnh. Cả nhà im lặng lắng nghe. Châu lên quan sát phản ứng của ba, thấy mắt ông ánh lên sự mừng rỡ tuy vẫn cố giữ thái độ lầm lì ban nãy.

Sau khi lùa cơm vào miệng, lập bập nuốt, bà Tư chậm rãi tiếp:

- Sư cụ muốn cất lại nhà bếp của chùa, lợp ngói đàng hoàng. Có ông thợ nào đó đòi năm ngàn đồng, chùa không đủ tiền. Nếu con lãnh rẻ hơn, chừng bốn ngàn, chắc thầy sẽ đồng ý. Má biết con tay nghề giỏi, có thể làm được vụ này.

Quí nói liền, giọng đầy tự hào:

- Cái đó dễ ợt!

Mẹ Châu thấy câu chuyện có mùi hấp dẫn, vui vẻ xen vô:

- Vậy mình lãnh mới này đi mình!

Lâu lắm rồi, Quí mới nghe vợ nói tiếng “mình” ngọt lịm. Ông cảm thấy hăng hái nhưng còn đắn đo:

- Phải có người phụ chớ làm một mình sao được.

Thằng Chiến lanh lợi khôn ngoan, biết đây là cơ hội hiếm có cho ba, nó nói liền, không do dự:

- Con nghỉ bán theo phụ ba được không?

Ngoại mừng đến rơi nước mắt. Mẹ Châu cảm động cúi xuống và cơm trong khi Quý nhìn bà già vợ với đôi mắt biết ơn và hối lỗi.

Chỉ sau hai tháng liên tục làm việc, Quý đã hoàn thành việc xây cất. Sự cụ vừa ý khen ngợi hoài khiến Quý và con trai sung sướng quá! “Sống hữu dụng mới có hạnh phúc” đó là bài học thực tiễn của đời ông.

Phật tử đi chùa thấy nhà bếp mới rộng rãi, vừa chắc chắn vừa đẹp mắt, họ liền mời Quý tu bổ sửa sang lại nhà họ, hết mỗi này tới mỗi kia. Hai cha con Quý có việc làm đều đặn. Không còn nữa cảnh thất nghiệp chán chường với những ngày say rượu triền miên.

Gia đình Châu từ đây bắt đầu có tiếng cười, có những giây phút cả nhà ngồi lại cùng dự tính chuyện tương lai. Niềm mong ước chung của họ là thay nóc nhà “tôn” bằng ngói cho đỡ nóng “nhà ngói coi lịch sự hơn!” Mẹ Châu nói với sự thèm thuồng thấy rõ.

Quý hiểu điều đó. Ông lo chí thú làm ăn để chuộc lỗi xưa. Không đầy một năm sau Quý và con trai đã lợp được mái ngói đỏ au. Căn nhà trở nên mát mẻ dễ chịu. Họ có bóng mát trong cuộc đời với hạnh phúc bình dị, đơn sơ.

... Ngày ăn mừng nhà ngói, có bà ngoại về dự. Bà con làng xóm đang ăn uống, rượu vào lời ra, cười nói rộn ràng nhưng khi thấy bà Tư bước vào trong chiếc áo nhứt bình màu xám tro và khăn lam phủ trên đầu, họ đều im lặng đưa mắt nhìn. Sự quý kính hiện rõ trên những gương mặt dày dặn nắng mưa vì lao động. Bà trông thanh thoát quá!

Bà Tư dịu dàng chấp tay cúi chào mọi người bằng cách thế của người xuất gia: “A Di Đà Phật.” Những bàn tay cầm rượu trở nên ngập ngừng, miếng thịt béo tự nhiên nuốt không trôi, họ tự động ngưng bữa tiệc để theo dõi bà Tư.

Bà thân mật đến với từng người, hỏi han gia cảnh, công việc làm ăn, nhắc nhở câu “ở hiền gặp lành”.

Lát sau, bác phu xích lô, sau cái gậy đầu ra đầu của bà Tư, khệ nệ ôm vào nhà những bó cải tươi tốt xanh um. Bà tự tay trao từng bó cải cho từng người, khuyên họ tập ăn chay, niệm Phật.

Tưởng bà sẽ ở lại qua đêm như mọi khi về thăm nhà, dè dặt bà đã dặn bác phu xe đợi chờ bà trở lại chùa. Trước khi ra về, bà nắm tay Châu, vuốt tóc cô cháu gái thùy mị dễ thương rồi choàng tay ôm đưa con gái một đời khổ cực. Nhưng sự xúc động chỉ thoáng qua trong phút giây, bà đứng dậy ngay:

- Thôi, má phải về cho kịp thời sám hối.

... Đó là lần cuối cùng Châu được gặp ngoại. Sự cụ kể lại rằng tối hôm đó, sau khi lạy sám hối, bà tìm đến phương trượng lễ thầy rồi lui ra, không nói một lời.

Thời công phu sáng không có mặt bà. Mãi một lúc sau, mọi người mới hay bà đã vắng sanh. Trong tư thế nằm nghiêng bên tay phải; xoay về hướng Tây, tay còn cầm râu chuối bồ đề, mặt bà phẳng phất nụ cười an lạc, chẳng biết bà đi lúc nào, toàn thân đều lạnh nhưng đánh đầu còn ấm.

Lễ an táng của ni cô Diệu Liên được cử hành trang nghiêm trong sự ngưỡng mộ của mọi người. Lòng tin đối với Phật pháp được dấy khởi, nhất là gia đình, bè bạn, lối xóm của Châu đều bắt đầu đi chùa, tham dự các lớp học giáo lý và thỉnh sớ công cứ về lo niệm Phật.

Nhưng giòng đời đâu dễ êm xuôi cho mọi người có thì giờ tu niệm. Tháng tư năm 1975; nào hiệp ước, nào dự đoán, nào tin đồn. Xôn xao sóng đời, sợ hãi sóng tâm.

Anh Hai đột ngột về nhà vào tối 28 tháng 4, hỏi người nhà ra bến Sài Gòn xuống tàu đi Mỹ. “Việt Cộng vô tới rồi, chiếm luôn miền Nam. Phe Việt Nam Cộng Hòa mình phải di tản ra ngoại quốc”.

Ba má Châu lắc đầu dứt khoát: “Minh già rồi, còn ham đi đâu. Thôi ở lại đây lo tu như ngoại, đề về xứ Phật thì hay hơn.”

Châu thì do dự, không dứt khoát; anh Hai dọa: “Mày ở lại Việt Cộng bắt mày gả cho thương phế binh!” Lời hăm này có tác dụng ngay. Cô rơm

rướm nước mắt bước theo anh, chỉ có Chiến là khoái được đi tàu hải quân, được đi Mỹ.

... Lênh đênh sóng nước, sóng đời. Châu nhìn bề cả mệnh mông không biết tương lai rồi sẽ ra sao. Cô hướng về quê hương yêu dấu đang từ từ xa cách, lâm lâm khẩn bà ngoại: “Xin ngoại phù hộ cho chúng con và cho những người còn lại. Thế giới này chẳng bao giờ được bình yên. Nếu mọi người đều được như ngoại, biết xả bỏ, biết khoan dung, biết hướng thượng thì Cực Lạc ắt không tìm đâu xa”.

---oOo---

Bệnh Nan Y

Thật không ngờ quyết định tình cờ ấy đã làm đảo lộn cuộc đời đang lên của Lan. Trời kêu ai nấy dạ, làm sao chối bỏ được sự thật đang bày ra trước mắt đây?

Quảng cáo truy tầm ung thư vú miễn phí đăng trên báo Việt ngữ khiến Lan quyết định đi khám sau khi hỏi ý kiến Xuân Vinh, thư ký kế toán trong tiệm bàn ghế, vốn là người quen biết lâu năm. Chị khuyên khích bà chủ nên đi ngay, lý do là ở vào tuổi ngũ tuần, ai cũng phải quan tâm đến vấn đề này; rủi có bệnh, phát hiện sớm thì còn trị được.

... Lan nằm đã dụi nhìn lên trần nhà, thở dài thườn thượt: phải chi họ không miễn phí, mình sẽ không đi khám, mà không đi, mình sẽ không để ý chi đến vụ này, như vậy mình sẽ chẳng phải đau khổ, chùng nào chết hẫng hay.

Gương mặt nghiêm trọng và lời nói trầm buồn của bà bác sĩ hiện rõ trong trí nhớ Lan:

- Bệnh ung thư của bà đã ở cuối thời kỳ ba và đang ăn luôn qua phổi.

Lan điếng người, toát mồ hôi hột nhưng rần bình tĩnh hỏi lại cho rõ hơn nhưng bác sĩ không nói gì thêm, chỉ yêu cầu được nói chuyện với người trong gia đình.

Gia đình Lan có ai đâu, chỉ một mẹ một con thôi mà thằng Nghĩa thì ở riêng, đôi khi cả tháng, hai mẹ con mới gặp nhau một lần. Lan chỉ còn biết ghi số điện thoại của nó cho bác sĩ thôi. Chưa bao giờ Lan thấy cô đơn như lúc

này! Ân, chồng Lan đã ly dị nàng mười năm nay rồi, giờ xa xôi quá, vả lại Ân đã tái lập gia đình với người đàn bà khác.

Lý do ly dị mà Ân đưa ra thật lạ đời. Ân nói: “Anh không chịu nổi tánh hà tiện bủn xỉn của em. Bây giờ mình quá giàu, làm chủ hai cửa tiệm bàn ghế Italy, mỗi tiệm vốn hơn triệu bạc vậy mà em tiện tận bòn mót từng đồng từng cắc. Hễ có chín thì muốn thành mười, em làm anh bức bối quá, khó chịu quá. Mỗi khi ra đường với em, anh cảm thấy xấu hổ, vì bà con bạn bè đều nhìn anh với đôi mắt thương hại và nhìn em bằng đôi mắt khinh chê. Em là trùm sò không hơn không kém. Anh muốn được tự do, được sống thoải mái, được ngẩng mặt nhìn mọi người. Anh bằng lòng chia em một nửa gia tài đó, để được ly dị.”

Bị chạm tự ái nặng nề, Lan không ngần ngại ký giấy ly hôn ngay. Nàng được quyền làm chủ tiệm Italy Furniture ở Los Angeles còn Ân thì bán cửa hàng của anh và dọn đi tiểu bang khác vài tháng sau.

Bây giờ Lan mới xấp xỉ bốn mươi thôi, nhan sắc còn mặn mòi, tiền nhiều, thu nhập cao, nàng thừa điều kiện bước thêm bước nữa nhưng tự nhiên trong thâm tâm, Lan không dám tin tưởng ai. Hình như những người đàn ông quen biết đều muốn đào mỏ, không ai thương Lan thiệt tình. Lan chỉ đây đưa để lợi dụng họ chạy việc không công và thấy mình có uy lực với nam phái, thế thôi. Dù giận Ân tím gan, Lan vẫn còn phục anh, người đàn ông tài giỏi đã gây dựng sự nghiệp bằng đôi bàn tay trắng. Ân không phải thuộc hạng người giàu đôi bạn, sang đôi vợ, nhưng tại sao anh không hiểu cho Lan nhỉ? Có lẽ những tháng ngày cô cút bần hàn nghèo đói của tuổi thơ luôn luôn ám ảnh nặng nề khiến Lan chỉ muốn thủ giữ, không dám chi xài.

Nhiều lần Ân đã mĩa mai vợ:

- Cửa người người Bồ tát, của mình lạt buộc! Em cứ muốn lợi dụng người chung quanh, từ bà con đến bạn bè mà không bao giờ dám trả lễ. Đi đâu chơi với em thật là mất mặt. Em làm anh xấu hổ quá! Chắc em để dành tiền đặng đem xuống mồ!

... Nước mắt nàng tự nhiên ứa ra rồi chảy thành dòng, Lan âm thầm khóc. Tánh nàng vốn cứng cỏi, khô khan nhưng bây giờ đôi diện với tử thần, tự nhiên Lan trở nên bi lụy yếu đuối. Nàng cảm thấy cần một điểm tựa hay một người bạn thân. Nhưng ngoảnh đi nhìn lại, hình như ai cũng lạnh nhạt né tránh. Đến bây giờ, Lan mới bắt đầu thấy sự sai quấy của mình, chứ trước đây, hễ lợi dụng được ai, Lan tự cho mình là khôn ngoan. Chỉ còn

Xuân Vinh, chẳng biết chị không tránh Lan vì đang là nhân viên của nàng hay vì tánh cởi mở khoan dung vốn sẵn có?

Lan chợt nhớ là mười mấy năm nay thuê chị làm nhân viên quan trọng cho cửa hàng mà nàng chưa hề ban cho chị một đặc ân nào, ngoài đồng lương được nhích lên rất khiêm nhường, vậy mà lúc nào chị cũng sốt sắng vui vẻ trong công việc. Sự sốt sắng đó khiến Lan nghĩ rằng mình đã trả công hậu hĩ.

Hôm nay, phá thông lệ. Lan mời chị đi ăn. Thứ Hai tiệm nàng đóng cửa, hai người sẽ có dư thì giờ trò chuyện.

Xuân Vinh biết Lan sắp tâm sự điều gì. Nghĩa đã được bác sĩ liên lạc. Cậu tin cho Xuân Vinh biết về bệnh tình của mẹ cậu: bà chỉ còn sống vài năm nữa thôi, mà năm cuối sẽ bị đau đớn oằn oại. Dù giải phẫu cũng không cứu được.

Nghĩa nhờ Xuân Vinh chuẩn bị tư tưởng cho mẹ mình trước khi cậu báo cho bà biết sự thật.

Xuân Vinh không biết nên bắt đầu như thế nào cho sự việc diễn tiến êm đềm. Điều quan trọng hơn cả, trong giai đoạn này là làm sao khuyên Lan mở hầu bao ra bố thí.

Tội nghiệp Lan, từ xưa đến giờ như người ôm túi bạc kè kè mà cứ phải đi vay nợ, đi xin ăn vì tánh keo kiệt, tham lam của mình.

Nhớ có lần vào rằm tháng bảy, Xuân Vinh cố rủ Lan đi chùa để giúp nàng có dịp bố thí cúng dường nhưng Xuân Vinh thất vọng làm sao khi thấy Lan vừa bỏ năm đồng vào thùng phước sương vừa nói nhỏ với nàng:

- Ăn bữa cơm chay cúng năm đồng chùa cũng còn lời!

Than ôi! Với cái tâm so bì tính toán hơn thua đó mà đi chùa mỗi ngày thì cũng vô ích thôi.

- Cái mù đó chết đi thành ngựa quỷ. Chẳng biết sao em có thể làm việc cho mù lâu đến như vậy? Bà như đĩa vậy, gặp ai cũng muốn hút máu.

Con gái Xuân Vinh ở Florida cũng sợ Lan luôn, vì hè nào bà cũng bắt Xuân Vinh dẫn về đây chơi. Ở cả tuần, có người hầu cơm nước, dẫn đi đó đi đây,

hoặc vào tiệm, ăn toàn các món đặc sản mà khỏi phải chi ra một xu nhỏ, kể cả tiền mua vé vào cửa Disney World, bà cũng tặng lờ. Lúc đầu Trinh nể mẹ, không dám nói gì nhưng nhiều lần cũng sinh ra bực bội.

Mỗi khi con gái phàn nàn, Xuân Vinh lựa lời giải thích:

- Thôi con à, đừng phiền hà chi. Tội nghiệp bà, tuy nhiều tiền của mà cô đơn lắm! Ngay đến con ruột còn không ưa bà huống chi người ngoài. Bà vay con kiếp này, thì kiếp khác cũng phải trả, đâu trốn tránh được.

Lan cũng nhảy lăm chớ chẳng không. Khi biết trạm nào không ổn, người ta không còn niềm nở đón tiếp, nghĩa là không thể lợi dụng để nghỉ hè khỏi tốn tiền, thì bới óc tìm một địa điểm khác. Ai ở đâu, dù xa xôi tận Pháp, Hòa Lan, Úc hay Hawaii, Lan cũng có địa chỉ mới nhất của họ. Chỉ cần một vài lần điện thoại nhắc lại kỷ niệm xưa hay hâm nóng tình cảm bà con láng giềng là Lan có thể xách gói lên máy bay với cõi lòng phơ phới vì không phải tốn kém gì ngoài việc bóp bụng mua vé máy bay lúc đại hạ giá.

Mỗi lần đi chơi như vậy, Lan mang theo nhiều nữ trang lắm, để khoe của chớ không dám đeo. Lan nghĩ: hễ lờ của ra thì người ta nể nang, nịnh hót và như thế thì mình được hưởng lợi.

... Khi Xuân Vinh vừa lái xe đến nhà Lan thì bà đã sẵn sàng. Khóa ập cửa lại, Lan háp tấp bước ra xe. Hôm nay Lan không còn giữ phong độ của một mệnh phụ giàu có hay một chủ nhân uy quyền. Mái tóc dài quá ót, dù nhuộm kỹ màu nâu đen nhưng không được chải vén khéo nên trông cũng bơ phờ, thưa thớt. Đôi mày xâm hình lá liễu không che được vẻ mệt mỏi già nua của đôi mắt nhiều nếp nhăn, khô cằn.

Lan cười với Vinh khi bước vào xe, nụ cười nửa xã giao nửa như che dấu nỗi buồn.

- Bữa nay tôi muốn an chay, chị chọn tiệm ăn nào vắng khách, chúng ta sẽ nói chuyện lâu.

Mặc dù xem Xuân Vinh như người bạn, Lan luôn luôn dùng giọng chủ nhân với chị.

Xuân Vinh đề nghị:

- Hay chúng ta đến chùa L.H. ăn cơm chay nhé! Ở đó có mấy Phật tử tình nguyện làm và bán đồ chay gây quỹ cho chùa.

- Ờ cũng được, gần đất xa trời thì cũng nên đi chùa cho có phước!

- Muốn có phước không hẳn là phải đi chùa chị ạ!

Xuân Vinh định nói thêm nhưng thấy Lan nhún vai, đành giữ im lặng cho đến khi xe vào tận khuôn viên chùa. Lan kiêu ngạo lắm, chẳng muốn ai dạy mình.

Chùa L.H. không lớn lắm, chánh điện chỉ chứa khoảng trăm người nhưng được vòng sân chung quanh khá rộng rãi. Tuy nằm giữa thành phố nhưng chùa có vẻ tĩnh mịch nhờ những hàng trúc trồng sát hàng rào với cây Bồ đề to khoảng vòng tay ôm nằm trước sân, tỏa bóng mát êm dịu chung quanh. Nơi đây chim chóc làm tổ, líu lo ca hát suốt ngày.

Khung cảnh tĩnh mịch khiến Lan cảm thấy dễ chịu. Nàng xuống xe, đi chậm rãi trong ánh nắng ban mai, tận hưởng sự ấm áp tươi đẹp của mùa Xuân mới, cố hít không khí cho đầy buồng phổi.

Vinh tôn trọng những giây phút quý báu của bạn, chậm bước đi phía sau.

Hồi lâu họ tới nhà bếp của chùa, bên ngoài kê sẵn hai bàn dài làm tiệm ăn, bên trong là tủ kiếng bày bán pháp khí và băng giảng, sách báo... Mùi bún Huế bốc lên thơm lừng. Bà lão đầu tóc trắng như bông đang cuốn bì, vừa ngẩng mặt lên, nhận ra Vinh, nhoen miệng cười lộ cái nướu trông trơn:

- Mời đạo hữu vào ăn mở hàng.

Lan cười hỏi:

- Thực đơn hôm nay có món gì vậy cụ?

- Bữa nào như bữa nầy cô ơi: thì cũng bún Huế, bì bún, bì cuốn, chả giò, cơm chiên, đồ kho vậy thôi. Lâu lâu có mắm thái. Thấy bà vui tánh, Lan cũng vui theo:

- Nhà hàng phải đổi món mới đông khách. Bà cho cháu vô đây bán mì Quảng với nhá, lời chia đôi!

Bà cụ cười hiền như đất, nghe ai nói gì cũng tưởng thật:

- Mô Phật, ở đây ai cũng làm công quả, lời bao nhiêu giúp chùa hết cô à. Huệ lợi chính của chùa có chừng này thôi.

Xuân Vinh xem vào, đổi nhiều câu chuyện:

- Từng tuổi này mà ngày nào cụ cũng đến chùa làm công quả, thật quý hóa; cháu mong sau này già cũng đủ sức khỏe như cụ để đi chùa công quả.

Bà cụ lấy tay nhúng nước thoa đều mấy cái bánh tráng, xấp thẳng hàng trước mặt. Vừa làm vừa nói:

- Hễ mình có tâm thì Phật độ cô à!

Hồi bốn mươi tuổi, ở Việt Nam, tôi bị ung thư ruột, nặng lắm sắp chết rồi. Bác sĩ bắt nằm bệnh viện chờ ngày mổ. Lúc đó tôi suy nghĩ như vậy: “Dù mổ dù không, mình cũng phải chết sớm vậy thà mình về, đem tiền của ra bố thí còn hơn là nộp cho nhà thương, cho bác sĩ!” Vậy là tôi nằng nặc đòi về. Chồng con tôi cũng chịu ý tôi, cho về nhà. Tôi bèn lấy hết nữ trang, đồ cưới đem bán được đâu gần nửa triệu, chia ra đem tặng cho những người cùi, viện mồ côi, viện khuyết tật và phát cho những người ăn xin, những người hoạn nạn. Rồi tôi phát nguyện trường chay và tu pháp môn niệm Phật chờ ngày từ giả cõi đời. Vậy mà không biết tại sao từ từ tôi khỏe lại và còn sống đến bây giờ, đã bảy mươi tuổi rồi. Nhiều lần bác sĩ khám nghiệm lại đều quả quyết không còn dấu hiệu ung thư. Thật là mâu nhiệm!

Lan có vẻ đăm chiêu sau khi nghe xong câu chuyện, ngồi xuống chống tay vào cằm nhìn xa vắng. Nhưng Lan không tin vào những chuyện huyền bí mơ hồ, nàng liên tưởng đến trường hợp của mình: tiền bạc thà để giải phẫu, thay lá phổi hư còn hy vọng sống sót chớ đem cho hết thì phiêu lưu quá!

Xuân Vinh kêu hai tô bún bò Huế chay, hai người ngồi im lặng thưởng thức hương vị đậm đà, cay cay thật ngon miệng. Lan còn gọi thêm bì cuốn, chả giò... Thức ăn chay cũng ngon quá! Lác đác có vài thực khách bước vào, cửa hàng bắt đầu linh động hẳn lên, bà cụ cuốn bì luôn tay, chuẩn bị sẵn cho khách vào; những cuốn chả giò chiên trong chảo dầu sôi đều đang trở vàng, tỏa mùi thơm kích thích dịch vị mọi người.

Ăn xong, Lan còn mua thêm thức ăn đem về với hi vọng vu vơ: biết đâu ăn chay sẽ giảm bệnh. Nhưng con ho chợt đến, nàng bước vội ra xe, ôm lòng

ngực đang nhói đau, hơi thở ngắn không cung cấp đủ dưỡng khí khiến Lan có cảm tưởng tử thần đang lảng vảng đâu đây... Thấy mặt bạn xanh dờn như ngát xiu, Xuân Vinh nhấn mạnh bàn ga, chở Lan thẳng vào bệnh viện cấp cứu.

Nghĩa không khỏi mắt bình tĩnh khi hay tin mẹ mình đang hấp hối: bà đi sớm hơn sự dự liệu của bác sĩ. Từ lúc khám phá ra bệnh trạng tới nay chỉ vỏn vẹn ba tháng.

Lan đòi thay lá phổi, bác sĩ từ chối vì bệnh đã lan tràn khắp nội tạng. Bà phản nộ, chửi rủa, gào thét như một người điên. Xuân Vinh hiểu bạn, thường tới lui an ủi, xoa dịu tinh thần Lan. Vinh kiên nhẫn ngồi nghe Lan lảm nhảm mãi không thôi.

Nghĩa biết di Xuân Vinh là người bạn tốt và là người duy nhất có thể khuyên mẹ can đảm chấp nhận sự thật. Cái chết không chừa bỏ một ai. Đôi khi nhờ đối diện với thân chết con người biết ăn năn sám hối, nhờ đó tâm hồn được nhẹ nhàng thanh thản hơn.

Dù không am tường giáo lý nhà Phật nhưng Nghĩa cũng hiểu rằng nếu mẹ mình không chuyển tâm địa tham lam, bòn xén, thì sau khi chết sẽ bị đọa, hoặc làm chó giữ cửa, hoặc làm quỷ đói. Chàng ngỡ ý nhờ Xuân Vinh mời một vị sư đạo hạnh cùng đi với hai người vào bệnh viện gặp Lan trong giờ phút cuối của một đời người.

Lan đã được chích mũi thuốc hồi sinh nên trông có vẻ tỉnh táo hơn. Ông dưỡng khí, dây chuyển nước biển chằng chịt trên người bà.

Cửa phòng hé mở, Nghĩa và Xuân Vinh bước vào. Lan nhếch miệng cười chào đón họ nhưng chợt thấy sự hiện diện của một nhà sư, nàng đâm ra hoang mang, nghi ngại: “Ông này vào đây làm gì vậy? Mình đã chết đâu mà định làm đám?”

Nghĩa đến cạnh giường nắm tay mẹ, ân cần hỏi:

- Hôm nay trông mẹ khỏe, mẹ bớt đau nhức không?

Lan se sẽ gật đầu, không nói, gương mặt nhìn Xuân Vinh. Biết ý, Vinh nhanh nhẹn giới thiệu:

- Đây là Thượng Tọa M.A. viện chủ chùa P.N., thầy nghe chị bệnh nên vào thăm, có gì thắc mắc chị cứ hỏi, Thượng Tọa sẽ vui lòng giải thích cho chị.

Lan khẽ chào thầy nhưng rồi lại làm thinh, thở dài. Hồi lâu nước mắt ứa ra, Lan rên rỉ:

- Tôi không muốn chết!

Mọi người đều trầm tư. Họ thông cảm với tâm trạng của người bệnh và hình ảnh tuyệt vọng này cũng chính là tương lai của họ trong nay mai.

Thầy cất giọng thâm trầm:

- Cái gì không tránh né được, hãy can đảm nhìn thẳng vào nó, con sẽ bình tĩnh hơn. Hữu thân hữu khổ, có sinh tất có diệt, đó là lẽ thường, đây là định luật chung con à.

Nghĩa khều nhẹ sau lưng dì Xuân Vinh. Dì biết nó muốn nhắc điều gì. Thời gian tinh tảo của mẹ không còn bao lâu.

Xuân Vinh nắm tay Lan, nói xa nói gần:

- Chị đừng bận tâm gì về công việc làm ăn, Nghĩa thay chị điều hành mọi việc rất tốt. Tuy nhiên, chị nên làm Living Trust ngay để tránh những thủ tục rắc rối về sau này.

Nghĩa rụt rè xen vào:

- Làm bây giờ thì đỡ tốn kém và ít bị đánh thuế mẹ à!

Bỗng nhiên Lan nổi cơn giận:

- Mà y mong tao chết để hưởng gia tài phải không?

Thật lòng, Nghĩa không phải là hạng người như vậy. Chàng không giống mẹ chút nào ở chỗ lo ôm giữ bạc tiền. Nhưng gia tài để lại không di chúc, muốn sang tên phải tốn kém nhiều. Tiền thủ tục đó đem bố thí, cúng dường còn hay hơn.

Nghĩa không dám chọc bà giận, chỉ biết đứng làm thinh, lắc đầu.

Cơn giận làm Lan khó thở nhưng bà cũng ráng nói, giọng đứt quãng:

- Mọi người đều muốn tôi... chết! Không ai thương tôi... Tôi dành dụm tiền tận cả đời... mới có cơ nghiệp này. Giao cho nó, không mấy chốc sẽ tiêu ma...

Bây giờ nhà sư mới can thiệp:

- Cậu Nghĩa đã tâm sự với tôi là sẽ vì bà mà dùng tiền của đem bố thí, giúp đỡ người nghèo khổ, hoạn nạn, những kẻ đáng thương. Công đức bố thí này cậu sẽ hồi hướng cho bà. Chỉ cần bà phát tâm hoan hỉ thì sau này sẽ được vô lượng phước báu...

Lan hét lên:

- Tôi không tin!

Lan dùng tàn hơi la lớn để phản đối. Mặt tái xanh, hai mắt trợn trừng. Máy theo dõi tim mạch rú lên báo động. Bác sĩ, y tá chạy đến, họ yêu cầu thân nhân phải ra ngoài.

... Lan từ giã cõi đời ngay tối hôm đó. Nghĩa buồn lắm, vì mẹ luôn luôn không hiểu được chàng, vì sự hiểu lầm này bà ra đi với cõi lòng oán hận.

Tánh tình hai mẹ con tưởng phản, xung khắc như mặt trời với mặt trăng nên từ lâu rồi chàng bắt buộc phải ở riêng để tránh những đụng chạm, xích mích. Thế là bà đánh giá Nghĩa như đứa con hoang đàng, bất hiếu. Tiền bạc, Nghĩa xài rộng rãi, hay giúp đỡ bạn bè, bà bảo chàng phí của. Buôn bán, chàng thật tình với khách hàng, bà mắng chàng khờ khạo... Nhưng Nghĩa làm thỉnh chịu đựng tất cả, những mong có lúc mẹ hồi tâm suy nghĩ lại. Hy vọng này giờ đây hóa thành mây khói.

Thầy M.A. dạy chàng lập đàn cầu siêu, trì tụng kinh Địa Tạng trong bốn mươi chín ngày, dạy chàng phóng sanh, bố thí hồi hướng cho mẹ.

Than ôi, cho đến khi kề cận với cái chết, mẹ chàng cũng chưa thức tỉnh, chẳng hồi tâm. Bệnh tham lam bòn xén ăn sâu trong tâm hồn bà như chứng bệnh ung thư đã đục khoét hủy hoại cơ thể bà. Tuy sống trong sự giàu sang mà lúc nào bà cũng cảm thấy thiếu thốn về tiền bạc, cũng như về tình thương.

Bệnh trầm kha của bà, chắc chỉ có đức Phật, đấng y vương vô thượng, mới chữa trị nổi...

---o0o---

Sư Ông và Lãng Tử

Sa di Phước Hải rón rén đẩy cửa phòng trưng đang khép hờ. Nắng chiều rọi qua bức màn cửa sỏ màu vàng nghệ cũng không soi sáng được toàn thể căn phòng. Trong cảnh tranh tối tranh sáng của hoàng hôn, sư ông P.K. nằm quay mặt vào tường, thỉnh thoảng cất tiếng rên khe khẽ. Phước Hải thương thầy quá, mấy tháng nay căn bệnh quái ác hành hạ sư ông ngày đêm.

Bác sĩ nói sư ông bị ung thư da nặng lắm, không chữa được. Các lớp da bên ngoài cứ dần dần đen sậm lại rồi bong ra từng mảnh, bày lớp da non rướm máu bên trong, đau đớn không tả được, ai nhìn cũng phải rơi nước mắt. Một đệ tử tại gia của sư ông là bác sĩ, đề nghị đưa thầy nhập viện chuyên về ung thư da ở tiểu bang khác nhưng sư ông từ chối: “Sinh tử như mộng, không chuyện gì phải lo.”

Chùa có cả thầy sáu người, trừ bà Hai lo chuyện công quả, bếp núc, thì tất cả đều thay phiên làm thị giả, săn sóc thầy. Phước Hải mang đến cho sư ông ly sữa và trực bên thầy đêm nay.

Sư ông đang nhắm mắt như ngủ - giấc ngủ rất hiếm hoi giữa những cơn đau - toàn thân gầy gò chỉ còn da bọc xương, gương mặt khô đét, làn da sậm quánh lại.

Phước Hải đặt ly sữa trên cái bàn nhỏ duy nhất cạnh đầu giường rồi ngồi xuống sàn gỗ phía dưới chân thầy. Chàng giữ gìn, không dám làm kinh động. Hai hôm nay hình như thầy bớt đau nên ít nghe tiếng rên. Lại một điều là lúc nào sư ông cũng tỉnh táo, không nói mê, cả những khi bị cơn sốt hành cao độ.

Phước Hải ngồi yên trong cảnh tĩnh mịch lặng lẽ, chàng sa di trẻ lại có điều nôn nóng muốn bạch cùng thầy, chỉ e muộn màng sự việc.

Mới đây mà Phước Hải theo thầy đã mười lăm năm, khi vừa tròn năm tuổi. Thuở ấy chùa chỉ là một căn nhà nhỏ hiu quạnh ở ngoại ô thành phố, giữa những vườn cam ngút ngàn thuộc về ông chủ trang trại người Mỹ, thuộc tiểu bang Texas.

Từ năm 1983, người Việt ngày càng đông, kẻ vượt biên, người đi theo diện bảo lãnh. Phong trào di dân này mang đến cho sư ông nhiều đệ tử. Trước

khi Phước Hải đến chùa, sư ông chỉ có hai người đệ tử xuất gia: đại đức Phước Lập và đại đức Phước Chân; cả hai đều được thầy cho tiếp tục việc học.

Thầy Phước Lập hơi lớn tuổi, thích lo việc Phật sự hơn nên thôi học sau hai năm đến trường. Thầy Phước Chân thì ham mê đèn sách vì thầy học rất giỏi, có khiếu về ngôn ngữ, văn chương, triết học. Thầy đậu tiến sĩ và thường thay thế sư phụ để giảng dạy Phật pháp cho người Mỹ. Thầy được xem là người có công đầu trong việc gây quỹ để xây cất lại toàn bộ ngôi chùa cũ bị cháy hơn phân nửa.

Rồi lần lượt các thầy khác đến từ Việt Nam, họ đều đã thọ đại giới, duy chỉ còn Phước Hải, giờ đã hai mươi tuổi rồi mà sư phụ chưa chịu hứa khả. Đại giới đàn, chỉ vài tháng nữa, sẽ được thiết lập vào dịp lễ Phật Đản tại California, nếu không sớm lo thủ tục ắt sẽ trễ tràng.

Năm ngoái, Phước Hải đã xin thầy một lần, người chỉ làm thỉnh. Lần này, nếu thầy không nói gì, chàng sẽ hỏi cho ra lẽ.

Sư ông trở mình, nói thật khẽ:

- Cho thầy miếng nước!

Chú sa di mừng rỡ, đôi mắt đen một mí của chú hình như sáng và to hơn:

- Thưa thầy dùng chút sữa cho khỏe.

Phước Hải đỡ sư phụ ngồi dậy, làn da non đỏ trên tay, trên cổ, trên ngực rỉ máu theo từng cử động. Thầy bậm môi chịu đau, nước mắt đệ tử ứa ra rồi tuôn thành dòng.

Sau khi uống sữa, sư phụ nói như kể chuyện:

- Hồi nhỏ, trước khi gặp đạo và xuất gia, thầy là một đứa trẻ thích làm chuyện quái ác. Vườn quê, không có trò chơi nào thú vị hơn là tát đĩa, tát mương để bắt tôm, bắt cá. Hễ bắt được cá lóc, cá trê là nhóm con nít đắp bùn vào, đốt lửa rơm cháy phừng lên, thả vào nường. Khi đám rơm cháy hết, chờ tàn lửa rụi đi là cá vừa chín. Lột đám bùn bỏ đi, da cá cũng tróc theo, bày thịt trắng hồng, cả bọn xúm nhau xé ra chấm nước mắm gừng ăn thỏa thuê...

Thấy sa di Phước Hải vừa nhăn mặt vừa rùng mình, sư ông giải thích:

- Bồ tát còn mê khi cách âm, hưởng chi là phạm phu như mình. Khi chưa biết đạo, con người lấy tội lỗi làm vui, biết đạo rồi thì chẳng những mình dùng được nhân xấu mà còn vui lòng trả nghiệp cũ...

Chợt có tiếng gõ cửa và giọng thầy Chơn Đắc:

- Bạch thầy, một cư sĩ tên Tâm Điền nói từ xa lại, xin vào thăm thầy. Người này nói đã quy y với thầy chín năm về trước.

Sư ông quay mặt vào vách, miệng như thoát nụ cười

Sa di Phước Hải nhanh nhẩu:

- Con nhớ Tâm Điền rồi! Từ ngày chú vô ý làm cháy chùa rồi bỏ đi, đến nay cũng tám năm hơn.

Sư phụ gật đầu, nói vọng ra ngoài:

- Bảo chú ăn uống nghỉ ngơi, tối vào gặp thầy

Phước Hải thấy thầy vui, tìm cách thừa chuyện của mình:

- Đại lễ Phật Đản sắp đến rồi, năm nay chắc thầy không tham dự đại giới đàn ở Cali được...

Hơn ai hết, hòa thượng P.K. hiểu ý muốn và tâm trạng nôn nóng của người đệ tử trẻ. Từ hai năm trước, nếu dễ dãi một chút, người đã cho phép Phước Hải thọ đại giới. Nhưng khổ nỗi, hòa thượng không thể nào chấp nhận tánh tò mò hay nghe lén của sa di Phước Hải. Nếu Phước Hải thọ đại giới, liệu chàng có xứng đáng với danh hiệu đại đức chẳng khi mà tâm tư và hành vi hay vướng bận vào chuyện thiên hạ?

Hòa thượng nói phân hai:

- Một vài ngày nữa thôi, con sẽ tự biết mình có thể thọ đại giới, đáng được tôn xưng là đại đức chăng?

- Chùa mình toàn là đại đức cả, con thấy việc ấy không khó.

Sư phụ trầm ngâm rồi giải thích:

- Khó chứ con, nếu tự xét mình. Còn cái danh hiệu bên ngoài ai mang chẳng được!

Phước Hải gật đầu công nhận. Hòa thượng vốn thâm trầm ít nói nhưng chắc ngài biết rõ hết tư cách, đạo đức của mọi người sống trong chùa.

Thầy Phước Lập lớn nhất, tuổi đạo lại cao nhưng không lập chí tiến thủ, chỉ thích lo chuyện cầu an, cầu siêu và thủ bồn, lo tương chao gạo muối, ký trả tiền “bill” hàng tháng.

Thầy Phước Chân lanh lợi, bằng cấp cao, gây tạo được phong trào tu học cho người Mỹ, đã kêu gọi đóng góp xây chùa một cách dễ dàng. Nhờ tài thuyết pháp về công đức cúng dường của thầy mà ông Mullenax chủ đất đã hỉ cúng thêm ba mẫu đất quanh chùa.

Nhưng Phước Hải thừa biết sư phụ không hài lòng thầy Phước Chân ở chỗ ông có vẻ bị Mỹ hóa, có vẻ như coi thường giới luật. Ông tiếp Phật tử tại phòng riêng và cười nói với họ thân mật lắm.

Điều này làm cho thầy Chơn Đắc, mới tới chùa mấy năm sau này, do hòa thượng bảo lãnh, cảm thấy khó chịu. Đối với đại đức Chơn Đắc, ranh giới giữa người xuất gia và tại gia rất rõ ràng, cách biệt. Thầy tự cho mình là người xuất phạm, nên giữ khoảng cách đối với những kẻ phạm phụ tục tử rất xa. Phật tử vì vậy ít ai mến thầy, mà thầy cũng không cần đến họ. Hoà thượng nhìn thấy vấn đề nhưng chưa gặp cơ hội thuận tiện để giúp sư Chơn Đắc.

Còn thầy Hạnh Trí, vì hay bệnh hoạn đau yếu nên sinh lười, thích ngủ nghỉ hơn cầu học, cầu giải thoát...

Đối với đại chúng trong chùa, hòa thượng vốn từng trải và thiết thực, không mong sự toàn thiện hoàn hảo, chỉ khuyến nhắc mỗi người nên tự thấy sai sót của mình mà kịp thời chỉnh đốn để ngày một thăng tiến.

Nghĩ đến người rồi ngẫm lại mình, Phước Hải tự biết mình mang tật xấu gì rồi, chàng muốn sửa đổi để sư phụ thấy mình xứng đáng...

Phật tử Tâm Điền già đi thấy rõ. Chàng đã bước vào thời kỳ trung niên với vài sợi tóc trắng xen lộn trên mái tóc đen cứng, lúc nào cũng có vẻ

vô trật tự. Dáng dấp cao lớn không còn gọn ghẽ vì cái bụng đã có vòng đai. Y phục vẫn lôi thôi, nhảu nhú: quần Jean rách rưới, áo thun đen nhàu nát, ngả màu bạc thếp... Trong dáng dấp lừ đừ chập chạp, chỉ còn đôi mắt sáng, ánh lên nét ngây thơ là giữ lại được vẻ hồn nhiên và gây được chút cảm tình với người đối diện.

Sau bao năm đi biển biệt, không tin tức thư từ, trở lại chôn cũ, Tâm Điền không ngờ ngôi chùa nhỏ bé ngày nào giờ đã khang trang đồ sộ. Nếu chùa không giữ tên cũ chắc chắn anh không vào đây tìm sư phụ.

Thầy Phước Lập, Phước Chấn là những khuôn mặt quen biết, tiếp Tâm Điền với đôi mắt hơi nghi ngại khiến Tâm Điền nhớ lại lỗi xưa, vì ngu quên, vô ý đập ngã bàn thờ làm cháy cả chánh điện. Máu tếu vẫn còn, Tâm Điền thâm nghĩ: “Chùa mới xây toàn bằng gạch không dễ cháy đâu!”

Rồi chàng tự nhiên đi tắm rửa, xuống nhà bếp lục cơm ăn như đã ở đây từ xưa đến giờ. Dù người vồn vã hay lạnh nhạt, ân cần hay xua đuổi, Tâm Điền vẫn ngang ngang, vẫn tàng tàng, không biểu lộ buồn vui. Bất đắc dĩ, thầy tri khách Chơn Đắc mới chỉ một phòng trống cho Tâm Điền cất hành lý và nghỉ ngơi.

Sau một giấc ngủ dài, khi Tâm Điền chợt thức giấc thì trời đã khuya. Mảnh trăng thượng tuần lơ lửng như chiếc xuồng độc mộc, cô đơn giữa biển trời vời vợi. Mỗi lần nhìn trăng, chàng đều có cảm tưởng trăng cũng lang thang, cũng lẻ loi như mình.

Chàng không trách người anh vô tình chỉ biết nghe lời vợ, chẳng đoái hoài gì đến em mình sau khi người em ấy đem hết công sức phục vụ cho tiệm buôn của anh ngày thêm phát đạt.

Chàng cũng không giận vợ đã ngày đêm càu nhàu, trách móc chồng là kẻ ngu si khờ khạo, bị lợi dụng, bóc lột như tên đầy tớ không công... Tâm hồn đơn giản đến thơ ngây, Tâm Điền chẳng màng đến tiền bạc, của cải, miễn sao không đói là được.

Tâm ý bất đồng, vợ chàng đòi ly dị sau hai năm chung sống. Nàng mỉa mai:

- Đặng không mừng, mất không lo. Anh chẳng nên có vợ con. Vô chùa ở với mây ông sư chắc hơn!

Từ đó, không vương bận, chàng đã lang thang nay chỗ này mai chỗ kia, như đám lục bình trôi không định hướng, không bám rễ vào đâu. Cuộc sống lang bạt đôi khi cũng buồn nên một lần năm xưa, chàng đã mon men vào cổng chùa, nghĩ rằng mình sẽ gặp những người đồng điệu: những người không màng đến của cải, không muốn bị trói buộc bằng vòng dây tình ái.

Sư ông lúc ấy còn khỏe mạnh, thường cùng Tâm Điền làm rẫy, trồng rau đậu, bắp khoai... Sư ông ít nói nhưng chàng thấy được trong ánh mắt người chứa đựng cả một trời thương yêu và biểu lộ một tâm hồn khoáng đạt.

Ngày Tâm Điền bái biệt thầy để ra đi, nhà sư ân cần dặn dò:

- Sau này thầy trò ta sẽ lại gặp nhau. Khi nào con cảm thấy cần quay về đây, cứ về. Thầy chờ con!

Giọng nói thầy hiền hòa nhưng ngầm chứa sự cương quyết che chở. Người ta ai cũng buộc tội chàng, chỉ mình thầy độ lượng bao dung. Chùa bị cháy hay không, hình như đối với thầy chẳng có gì khác biệt.

Từ chùa, anh đi bộ ra nhà ga xe lửa, chưa biết nên mua vé đi đâu thì gặp một người đồng hương. Người này thấy dáng dấp khỏe mạnh của anh thì mừng lắm, rủ anh về New Orleans giúp ông ta đi cào tôm, đánh cá “Ồ, hể có chỗ chứa thì đi!” Anh quên bẵng là mình đã thọ ngũ giới, trong đó giới sát đứng hàng đầu.

Nghề này chỉ làm sáu tháng ấm, đến mùa lạnh thì rút lên bờ. Trong sáu tháng vô công rồi nghề, những người trẻ thường rủ anh đi nhậu nhẹt, đánh bài. Họ biết tánh Tâm Điền thờ ơ về tiền bạc, ai thua bài cứ tìm anh mượn, mượn anh thì khỏi trả vì biết anh chẳng cần tích giữ.

Ba năm đã trôi qua như thế, Tâm Điền sống không mục đích, không niềm vui. Một hôm, trong khi tàu đang quay vào bờ, anh ngồi lựa cá, búng đầu tôm. Tương đối rảnh rang, anh có dịp quan sát những con cá tươi chong đang dẫy dụa, thoi thóp trên sàn, những con tôm tuy đã bị ngắt đầu, vẫn còn run rẩy vì quá đau đớn... Sau chuyến đi ấy, anh bỏ nghề.

Lang thang ra các thành phố lớn để kiếm việc làm, anh bị trở ngại vì ngôn ngữ. Rốt cuộc, anh cũng kiếm được job do một người Mỹ đen dẫn dắt: chuyên dọn nhà. Chủ nhân là một Mỹ trắng. Ông ta có mấy chiếc xe truck lớn sơn chữ “Moving”. Phận sự của anh là: hể tài xế chở tới nhà nào thì lo

đóng thùng, khiêng bành ghé, đồ đạc ra xe; làm càng nhanh càng tốt. Thỉnh thoảng, ông chủ vỗ vai anh, gật gù cười rồi thưởng thêm vài trăm bạc...

... Có tiếng gõ cửa. Sa di Phước Hải tự nhiên đẩy cửa bước vào. Tâm Điền nhận ra chú ngay nhờ đôi môi mỏng đỏ au lúc nào cũng như thềm nói và hai vành tai nhọn, vành lên, chồm ra phía trước.

Chú vẫn nhanh nhẩu như hồi còn nhỏ:

- Lâu quá rồi còn gì! Có nhiều chuyện kể lắm phải không? Để rảnh rang mình nói chuyện sau. Thầy gọi chú kia!

Phước Hải vừa nói vừa liên tưởng đến bà Hai. Mỗi khi chú khám phá ra chuyện gì mới mẻ, kể cho bà là bà há miệng ra nghe một cách thích thú rồi sau đó đi truyền tin cho mọi người. Và chú chờ có người khác kể cho chú nghe lại tin này với nhiều chi tiết bổ sung thêm thắt. Đối với chú, đây chỉ là trò vui nhưng mãi rồi trở thành thói quen ưa thích những chuyện vặt vãnh ngồi lê đôi mách.

Phước Hải dẫn Tâm Điền đến phương trượng của sư phụ xong, lẽ ra chú nên trở về phòng ngay nhưng thói quen tò mò mạnh hơn ý chí muốn sửa đổi, Phước Hải vội vã đi vòng ra sân. Chú nép mình bên cửa sổ phòng sư phụ, hai chân như bị dán vào nền xi măng, hai tai tập trung cao độ đến nỗi không cảm thấy lạnh lẽo gì dù thời tiết cuối Đông vẫn còn đáng ngại.

- Ta chờ con đã lâu, ta biết thế nào con cũng trở về.

Hai tiếng “trở về” ầm áp như vòng tay thân yêu của người cha độ lượng. Vòng tay triu mến ôm lấy đứa con hoang đàng lưu lạc. “Phải rồi, mình cũng có chỗ để trở về...”

- Lay thầy, nếu con biết thầy lâm trọng bệnh, con đã về sớm hơn.

- Không sao, cũng chưa muộn!

Giọng Tâm Điền sốt sắng và thành khẩn:

- Như vậy con có thể làm được gì? Bất cứ điều chi thầy muốn sai bảo, dù cực khổ đến đâu, con cũng không từ nan.

Sư phụ ho, rên khe khẽ. Tâm Điền có cảm tưởng trái tim mình thắt lại, ruột gan cũng xáo trộn. Con đau của thầy chính là của anh. Nếu bác sĩ nào có thể lột lớp da lành mạnh của anh để đắp lên cho thầy, anh cũng sẵn sàng.

Thầy nhìn anh, cái nhìn xuyên suốt tư tưởng, ý nghĩ của anh.

Thầy cười:

- Ta không cần con phải hi sinh. Dem một sinh mạng để đổi lấy một sinh mạng, việc ấy nào có lợi gì! Cái áo này đã rách nát, hãy trả nó lại cho vô thường. Ta chỉ mong con về đây để cùng ta niệm Phật. Công phu của ta chưa được thành tựu như ý, ta cần sự trợ giúp của con.

Tâm Điền ngồi sững. Sự kinh ngạc quá độ biến anh thành pho tượng đá được tạc nên bởi một nhà điêu khắc có óc khôi hài: đôi mắt tròn xoe, trợn trừng, còn cái miệng thì há hốc méo xẹo.

Mãi một lúc sau Tâm Điền mới thốt nên lời:

- Bạch thầy, trong chùa có nhiều tỳ kheo. Quý vị ấy có đầy đủ tư cách hơn. Không phải con sợ mệt nhọc gì nhưng con không xứng đáng.

Rồi anh lắc đầu, cả quyết hơn:

- Con hoàn toàn không dám. Con là kẻ hoang đàng, không giới luật, không đạo đức.

Hòa thượng nói, không chút gì ngạc nhiên:

- Thầy biết. Nhưng những gì xem như đối nghịch, mâu thuẫn lại có tác dụng hỗ trợ.

- Thưa, con không hiểu gì cả. Con chỉ thấy cuộc đời con không ra gì: con đã ở tù vì tội đồng lõa trộm cắp, khi ra tù thành dân “homeless”, không nhà cửa, không nghề nghiệp, lang thang như kẻ ăn mày...

- Con đã bị hàm oan nhưng con không ta thán kêu ca, phải vậy không?

Ngạc nhiên quá, Tâm Điền quên cả lễ nghi:

- Ủa, sao thầy biết?

Về mặt nhà sư phảng phất một nụ cười:

- Người xem thường tài sản, tiền bạc như con mà lại đi ăn cắp à? Tánh tham không có nơi con.

Tâm Điền phục thầy mình thêm, anh thú thật:

- Dạ đúng vậy, con bị gạt. Tưởng làm cho công ty dịch vụ chuyên chở, dọn nhà, nào ngờ họ tổ chức ăn trộm công khai. Chuyện đổ bể, con mang tội đồng lõa, bị kết án hai năm tù... Ra khỏi tù, con trở thành “homeless”, nhập bọn lang thang với những kẻ không nhà, đêm ngủ vỉa hè, ngày nghỉ dưới gốc cây. Rồi lại trở vào tù vì tội buôn bán ma túy - đường phố thì phải tuân theo luật giang hồ, muốn sống hiền lương cũng không được. Tay con như trót nhúng chàm, cứ liều nhắm mắt đưa chân. May sao con nhớ đến thầy. Ra khỏi nhà giam lần thứ hai con mua vé xe lửa đi thẳng về chùa. Được gặp lại thầy, con mừng quá...

Sư phụ gật đầu:

- Ngày mai, con hãy dậy sớm, nhờ chú Phước Hải cắt tóc, cạo râu cho sạch sẽ. Ta sẽ báo Phước Lập hướng dẫn con nghi thức sám hối. Hãy chí thành sám hối, nguyện không tái phạm, nguyện khép mình trong giới luật, con sẽ được yên ổn, nhẹ nhàng...

Bỗng nhiên hòa thượng nói to hơn:

- Thôi khuya rồi, mấy đứa về phòng ngủ đi!

Trong lúc Tâm Điền còn ngỡ ngác vì hai tiếng “mấy đứa”, bên ngoài, chú Phước Hải thất kinh hồn vía, ù té chạy về hậu liêu. “Thôi chết rồi, thầy biết mình nghe lén. Còn mặt mũi nào xin thầy thọ đại giới! Tự thắng mình mới quan trọng, danh vị bên ngoài nào có nghĩa gì đâu!”

Ba tháng đã trôi qua kể từ ngày hòa thượng nhập thất, cái thất lợp tranh phía sau chùa. Đất quanh chùa rộng quá nên am tranh có vẻ lẻ loi cô tịch, nằm khuất sau lớp cỏ hoang mọc cao quá gối. Chỉ có Tâm Điền là người được phép ra vào mang com nước, tắm rửa vệ sinh cho thầy và trực bên thầy ngày đêm. Mọi chuyện quan trọng thầy đều bàn giao cho các đệ tử.

Ban đêm, trong cảnh thanh vắng của miền quê khoáng đạt, hình như có tiếng niệm Phật lan tỏa nhẹ nhàng theo tiếng gió vi vu. Đôi khi tiếng niệm thật mơ hồ như chỉ là âm vang từ tâm tưởng người nghe; đôi khi được cất lên sang sảng từ một niềm tin mãnh liệt, từ một tâm hồn trống không, tuốt luốt, không dính mắc lụy phiền.

Một già một trẻ thay phiên nhau rỗng rãi niệm ngày đêm khiến những người trong chùa, những Phật tử thường lui tới và thậm chí khách hành hương mới viếng chùa cũng thâm thâm niệm theo.

Sáng hôm sau, sương mù dày đặc. Nhưng trên đám khói mây ấy là một vùng trắng xóa được kết bằng muôn ngàn chùm hoa cam mới nở, lơ lửng giữa không gian, hương thơm ngào ngạt khắp vùng. Hòa thượng đã chỉnh tề y áo. Người cho phép các đệ tử, sau thời công phu sáng, được phép đến thăm thầy.

Họ ngạc nhiên nhìn thấy hòa thượng tươi tỉnh, hồng hào dù các vết đau vẫn còn loang lổ trên cổ, trên tay. Mọi người sụp xuống đánh lễ sư phụ. Trưởng tử Phước Lập là người thương thầy nhất, linh tính rằng đây là lần cuối mình còn được nhìn thấy ân sư, thầy đã không cầm được nước mắt.

Không khí thương cảm, bịn rịn lắng đọng quanh đây. Hòa thượng cho phép mọi người an tọa, hỏi có ai cần thưa thỉnh điều chi. Tất cả đều im lặng, chỉ có tiếng sục sùi nhỏ nhỏ.

Sư phụ ngưng tay lần chuỗi, đỉnh đạc nói:

- Các con hãy lắng nghe!

Phàm là người xuất gia, muốn tiến tu, điều trước tiên là phải tự xét mình. Nhận thấy khuyết điểm để sửa đổi, đó là thật tu. Ai không chịu sửa mình, người ấy không tiến lên được. Trong các con nếu ai không biết khuyết điểm của mình, hoặc thấy mà không từ bỏ được, hoặc tự cho mình là người hoàn toàn, thì nội trong ngày hôm nay, hãy tìm đến ta, ta sẽ vì sự nghiệp tu hành của người ấy mà chỉ bảo cho.

Giờ đây, vì các con, ta sẽ kể lại kinh nghiệm tu hành của bản thân, hãy chú ý nghe cho kỹ.

Hòa thượng ngừng nói, đôi mắt hiền từ lướt trên những khuôn mặt thân thương đã cùng mình trải qua những gian khổ ngọt bùi bao nhiêu năm nay. Sau khi nhấp chút nước thấm giọng, người bắt đầu:

- Thời thơ ấu, thầy là đứa trẻ tinh nghịch, hay phá phách, giết hại loài vật. Vào được cổng chùa, tuy đã dừng ác nghiệp song chưa biết tạo thiện nghiệp. Được bổn sư nhắc nhở, thầy cố gắng lập công bồi đức nhưng lại chấp vào công đức đã làm. Vì vậy, sư ông dạy tu pháp hồi hướng để xả bỏ phước đức hữu lậu. Sau khi thọ giới tỳ kheo, thầy được sư ông hướng dẫn Thiền Tịnh song tu để tiến tới cứu cánh giải thoát.

Sau năm mươi năm ròng rã siêng tu, thầy nghiệm ra rằng “nhất tâm còn dễ đặng chứ vô tâm, vô niệm thật khó đạt thành.” Ngày đêm thầy luôn tự vấn: “Cái gì đã mãi ràng buộc khiến ta chẳng thể vượt thoát lên được?”

Các con có thể tin được điều này không? Chính Phật tử Tâm Điền là người giúp thầy phá tung được mấu chốt cuối cùng.

Mọi người, không ai che dấu được ngạc nhiên của mình. Họ cùng quay nhìn phía ra sau để tìm Tâm Điền nhưng anh không hiện diện nơi đây.

Chờ cho mọi xôn xao lắng dịu lại, hòa thượng tiếp tục:

- Từ nhỏ đến già, ta quen khép mình trong khuôn khổ kỷ cương nên bị nề nếp khuôn khổ chi phối, nó khiến cho năng sở luôn luôn hiện diện. Tới lúc muốn phá vỡ sự ràng buộc, muốn cắn cái kén đã bao bọc mình xưa nay để chui ra, bay lượn tự do, lại không thể làm được.

Còn Tâm Điền là một người bê bối, lôi thôi; đối với nó, không có gì quan trọng hết, kể cả sinh mạng, cả cuộc đời của nó... Ta học nơi Tâm Điền sự xả bỏ đến tận cùng nhưng đồng thời ta cũng khuyên nó nên bắt đầu vô khuôn khổ. Con ngựa chứng tuy có tài nhưng nếu không biết cách điều khiển, nó sẽ thành vô dụng hoặc gây tác hại.

Các con ơi, theo gương đức Phật, việc tu hành phải nên hòa hợp theo đường hướng trung đạo mới dễ thành công, đừng chấp một bên, đừng quyết đoán một chiều...

... Hòa thượng đã viên tịch ngay đêm hôm ấy. Hồi chuông trống Bát Nhã phá vỡ sự yên lặng thăm thẳm của đêm trường, đưa người đến chốn bình yên muôn thuở, khai thông nguồn sáng vô biên.

Mấy tháng sau, Tâm Điền trở thành một sa di mẫu mực. Bên cạnh chú là những người bạn đồng hành, những huynh đệ hết lòng giúp đỡ. Ngoài pháp lục hòa, trong lòng họ còn có sự tương kính. Những lời cuối cùng của hòa thượng đã tác động mạnh mẽ trong lòng mỗi người.

Rừng hoa cam trắng giờ đã kết thành trái ngọt, những trái vàng tươi chín mọng này đã lớn lên trong chuông sớm, kinh chiều; sẽ được phân phối đi khắp nơi, như một sự xả thân cúng dường cho nhân loại. Những trái cam này cống hiến tự nhiên và vô tâm đến nỗi không hề biết rằng khi buông bỏ tất cả là lúc được tất cả...

---o0o---

Hữu Công, Hữu Tội

LTG: tuy dựa vào các dữ kiện thực tế nhưng các nhân vật trong bài hoàn toàn hư cấu.

Lễ Phật Đản mà không được đi chùa là một sự thiếu thốn lớn về tinh thần đối với gia đình bác Tường. Họ là Phật tử thuần thành, hai vợ chồng trường chay cả chục năm nay còn hai đứa con thì tuy “chay đụng” nhưng mỗi tháng cũng ăn được mười ngày chớ không ít.

Tài, con trai trưởng (mà cũng là con út) trong gia đình lại là mẫu người có lý tưởng, thích hoạt động. Tuy đã ra trường, làm việc mấy năm nay ở thành phố cách đó hơn trăm dặm mà Tài vẫn thường xuyên về lo cho gia đình Phật tử hải ngoại với chức vụ Liên Đoàn Trưởng. Anh không tính gì đến chuyện lập gia đình; đôi vợ chồng già hiểu đạo cũng không ép uổng hay hỏi thúc chi cả.

Ông Tường hay đùa, lập lại mấy câu kệ của cư sĩ Bàn Uẩn thuở xưa:

Có con trai không cưới vợ,

Có con gái không gả chồng,

Cả nhà cùng nói chuyện vô sanh.

Nhưng không dễ gì được như vậy. Cô con gái lớn của ông phải sắp sửa theo chồng về Atlanta. Phúc, chàng rể tương lai, tốt nghiệp sau Tài mấy năm, đã

nhận việc ở đây. Phúc cũng có đạo tâm, tánh tình điềm đạm nên ông vui vẻ nhận lời cầu hôn, vả lại hai “vai chánh” đã phải lòng nhau từ lâu rồi.

Bữa nay thứ bảy, bà Tường lo làm bánh cuốn từ sáng để đến trưa thì có sẵn cho mọi người ăn. Tài về nhà mỗi tuần không nói chi nhưng hôm nay Phúc cũng bay về thăm vợ sắp cưới nên bà Tường phải làm đặc biệt hơn.

Bánh cuốn hấp chay của bà không thua gì bánh cuốn nhân thịt. Bà băm củ sắn thật nhỏ, xào với cà rốt, nấm mèo, nấm rơm, gia vị vừa ăn để làm nhân. Để thay thế hành phi, bà dùng những cọng “leek” (ba rô) thái nhỏ, phi vàng lên cũng thơm lắm. Còn nước tương thì luôn luôn bà thủ sẵn trong nhà máy chay nước tương trắng hiệu Lá Bồ Đề, pha ra cứ tưởng là nước mắm. Lại thêm món chà bông làm bằng cà rốt giã nhỏ, xào thật khô, màu đỏ au; khi rắc đều lên đĩa bánh trắng ngần thì trông hấp dẫn vô cùng.

Ông Tường cần nhân vợ đã chay lạt mà còn bày vẽ ăn uống cầu kỳ, bà bảo chữa:

- Thì phương tiện cho con cái ăn ngon, chúng khỏi ngán đồ chay vậy mà.

Người chồng lắc đầu, mái tóc trắng như bông cũng đong đưa theo:

- Vì hai chữ “phương tiện” mà lắm người đi xuống dốc hồi nào cũng không hay đó bà!

Bà vợ làm thinh không trả lời, tiếp tục tráng bánh. Bà thừa hiểu hai chữ “phương tiện” ông dùng để chỉ những chuyện lôi thôi đang xảy ra ở chùa.

Hai chục năm về trước, gia đình ông bà đầu tiên dọn về đây, người Việt mình chưa có ai. Thành phố nhỏ tuy đìu hiu, vắng vẻ nhưng cảnh trí thiên nhiên thơ mộng lắm. Dân chúng địa phương hiền hòa, hiếu khách và sống lành mạnh nên hai ông bà “chọn nơi này làm quê hương” thứ hai của mình.

Dần dần, hăng xướng mọc lên, lồi cuốn nhiều người đến mảnh đất đầy sông rạch ao hồ ở miền Nam này; người Việt tụ về càng ngày càng đông.

Người Việt tha hương mình, hễ vừa an cư lập nghiệp xong là nghĩ đến vấn đề tâm linh. Người theo đạo Chúa thì họp nhau bàn chuyện lập nhà thờ. Nhờ hệ thống tổ chức của Thiên Chúa giáo rất tốt nên chẳng bao lâu họ có nhà thờ Việt Nam để đi xem lễ và sinh hoạt, có ông cha hướng dẫn tinh thần.

Đạo Phật thì chậm chạp hơn. Ban đầu, những người có đạo tâm chỉ họp lại bàn chuyện đạo thôi. Tới ngày rằm hay mùng một thì thay phiên nhau tổ chức những bữa an chay, tụng kinh.

Dần dần, họ lập ra hội Phật giáo với số hội viên thường xuyên không quá hai mươi vị. Số hội viên bất thường thì đông hơn, nhất là vào những dịp lễ lớn như Vu Lan, Phật Đản, họ kéo về tham dự đến bốn, năm chục người làm cho Niệm Phật Đường của hội, vốn là cái nhà xe được sửa lại, trở nên quá chật chội.

Nhu cầu có một cái chùa được đặt ra rất khẩn thiết. Ai cũng thấy cần một mái chùa để sưởi ấm những tấm lòng tha hương, để làm nơi thờ phượng thiêng liêng, làm phương tiện thuận lợi cho những người muốn tu học.

Thế là ban Vận Động được bầu ra và mỗi người con Phật đều tự cảm thấy có bổn phận phải hô hào, kêu gọi, quyên góp. Những tiệm buôn, tiệm ăn, các phòng mạch bác sĩ, nha sĩ (lúc bấy giờ cũng đã khá nhiều để phục vụ cho năm, sáu ngàn người Việt ở đây) cũng vui vẻ đóng góp.

Nhiều tay võ nên kêu. Với sự quyết tâm của mọi người, chùa L.P. được thành lập. Đó là tòa biệt thự xưa nằm trên thửa đất rộng ba mẫu, ở bìa thành phố. Thật là lý tưởng khi chọn được khu vực này để lập chùa vì cảnh trí u trầm, tĩnh mịch. Những cây cổ thụ tạo nên vẻ cổ kính và đất rộng thênh thang.

Nhưng những người có đạo tâm phải bỏ nhiều thì giờ và công sức để sửa chữa lại tòa nhà trên cho ra vẻ một ngôi chùa. Họ chịu khó nhọc cả năm trời để lần lượt làm lại mặt tiền ngôi nhà, phá bớt vách để làm rộng chánh điện. Lại còn lợp ngói, sơn phết và dựng cổng tam quan. Cuối cùng, lễ Khánh Thành chùa được tổ chức vào đầu thập niên chín mươi, với sự chứng minh của ba vị sư từ California sang.

Ban trị sự của hội Phật giáo cứ hai năm được bầu lại một lần. Đó là những người có uy tín, có nhiệt tâm lo cho chùa hoặc có đạo tâm, được đề cử lên. Không ai chịu ứng cử cả nhưng nếu được đề nghị một cách thiết tha thì họ không từ chối.

Bác Tường nhận làm hội trưởng một nhiệm kỳ, sau đó nhất định rút lui vì ông vốn không muốn dính và chức vụ gì cả, nhưng lúc nào cũng dóc lòng lo Phật sự.

Mọi việc xem như đều tốt đẹp trong mấy năm đầu với sinh hoạt mỗi tháng hai lần vào ngày chủ nhật. Những dịp lễ lớn như Phật Đản, Vu Lan, hội thỉnh thầy ở nơi khác đến để chứng minh, chủ lễ và thuyết pháp.

Hình ảnh chiếc y vàng trong chánh điện thật trang nghiêm, âm cúng làm cho một số người nảy sinh ra sự ao ước: “phải chi chùa mình có một vị thầy trụ trì thì hay biết mấy!”

Rồi họ thì thăm với nhau:

- Nhà thờ có ông cha, chùa phải có thầy. Như vậy mới phải lễ.
- Mình toàn là Phật tử với nhau, ai cũng bận đi làm cả thành ra công chuyện chùa đâu người nào bỏ hết thì giờ để chu toàn được.
- Chùa không có người ở thường xuyên dễ bị phá phách, trộm vặt.
- Quan trọng hơn cả là vấn đề tinh thần: con không cha như nhà không nóc vậy.

Thế là vấn đề được chánh thức đặt ra trong một buổi họp rộng rãi.

Trước “khí thế hăng say” của họ, chỉ có bác Tường và một vài người lớn tuổi khác cho ý kiến một cách dè dặt:

- Trên thực tế, hội lập chùa sẵn rồi mời sư đến trụ trì sẽ có những vấn đề tế nhị lắm!
- Làm sao tìm được một vị thầy hữu tài hữu đức, giới hạnh tinh chuyên? Những bậc như vậy đã sáng lập tổ đình, có đệ tử đông vậy, chẳng lẽ bỏ chùa về đây sao?
- Chùa mình người lớn tuổi đông, phải tìm một vị thầy đúng tuổi, có đức độ, Phật tử mới chịu nghe.
- Sau này, nếu có sự bất đồng ý kiến giữa vị thầy và hội ở đây, cần giải quyết trên căn bản nào?

Nhưng vấn đề của những vị này đặt ra, trong lúc đó, đối với họ, không đáng để quan tâm. Họ tin rằng nếu tìm được một vị chân tu thì không có gì đáng lo ngại cả.

Thế là bao nhiêu người để tâm tìm kiếm, hăng hái như lúc vận động lập chùa vậy. Đâu chừng một năm sau, ban trị sự báo tin đã tìm được một vị sư đứng tuổi, tu lâu năm, mới từ Việt Nam đi chính thức sang Mỹ. Họ vui mừng rước vị sư đến thăm chùa và bày tỏ ý định thỉnh thầy trụ trì của mình.

Được một vị “đúng tiêu chuẩn” như vậy, họ mừng quá, không cần tìm hiểu xa xôi gì cả về lai lịch, cuộc đời tu hành của ông thầy ra sao. Hơn nữa, vị này lại có tài ăn nói nên thu phục sự kính tin của nhóm Phật tử nhiệt thành tại chùa L.P. không mấy khó khăn.

- Quý vị “offer job” cho tôi - vị này khá Anh văn nên thường nói chen tiếng Anh vào cho vui – Mà “job” đó như thế nào? Giữ nhà, lo dọn dẹp sạch sẽ trong ngoài hay chuyên gõ mõ tụng kinh?

Một người nhanh nhẩu nói:

- Mô Phật, chúng con cần thầy lãnh đạo tinh thần.

Nhà sư cười:

- Tinh thần của quý vị, quý vị còn chưa làm chủ được, tôi đâu dám lãnh đạo! Lãnh đạo tinh thần là từ ngữ có tính cách chung chung, không cụ thể rõ ràng chút nào.

Ông Hội Trưởng Vạn Niên, người đã tình cờ nhờ sự giới thiệu mà tìm được thầy, giờ mới cung kính đứng lên, chấp tay nói:

- Nam Mô A Di Đà Phật, chúng con thỉnh cầu thầy đến đây để trụ trì chùa.

Nhà sư vẫn làm nghiêm, hỏi tiếp:

- Quý vị thỉnh sư trụ trì nhưng có ai biết ý nghĩa của chữ “trụ trì” không?

Ai nấy đều ngồi im phăng phắt. Mãi một lúc sau, ông thầy mới nói:

- Để tôi giải thích rõ ràng cho quý vị hiểu. Sau khi hiểu rồi, nếu quý vị vẫn còn giữ ý định mời trụ trì, tôi mới hứa khả được.

Vị sư đưa mắt nhìn hết mọi người, chậm rãi nói:

- Trụ, nói cho đủ, là Trụ Như Lai Địa, trì là Trì Như Lai Tạng.

Trụ Như Lai Địa là ở tại đất của Như Lai. Chùa tuy là do bá tánh phát tâm đạo dựng nên nhưng nếu hiểu đạo một chút thì không chấp là của mình mà đem cúng dường Như Lai để làm nơi trụ xứ cho các sứ giả Như Lai.

Lập chùa mà chấp là chùa của riêng một gia đình, một giòng họ hay một hội riêng thì hoàn toàn không đúng nghĩa của tự viện, quý vị hiểu không?

- Dạ hiểu!

Ông thầy gật đầu, tiếp:

- Còn người xuất gia chân chính là một trong Tam Bảo, là người kế thừa sự nghiệp của Như Lai, khi nhận lời trụ nợi nào thì có bốn phận phải duy trì, gìn giữ Như Lai Tạng.

Như Lai Tạng, nói một cách cụ thể, là tất cả những tài sản của Như Lai. Về vật chất thì từ chén cơm đôi đũa cho đến cây kim sợi chỉ trong chùa đều thuộc về Như Lai Tạng vì đó là những phương tiện giúp cho sự tu hành, còn về phương diện tinh thần thì người trụ trì phải biết giữ gìn, chăm sóc, trưởng dưỡng chủng tử Như Lai của mình và của người để làm phát triển đạo nghiệp của Như Lai.

Như người con lãnh gia tài của cha mẹ, không những chỉ biết gìn giữ cho trọn vẹn mà còn phải biết kinh dinh cho sự nghiệp ấy ngày càng phát triển thì mới tròn bốn phận. Cho nên, vai trò của người trụ trì nặng nề lắm và trách nhiệm cũng lớn lao lắm.

Người trụ trì cần ít nhất là hai điều kiện để có thể hoàn thành sứ mạng: một là phải chân thật phát tâm phụng sự Như Lai, hai là cần sự hỗ trợ, tiếp tay của những Phật tử có đầy đủ tín tâm và đạo tâm.

Vậy quý vị nên tự xét lại mình, xem có thể hộ trì Tam Bảo theo tinh thần ấy hay không thì tôi mới có thể hứa khả được.

Trọn buổi họp, gia đình bác Tường không phát biểu một lời nào. Trên đường về, Tài hỏi:

- Ba thấy ông thầy như thế nào?

- Không nên phán đoán người mới gặp, nhất là đối với một vị tăng, con à.

- Con không dám phán đoán hay dở, đúng sai nhưng thấy rõ ràng nhà sư này có một lợi khí sắc bén, đó là tài biện luận. Ông nắm vai trò chủ động một cách dễ dàng.

- Ồ! Ba cũng thấy vậy. Tài năng ấy mà đi đôi với giới đức thì hay lắm. Phật tử có phước mới gặp được.

Tài không mấy cảm tình với ông thầy. Anh nhún vai:

- Để chờ xem!

Cả nhà vui vẻ thưởng thức món bánh cuốn đặc biệt vừa xong. Phúc phụ Thúy dọn dẹp rửa chén trong lúc bác gái xẻ dưa hấu. Tài vừa pha trà vừa đùa nhẹ:

- Anh Phúc, ý quên, anh Hai nè! Chừng nào em sắp cưới vợ chắc phải thọ giáo anh một khóa để biết cách làm rể.

Thúy trả đũa ngay:

- Thọ giáo với anh Phúc mệt lắm đó! Phải học nấu cơm tấm, nấu bún bò Huế, mà cậu thì ngại vô bếp lắm, tôi biết mà!

Tài lắc đầu, nói thầm trong bụng: “Anh Phúc cưới nhằm bà chị mình, bà lanh quá trời!”

Mọi người trở lại bàn ăn đã được lau dọn sạch sẽ để vừa ăn tráng miệng vừa nói chuyện. Gia đình này có nếp quây quần trò chuyện với nhau sau bữa ăn hoặc cuối tuần. Thói quen ấy giúp cho người trong nhà luôn luôn gần gũi và hiểu biết nhau.

Bỗng có tiếng chuông reo. Tài đứng lên đi mở cửa. Tưởng ai, hóa ra bác Vạn Niên, cựu hội trưởng và bác Tâm, vốn là thơ ký của hội.

Bác Tường đứng lên đón khách:

- Mời “nhị vị” vào đây!

Phúc và Thúy định rút lui thì bác Niên vội nói:

- Hai cháu ở lại đây, cả cậu Tài nữa. Hôm nay chúng tôi đường đột tới thăm gia đình anh chị Tường, may mà gặp các cháu đủ cả.

Cả nhà ngỡ ngác, không biết bác cựu hội trưởng muốn nói gì.

Bác Tâm có vẻ tình tĩn hơn, tiếp lời:

- Chúng tôi muốn xin ý kiến của gia đình anh chị về dự định sắp tới của chúng tôi. Chuyện này quan trọng lắm. Xin giữ kín dùm.

Trong khi Phúc, Thúy chưng hửng không biết át giáp gì, Tài xây mặt chỗ khác cố giấu nụ cười vì chính anh là “nội ứng” của hai người khách này.

Bác Tường trai vẫn thản nhiên còn bác gái có vẻ lo ngại. Ông chủ nhà mời mọi người dùng nước để làm bầu không khí trở lại bình thường.

Một hồi sau, bác Niên mở đầu câu chuyện: Cách đây ba năm, chắc quý vị cũng còn nhớ, chính tôi là người tìm được thầy N.N. về đây trụ trì chùa mình.

Mới đầu, ai cũng kính phục ông hết, vì ông ăn nói hay quá. Ông biểu gì ai nấy điều răm rắp tuân theo. Được thế, càng ngày ông càng độc tài và làm những chuyện chướng tai gai mắt hết sức.

Bác gái vốn là một Phật tử ngoan hiền, bà không muốn nghe ai nặng lời phê phán một vị tăng nên dụi dàng cất tiếng:

- Thì thầy cũng như cha mẹ, phận mình là con phải vâng lời.

Bác Tâm cãi lại ngay:

- Xin lỗi chị nghe! Vì cha mẹ có công sinh thành dưỡng dục nên dù cha mẹ khó khăn nghiêm khắc gì mình cũng phải cúi đầu cam chịu. Còn đảng này chúng ta tạo sẵn cơ ngơi rồi ông về làm cha mình, ai chịu nổi!

Ông Vạn Niên nói thêm:

- Phật tử mình bỏ công của trong mấy năm trời mới dựng nên ngôi chùa. Ông về, cái gì cũng chê, phải phá bỏ làm lại đủ thứ tốn tiền biết bao, thật là phí phạm của thường trụ. Nội cái hàng rào quanh chùa cũng tốn cả chục

ngàn, nói chi công tam quan, rồi vườn cây kiểng, hòn non bộ... Phật tử cứ phải đóng góp hoài ai cũng than van.

Rồi bác chép miệng:

- Phải chi tiền đó mình đem trả nợ nhà băng thì giờ này khỏe lo rồi. Nghĩ lại càng thêm tức, ban trị sự bù nhìn do ông lập ra, họ không dám có ý kiến gì hết! Họ chỉ có quyền mỗi tháng mở thùng phước sương đếm tiền rồi ký trả tiền nhà và đủ thứ hóa đơn thôi!

Ông Tâm tiếp lời:

- Kể cũng lạ! Hối đó tiền trong thùng phước sương mình chi xài đủ thứ rồi cũng còn dư. Bây giờ có tháng thiếu trả tiền nhà, phải kêu gọi đóng góp thêm.

Bác Tường ngời đăm chiêu: Những điều họ kể ra chẳng phải là bác không biết nhưng đối với một sự việc, nếu nhìn ở khía cạnh này là đúng, ở khía cạnh khác lại sai nên bác không muốn những đạo hữu này “tố khổ” thầy, e phải tội. Bác đỡ lời:

- Trên thực tế, hồi trước chùa không có sư, ai cúng chùa cũng bỏ hết vô thùng phước sương thành ra nhiều tiền, bây giờ có thầy, nhiều người cúng riêng cho thầy mà không cúng chùa nên tiền trong thùng ít đi là phải rồi.

Ông Tâm nhún vai:

- Đó! Đó! Chỗ tôi muốn nói là thầy không biết điều. Người ta cúng cho thầy, thầy bỏ túi xài riêng còn nợ nần thì Phật tử hè nhau mà trả. Năm nào ông cũng về Việt Nam. Người ta đồn ông có vợ con ở bên đó!

Bác Tường không ngờ có kẻ bạo miệng đồn như vậy nên ông muốn chấm dứt câu chuyện ngay. Giọng ông chắc nịch:

- Mô Phật! Nói có sách, mách có chứng, mình còn hông dám tin huống hồ họ đồn khơi khơi vì ác cảm. “Tội tòng khẩu xuất”, các anh ơi!

Bác Vạn Niên vẫn còn xằng xái:

- Ồ, chuyện bên Việt Nam mình không biết thì đừng nói, còn chuyện ở đây, nếu chúng tôi có bằng chứng, anh nghĩ sao?

- Bằng chứng gì?

- Số là sau hai năm ông thầy tung hoành như chỗ không người, chúng tôi chường mắt lăm nên năm rồi, sẵn cháu Lê Xuân của tôi từ Việt Nam mới sang, tôi nhờ cháu dùng mỹ nhân kế, dụ ông vào tròng. Bây giờ có bằng chứng hẳn hoi.

Cháu tôi vốn có máu “điệp viên” nên khi tôi ngỏ ý nhờ nó “thử ông thầy”, nó chịu liền, cháu trẻ đẹp lại dạn dĩ nên thành công không khó.

Tài nghe nhắc đến Lê Xuân, lòng xao xuyến. Anh chú ý đến cô mà thấy lúc nào cô cũng quán quít bên ông thầy nên tức lăm. Giờ nghe bác Tâm thổ lộ kế hoạch “mỹ nhân kế”, anh thờ phào nhẹ nhõm. Có lẽ Lê Xuân cũng là lý do thầm kín khiến anh ghét ông thầy, muốn tiếp tay đẩy ông đi nơi khác cho khuất mắt.

Thúy nghe câu chuyện đã đến hồi gây cần nên xen vào hỏi:

- Kế hoạch ấy ra sao, thưa bác?

Được người hỏi tới, bác Tâm càng hứng chí hơn:

- Ồ, thì nó từ Việt Nam mới qua, lấy cớ là cần người dạy Anh Văn mà chưa quen ai, nhân biết thầy có bằng cử nhân Anh Văn nên nhờ thầy dạy kèm giùm. Thầy gặt đầu một cái là nó có cớ lân la bên thầy, giờ nào rảnh là nó chạy lại chùa, bắt kê sáng, trưa, chiều tối.

- Chính tôi nhìn xem thấy rõ ràng tôi hù rồi mà thầy còn mở cửa cho Lê Xuân vào. Giờ đó có Phật tử nào ở trong chùa đâu!

Tài nghe nóng mặt:

- Trong chùa có chú tiểu Minh Mẫn tập tu mà!

- I da! Thằng bé đó khật khùng thì biết gì, cậu ơi!

Bà Tường cảm thấy choáng váng, bà không muốn dính vào câu chuyện tày trời này nên thôi lui:

- Lạy Phật! Mình là Phật tử, không nên có âm mưu phá thầy như vậy. Tội này đọa địa ngục A-Tỳ chớ chẳng nhỏ.

Ông Vạn Niên cắt nghĩa:

- Người ta thường nói: “Lấy đá thử vàng, lấy vàng thử đàn bà, lấy đàn bà thử đàn ông”. Có thử thách mới lộ ra bộ mặt thật chớ thấy ai mặc áo nhà tu mình cứ nhắm mắt cúi đầu lay bừa thì gặp kẻ giả tu, họ tha hồ làm bậy, chỉ hại cho Phật pháp. Đây chỉ là phương tiện thôi, chị à.

Bây giờ chúng tôi có đủ bằng chứng rồi cho nên định nhân dịp Phật Đản này, sau khi làm lễ xong xuôi, sẽ lột mặt nạ đạo đức giả của ông thầy rồi mời ông ra khỏi chùa luôn. Tôi xin ý kiến của gia đình anh chị, xem có nên làm như vậy hay là chọn một giải pháp nào êm thấm hơn?

Ông Tường làm thinh. Trả lời có nghĩa là đồng ý với âm mưu của họ. Chuyện lôi thôi này ông biết có thể xảy ra, nên đã nêu vấn đề trước khi họ mời thầy mà lúc đó đâu ai chịu nghe.

Không khí trong nhà trở nên căng thẳng, nặng nề. Phúc muốn tạo sự hòa dịu nên giơ tay xin phát biểu:

- Cháu ở xa không hiểu rõ sự việc ra sao, đúng sai như thế nào nhưng ví dụ chuyện này có thật đi nữa, chúng ta cũng không nên bêu xấu một người tu sĩ. Chỉ nên giải quyết trong nội bộ thôi.

- Chúng tôi cũng không có ác ý đó nhưng chỉ ngại mồm mép của ông, ông có thể lật ngược thế cờ như chơi nếu trong buổi họp chỉ độ mười người.

Bác Tường không muốn dây dưa nữa, ông nói:

- Xin lỗi hai anh, chúng tôi không dám dự vào chuyện này và đã dự định không đi dự lễ Phật Đản năm nay.

Hai người khách biết ý chủ nhà, đành đứng lên cáo từ, lòng không vui vẻ chi.

Lệ Xuân ngồi soi gương. Ánh nắng ban mai xuyên qua cửa sổ khiến cô thấy rõ hình ảnh mình hơn. Cô lắc đầu, nhắm mắt lại như một sự chối từ. Nàng không ngờ chỉ sau một tuần lễ mất ngủ, hình dung của mình lại tiêu tụy đến thế.

Còn đâu làn da trắng hồng tạo sự rạng rỡ cho tuổi đôi mươi, đôi mắt mơ màng đẹp như nhung từng làm xao xuyến bao chàng trai trẻ bây giờ trở nên đờ đẫn, đỏ ngầu với hai quầng thâm sâu hoắm ở bên dưới.

Nàng cầm lược chải tóc. Mái tóc như cũng đồng lóa phản bội nhan sắc của nàng, nó không còn mềm mượt trơn láng nữa; suối tóc như cạn khô nhựa sống với những sợi rời rạc, cứng đờ.

Lệ Xuân buồn rười rượi. Bây giờ nếu ai gặp lại đương kim Á Hậu hội chợ Tết Saigon chắc họ phải giật mình. Không ngờ sang Mỹ mới năm tháng mà nàng biến đổi đến thế. Nhưng thành thật với lương tâm, Lệ Xuân nghĩ mọi sự đều do mình tạo tác cả, nhân quả nhân tiền đây mà.

Với nhan sắc mỹ miều, cô gái nào không kiêu hãnh, nhất là các cô ở Việt Nam mới sang, được thanh niên săn sóc đặc biệt lắm. Nào Lộc, nào Huỳnh, nào Quốc và sáng giá nhất là kỹ sư Tài, liên đoàn trưởng Gia đình Phật tử tại đây nhưng Lệ Xuân vẫn thấy lòng dửng dưng; có lẽ vì cô đang ôm ấp mộng làm người mẫu. Cô muốn sang Cali, nơi đó sắc đẹp của cô có cơ hội được nhiều người biết đến và không chừng cô sẽ được mời đóng phim, bước lên đài danh vọng mây hời.

Lệ Xuân không định lưu lại nơi vùng này lâu, nếu ba mẹ nàng không chịu sang Cali thì nàng sẽ đi một mình, bên ấy đã sẵn có bạn bè, bà con. Bởi thế, khi bác Hai Tâm ngỏ ý nhờ nàng dùng kế mỹ nhân để thử thầy N.N., nàng bằng lòng ngay, với nhiều phần khởi; xem đây như một trò chơi thú vị.

Thầy N.N., theo lời bác Hai nói, vào khoảng năm mươi tuổi, có tài biện luận, thích chỉ huy và đôi khi rất độc tài nên Phật tử ở đây không mến. Họ mong có cơ hội mời thầy đi chỗ khác, nếu Lệ Xuân giúp họ thì công này rất lớn. Nàng hãnh diện nhận lãnh vai trò này, như một kịch sĩ lần đầu tiên ra sân khấu mà được thủ vai chánh.

Khi Lệ Xuân được gặp thầy N.N., nàng cảm thấy thích thú trong “công tác” hơn vì dưới mắt nàng, vị thầy tu này rất hoạt bát, vui vẻ, nhiều nam tính và trẻ hơn tuổi nhiều. Dáng người cao ráo, làn da ngăm ngăm, đôi mày rậm hơi xéch biểu lộ sự cương quyết, đôi mắt sáng đầy nghị lực. Nơi thầy toát ra vẻ hiên ngang của một dũng tướng; khi thầy mở miệng nói thì người đối diện bị thu hút ngay, không chỉ vì âm thanh trầm hùng, vì ngôn từ lưu loát mà còn vì cái miệng của thầy có duyên. Thầy như không vương bận điều chi, không gì có thể ràng buộc được thầy.

Sau lời thưa thỉnh, thầy N.N. nhận lời dạy Anh Văn cho Lê Xuân với một yêu cầu: Lê Xuân phải dạy chữ Việt cho chú tiểu Minh Mẫn. Chú đã mười tuổi rồi nhưng vì bệnh chậm phát triển nên ngu ngơ như đứa trẻ lên năm. Cha mẹ cho chú theo thầy từ lúc thầy mới nhận chùa.

Thầy nói:

- Chùa chỉ có một thầy, một trò mà công chuyện thì nhiều lắm. Nếu con phụ giúp lo kèm cho tiểu Mẫn học, thầy mới có thì giờ dạy con thêm về môn Anh văn.

Thế là nàng có cơ để đến chùa thường xuyên, dĩ nhiên là vào những ngày thường, ít Phật tử vắng lai.

Thầy N.N. nói tiếng Anh lưu loát và đúng giọng lắm. Vào những ngày lễ có khách ngoại quốc đến dự, thầy tiếp họ rất thoải mái, tự nhiên.

Ban đầu, Lê Xuân được dạy về luyện giọng, tập phát âm cho đúng từng chữ rồi sau đó mới ráp lại thành câu.

Thầy N.N. tự nhiên lắm. Thầy nói, cười, pha trò một cách hồn nhiên và lại tận tâm dạy nên ở gần thầy, đầu óc Lê Xuân không thể nảy sinh những ý nghĩ xấu xa; nàng lại bị cuốn hút vào sự học tập ngày càng tiến bộ.

Hai tháng trôi qua, chưa thấy động tịnh gì, bác Tâm sốt ruột hỏi thăm, Lê Xuân đành nói dối:

- Cá sắp cắn câu! Con đến giờ nào thầy cũng tiếp, con trở thành khách quý của thầy rồi. Để con thử đến vào buổi tối, xem thầy mở cửa không?

Thế rồi Lê Xuân lựa những đêm tối trời, lần mò đi đến chùa, bác Tâm rình xem bên ngoài. Ông há hốc mồm thiếu điều muốn la to khi thấy cửa chùa xịch mở rồi đóng ập lại liền sau đó.

Nhưng bác không hề biết rằng chính tiểu Mẫn mở cửa cho Lê Xuân vào. Thầy dạy chú tiểu lấy sẵn tập vở chờ “cô giáo” đến.

Đêm nào sự việc cũng xảy ra y như vậy. Lê Xuân hỏi dò:

- Thầy đâu rồi?

Chú tiểu lắc đầu:

- Không biết!

Lần nào chú tiểu cũng trả lời y như thế, Lệ Xuân thấy bực, không thềm hỏi nữa. Nàng bảo tiểu Mẫn tập viết rồi lân la đi tìm thầy. Với ý nghĩ không chánh đáng trong đầu, tim nàng đánh lô tô trong lòng ngực.

Có khi nàng gặp thầy đang tụng kinh trên chánh điện, có lúc thấy thầy đang thiền hành. Khung cảnh tôn nghiêm làm Xuân đành rút lui với lòng hổ thẹn.

Một hôm, như thường lệ, Xuân lại đi rình xem thầy ở đâu. Chánh điện vắng bóng thầy. khắp nơi đều im phăng phất; tiểu Mẫn thì đang nặng óc làm bài toán khó. Lệ Xuân chắc chắn thầy đang ở trong phòng riêng. Đây là cơ hội tốt mà nàng chờ đợi từ lâu. Tay chân nàng bỗng nhiên run rẩy, cơ hồ đứng không vững. Nhưng hình ảnh bác Tâm hiện ra với những lời thôi thúc, những câu nói kích thích lòng tự ái và sự kiêu hãnh của nàng. Không suy nghĩ gì thêm, Lệ Xuân đánh bạo tiến về phương trượng, nhẹ tay gõ cửa.

Không có tiếng trả lời, cửa không khóa. Lệ Xuân run tay đẩy nhẹ cánh cửa. Phòng tối om. “Chắc ổng không có ở trong!” Nàng tần ngần ở đấy một hồi; lòng vừa tiếc rẻ, vừa mừng cho mình tránh khỏi một trọng tội. Trước khi thoái lui, Lệ Xuân định thân nhìn kỹ lần nữa ở bên trong. Lạ chưa! Thầy đang ngồi ở giữa phòng trong tư thế kiết già, trên đầu thầy như tỏa vòng hào quang.

Lệ Xuân có đầu óc khoa học nên không tin những phép lạ, thần thông; nàng cho rằng có lẽ vì sự tưởng tượng quá mạnh mà nàng thấy thế thôi.

Đêm ấy trở về, Lệ Xuân không ngủ được. Trần trọc mãi với những ý nghĩ phải quấy, tội phước, nàng không biết mình nên dừng trò chơi này hay nên tiếp tục. Cuối cùng, lòng tự kiêu lại khống chế nàng: “Ông cố ý trốn tránh mình, thế là trong lòng ông có cái gì rồi! Nếu không tấn công mạnh thêm thì làm sao mình thắng được?”

Thế là nàng phải bịa chuyện để báo cáo với bác Tâm. Ông hỏi: “Con cần gắn máy thu âm trong người để có bằng chứng không?”

Nàng ngần ngừ: “Sao cũng được!”

Tháng sau đó, Lê Xuân sắp đặt sẵn trong đầu những lời đối đáp, những câu hỏi bằng Anh văn để khi trả lời, thầy có thể lọt vào bẫy hầu có bằng giao cho bác Tâm. Chấm dứt được công tác này, nàng sẽ bay qua Cali ngay, cho yên chuyện.

Vốn đã có sẵn căn bản về từ ngữ và văn phạm, sau bốn tháng học tập đều đặn, Lê Xuân đã có thể nghe và nói những câu thông thường. Nàng sẽ lợi dụng thời giờ đàm thoại để hỏi thầy những câu “gay gân” mà chắc chắn nàng sẽ không bao giờ dám mở miệng nói bằng tiếng mẹ đẻ. Nếu thầy bắt lỗi hay rầy rà thì nàng sẽ giả lả rằng “chỉ là một sự thực tập nói tiếng Anh thôi, không có dụng ý gì cả!” Và lại cách xưng hô bằng Anh ngữ “I” và “you” rất dễ dàng và gần gũi, không quá nghiêm trang như khi gọi “thầy” và xưng “con”.

Sáng hôm ấy, nàng trang điểm khá cẩn thận. Không lòe loẹt diêm dúa nhưng kín đáo khéo gợi, Lê Xuân tô phơn phớt chút phấn hồng trên gương mặt trái xoan trắng mịn. Đôi hoa tai nhỏ xíu bằng hạt trai màu xám sậm đi cùng bộ váy xâu chuỗi ôm sát cái cổ tròn trịa, trắng ngần. Chiếc áo sơ mi màu lá mạ non làm cho đóa hoa anh đào trên môi nàng thêm tươi mát. Chưa đủ, phải buông vài lọn tóc đong đưa như tơ liễu và bôi tí nước hoa Chanel vào suối tóc óng ả chảy dài trên tấm lưng thon.

Giờ này cả nhà đều đi khỏi. Ba mẹ quần quật đi làm bảy ngày một tuần, hết ca ngày đến ca đêm, đâu ai ở không mà để ý đến việc làm của nàng. Biết con đến chùa học Anh văn và dạy chữ Việt là tốt rồi, không cần hạch sách lôi thôi gì cả. Các em thì đứa nào cũng ngán chị Hai, đâu dám theo dõi rình mò.

Lê Xuân đứng uốn éo ngắm mình trong gương lần nữa trước khi bước ra khỏi nhà. “Nhan sắc này đáng lẽ phải đoạt giải hoa khôi! Ban giám khảo thiên vị rõ ràng, ai cũng bảo thế”. Nàng tự nhủ với lòng kiêu hãnh.

Bên ngoài, nắng vàng tràn ngập đường phố giờ đã trở nên vắng vẻ. Tuy sắp chuyển sang hè mà cây cỏ vẫn còn xanh tươi, hoa vẫn còn chen với lá. Chùa không xa lắm nên Lê Xuân thích đi bộ để nhìn ngắm thỏa thuê: Đây là giòng sông nhỏ in bóng trời xanh, nọ là đàn chim nhớn nhơ bay lượn, cả đến con đường đất dành riêng cho người đi bộ cũng nở đầy hoa dại xen lẫn vùng cỏ biếc.

Trong cảnh trí hữu tình, Lê Xuân bỗng nảy sinh ra một ước mơ: phải chi có người yêu đi dạo với mình trong buổi sáng tươi đẹp này! Tâm lý nàng

chẳng biết có lạ lùng chẳng khi những người theo đuổi nàng, Lê Xuân chẳng phải lòng ai cả.

Đột nhiên, hình ảnh của người ấy hiện ra, hiện ngang như chưa bao giờ chịu khuất phục và cao vời như áng mây. Nàng khẽ ngâm: “Chàng như mây mùa Thu”. Không, người ấy không trầm buồn man mác như mây xám chập chùng mùa Thu. Người như một vầng mây sáng rỡ chung quanh mặt trời rạng đông, tinh khiết như cụm mây trắng ngần giữa bầu trời thiên thanh...

Lê Xuân không dám tin ở lòng mình nhưng ý nghĩ oái oăm này một khi đã xuất hiện thì bám riết tâm tư nàng như chứng bệnh nan y...

Buổi học Anh văn sáng nay diễn ra như thường lệ. Thầy N.N. vẫn tươi cười, điềm tĩnh như mọi hôm. Hình như ông không chú gì đến sự khác thường của Lê Xuân. Hôm nay, theo chương trình, thầy trò sẽ đối thoại, đề tài tự do. Khác với những lần trước, kỳ này Lê Xuân nắm phần chủ động để chuyển câu chuyện theo hướng định sẵn của mình.

Sau những lời thăm hỏi xã giao, Lê Xuân mạnh dạn bắt đầu ngay:

- Nếu thầy (you) không phiền, tôi (I) xin hỏi vài câu thuộc lãnh vực tu hành.
- Cô cứ hỏi.
- Phải chẳng người tu không có trái tim? Họ muốn biến thành tượng gỗ ngồi trên bàn thờ?
- Cô nghĩ sai rồi. Nếu không có trái tim, không biết xúc động, không biết thương yêu, người ta không thể tu được.
- Thế trái tim của thầy có xúc động không khi biết có người thương thầy?

Thầy N.N. có vẻ tránh né:

- Ai thương tôi, tôi cũng cảm ơn.

Giọng Lê Xuân tha thiết hơn:

- Nếu tôi nói thương thầy, thầy có dành chút tình cảm nào cho tôi không?
- Tôi cũng thương cô như thương tiểu Mẫn vậy.

- Không có gì đặc biệt hơn sao?

- Đối với tôi, mọi người đều như nhau. Sự thương ghét không thành vấn đề quan tâm.

Lệ Xuân thất vọng.

- Tôi nghĩ rằng người tu không còn chút tự do. Họ không dám làm những gì họ muốn.

Thầy vẫn bao dung:

- Cô làm rồi! Người tu, theo đúng nghĩa, là kẻ thoát khỏi vòng nô lệ của dục vọng. Họ luôn luôn làm chủ được chính mình.

Nói xong, thầy chuyển đề tài ngay và điềm nhiên như không có chuyện gì xảy ra.

Sau buổi học hôm ấy, Lệ Xuân về nhà với những bước chân nặng trĩu. Tình cảm trái ngang khi không được đáp ứng, lại trở nên mạnh mẽ hơn bao giờ. Từ đó, cô không đến chùa nữa. Bệnh tương tư làm cơ thể cô ngày càng héo gầy.

Lệ Xuân đã trao cuốn băng cho bác Tâm, như đã xong phận sự. Cô nghĩ rằng những lời dối đáp trong băng vô hại. Nhưng cô không dè bác Hai Tâm là người mưu sĩ, bác sửa đổi, cắt xén, ráp nối sao đó mà tuyên bố rằng đã có bằng cứ để “lột mặt nạ” ông thầy.

Bác Tâm và ông Vạn Niên đã hẹn nhiều người đến chùa vào đêm 14 tháng 4 âm lịch để thấy sự thật. Bác dặn thế nào Lệ Xuân cũng phải hiện diện để làm chứng nhân.

Thấy Lệ Xuân định thôi thoát, bác tiết lộ bí mật: “Cháu đừng lo, cuốn băng cháu đưa cho bác, bây giờ trở nên lâm ly, trữ tình lắm, mình không thua cuộc đâu!”

Sự tiết lộ của bác làm Lệ Xuân đau khổ và hối hận quá. Nàng vừa yêu, vừa kính phục người ấy đâu thể tiếp tay bêu xấu người với bằng chứng giả tạo được. Nhưng mà nàng cũng không dám sửa sai bác Tâm trước đám đông. Bác là người đã bảo lãnh gia đình nàng sang Mỹ, nợ máy bay còn thiếu bác chưa trả xong kia mà!

Sự dằng co mâu thuẫn trong nội tâm làm nàng mất ngủ cả tuần khiến thân thể võ vàng, tâm thần bất định. Nhưng mà đêm nay, Lê Xuân đâu thể vắng mặt được. Nàng đành miễn cưỡng sửa soạn qua loa, bác Tâm đang chờ ngoài xe với từng hồi còi hồi thúc.

Đêm nay, nhiều Phật tử đến chùa giúp thầy chuẩn bị lễ Phật Đản vào ngày mai. Đèn đuốc sáng choang, không khí vui vẻ rộn rịp. Nhưng nếu tinh ý, người ta sẽ nhận ra có hai thành phần rõ rệt. Nhóm Phật tử vô tư thì lúi húi trong công việc còn phe “đạo chánh” thì mang bộ mặt nghiêm trọng, chỉ đi tới đi lui quan sát hay ngồi rì tay mấy cụ già.

Lê Xuân kín đáo đi tìm thầy. Thầy cũng bận trang hoàng chánh điện với nhóm thanh niên Phật tử, có cả Tài ở đây. Tiểu Mẫn gặp lại nàng, tỏ vẻ mừng rỡ, chấp tay chào: “Thưa cô giáo!”. Trông nó sáng sửa hẳn ra và không có vẻ gì là khờ khạo ngu ngơ cả.

Đang lúc Lê Xuân nói chuyện với tiểu Mẫn, bác Vạn Niên lớn tiếng mời mọi người đến họp ở trai đường với lý do: “Có chuyện khẩn cấp, vô cùng quan trọng!”

Đa số đều ngơ ngác, do dự. Họ đi tìm thầy để thỉnh ý thì chợt khám phá rằng thầy không có mặt ở trong chùa nữa. Nhóm thanh niên đang làm việc với thầy hoang mang hơn hết vì mới năm phút trước đây, thầy còn chỉ họ làm đèn xếp, lau dọn chánh điện và chuẩn bị nơi làm lễ tắm Phật, rồi vui miệng thầy nhắc lại nghi thức tắm Phật với từng chi tiết một.

Mới đây mà thầy đâu rồi? Người ta tủa ra đi tìm thầy từ trong đến ngoài. Chiếc xe “con cóc” già nua cũ kỹ của thầy, do một Phật tử cúng dường, cũng còn đậu yên tại chỗ. Tài phóng nhanh vào phòng thầy: Mọi thứ vẫn còn y nguyên, cả đến cái túi vải nâu mà thầy hai đeo trên vai khi cần đi công chuyện Phật sự cũng còn máng trên vách.

Mỗi người có một ý nghĩ khác nhau: Lê Xuân thở phào nhẹ nhõm; nhóm “đạo chánh” hớn hờ cho rằng thầy bỏ trốn; còn đa số Phật tử hay lui tới chùa thì tin rằng thầy có phép thần thông.

Rồi tất cả ngồi lại với nhau để bàn bạc. Bác Vạn Niên đứng lên với ý định chủ động buổi họp nhưng ông chưa kịp mở lời thì tiểu Mẫn đưa ra một bức thư: Thư của thầy.

Tài lãnh phần đọc thư vì anh có giọng nói lớn và rõ ràng dễ nghe.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật,

Kính thưa quý Phật tử,

Cách đây ba năm, vì cảm lòng thành của quý vị, tôi đã nhận lãnh chức vụ trụ trì tại chùa L.P. Nhưng trước khi hứa khả, quý vị còn nhớ tôi đã nói gì không?

Thưa, tôi đã nói rằng: “Nếu những ai có công lập chùa mà còn chấp đó là chùa riêng của mình thì nơi đó không phải đất của Tam Bảo. Phật Pháp Tăng là của mọi người nên Tam Bảo địa cũng là của mọi người, không thuộc về riêng ai. Sau mỗi thời kinh, khóa lễ, chúng ta luôn luôn hồi hướng:

Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử và chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo.

Hồi hướng, ở phương diện nào đó, cũng có nghĩa là xả bỏ, không chấp mình có làm việc thiện, cũng không chấp có việc thiện, có công đức đã làm. Phải xả bỏ những cái hạn hẹp, riêng rẽ như vậy mới có thể phát tâm Bồ Đề rộng lớn được.

Bao giờ chúng ta còn chấp giữ, bấy giờ chúng ta còn sai lầm, còn phiền não.

Ngày mai là ngày kỷ niệm Phật Đản sanh, nếu quý vị muốn cứ hành lễ Khánh Đản, xin nhớ rằng đức Phật không thể đản sanh trong những tâm hôn u tối, si mê. Hãy sám hối một cách chân thành nếu xét thấy mình đã có ý nghĩ, việc làm, ngôn ngữ không đúng chánh pháp. Công đức sám hối mâu nhiệm này sẽ giúp tâm hồn quý vị trở nên an ổn, hầu có thể tiến tu và tiếp tục bồi công lập đức, lợi mình lợi người.

Bấy lâu nay, nhiều vị đã phát tâm cúng dường cho tôi, tôi đã theo lời Phật dạy, vì quý vị mà bố thí cho những người nghèo đói, tật bệnh, những kẻ khốn khổ bơ vơ nhưng cho đến nay, số tiền còn lại cũng khá. Đạo hữu Tường Vân (bác Tường) sẽ thay tôi giao số tiền ba mươi tám ngàn cho Ban trị sự đương nhiệm. Quý vị có thể dùng tiền này trả dứt nợ ngân hàng vì làm Phật sự mà lo nghĩ quá nhiều về nợ nần tiền bạc thì sự tu tập sẽ trở thành thứ yếu.

Trong tương lai, chùa sẽ có một vị tân trụ trì. Vị này không xa lạ gì đối với quý vị. Tuy là người mới phát nguyện xuất gia nhưng thiện căn phước đức của vị ấy đã chứa nhóm từ nhiều đời nhiều kiếp.

Còn tiểu Mẫn giờ đã bình phục. Đạo hữu Minh Thái có thể đem con về cho cháu đi học. Sau này nếu cháu phát tâm xuất gia thì rất tốt.

Nhân duyên của tôi đối với Phật tử tại đây đã mãn nhưng chắc chắn rằng tôi sẽ luôn luôn ủng hộ quý vị.

Văn bất tận ý. Kính chúc quý vị thường giữ thiện tâm, thường tu chánh pháp y như lời Phật dạy cho đến khi viên mãn quả Bồ Đề.

Nam Mô Chứng Minh Sư Bồ Tát.

Tỳ Kheo Nhật Nguyệt.

Tài toát mồ hôi trán khi đọc xong bức thư. Mọi người đều im lặng vì không dám làm kinh động sự xúc cảm đầy thiêng liêng đang lan tỏa nơi đây.

Phe “đạo chánh” lặng lẽ xấu hổ, lại thầm cảm ơn nhà sư đã tránh cho họ khỏi phạm tội phỉ báng một vị chơn tu. Lệ Xuân lên ra sau bếp ngồi ôm mặt khóc tức tưởi. Cô không rõ tâm trạng mình, chỉ muốn khóc cho thỏa. Nhiều người mến thầy quá cũng lặng lẽ sụt sùi vì sự chia ly quá đột ngột. Họ lại có dịp thân thánh hóa nhà sư: Chắc ngài là Bồ Tát thị hiện, ngài là bậc Thánh tăng hiếm hoi trong thời mạt pháp...

Ông Vạn Niên thì thầm bên tai bác Tâm: “Chúng mình có mắt như mù!” Rồi ông kêu gọi mọi người làm lễ sám hối. Tất cả đều hưởng ứng với lòng chí thành.

Sau đó, Ban trị sự phân công cho mọi người để tiến hành lễ Phật Đản vào ngày hôm sau. Ai cũng nức lòng với Phật sự vì hình ảnh chân tu sáng ngời trong tâm tư họ, như một ngọn đuốc soi đường.

Tài về đến nhà lúc nửa đêm. Trăng rằm tháng tư sáng vàng vạc trên bầu trời trong veo, soi tỏ cả sân nhà, phản chiếu trên những viên sỏi bóng ngời. Anh nghe mùi trầm hương lan tỏa rất nhẹ trong không khí. Anh hít thở thật sâu như muốn tận hưởng sự tinh khiết, an lành đang bao phủ chung quanh.

Chàng thanh niên chậm rãi bước vào nhà. Ba anh đang tĩnh tọa trước bàn thờ Phật. Anh rón rén bước chân, không dám làm xao động sự trang nghiêm thanh tịnh ở đây.

Mẹ anh vẫn còn thức, có lẽ bà đang chờ anh về. Nhìn vẻ mặt của mẹ, anh biết bà có điều muốn nói. Nhưng Tài còn có chuyện quan trọng hơn để hỏi:

- Ba có giữ ba mươi tám ngàn của thầy giao không?

Cái gật đầu xác nhận của mẹ làm anh xấu hổ: Lúc nào anh cũng đa nghi. Sự ngờ vực khiến anh xa đạo nghìn trùng.

Bà Tường bảo con ngồi xuống ghế; bà vào đề thẳng:

Ba con xin xuất gia, đã được thầy hứa khả.

Tin này thật ra không làm Tài ngạc nhiên lắm. Bức thư anh

đọc ở chùa ban nãy đã khiến anh có linh tính không sai.

Hai mẹ con cùng ngồi im. Họ biết chuyện này sớm muộn gì cũng đến nhưng không ngờ lại xảy ra vào thời điểm rồi ren như hiện nay.

Bỗng sực nhớ ra, Tài hỏi:

- Thầy N.N. đến đây vào lúc nào?

- Cách đây mấy tiếng đồng hồ; khoảng 9 giờ hơn.

Tài hỏi dồn dập:

- Thầy ở đây lâu không? Thầy đi vào lúc nào? Đi đâu ba mẹ biết không?

Bà Tường vẫn điềm đạm trả lời từng câu hỏi của con:

- Thầy lưu lại chừng nửa tiếng đồng hồ. Thầy đi đâu ba mẹ không biết mà cũng không dám hỏi.

Tài thở ra, thất vọng. Anh muốn đi tìm thầy để tạ lỗi. Anh đã đánh giá thầy quá thấp và ganh ghét thầy một cách vô cớ. Tài đứng lên:

- Thầy không có xe. Chắc con có thể gặp thầy ở bến xe buýt hay nhà ga xe lửa.

Bà Tường không cản con nhưng bà đoán chắc rằng sẽ không ai tìm được thầy vì trước khi ra đi, thầy đã nói với hai người rằng:

- Như Lai không từ đâu đến cũng không đi đến đâu. Là đệ tử của Như Lai, tôi chỉ tùy duyên hành sự, không trụ ở nơi nào nhất định. Muốn gặp nhau, xin hãy theo hạnh nguyện của Bồ Tát mà làm. Nhưng làm Phật sự mà chấp mình có công thì công trở thành tội. Đó là sự thật mà ít ai thấy.

Nói xong, thầy chấp tay chào; hai ông bà tiễn thầy ra tận ngõ. Họ đứng nhìn bóng thầy in trên mặt đường loang loáng ánh trăng khuya rồi xa dần, xa dần cho đến khi khuất hẳn.

---o0o---

Bức Tranh Phù Thủy

Khuôn viên trường đại học Stanford miền Bắc tiểu bang California đang mở cửa đón khách yêu hội họa. Mùa thu vừa mới bắt đầu với nắng to tha thướt trong hơi lạnh còn nhen thơ. Thiên nhiên đã tô màu lá nửa vàng nửa đỏ trên những hàng cây hai bên đường dẫn vào khu triển lãm.

Thiều có cảm tưởng mùa Thu năm nay vừa biểu dương sự kiêu hãnh vừa bày tỏ nét sầu bi của nhân dân Mỹ sau vụ khủng bố kinh hoàng ở New York vào tháng chín vừa qua.

Khách đến đây chẳng phải chỉ để ngắm tranh suông. Đa phần tranh này sẽ được bán đấu giá vào tuần sau; tất cả số tiền thu được sẽ tặng cho American Red Cross và United Way, hai cơ quan từ thiện lớn của Mỹ đang dẫn đầu công tác cứu trợ, giúp đỡ gia đình các nạn nhân.

Mới 11 giờ, phòng tranh đã đông đặc người, những kẻ đến sau còn xếp hàng thật dài ngoài sân. Thiều công nhận con gái mình có lý khi nó bảo nên đi sớm nhưng thói quen thức dậy trễ vào cuối tuần đã khiến chàng còn đứng chôn chân nơi đây.

Trâm Anh đang là sinh viên năm thứ ba ngành y ở đây nên Thiều có dịp tham dự nhiều sinh hoạt thể thao, văn nghệ của trường. Con gái anh thật tế

nhị trong cách săn sóc, nâng đỡ tinh thần của cha mình, người cha cô đơn, góa vợ sớm.

Bốn mươi tuổi, lứa tuổi dồi dào nhựa sống, nhiều nghị lực để phấn đấu với đời. Vậy mà nửa đường, nàng lặng lẽ ra đi. Chỉ khi nào phải đưa tiễn kẻ thân yêu ra nghĩa trang, người ta mới thấm thía sự vô thường của cuộc sống, của kiếp người. Đôi khi, Thiều muốn buông trôi tất cả: chức vụ, giàu sang nào có nghĩa gì đâu...

Nhưng dần dần rồi cũng nguôi ngoai, cũng quen với những buổi đi về vắng vẻ. Ba năm rồi còn gì! Trâm Anh khuyến khích và hướng dẫn cha trở lại những sinh hoạt trẻ trung của trường đại học, nơi một thời anh và vợ đã cùng gặp gỡ, gắn bó. Trâm Anh ngẫm hi vọng nơi đây ba mình sẽ gặp được một người tri kỷ và ông sống vui hơn.

Song tự thâm tâm, Thiều biết mình không còn thích hợp nữa với những sinh hoạt thanh niên. Chàng cảm thấy lòng mình êm ả hơn vào những ngày đi lễ chùa, nhìn khói hương lan tỏa nhẹ nhàng nơi chánh điện, nghe tiếng chuông thanh thoát, giọng tụng kinh hòa điệu theo nhịp mõ thâm trầm...

Chàng thích tham dự những buổi giảng dạy Phật pháp, đây là một khung trời mới mẻ đầy kỳ hoa dị thảo. Trước đây, cũng nhờ Quang, người bạn học cũ vốn là cựu huynh trưởng Gia Đình Phật Tử, hướng dẫn đến chùa cúng thất cầu siêu cho vợ vào mỗi chủ nhật nên anh được làm quen với cảnh chùa, những sinh hoạt Phật giáo và sách vở, giáo lý... Nhờ đó, Thiều biết đạo Phật không phải chỉ là hình thức nghi lễ tôn giáo. Càng khám phá, người ta sẽ càng kính ngưỡng hơn biển trí tuệ tuyệt vời không giới hạn của Như Lai...

... Hàng người với những gương mặt sáng sủa, hiền hòa, những cử chỉ khoan thai, từ tốn, lịch sự đang tiến thật chậm. Họ có thì giờ làm quen nhau, nói khe khẽ những câu chuyện nắng mưa thời tiết, sức khỏe. Họ không dám đề cập lại vết thương sâu hoắm ở New York, vết thương làm rúng động lương tâm loài người. Họ cũng không khoe khoang là vào đây xem tranh để chuẩn bị chi tiền trong cuộc đấu giá sắp tới. Họ làm việc thiện kín đáo, khiêm tốn khiến hành vi của họ trở thành cao cả hơn.

Cuối cùng rồi Thiều cũng vào đến bên trong. Phòng tranh chia làm ba khu vực: đầu tiên là những bức tranh cổ điển được vẽ lại trên nền canvas, vẽ rập khuôn theo những tác phẩm của các họa sĩ nổi tiếng: Claude Monet, Albert Bierstadt, VanGogh, Winslow Homer... Loại này được giới trung lưu trí

thức ưa chuộng. Tiếp theo là khu dành riêng cho những họa phẩm Âu Mỹ hiện đại với những đường nét màu sắc bộc trực, trẻ trung và sau cùng là những tác phẩm Đông phương: những bức tranh Thiền vị Nhật Bản, Trung Hoa, những bức phong cảnh, chân dung mang màu sắc Á Đông.

Thiền vốn không có kiến thức nhiều về hội họa, chàng chỉ thưởng thức tranh theo cảm tính. Những bức tranh Thiền đơn sơ như đưa chàng về với sự thuần phác, giúp thần trí nhẹ nhàng, thanh thoi hơn...

Tiếp tục dòng thưởng ngoạn, chàng tiến đến góc bên trái, tận cùng của phòng triển lãm. Sự kinh ngạc làm tim chàng như lỗi nhịp trong một giây khi chàng vừa thoáng nhìn bức tranh.

Tranh vẽ người thiếu phụ yêu điệu trong chiếc áo dài Việt Nam màu tím hoa cà. Nàng đứng đó, như mơ mộng, tay vịn nhánh hồng đào nở rộ, thắm tươi trong khuôn viên chùa. Ánh sáng ấm cúng, vừa phải của những ngọn đèn trong phòng như tụ cả vào đây làm cho người mẫu linh động hơn; đôi mắt nàng thu hút một cách kỳ quặc, chôn chân khách.

Lạ hay quen? Hình ảnh nàng mơ hồ kỳ ảo như người trong mộng, tưởng chừng đã gặp nhau thuở nào... Họa sĩ hình như cố tình diễn tả những nét tương phản để tạo sự hấp dẫn: nàng không còn là thiếu nữ trẻ trung nhưng đôi môi xinh xắn mỉm cười và ánh mắt lóng lánh mùa Xuân khiến người ta không đoán được tuổi tác; màu tím đoan trang của tà áo làm dịu bớt sự rực rỡ của hoa anh đào. Mái tóc nâu nhạt được bới cao, khoe khuôn mặt trái xoan với một vài nét chấm phá của thời gian. Tóc mai rũ xuống, mềm mại như tơ liễu. Cảnh chùa tuy đông đảo, sống động với nhiều màu sắc của mùa Xuân nhưng vẫn giữ được nét trang nghiêm dưới nét bút của họa sĩ. Thiền tò mò cúi xuống đọc tên tác giả ký dưới bức tranh: Vân Du. “Chắc đây là một họa sĩ trẻ, mới xuất hiện.”

- Chào chú! Xin phép được tự giới thiệu, cháu là Vân Du.

- Ô! Chính anh là tác giả của bức tranh “Ngày Xuân đi lễ chùa”! Tôi không ngờ họa sĩ trẻ đến thế! Thành thật khen ngợi.

Chàng thanh niên cười, hàm răng trắng phau, đẹp như con gái:

- Ở tuổi hai mươi thì ai cũng trẻ cả!

Biết anh chàng tránh né sự khen tặng, Thiền không tha:

- Nhưng tài năng thì không trẻ đâu nhé! Thế cậu vẽ được bao lâu rồi?
- Dạ, cháu còn đi học, chỉ vẽ nghiệp dư, tùy thích thôi, từ mấy năm nay.
- Tôi đoán cậu là sinh viên trường này.
- Dạ phải, ngành computer science.

Thiều gật gù khiến cho những sợi tóc ngả màu có dịp rủ xuống vàng trán rộng.

- Tôi hỏi câu này, nếu có hơi tò mò, cậu xí xóa cho nhé: Vì sao cậu lấy hiệu là Vân Du?

Đôi mắt trong sáng của chàng trai như ánh lên nụ cười:

- Cháu tên là Hải Vân. Ba cháu nói những nét vẽ của cháu lãng đãng như mây trong gió. Vì vậy cháu có bút hiệu Vân Du.

Thấy Hải Vân cởi mở, Thiều bậm gan hỏi dò:

- Trong bức họa có nhiều nhân vật nhưng hình như cậu chú tâm vẽ người thiếu phụ mặc áo dài tím.
- Vâng! Đó là hình ảnh của mẹ cháu. Bà hay đi chùa... Trí nhớ của Thiều chợt lóe lên một tia sáng. Thôi đúng rồi! Chàng đang tần ngần chưa kịp hỏi gì thêm đã có tiếng Trâm Anh léo nhéo sau lưng:
- Con tìm ba mãi! Ô hay, lại gặp anh Vân nơi đây!

Chàng họa sĩ trẻ mỉm cười. Biết cô gái này lấm mòm, tốt hơn hết nên làm thinh. Nếu phác họa gương mặt cô này, Hải Vân sẽ vẽ một vòng tròn lớn với vành trăng lưỡi liềm cho nét môi.

Nàng liếng thoảng giới thiệu:

- Đây là anh Vân bạn cùng trường với con, một họa sĩ sẽ nổi danh.

Hải Vân lắc đầu chịu thua. Thiều biến câu đùa dai thành nghiêm chỉnh hơn:

- À, ba cũng nghĩ thế! Thôi nhé, xin chào cậu, chúc cậu sớm thành công. Bây giờ chúng tôi phải về.

Hai người đàn ông bắt tay từ già. Khách dần dần tụ về góc phòng đông hơn, bức tranh khổ lớn của Vân Du có sức thu hút kỳ lạ. Tự nhiên Thiều cũng cảm thấy hãnh diện lây với chàng sinh viên Việt đáng mến.

... Mỗi tối thứ bảy, thay vì đi chơi ngoài cùng với các bạn trẻ, Trâm Anh thường rủ các bạn về nhà mượn phim, mời ba cùng tham dự. Nàng tuy liếng thoắng hay nói cười nhưng rất chú ý săn sóc cha.

Nhưng đêm nay Thiều than mệt, đi nghỉ sớm. Chàng muốn nằm im quay lại cuốn phim trong ký ức về hình ảnh kiều mị kia. Một chút xấu hổ thoáng qua.

“Sao lại thế? Người ta có chồng con!”

“Chẳng sao cả, chỉ là sự chiêm ngưỡng thuần túy vì cái đẹp thôi!”

Khoảng nửa năm trước, Thiều đã chợt thấy người thiếu phụ ấy thướt tha trong chiếc áo dài lụa màu khói lam ở sân chùa. Từ chánh điện ở trên cao nhìn ra, chàng có thể quan sát rõ. Dáng nàng thanh gầy như mai nhưng dịu dàng như liễu. Vạt áo lung linh nhuộm nắng vàng theo từng bước chân đài các. Nắng sớm mùa hạ soi sáng rõ khuôn mặt xinh, tươi tắn.

Nàng xoay qua nói chi đó với người đàn ông đi bên cạnh - Thiều đoán là chồng - rồi hai người tiến về tượng đài Quán Thế Âm. Nhìn dáng điệu khoan thai và cử chỉ cung kính của nàng khi lễ lạy, Thiều biết đây là một Phật tử thuần thành.

Buổi thuyết pháp hôm ấy do hòa thượng L.T. chủ giảng, danh tiếng của người khiến giảng đường đông đảo khác thường. Nhưng tiếc thay, Thiều đã bị phân tâm vì cứ mong được nhìn thấy tận tường dung nhan ấy. Chắc hẳn nàng đang cùng nghe, đang cùng thở không khí nơi đạo tràng này. Nhưng quả thật “vô duyên đối diện bất tương phùng”. Hình ảnh mỹ miều ấy chỉ là một thoáng mây bay. Từ ấy đến nay, Thiều không hề được gặp lại, song một lần cũng đủ để nhớ mãi.

Chàng lại nghĩ đến bức tranh. Phải chăng đây là một sự tái ngộ đầy thú vị? Thiều quyết sẽ giành mua bức họa ấy cho bằng được. Cơ hội không đến hai lần.

Thiều run tay mở lớp giấy dày phong kín bức tranh. Chàng nín thở, đứng lui lại để nhìn cho thật đã, như là đang khát, muốn ực hết ly nước lạnh trong veo.

Tự ái và lòng ước muốn thật thỏa thuê lúc người điều khiển đấu giá gõ búa xuống bàn tuyên bố Thiều thắng. Nhiều người đã giành mua bức họa này, đẩy giá lên cao mãi. Thiều sốt ruột trả đại mười ngàn, cách đời thủ một khoảng khá xa mức bình thường. Đây là số tiền lớn. Nếu con gái biết được, nó sẽ cắn nhả lời thôi.

“Mình có cách nói: tiền này đóng góp vào việc nghĩa!” Một chút xấu hổ thoáng hiện trong tâm: “ai ngờ từng tuổi này mà mình còn si mê người trong mộng!”

Có tiếng lách cách mở ổ khóa. “Trâm Anh về sớm quá, mình chưa kịp mang tranh lên phòng cho khuất mắt nó.”

Cô gái lên tiếng ngay khi vừa thấy Thiều:

- Con không ngờ ba thích bức tranh đến thế!

“Thôi rồi, nó biết hết mọi sự!” Thiều cố giữ im lặng, sự im lặng có tính cách dò xét và phòng thủ.

Trâm Anh vuốt mái tóc ngắn còn ướt mồ hôi. Nàng mệt lắm sau khi tập bóng rổ ở trường nhưng tin đấu giá tranh còn làm nàng mệt hơn. Vội chạy về nhà cho rõ trắng đen.

- Ba thích người mẫu hay thật sự thích tranh?

Thiều phóng một lời thoát:

- Ba nào quen biết với ai, sao con lại hỏi thế?

- Lúc sau này ba hay đi chùa, thế nào cũng có lần gặp!

Buông một câu đùa, Thiều hi vọng không khí đổi khác:

- Ổ hay! Con gái ba hôm nay lạ nhỉ? Cứ như là thám tử điều tra.

Vốn sinh trưởng tại Mỹ, Trâm Anh có thói quen nói thẳng, cô không vì vị nể cha mà bỏ qua vấn đề khi mọi sự chưa sáng tỏ.

- Nếu quả ba chưa quen biết với bà ta, đó là cái may. Bà ấy lạ lắm! Ai mới quen mới gặp cũng mền mộ nhưng giao tiếp lâu ngày thế nào cũng mang họa vì bà. Nhóm bạn trẻ của con điều đúng vì bà ấy đã nhiều. Tội nó kêu là mụ phù thủy.

Thiều hơi chột dạ nhưng chưa vội tin:

- Sao có chuyện lạ vậy? Mà bà ta tên gì?

- Bà ấy tên K.X. Người ta quen gọi pháp danh D.M. hơn. Đến chùa nào trong vùng Bay Area này, hỏi D.M. ai cũng biết.

- Người hay đi chùa, tụng kinh, lễ Phật như bà, lẽ nào lại tệ?

Cô gái chắc lưỡi, rùn vai:

- Thật đó ba! Bà có bốn người con. Hải Vân là út. Bốn người con ấy có biết bao nhiêu là bè bạn, mà ai cũng sợ bà hết!

- Trong đó có con?

Cô gái hất mặt lên, đôi mắt long lanh cương quyết:

- Bà mà đụng con thì chưa biết thắng bại về ai. Tiếc là bạn thân của con đang đau khổ vì bà ta mà con thì không giúp được chi cả.

Thấy ba chú ý lắng nghe, cô cao giọng kể tiếp:

- Ba có thể tưởng tượng là các con của bà tuân lệnh mẹ vô điều kiện: vợ chồng đang ở với nhau – do chính bà cưới hỏi đàng hoàng - vậy mà bà bảo bỏ là phải bỏ; trai gái thương nhau, bà không hài lòng, phải chấm dứt ngay; bạn bè đang giao hảo thân thiện, hễ bà chen vào thì trở thành thù địch... Đại khái như thế đó, nên ai cũng ngán.

Dù biết tách con không bao giờ đặt điều nói dối nhưng Thiều không thể tin ngay. Chàng nhướn đôi mày rậm, trề trề môi làm ra vẻ khôì hài để câu hỏi vắn của mình nhẹ nhàng hơn:

- Ái chà! Các con của bà đều có ăn học lại trưởng thành rồi, sao mù quáng tin nghe đến thế?

- Con sẽ chứng minh sự thật. Ba sẽ thấy tài năng quyền phép của bà, mặc ai đau khổ, mặc ai than van. Khi rõ ràng mọi sự, ba sẽ tính sao với bức tranh phù thủy ấy? Thật tình, con không muốn thấy “người hai mặt” ấy trong nhà, dù chỉ là hình ảnh thôi.

Thiều lặng thinh. Nếu sự thật quả y như thế, liệu chàng còn có thể yêu quý bức tranh này không? Người và ảnh, bên trong và bên ngoài, nghệ thuật và đạo đức, tôn giáo và con người... Những điều ấy có thể độc lập tách rời nhau không?

Liên tiếp những ngày sau đó, Trâm Anh mang về nhà nào là hình ảnh, thư từ, băng video để chứng minh lời nói của mình. Dù tin hay không, Thiều cũng bị ảnh hưởng. Chàng bị dẫn vật bởi những ý nghĩ mâu thuẫn, sinh ra bực dọc, không yên.

Ba tuần lễ trôi qua trong không khí ngột ngạt. Bức tranh vẫn còn im im nơi góc phòng; Trâm Anh đã gói kín lại nhưng còn nể cha, không dám dẹp vào phòng trông chừng làm “kho” chứa các đồ vật linh tinh.

Dù sao nét vẽ của Hải Vân cũng đáng ngắm nhìn, nàng chỉ bực bội vì gương mặt, dáng dấp của bà ta thôi. Ba nàng thì lừ đừ như người bệnh, sau buổi cơm chiều là rút lên lầu. Bỗng nhiên ông trở nên im lặng, co ro. Cái già như đã rình rậm sẵn nơi đâu đó, nó ập tới vỗ lấy ba lúc nào không ai hay. Những cơ thịt trên mặt đồ xuống, chảy dài sau làn da xám xịt. Đôi mắt đẹp đa tình của ông giờ đây quàng thâm với những tia đỏ xót xa. Môi thì trề

xuống như một ông già lười ngậm miệng; tóc tai cũng không còn vén khéo, vài sợi tóc bạc chường ra ngoài một cách đặc trưng.

Có lần, trong bữa cơm, Trâm Anh ướm hỏi:

- Công việc trong sở làm của ba có bị trở ngại vì chiến tranh chống khủng bố không?

- Ồ, thì ảnh hưởng chung mà, sở nào cũng giảm năng xuất.

- Ba liệu chừng cầm cự được không?

- Dù sao được phẩm cũng thuộc về nhu yếu, không đến nỗi nào.

Vậy là đỡ một mối lo. Nhưng hình như bức tranh là tấm chắn ngăn cách hai cha con và làm ông xuống sắc thấy rõ...

Những cơn mưa cuối Thu gây ẩm ướt khó chịu thêm. Sự lạnh lẽo trùm lên cả hai người trong nhà. Trâm Anh mở nắp dương cầm, lướt nhẹ một bản nhạc quen thuộc nhưng nàng không thể chơi hết bài vì cảm thấy âm thanh rời rạc đến vô duyên.

Tình trạng này không thể kéo dài mãi được! Kỳ thi đã gần kề mà sự phân tâm khiến các công thức hóa học, những bài sinh vật dài lê thê không chịu ở yên trong trí nhớ. Trâm Anh nhắc điện thoại, kêu cứu với bác Quang nhờ bác rủ ba đi chùa như trước. Nơi bác Quang, nàng luôn luôn kính mến và tin cậy nên đã thổ lộ mọi điều. Bác là điểm tựa tinh thần, là liều thuốc giải sầu cho những ai trần trở nỗi buồn riêng.

Sáng hôm nay trời nắng tốt, Thiệu cảm thấy dễ chịu hơn. Chàng muốn chạy bộ một vòng, tắm mình trong nắng ấm để thấy mình vẫn còn sinh lực, vẫn còn sống... nhưng chợt nhớ lại cái hẹn với Quang, Thiệu lo chuẩn bị sẵn ấm trà.

Quang là bạn cùng lớp với chàng ở Pétrus Ký, đang sửa soạn thi Tú Tài thì xảy ra biến cố 30 tháng 4. Mạnh ai nấy chạy tán loạn. Đâu ngờ rồi cũng gặp lại nhau chốn này. Quang sùng đạo lắm, thở trung học, chàng đã vào Gia Đình Phật Tử, sang Mỹ vẫn tiếp tục hướng về con đường giải thoát. Đối

với ai, Quang cũng niềm nở sốt sắng giúp đỡ và hề có cơ hội, anh thường khuyên nhủ và hướng dẫn người khác đi vào Phật pháp.

Có tiếng chuông, Quang và một người bạn xuất hiện. Thiều đón họ bằng một nụ cười. Dáng người nhỏ nhắn, nét mặt hiền hòa, Quang lúc nào cũng tươm tất trong bộ quần áo đơn giản, thẳng nếp. Anh giới thiệu:

- Đây là anh Tâm, người bạn đạo thân nhất của tôi. Còn đây là anh Thiều, bạn học cũ, hiện là phó giám đốc công ty dược phẩm...

Thiều lắc đầu, ném cho Quang cái nhìn buồn:

- Anh biết tính tôi mà, sao hôm nay giới thiệu rình rang thế?

Tâm vừa bắt tay Thiều, vừa đờ lờ:

- Không giới thiệu thì tôi cũng đã biết, dù mới gặp anh lần đầu. Tôi nghĩ là anh Quang có dụng ý chi đây. Ông ấy “thâm” lắm anh ạ!

Sau câu nói đùa của Tâm, không khí trở nên tự nhiên thân mật hơn. Họ cùng tiến về phòng khách trang trí rất “formal” với bộ ghế da nâu đen, thật bóng, nằm trên tấm thảm Ba Tư sắc sỡ, dày và mịn, hòa hợp với bộ màn vàng nâu sậm in bông tím li ti.

Quang chợt đưa đề nghị:

- Trời này mà được ra sân sau của anh, ngồi hưởng nắng ấm, ngắm vườn Nhật thì nhất!

Chủ nhà hớn hở ra mặt. Họ cùng mang bộ đồ trà, bánh ngọt bày trên cái bàn mây tròn có bốn ghế xoay quanh. Tâm hơi ngẩn người. Anh lặng ngắm vẻ đẹp thanh tao của bụi trúc vàng óng ả trên nền sỏi trắng phau. Bãi cỏ vẫn xanh rờn trong tiết thu. Cây Japanese maple với dạng yếu điệu Phù Tang đang phơi bày những chòm lá đỏ tía còn nắn nít trên cành. Giòng thác trên hòn non bộ ở góc vườn đang tuôn nước trắng xóa, âm thanh êm đềm. Nắng tràn ngập, lọt qua mái nhà lục giác đan bằng trúc, chảy xuống thành những sợi ánh sáng ấm áp, dịu dàng. Cả ba đã yên vị dưới mái nhà lâm râm bóng nắng, Tâm buột miệng:

- Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu anh Thiều là một họa sĩ. Cảnh nhà anh đẹp quá, đầy nghệ thuật từ trong đến ngoài.

- Cảm ơn lời khen của anh. Thú thật, thuở nhỏ, tôi đã có mộng làm họa sĩ nhưng vì nhà nghèo khó, tôi phải cố học để vươn lên. Nhất là ở xứ Mỹ này, nếu không khá về khoa học kỹ thuật thì...

Thiều chột nín ngang; sợ vô tình làm mịch lòng Quang, nhà văn nghèo. Nhưng Quang vẫn bình thản, anh tiếp theo câu nói của bạn:

- Ở đâu cũng vậy, ôm nghiệp văn chương nghệ thuật rất khó làm giàu. Nhưng giàu nghèo cũng do phần phước của mỗi người mà thôi.

Tâm gật gù biểu đồng tình. Mái tóc hoa râm của anh như trắng thêm dưới ánh nắng.

- Tôi đồng ý. Giàu nghèo đa phần do phúc đức nhưng sống hạnh phúc hay không lại do chính mình.

- Hay! Chính bản thân tôi đã kinh nghiệm điều ấy - Thiều xoa hai tay vào nhau, thói quen của anh khi gặp điều vừa ý - Hồi nhỏ, sống trong cảnh nghèo, mỗi khi đạp xe đi ngang qua các khu vực sang trọng với những biệt thự kín cổng cao tường, tôi cứ nghĩ là những người giàu chắc hạnh phúc, sung sướng lắm. Đến bây giờ, được sống trong sự khá giả sung túc, tôi mới biết rằng người giàu cũng khổ như thường.

Quang rót nước trà ra tách, mời một cách tự nhiên:

- Uống đi kéo nguội mắt ngon!

Ba người im lặng thưởng thức trà mạn sen, loại đặc biệt từ nội thành cô đô Huế. Hương sen theo hơi nóng tỏa nhẹ trong không khí thanh khiết đang bao phủ họ. Trong khoảnh khắc này trà sen như hóa thành chất nước cam lồ. Mọi người đều cảm thấy dễ chịu, lâng lâng.

Quang tiếp tục:

- Vật chất chỉ là phương tiện còn sống có hạnh phúc hay không, tôi đồng ý với anh Tâm, là do quan niệm, do cách sống của mình.

Thiều chột thở dài, châm một điếu thuốc. Những ngón tay dài, thon thả, lòng bàn tay trơn mịn.

- Hoàn cảnh hiện nay của tôi, nếu khách quan mà nói thì có đầy đủ cả. Nhưng...

Vồn hiểu tâm sự của bạn, Quang mở đường:

- Anh có cảm thấy cô đơn chẳng?

- Hồi vợ tôi mới mất, vì bất ngờ quá, tôi như bị chìm lún trong đau khổ, tưởng đâu không thoát ra được nhưng may nhờ anh Quang. Anh đã giúp tôi thật đúng lúc và tận tình hướng dẫn tôi Phật pháp. Tôi hiểu và chiêm nghiệm được vô thường, khổ, không; nhờ thế nguôi ngoai dần. Song bây giờ tôi lại vướng vào cái khổ khác...

Thieu ngưng nói, chậm rãi hít một hơi thuốc dài. Khói thuốc ẻo lả tan trong nắng. Hai người bạn im lặng, đợi chờ.

- Tôi đi chùa, học giáo lý với tất cả sự kính cẩn vì tin đây là phương thuốc cứu khổ nhiệm màu, tin Phật pháp giải thoát mọi kẻ trầm luân. Tôi tôn quý tăng ni và nghĩ rằng tất cả Phật tử lui tới chùa đều cùng chung mục đích như tôi. Đó là nương vào Phật Pháp Tăng để tu học. Khi mình tu học thì phải dẹp bớt phần cá nhân vị kỷ để gây hạnh phúc cho người chung quanh. Làm cho người khác vui mình mới có niềm vui, đúng không?

Tâm gật đầu:

- Người hiểu đạo biết rằng càng xả kỷ vị tha thì càng có hạnh phúc; còn người thích uy quyền, muôn điều khiến kẻ khác thì gây khổ cho người và cho chính mình. Cái tôi càng lớn càng sai lầm.

- Có phải ai đi chùa, thường nghe giảng đều biết điều ấy?

Quang mỉm cười:

- Tôi nghĩ thế! Bởi vì cốt tủy đạo Phật là ở chỗ ấy. Đạo Phật chủ trương vô ngã.

Thieu dướn người dụi tắt điếu thuốc trong cái gạt sành màu đất nung. Giọng anh trầm xuống.

- Tôi chưa hiểu đạo nhiều nhưng cho tới giờ phút này tôi thấy được cái đẹp của đạo Phật là như thế. Nhờ xả kỷ, nhờ hòa hợp và tôn trọng lẫn nhau, chúng ta cùng sống chung có hạnh phúc.

Và chàng thì thâm như tâm sự:

- Trong tôi, hình như có con người nghệ sĩ. Ngày xưa tôi yêu cái đẹp của màu sắc, đường nét; bây giờ tôi thiên về cái đẹp của tâm hồn. Đạo Phật thu hút tôi vì lẽ ấy. Anh Quang cũng biết đấy, tôi thường xuyên đi chùa, thấy Phật tử chung quanh mình ai cũng hiền hòa dễ thương. Tôi như tìm được một nơi chốn an bình trong xã hội cạnh tranh ráo riết, phiền nhiễu này. Tôi tìm được hạnh phúc.

Hai người bạn lặng im chia sẻ. Họ biết Thiệu sẽ tiếp tục thổ lộ điều quan trọng đang khuấy động cuộc sống yên tĩnh của chàng.

Thiệu vuốt tóc. Vàng trán rộng của anh hơi nhếch lên cao, vài nếp nhăn đã xếp hàng song song trên đó. Chàng hơi đắn đo, nhìn hai bạn. Sự tin cậy giúp Thiệu mạnh dạn hơn:

- Tôi tình cờ gặp một hình ảnh rất đẹp. Tôi dùng chữ “hình ảnh” vì quả thật tôi không quen biết người ấy. Nàng đẹp lắm, không phải vì phấn son trang điểm nhưng vì sự thuận thành của một người Phật tử đã thể hiện trong cung cách, dáng đi, trong sắc áo, trên nét mặt của nàng. Người như thế, tôi nghĩ, ắt phải có một tâm hồn rất đẹp và diễm phúc thay cho những ai được sống cạnh nàng. Chồng con của người ấy thật là may mắn...

Quang ướm lời nhắn nhủ:

- Anh thật là giàu tưởng tượng!

- Quả đúng vậy, tôi thường vẽ cho mình một khung cảnh, một chân trời mơ ước rồi đi về trong ấy.

Bây giờ Tâm mới có dịp góp lời. Giọng ồ ồ, xứng với dáng dấp cao lớn đầy đà của anh:

- Xin lỗi anh nếu tôi nói điều này làm anh phật ý. Người hiểu đạo phải nhìn ra sự thật, sống với sự thật chứ không thể mơ mộng viễn vông.

Thở dài, Thiệu trút dòng tâm sự:

- Sự thật, ối chao, phũ phàng làm sao! Thần tượng “chưa quen biết” mà tôi vừa kể đây, vốn là một người đa mưu và tàn nhẫn vô cùng. Nếu những gì tôi được nghe là đúng thì bà ấy là mục phù thủy khoác áo tiên nữ dụ hiền. Tôi đau khổ lắm vì niềm tin trong tôi đột nhiên sụp đổ, tâm trí tôi chao đảo, hoang mang. Vấn đề của tôi đặt ra là người Phật tử lui tới đạo tràng thường xuyên, tu học lâu năm mà không thể chuyển biến được tâm ý của mình sao? Vậy đi chùa có ích lợi gì không?

Hai người khách nghe hỏi bối rối. Họ không ngờ cội rễ khổ đau của bạn phát xuất từ mâu chốt quan trọng ấy. Họ đã hiểu lầm Thiệu như một con người yếu đuối si tình.

Nhưng Quang vốn nhạy bén. Đầu óc anh lóe lên câu giải đáp:

- Bất cứ sự việc nào cũng vậy, nếu nhìn ở khía cạnh này là sai mà đứng ở quan điểm khác lại thấy đúng. Tôi muốn nói đến chủ quan và khách quan. Ví dụ như tôi nghiêm khắc dạy dỗ con cái, theo ý tôi là đúng vì sợ chúng hư hỏng nhưng bọn trẻ và bạn bè chúng sẽ ta thán tôi, thậm chí xã hội Mỹ, nền giáo dục Mỹ cũng cho tôi là độc tài, lạc hậu... Tâm hiệu câu nói bóng gió của Quang, sẵn cơ hội này anh thấy cần phải làm sáng tỏ vấn đề:

- Nhưng quan niệm, tư tưởng chủ quan của mỗi người lại do những yếu tố khách quan, tức là những chủng tử, những kinh nghiệm quá khứ xây dựng nên. Nếu chúng ta thừa hưởng một nền giáo dục hà khắc từ gia đình, lớn lên, tự nhiên chúng ta có khuynh hướng xử sự như thế và tự cho là đúng.

Thiệu không cảm thấy hài lòng, anh lắc đầu:

- Nếu lúc nào mình cũng tự thấy là đúng trong mọi ý tưởng, ngôn ngữ, hành động thì làm sao tu được? Con người đâu phải là thánh nhân!

Quang nhìn Tâm hội ý rồi bật cười:

- Ha ha! Vấn đề là ở chỗ đó! Khi nào tự thấy sai mình mới có thể sửa đổi, có thể tu chứ không phải đi chùa lâu hay mau, nhiều hay ít mà gọi là tu. Đây chỉ là hình thức thôi.

Sẵn dịp, Tâm dùng lưỡi dao bén của bác sĩ, giải phẫu khối phiền não đang nhức nhối của bạn:

- Bà phù thủy xinh đẹp mà anh nói đó, thật ra đáng thương hơn đáng trách. Tôi vốn quen biết nhiều với người anh ruột của D.M. Thời thơ ấu, vốn bị di ghê hành hạ sâu độc nên khi có con, từ trong vô thức, bà thấy có bổn phận phải bảo vệ chúng đến tận cùng, muốn mưu cầu hạnh phúc cho các con một cách tuyệt đối. Thành ra khi làm những chuyện chia rẽ lứa đôi, bà lại thấy đúng vì nghĩ rằng người phối ngẫu của con trai, con gái đã không làm được như ý bà muốn, nghĩa là đã không phục vụ hết mình cho các con bà.

- Anh giải thích nghe cũng hợp lý đấy! - Thiều nói lời – Nhưng chẳng lẽ chồng con của bà ấy không có phản ứng gì sao? Họ im lặng nghe lời như đàn cừu ấy à? Giả dụ mà tôi hành động như thế thì chắc chắn con gái tôi...

Người chủ nhà bỏ lửng câu nói. Ai lại đi nói xấu con một cách tương tượng như thế bao giờ!

Tâm không tỏ vẻ gì ngạc nhiên, anh tiếp tục:

- Chồng bà thì hiền khô, nể vợ; các con thì sợ mẹ từ nhỏ vì bà đã theo sát và chỉ huy chúng mấy chục năm nay; mãi rồi thành nếp, thành thói quen.

Tự nhiên Thiều cảm thấy bức bối:

- Thế chúng đau khổ bà chẳng hay biết, chẳng hề quan tâm sao?

Quang rót thêm trà. Nước đã nguội nhưng chẳng lẽ bỏ dở bình trà ngon. Anh xen vào:

- Chúng ta không ở trong gia đình ấy nên chẳng hiểu rõ mọi sự tình. Tuy nhiên, một cách khách quan, tôi thấy họ cần phải ngồi lại với nhau, thẳng thắn trình bày tất cả những uẩn khúc, nỗi lòng thì họ sẽ hiểu nhau hơn. Thương nhau phải hiểu nhau mới có thể tạo dựng hạnh phúc. Tôi đoán chắc mọi người trong nhà ấy đều khổ cả.

Tâm thấy câu chuyện tạm đủ để giúp Thiều thoát khỏi tình trạng bế tắc. Nếu đi sâu hơn, hóa ra bàn luận đòi tư của người khác. Anh đổi đề tài ngay:

- Nếu không phiền, anh Thiều có thể cho tụi này xem bức tranh ấy không?

Thiều gạt đầu đứng lên, hương dẫn hai bạn trở vào nhà. Bức tranh vẫn nằm im trên sàn gỗ. Trâm Anh đã dùng băng keo dán tờ giấy bao kín mít. Thiều

chợt thấy buồn cười. Chẳng ngờ vật vô tri này có thể quấy động tâm tư mình một cách dễ dàng và ảnh hưởng đến tình cảm hai cha con anh đến thế!

Khi bức tranh được mở tung ra, Quang và Tâm đứng lui lại để ngắm nhìn. Thiều kín đáo quan sát nét mặt vô tư của họ.

Ánh mắt hai người sáng lên trước những đường nét và màu sắc nghệ thuật. Họ thường thức bức họa như nhìn ngắm một vườn lan đang nở dưới trời Xuân.

Vừa khi ấy, Trâm Anh bước vào nhà, trên tay ôm hộp pizza. Mặt cô hơi xịu xuống khi thấy bức họa được mở ra nhưng cô cất giọng đon đả ngay:

- Con xin chào hai bác. May quá, con mua pizza về kịp lúc để mời hai bác dùng. Bánh này không có thịt, toàn là vegetable thành ra ăn chay được.

Rồi cô lẳng xẵng sắp đĩa, dọn bàn.

Thiều im lặng nhìn bức tranh “phù thủy” lần nữa, thấy lòng yên ổn, bình thản. Anh thầm cảm ơn các bạn đã tháo gỡ cho anh mối sầu vô nghĩa.

Thiều nói lớn, cốt ý cho con gái nghe:

- Tôi sẽ tặng bức tranh này lại cho trường Stanford!

Trâm Anh với tay bật ngọn đèn lớn. Chùm ánh sáng xuyên qua những bóng thủy tinh lấp lánh làm rạng rỡ phòng ăn và căn nhà trở nên ấm áp vui tươi. Hai cha con nhìn nhau, thông hiểu: họ cùng cảm thấy sung sướng và cùng biết ơn nhau.

---oOo---

Những Giọt Lệ Hồng

Mẹ tôi không muốn di cư sang Mỹ ở tuổi sáu mươi. “Già rồi, sang bên ấy chỉ ăn bám vợ chồng chúng mày!”. Bà nói khăng khăng như thế nhưng con gái xuống nước năn nỉ ỉ ôi, bà lại xiêu lòng.

Ờ, nó nói cũng phải, mình qua bên ấy giữ cháu ngoại cũng vui, lại đỡ nhớ, khỏi phải chờ mong. Mình ở đây nó phải gửi tiền về cấp dưỡng, tốn kém lắm chứ chẳng không!”

Đi tôi cười, nói như lầy: “Nợ đòi rồi đấy, cứ sang mà trả cho xong!” Nghe mẹ kể lại lời di, tôi cảm thấy hơi áy náy. Quả thật tôi cần mẹ không chỉ thuần túy vì tình cảm. Tôi cầu cứu bà sang để chặn bầy cháu bốn đứa. Đạo này buôn bán ẻ ảm, tôi không kham nổi tiền giữ trẻ, cũng không thể tiếp tế đều đặn cho mẹ nên rước bà qua là nhứt cử lưỡng tiện...

Căn nhà ba phòng của vợ chồng tôi, bề ngoài trông cũng khang trang với cây cảnh chung quanh và cửa garage tự động nhưng thật ra chỉ rộng 1100 sf. Trừ phòng ngủ chánh tương đối rộng rãi, hai phòng còn lại vuông vức, nhỏ xíu xiu. Đất ở San Francisco là đất vàng. Căn nhà cũ kỹ năm mươi tuổi này trị giá chừng sáu chục ngàn nhưng lô đất 4000 sf của nó giá hơn bốn trăm, dù là nằm ở vùng ngoại ô xa tít. Thành ra cứ rán giữ, rán nắm dù mệt mỏi huyệt hơi.

Cửa tiệm fast food bán cho nhân viên các hãng xưởng gần đây cũng theo đà lay-off mà đi xuống. Đến đầu tháng là chúng tôi điên đầu với đủ thứ tiền phải thanh toán. Tư trang sắm từ những năm phồn thịnh buôn may bán đắt lạng lẽ nuôi đuôi nhau đi hết, vào năm im nơi các tiệm cầm đồ.

Chúng tôi không hề nghĩ đến giải pháp bán nhà vì đó là gia tài duy nhất, cũng là mối kinh doanh không sợ lỗ vốn; vả lại bây giờ đi mượn một apartment tồi tàn đủ chỗ chứa sáu người, giá thuê hàng tháng còn mắc hơn số tiền trả góp nhà.

Trong tình thế kiệt quệ này, nếu có mẹ tôi lo cho tụi nhỏ, đưa đón đi học, quán xuyến việc nhà, tôi sẽ rảnh rang hơn để đi làm thêm lát vặt buổi sáng, trưa về phụ tiệm ăn với chồng tôi. Buổi tối chúng tôi sẽ đi clean các tiệm ăn, chợ búa. Chịu khó một thời gian hi vọng kinh tế sẽ phục hồi trở lại. Mọi người đã hăm hở đón chào thiên niên kỷ mới, ai ngờ nó bắt đầu bằng sự xuống dốc!

Mẹ sang Mỹ vào mùa Thu. Trời khá lạnh đối với mẹ vì chưa quen nhưng màu xanh của biển trời đã thu hút mẹ. Lũ cháu xúm xít lấy bà vì ngày thường không ai gần gũi chúng cả. Chúng xô tiếng Anh líu lo, thậm chí cô bé út mới bốn tuổi cũng không rành tiếng Việt.

Bà cười dễ dãi: “Sẽ có cuộc trao đổi nhé! Bà dạy các cháu nói tiếng Việt, các cháu dạy cho bà nói tiếng Anh.”

Thấy mẹ vui, tôi an lòng. Thế là bên cạnh cái giường hai tầng của hai cô bé gái là tấm nệm của bà ngoại. Ban đêm, ba bà cháu nói chuyện rì rầm; có

khi hai cậu trai cũng gõ cửa xin vào để được hưởng không khí đầm ấm bên bà ngoại rất hiền và rất vui.

Mẹ như bà tiên có chiếc đũa thần đã biến căn nhà bừa bãi đầy phiền muộn của chúng tôi thành một tổ ấm ngăn nắp, sạch sẽ và đầy tiếng cười.

Trước kia, chúng tôi chỉ dùng những thức ăn ế ẩm từ cửa hàng, lắm khi nuột chẳng trôi. Mẹ bảo cứ bỏ thịt bỏ rau và tủ lạnh cho bà. Thế là mỗi chiều về gia đình tôi được quây quần chung quanh bàn ăn có cơm canh nóng hôi, hương vị ngọt ngào.

Chỉ sau vài tháng, các con tôi khỏe mạnh ra, lễ phép ra và biết phụ giúp công việc vặt vãnh trong nhà. Hai cậu con trai lớn, bà phân công lo vườn tược cây kiểng: “Thằng Hùng mười hai tuổi, lớn rồi, lo chăm sóc các cây lớn, tỉa lá, bón phân, Hậu cũng mười tuổi rồi, thay vì ôm máy chơi game, có thể phụ anh quét sân, tưới nước.”

Bà hiền lành nhưng nói gì các cháu cũng nghe. Chúng không còn là những đứa bé “vô tích sự” như thuở trước. Thật ra chúng không đến nỗi tệ nhưng vợ chồng tôi quần quật với công ăn việc làm, không có thì giờ dạy dỗ, chỉ vẽ. Bao làm chuyện gì, chúng thực hiện qua loa lấy có, rầy mãi phát mệt thành ra không thêm sai biểu nữa, tự mình làm chóng xong mà vừa ý hơn.

Con Hoa hãnh diện khoe với mẹ: “Bà dạy con nấu cơm. Con biết lật rau, rửa chén, lại biết tráng trứng nữa cơ!” Tôi hôn con, thầm cảm ơn mẹ đã cho gia đình tôi cơ hội để sống có hạnh phúc thay vì cứ mãi rầy rà, cãi vã, gây ó nhau trong một căn nhà bẽ bộn, dơ bẩn.

Mẹ vốn là một Phật tử thuần thành. Thỉnh thoảng bà giảng dạy cho tôi về đạo lý: “Hạnh phúc không phải là món quà từ đâu đến, không phải tự nhiên mà có, cũng chẳng thể do phúc đức mà được. Mình phải biết cách sống, biết cách hợp tác xây dựng thì mới có hạnh phúc.”

Thuở ấy, đầu óc tôi quá dày đặc với những con số để có thể hiểu lời mẹ khuyên, và lại cũng không có thì giờ... Thôi thì để mẹ lo giùm. Mỗi chiều về nhìn các con ngoan, được ăn bữa cơm tối ngon, đối với tôi đã là đủ rồi.

Tôi bận rộn với nợ nần đến nỗi không mấy khi chú ý đến tâm tình của mẹ. Bây giờ kiểm điểm lại mới nhớ rằng tôi ít hỏi thăm về sự buồn vui của bà. Thay đổi môi trường sống, bà bỏ lại sau lưng biết bao nhiêu thứ: chị em, họ hàng, lối xóm, sư ông, bằng hữu...

Đôi khi, mắt mẹ thoáng buồn. Tôi chỉ hỏi qua loa: “Mẹ có mệt không?” Chao ôi, rõ tẻ, miệng hỏi mà lòng vái thầm: “Mẹ đừng ngã bệnh, khổ con!” Là con một nên cách suy nghĩ của tôi thường ích kỷ như thế. Cái gì cũng qui về mình, cho mình thôi!

Thấm thoát, mẹ ở với chúng tôi đã được một năm rồi. Gia đình thì ổn thỏa nhưng tình trạng tài chánh càng ngày càng bết bát mặc dù vợ chồng tôi bỏ sức lao động gấp đôi.

Giao kèo mượn cửa tiệm sắp hết hạn mà chẳng tìm được người sang lại. Không ký thêm thì mất tiệm, mất luôn năm mươi ngàn bỏ ra sang tiệm trước kia, nhưng tiếp tục thì ngày càng thua lỗ, chẳng kham được nữa. Chuyện gì đến, phải đến. Tháng sau đó, vợ chồng tôi lủi thủi dọn đồ về trả lại cửa hàng cho người ta sau mười năm làm chủ. Bây giờ hóa ra là kẻ làm công, lại làm những nghề linh tinh quét dọn. Tủi thân mà tức số phận mình.

Mẹ an ủi: “Thôi, như thế đỡ lo con ạ. Tinh thần căng thẳng quá có khi phát đại, hóa cuồng! Trong cái dở có cái hay là thế!”

Chúng tôi lợi dụng thời gian tương đối rảnh rang này để sửa chữa căn nhà hư dột. Anh Thắng chịu khó và khéo tay nên cái gì cũng tự làm được, đỡ tốn tiền mượn thợ.

Một hôm anh leo lên mái nhà để lợp lại mấy miếng ngói bể. Sơ ý thế nào chẳng rõ, anh trượt chân té xuống bất tỉnh. Chỉ có mình mẹ ở nhà! Bà bình tĩnh gọi 911, vẫn tắt vài câu tiếng Anh: “He falls down from the roof. He stops breathing!” Và rành rọt đọc địa chỉ, số phone nhà cho họ. Ai ngờ bà âm thầm học chữ Anh mau đến thế! Bà đã cứu mạng chồng tôi!

Thắng bị gãy chân và dập ống quyển. Phải nằm tại chỗ từ năm đến sáu tháng. Tình cảnh này đưa mẹ tôi vào môi trường mới. Bà tự nguyện thế chỗ cho chồng tôi để quét dọn, lau chùi các cửa tiệm hầu phụ giúp tôi về tài chánh.

Mẹ hăng hái trong công việc. Tôi đoán rằng ở nhà mãi mẹ cũng buồn, nay được ra ngoài bà cảm thấy vui hơn. Bà có những người bạn mới: cô đầu ngân vui tính, bà lão phụ trách hàng rau cải, chú “Thoòng” chuyên khâu vác. Mẹ hòa mình với họ, với cuộc sống của những người lao động tay chân. Đâu ai biết rằng trước 1975, mẹ là giáo sư dạy Pháp văn tại một trường công lập lớn ở Sài Gòn.

Các con tôi biết hoàn cảnh bi đát của gia đình nên mỗi đứa một tay, cùng nhau lo chuyện nhà. Mẹ tôi hài lòng thấy các cháu tự ý thức được trách nhiệm, biết thương mẹ thương cha.

Ngày anh Thắng trở lại công việc, tôi xin mẹ ở nhà nghỉ ngơi. Mẹ nói: “Con ơi, ra ngoài cũng vui, lại kiếm được đồng tiền. Từ ngày đi Mỹ đến nay đã gần hai năm, mẹ chưa gửi tiền về giúp các em, các cháu bên ấy. Tụi nó nghèo lắm mà chẳng có cách kiếm ra tiền cho kịp đà leo thang của vật giá. Bên này kiếm tiền dễ hơn. Có tiền, mẹ lại có phương tiện cúng dường, bố thí...”

Tôi im lặng nghẹn ngào, chợt nhớ rằng mẹ chưa hề hỏi tôi một đồng xu nào và tôi quên bằng rằng mẹ cũng có nhu cầu tiêu xài. Trên thế gian này, không có nhân viên nào làm việc cật lực mà không đòi hỏi thù lao như thế! Vô tình, tôi đã “đòi nợ” mẹ tôi một cách tận tình. Dì tôi cũng có lý khi bà mỉa mai tôi.

Trong lúc tôi đăm chiêu, mẹ nhẹ nhàng tiếp: “Mẹ đã xin được chân rửa chén trong nhà hàng. Rửa bằng máy chĩa cực nhọc gì!”

“Trời đất ơi, rửa chén, cần sức lực của người đàn ông Mẽ mới kham nổi. Nồi niêu son chảo to như cột đình, nặng như búa tạ, làm sao mẹ nhắc cho nổi!”

Tôi xuống giọng tiếp: “Mẹ nhìn lại mẹ xem. Tay mẹ gầy yếu, lưng mẹ đã cong, bước đi không còn nhanh nhẹn. Dù họ cần người, mướn tạm, vài hôm cũng cho nghỉ việc thôi!”

Bây giờ tôi mới có dịp nhìn kỹ mẹ. Bà già thật rồi, cái già đến nhanh quá. So với hồi mới qua, bà như tăng thêm năm, bảy tuổi.

Mẹ tôi cúi đầu xuống thấp. Hình như bà cố giấu giọt lệ vừa ứa ra. Tôi nhẹ nâng cằm mẹ lên và nhìn sâu vào đôi cửa sổ tâm hồn ấy. Trời ơi, mắt mẹ đã kéo mây! Đôi mắt bồ câu đen láy ngày nào từng làm điên đảo các chàng trai cùng trang lứa, cột chân ba tôi vào tổ ấm gia đình, giờ đã một phần ngả màu đục lờ như nước gạo vo. Tóc mẹ trắng bở phờ, đuôi mắt nhăn như rế quạt, vàng trán sạm đen vết đồi mồi...

Tôi mũi lòng xót xa. Hai mẹ con ôm nhau, nước mắt người này thấm ướt vai áo người kia. Tôi nhỏ nhẹ: “Con không dám trái ý mẹ, nhưng mẹ rán

chờ. Con hứa sẽ tìm công việc nhẹ nhàng hợp với mẹ hơn, mẹ nhé! Vong hồn ba mà biết mẹ cực khổ thế này chắc khó siêu.”

Trời cũng thương tình. Đâu chừng một tháng sau thì bà lão làm rau cải xin nghỉ việc về hưu. Mẹ tôi trở thành “bà cụ hàng rau”.

Danh xưng và chức vụ gắn liền với mẹ tôi từ đây. Vậy mà bà vui.

Mỗi tháng bà lãnh được hơn ngàn bạc. Phân nửa số tiền, bà gửi về Việt Nam: phần cúng dường, phần bố thí, phần giúp đỡ các em, các cháu. Số còn lại, bà dành dụm mấy kỳ lương, đưa tôi hơn ngàn bạc.

“Mẹ thấy người ta dựng phòng trong garage cũng tiện lắm. Nếu chồng con không phiền, con lấy tiền này nhờ nó mua vật liệu, che tạm cho mẹ một căn phòng nhỏ. Con Hoa, con út bắt đầu lớn, tụi nó cần sự riêng tư. Mẹ cũng vậy, có phòng riêng mẹ sẽ dựng kệ thờ Phật, mỗi ngày mẹ có thể lễ bái, tụng kinh, niệm Phật...”

Chồng tôi nghe kể lại, vui vẻ đáp: “Chuyện nhỏ! Mẹ muốn gì anh cũng xin vâng, nói chi việc ấy!”

Từ đây, mẹ lộ vẻ hoan hỉ lắm. Sáng tối hai thời, ít khi nào bà bỏ lỡ công phu. Bà như một người đạt được mục tiêu cho đời mình, không có gì để ưu tư, khắc khoải.

Mùa Đông năm ấy, thời tiết hơi khác thường. Ban ngày âm áp xen kẽ với những đêm buốt giá mà nhiệt độ đôi khi hạ thấp đến không ngờ. Vợ chồng tôi mời mẹ tạm trở về phòng cũ vài ba tháng, ngoài garage lạnh quá dễ sinh bệnh.

Mẹ nói: “Ổ chỗ này quen rồi, dời đi khó ngủ.”

“Mẹ nhớ vặn heat cho đủ ấm nhé!”

“Ồ, tao biết mà!”

Ngờ đâu mẹ đã không qua khỏi mùa Đông! Buổi sáng chẳng thấy mẹ dậy sửa soạn để đi làm, tôi bảo “đưa nào ra đánh thức bà dậy, nhanh lên kéo trề!”

Con Hoa quần mền đẩy cửa bước ra garage miệng kêu léo nhéo. “Ngoại ơi, ngoại à...” Không có tiếng trả lời... Nọ bật đèn, tiến đến cạnh giường: ngoại quần hai cái mền kín mít, nằm im im. Nó lắc chân ngoại, bà chẳng đáp. Nó lôi cái mền xuống: mặt bà xám xịt, lạnh ngắt, đôi mắt khép hờ...

“Mẹ ơi, mẹ! sao kỳ vậy nè!” Cả nhà đổ xô ra. Chồng tôi đạo Chúa, vội làm dấu thánh giá... Tôi xỉu ngay tại chỗ khi loáng

thoáng nghe thằng Hùng la lên: “Sao bà không mở heat?”

Cuộc điều tra của cảnh sát quấy rầy chúng tôi một thời gian, cuối cùng họ kết luận: “Bà cụ không thường mở heat; cái máy mua hai tháng về trước còn mới tinh chưa hề được sử dụng!”

Tôi như người mất hồn trong đám tang của mẹ. Sự hối hận như lưỡi dao có răng, nó cưa xé lòng tôi. Trái tim tôi cơ hồ rỏ máu thành những giọt lệ hồng.

Bạn bè khuyên tôi nên đến chùa xin cúng thất, thiết lễ cầu siêu cho bà. Tôi chẳng thể nói năng chi cùng vị sư ở chùa, chỉ biết dập đầu lạy cầu cứu với đôi mắt sung húp. Chồng tôi bình tĩnh hơn, anh buồn bã kể đầu đuôi tự sự. Câu chuyện khiến thầy thương tâm, thầy thường an ủi, khuyên giải sau những thời lễ cúng.

Khi thấy tôi bắt đầu trở lại bình thường, thầy dành cho gia đình chúng tôi một thời pháp thoại. Thầy giảng về lý vô thường, khổ, không. Các con tôi tỏ ra thích thú với sự thật giản dị và sâu sắc này, chúng đòi được học giáo lý đạo Phật thay vì đi nhà thờ với ba.

Riêng tôi, tôi nhớ mãi câu kết luận của thầy trong buổi nói chuyện ấy: “Con người ta sở dĩ đau khổ triền miên là tại mình muốn nắm giữ! Cái gì cũng khur khur ôm chặt. Làm sao giữ mãi được vì bản chất của chúng là vô thường, là không. Hãy buông bỏ hết đi, chừng nào bỏ được, chừng ấy mới có chân hạnh phúc!”

Phải rồi, nếu chúng tôi không bám chặt vào căn nhà thì mẹ tôi đã không phải vất vả đến thế, không đến nỗi chết công ngoài garage. Và gia đình tôi không lụy đến mức này.

Tôi thổ thề bàn với chồng: “Anh à, căn nhà này mình không giữ nổi thì bán nó đi. Em tính rồi, sau khi thanh toán hết nợ nần mình cũng còn vài trăm

ngàn. Dọn sang Texas, nhà cửa rẻ hơn, mình có thể tậu căn khác hoặc là giữ làm vốn, tính chuyện làm ăn...”

”Ồ nhỉ, hồi đó sao mình ngu quá, cứ ôm lấy nó mà cấm cô đi cày trả nợ. Liệu giữ không được thì sớm buông đi... Nhờ ông thầy giảng dạy, mình mới sáng mắt ra!”

Sau khi dọn sang Texas, trước khi bắt tay vào công ăn việc làm, tôi xin phép anh Thắng cho tôi về Việt Nam một chuyến. Tôi về để được quì dưới chân sư ông kể lể hết sự tình, xin sám hối thì lòng tôi mới có thể yên.

Sư ông trầm ngâm và yên lặng nghe tôi vừa khóc rầm rức vừa kể về mẹ tôi, đệ tử mà người rất quý mến. Sư ông không hề cắt ngang bằng những câu hỏi. Người không phê phán gì, chỉ để yên cho tôi khóc, khóc oà vỡ như cái đập nước bị ngăn chặn, nay có người tháo ra...

Mãi một lúc lâu lắm sau đó, sư ông mới dạy:

“Người mẹ nào cũng có trái tim Bồ Tát. Mẹ con hành Bồ Tát đạo ngay trong gia đình trước khi mở rộng ra trong cuộc sống với mọi người. Con hãy hành diện có bà mẹ như thế! Con sẽ không cảm thấy hối hận ray rứt nữa nếu con biết đi theo hướng đi của mẹ con, biết xả bỏ cái tôi vị kỷ để lo cho người chung quanh.”

Tôi sụp xuống đánh lễ người đã chỉ cho tôi tháo mở cái gút dây kết mối ân hận trong tôi.

Tôi trở về Texas với sự bình yên và tâm nguyện cao cả... Nhưng khi mùa Vu Lan về, cầm hoa trắng trên tay, tôi không thể ngăn được những giọt lệ hồng phát xuất từ trái tim tôi... Than ôi! Khi tôi biết nghĩ tới mẹ, biết giá trị của trái tim bồ tát, biết thương mẹ thì bà đã không còn nữa trên đời...

Hai Cha Con

Ông Hai Nghĩa làm việc ở nhà ga xe lửa gần hai mươi năm nay; đã từng chứng kiến không biết bao nhiêu cảnh chia tay cũng như đoàn tụ cho nên đối với ông, đó là chuyện thường. Họp tan, vui buồn, cười khóc cứ thay phiên nhau diễn ra tạo cho đời sống bộ mặt linh động, muôn màu muôn vẻ.

Nhưng hôm nay, sau khi đưa tiễn đứa con trai độc nhất rời khỏi tỉnh lỵ nhỏ bé của tiểu bang Alabama này, đến khi trở về nhà, ông mới thấm thía nỗi sầu biệt ly.

Cái buồn xâm lấn ông từ từ, nó lan nhẹ nhàng nhưng bàn tay thô bạo của nó cứ như nắm cả buồng tim của ông mà rút ra. Đau nhói. Đôi khi ông có cảm tưởng như nghẹt thở, tay chân rã rời... Ông nằm im lìm trên ghế sofa không biết bao lâu.

Trời nóng quá, dù mùa hè chỉ mới bắt đầu bằng những ngày 80 độ F. Ông uể oải đứng dậy pha một ly trà đá. Ở Mỹ có loại “ice tea” chỉ cần dầm ba phút, đã có món giải khát vừa rẻ vừa ngon.

Ông sốt một nửa để lên bàn thờ vợ. “Bả cũng ưa thứ này.” Ông nhìn ảnh vợ một cách triu mến rồi cầm nửa ly còn lại, mở cửa bước ra sân sau.

Sân nhà ông tuy nhỏ nhưng trông cũng nên thơ với hai cây thông già xanh tốt quanh năm. Cỏ được cắt xén bằng phẳng, tưới tắm cẩn thận nên vẫn giữ được màu xanh mát mắt quanh những bồn hoa chậu kiểng thay nhau khoe sắc đủ bốn mùa.

Trời đã xế bóng nên không khí dễ chịu lại. Ông ngồi xuống tảng đá lớn dưới cội cây thông, hớp từng ngụm nước mát lạnh và cảm thấy tỉnh minh hơn. “Con mình tốt nghiệp rồi, phải đi kiếm việc làm, đâu ở quanh quần xóm nhà hoài được!”

Hình ảnh đứa con trai xúng xính trong áo thụng, đầu đội mũ vương đen trong ngày lễ ra trường hôm qua hiện rõ trong trí nhớ và nổi vui sướng bỗng trở lại với ông, đầy ắp cả buồng tim, lá phổi.

“Bà nó ơi! – ông nói thầm với người vợ quá cố - Bà không sống mà nhìn con, giờ cũng kỹ sư như ai! Vợ chồng mình tuy hèn mọn thiệt đó nhưng con mình giờ đã nên người. Bà phải khen tui đó nghen! Gà trống nuôi con mười lăm năm rông trong cảnh nghèo khó mà con vẫn nên người!”

Từ hồi sang Mỹ đến giờ, gia đình ông ở miết tại tỉnh lỵ nhỏ bé này, không muốn dọn đi đâu vì cả hai vợ chồng may mắn tìm được việc làm tại nhà ga xe lửa Amtrak ở địa phương. Đồng lương “cu li” tuy chẳng là bao nhưng hai đầu lương góp lại, sống tiện tặn, họ cũng mua được căn nhà nhỏ, cũ bốn mươi năm, già bằng tuổi họ.

Căn nhà tuy nhỏ nhoi, cũ kỹ nhưng vợ chồng đẹp dạ lắm vì dù sao cũng được làm chủ bất động sản này, sau ba mươi năm trả góp. Họ cảm thấy như mình đã bám rề được trên vùng đất mới quá xa lạ.

Những người Việt đến sau đều khen vợ chồng ông tốt số: tiếng Anh tiếng u không có một chữ vậy mà cả hai đều được vô làm hãng lớn của Mỹ, có bảo hiểm sức khỏe và đủ quyền lợi về hưu bổng.

Thật ra thì hay chẳng bằng hên. Khoảng năm 1978, người Việt mình sang Mỹ chưa đông; những công việc lao động tay chân như lau chùi, quét dọn v.v... nhiều lắm vì Mỹ trắng thì chê còn Mỹ đen vào làm một thời gian ngắn rồi bỏ.

Nhờ quen với cô thư ký người Việt làm trong hãng, ông được giới thiệu vào làm. Họ ngần ngại chưa muốn nhận ông thì cô thư ký hứa sẽ thông dịch và hướng dẫn cho đến khi nào ông quen việc. Vài tháng sau, thấy được, ông xin cho vợ vào làm luôn. Họ nào mong mỗi gì hơn một cuộc sống bình dị, yên ổn và tự do!

Đứa con trai duy nhất của hai người – Hòa – lúc bấy giờ tuy đã

mười hai tuổi nhưng vì chẳng biết tiếng Anh, phải học lại tiểu học. Hòa không lấy thế làm buồn vì dáng dấp nhỏ thó của cậu cũng không khác gì đứa trẻ Mỹ sáu, bảy tuổi.

Hòa thuộc loại chậm lụt, không thông minh lanh lợi gì nên học hành rất vất vả. Cũng may, nó được cái siêng năng, chịu khó; nếu không thì chẳng thể vào đại học nổi. Ở đây, anh phải “trày vi tróc vảy” trong bảy năm mới lãnh được mảnh bằng mà một sinh viên khác chỉ cần bốn năm thôi. Anh ra trường lúc tuổi đã ngoài ba mươi.

“Tam thập nhi lập!” Ông Hai Nghĩ lắm bầm một câu chữ nho. “Tuổi này bắt đầu lập nghiệp cũng chưa muộn.”

- Anh Hai khỏe rồi hả! Ngồi uống trà coi thành thói dừ a!

Bà hàng xóm vừa đon đả bước tới vừa cất giọng đả đót cô hũu của bà.

- Chào chị Phụng, chị tới hồi nào tui không hay!

Anh ỷ y không khóa cửa, bữa nào đồ đạc trong nhà anh bị dọn hết cho coi!

- Ồ, cái tật đó thằng Hòa cứ tui hoài!

Bà Phụng ngồi phệt xuống cái băng dài bằng gỗ sồi do ông tự đóng cả chục năm về trước. Cái băng ghế này giờ đã ọp ẹp, tồi tàn không khác gì người đàn bà luống tuổi đang ngồi trên ấy.

Bà ta mở giỏ tằm trâu. “Bà này kỳ cục, qua Mỹ lại tập ăn trâu! Mới năm mươi tuổi mà làm như già sụm!” Ông Hai nói thầm trong bụng, ngán ngẩm nhìn cái đầu tóc chôm bôm xám xịt và hai răng cửa trống trơn như miệng hang. Người tuy ú nu nhưng da dẻ lại xanh mét như bịnh kinh niên. Bà con cô bác ở đây rỉ tai nhau: “Mụ Phụng giả bộ già yếu bịnh hoạn để ăn tiền welfare.” Từ ngày đưa con lai duy nhất bỏ bả trợ trợ chôn này, bà trở nên dờ dờ ương ương không ai chịu nổi; chỉ có ông còn giao thiệp nên hóa thành bạn thân.

Nhưng thằng Hòa ghét bả lắm, nói bả “dê” ông già mình để lợi dụng. Ông chỉ cười, biện hộ “tao có đánh gì đâu mà sợ bị lợi dụng! Nghèo cũng sướng cái vụ đó!”

Thật ra ông thương cảnh tình cô đơn của người đàn bà lỡ vận này. Nơi đất khách quê người gặp cảnh ngộ như bà, nếu không điên thì hóa dại thôi. Gia tài chỉ có hai mẹ con, theo diện con lai sang Mỹ mới ba tháng, con Lua gạt mẹ nó, nói phải đi tiểu bang khác kiếm việc làm ăn, rồi băng luôn, không thư từ liên lạc gì hết. Có người tình cờ gặp lại nó ở Cali mấy năm sau đó, ăn mặc diêm dúa phấn son lòe loẹt đến nỗi nhìn không muốn ra. Mà nó cũng không thèm nhìn ai, sợ người ta nhắc đến bà già đã sinh ra nó.

Hai người bạn ngồi im lặng khá lâu. Bóng chiều chậm chậm trải lên sân mang theo vài cơn gió mát. Bà Phụng nhóc nhách nhai trâu, bỗng nhiên buột miệng nói:

- Lạy trời cho con trai ông đừng đoán hậu vô nghì như con Lua nhà tôi!

Ông Hai Nghĩa nhếch môi cười, không đáp. Thằng Hòa kỹ sư của ông mà bà “khùng” này dám đem so sánh với con Lua! Nhưng dù sao ông cũng thầm cảm ơn lòng tốt của bà.

Sau những giấc ngủ gà ngủ gật đêm rồi ngày, hết ngày lại đêm trên xe lửa, Hòa thức dậy lúc vừa rạng đông. Mặt trời còn ẩn trong cánh rừng thưa

đang chạy thụt lùi ra sau nhưng những đợt nắng mới, vàng rực ở chân trời, đang tủa ra, xé tan lớp sương mù lãnh đẽng.

Mặc dù chỗ ngồi thoải mái rộng rãi như một cái giường nhỏ - đối với khổ người của Hòa – nhưng hai chân anh tê cồng. Hòa nhẹ nhẹ đứng dậy, co duỗi chân tay rồi đi vào khu nhà ăn toa trên. Đa số hành khách đều còn ngủ.

Ly cà phê nóng với cái bánh donut giúp anh tỉnh táo. Hòa móc túi lấy giấy xem lại ngày giờ tàu đến nơi: chỉ còn nửa tiếng là tới ranh giới tiểu bang Ohio, từ trạm biên giới này, tàu chạy suốt hai tiếng nữa mới vào thành phố chính.

Bên ngoài, cảnh vật từ từ sáng tỏ hơn. Hòa có cảm giác đời mình cũng bắt đầu một giai đoạn mới, tươi sáng nhộn nhịp hơn những tháng năm buồn tẻ, ù u ở thành phố cũ. Chàng như đã thoát ra khỏi cái kén tù túng, què mùa, hóa thành chú bướm có đôi cánh bay bổng, cao vời.

Tuy nhiên, mặc cảm sợ hãi, thua sút luôn luôn kèm sát những hi vọng vươn lên của Hòa. Không biết rồi đây có hãng nào nhận mình không với điểm trung bình hạng C. Ohio là tiểu bang đang lên. Các hãng mời nhiều người bạn cùng lớp của anh đi phỏng vấn nhưng họ đều chê xa và lạnh, còn anh gửi đơn đi cùng khắp mà chẳng ai gọi. Vì vậy Hòa đánh bạo đến tận nơi này để tìm việc. Kỹ sư công nghiệp mà, đâu đến nỗi tệ.

Tội nghiệp ông Hai Nghĩa, trước ngày anh đi, ông vét hết tiền ở trương mục tiết kiệm trao cho anh ba ngàn đồng, bảo là để phòng thân. Hòa cũng cần tiền thật đó, vì không biết bao lâu mới kiếm được việc làm, định lấy phân nửa thôi, nhưng nhớ lại mẹ Phụng hay lui tới la cà, nếu anh không giữ hết thì chắc bà ta cũng tìm cách bòn rút. Chẳng biết tại sao anh ghét mẹ ta một cách lạ kỳ. Chắc tại anh ghen giùm má anh dù bà quá vắng đã lâu rồi.

Má anh là người mẹ hoàn toàn, chịu anh hết mực, xin gì được nấy. Duy chỉ có một điều làm anh không hài lòng, là anh giống má anh như đúc: từ thân người ốm yếu nhỏ nhoi đến gương mặt khắc khổ, xương xẩu trên đó ít ai thấy được nụ cười. Lại thêm hai vai ngang như đòn gánh! Tượng anh như vậy đó, làm sao sang được? Vì vậy anh khó tìm một cô bạn gái dù ở Alabama lúc sau này, người Việt không hiếm.

Ba anh thì cao ráo, khỏe mạnh hơn nhưng trông thô kệch với gương mặt vuông chèn bẹt và tướng đi chữ bát.

Không ai có thể chọn cho mình một chỗ để sinh ra. Nếu được lựa chọn, chắc chắn anh đã không ra đời trong ngôi nhà của cha mẹ anh. Nhưng dù sao, ba anh cũng dễ thương. Ông coi anh là lẽ sống, là niềm hãnh diện tốt cùng. Ngoài ba anh ra, anh không là gì cả dưới mắt người chung quanh.

Là “thần tượng” của cha mình nên Hòa chủ động mọi sự. Anh nói gì ông cũng vui vẻ nghe theo như một người thừa hành tốt. Đôi khi anh bịa chuyện lếu lảo để thỏa mãn lòng tự tôn lẫn mặc cảm tự ti rất phức tạp trong tâm lý của mình, ông Hai cũng một lòng tin tưởng, không thắc mắc lời thôi gì...

Khi hành khách kéo vào cầu lạc bộ khá đông, Hòa đứng lên, mua tờ báo rồi trở về toa. Ông bạn ngồi ghế đối diện vẫn còn che mặt ngủ.

Hòa mở rộng tờ báo, xem kỹ mục cần người: nhiều hãng xưởng ở đây cần kỹ sư, cán sự công nghiệp. Anh an tâm, nhắm mắt lại ngủ tiếp với giấc mơ sẽ có việc làm tốt, tậu căn nhà và cưới được một cô vợ xinh xinh...

Xe lửa giảm tốc độ dần dần. Thành phố hiện ra trước mặt. Sống ở Mỹ lâu năm, lại có dịp đi đây đi đó trong các kỳ nghỉ hè, Hòa không ngỡ chi khi đến một tiểu bang mới. Một phần cũng vì kiến trúc đô thị ở Mỹ tại các nơi không khác nhau mấy và ở đâu người ta cũng thấy tiệm McDonald's với hình chú hề và chữ M màu vàng thật to dựng trên nóc. Đó là quán ăn bình dân quen thuộc của mọi người và của Hòa trong những ngày sắp tới nếu anh không tìm được khu vực Việt Nam hay Á Châu tại đây.

Sau khi lo chỗ tạm trú, Hòa gửi đơn xin việc ngay hôm sau. Anh rải gần bốn mươi tờ “resume” mà đợi mãi đến hai tuần sau mới có một hãng gọi anh tới để phỏng vấn. Hãng này thuộc loại nhỏ, chuyên sản xuất đồ dùng bằng nhựa. Họ trả lương nhân viên thấp nên hay chọn những đối tượng như Hòa. Họ mướn Hòa như một cán sự và hứa sẽ cho lên kỹ sư khi nào hãng có nhu cầu.

Tuy thất vọng nhưng không có cơ hội nào khác, anh đành nhận việc. Dĩ nhiên Hòa báo cáo với ông già không đúng như thật. Anh vẽ vờ, đánh bóng mọi sự làm ba anh thêm hãnh diện; điều đó thỏa mãn “cái tôi” của Hòa lắm.

Một năm say, anh sung sướng có được cô gạn gái, là nhân viên mới của hãng. Cô Hường tuy ở Việt Nam mới sang và luông tuổi rồi nhưng sắc vóc xinh xắn lại xuất thân từ gia đình sĩ quan cũ, có bề thế, tên tuổi. Hòa cưng chiều cô lắm, còn cô thì không nói ra nhưng định bụng chỉ ưng Hòa khi nào anh thực thụ là kỹ sư. Cô thuộc loại người cứng cỏi, sống bằng lý trí.

Từ ngày có bạn gái, Hòa như quên hẳn người cha già cô đơn ở tỉnh lẻ. Thịnh thoảng ông nhớ con, gọi điện thoại tìm để được biết con mình vẫn bình yên; còn anh thì bận rộn lắm, chỉ có thì giờ gửi cho ông tấm thiệp mừng ngày Father's Day với chữ ký vội vàng dưới hàng chữ in sẵn.

Đôi khi, lương tâm chỗi dậy, anh ý thức được rằng mình là đứa con vô tình nhưng anh tự trấn an ngay vì biết cha lúc nào cũng rộng lượng, xuề xòa, không chấp nhất chi... Anh sợ liên lạc mật thiết với ông, ông sẽ đòi dọn về ở chung vì có đôi lần vui miệng anh đã hứa “khi nào ba hưu trí, con rước ba qua đây ở luôn.”

Đôi với anh, đó chỉ là lời nói có tính cánh đầy đưa; biết ông hằng mong mỏi như vậy nên nói cho ông vui thôi. Cho ăn bánh vẽ thì bao nhiêu chả được! Rước ông về ở chung, chắc chắn cô bạn gái sẽ không bằng lòng. Cô ấy mà bỏ anh, chắc anh chết! Lỡ phịa rằng ba anh cũng vốn dòng trí thức phong lưu, rùi cô ấy biết rõ lai lịch từ “binh nhì” ở Việt Nam đến “lao công quét dọn” ở Mỹ thì có nước độn thổ.

Đôi khi, thành thật với chính mình, Hòa biết mình đã trở thành kẻ láo khoét, thích “nổ” và hay khoe khoang nhưng anh không thấy thế làm xấu hổ. Anh đã quen khoác cho mình lớp sơn hào nhoáng và tự hài lòng với những gì mình đã vẽ vờ ra.

Trần trọc suốt đêm, ông Hai Nghĩa không ngủ được một phút giây ngắn ngủi nào. Nỗi đau, cái giận, sự chua xót xen lẫn lòng hối tiếc đã hòa trộn vào nhau, day xé cả tâm tư, dẫn vật ông không dứt.

Thằng Hòa lại cho ông “ăn thịt thỏ”. Nó hứa cuội với ông trong ngày quan trọng nhất của tuổi già; ngày về hưu. Bà con, bạn bè, lối xóm, đồng nghiệp, ai cũng dành thì giờ đến dự buổi tiệc thân mật này, còn đứa con độc nhất của ông, nắm ruột yêu dấu của ông thì biệt dạng.

Đa số người thân thiết rõ cảnh tình đáng thương của ông, đã tế nhị, không đá động, hỏi han về Hòa nhưng đôi người cũng vô tình buột miệng:

- Kỹ sư Hòa đâu? Lâu quá chẳng thấy về Alabama.

- Ồ, cũng bảy hay tám năm rồi!

- Ngày này lẽ ra cậu ấy phải về để tính công chuyện cho ba chó! Già cả rồi, ở một mình đâu nên!

Họ thương ông mà nói vậy chứ không ác ý, nhưng những câu nói ấy như những mũi tên xuyên suốt qua trái tim người cha đau khổ.

Cả tháng vừa qua, ông hăng hái sơn phết, dọn dẹp nhà cửa với ý nghĩ khi con mình về thăm, nó sẽ không xấu hổ vì căn nhà bây giờ đã quá cũ kỹ: một bên vách, cây đã mục; thảm ở phòng khách từ màu xám tro đã ngã thành đen, bẹp dí xuống, cứng đờ như miếng ni-lông dày. Cửa nẻo đều trở nên ọp ẹp, lỏng lẻo.

Trong dịp này, bà Phụng đã đến giúp ông hằng ngày. Bà biết ông phẫn khởi lắm, hi vọng sẽ được gặp con. Có lần bà ước hỏi:

- Ông chắc cậu về không?

Mặc dầu hơi chột dạ - vì bây giờ ông không dám cả tin vào bất cứ lời nói nào của đứa con yêu quý – nhưng ông cũng mạnh dạn đáp:

- Về chó! Tôi đòi gọi vé xe lửa miễn phí, nó không chịu, nó đi máy bay mau hơn.

- Chùng nào có chuyến bay, có giờ tới mới chắc!

Ông Hai chép miệng:

- Nhiều lần tôi muốn lên thăm nó, nó không cho, nói già cả ngồi xem lửa mất sức. Kỳ này nó lấy phép về chơi, ở lại vài tuần.

Bà Phụng xây mặt, dẫu cái trẻ môi. Người ngoài ai cũng biết Hòa là đứa con đoan hậu – cũng như con Lụa của bà vậy, nhưng đóng kịch khéo hơn - chỉ có ông vì quá thương con nên không thấy sự thật. Kỳ này cho ông sáng mắt ra. Sáng mắt rồi, ông chỉ khổ một lần chót thôi chó không còn khổ dài dài vì phải ăn bánh vẽ của Hòa nữa.

Không phải bà ghét chi Hòa – nó mất mớ gì tới bà mà ghét – nhưng tức giùm ông Hai Nghĩa quá chùng... Mà lần này ông “canh me” để được nói chuyện thẳng với nó qua phone là may. Thông thường, chỉ có máy trả lời, dù nhấn năm điều bảy chuyện trong máy, nó cũng không bao giờ gọi lại... Rõ ràng như vậy mà Ông Hai cũng chưa chịu hiểu!

... Sau trắng đêm suy nghĩ, bây giờ ông Hai mới thấy được tâm địa của con mình. Ông đau lòng quá, không phải vì sợ tuổi già của mình vò vố cô đơn nhưng vì không ngờ đứa con mà mình đã dày công đào tạo, đã đặt trọn niềm tin tưởng và hãnh diện lại thấp thỏi đến như vậy.

Thà nó đừng làm kỹ sư bác sĩ, nó cứ nối nghiệp lao công như ông mà biết đạo làm người, biết nghĩa làm con thì ông hả dạ hơn. Giá trị con người đâu phải ở bằng cấp địa vị hay sự sang giàu!

Ông Hai đi tới đi lui ngoài sân sau, càng nghĩ ngợi càng đau lòng... Cho đến khi mặt trời đã lên cao, thấy nóng, ông vừa định trở vào nhà thì nghe tiếng bà Phụng đập cửa rầm rầm, miệng kêu oi ới...

- Anh Hai, mở cửa! mở cửa cho tôi vô!

Chủ nhà vừa hé cửa, bà Phụng đã nhào tới. Cùng lúc đó, ông nhận ra sự hiện diện của bác Vinh, hội trưởng cao niên.

Bà Phụng đê tay lên ngực, thở cái phào:

- Vậy mà tôi hết hồn! Tưởng ông buồn tình tự vận rồi chứ!

Ông Vinh điềm tĩnh, từ tốn hơn, tiến tới bắt tay ông Hai Nghĩa rồi chậm rãi bước vào nhà. Sau khi phân ngôi chủ khách, ông Vinh giải thích:

- Hồi sáng này lúc tôi còn ngủ, bà bạn đây tới, thức tôi dậy, báo tin anh đã tự tử. Tôi hỏi “sao chị biết?”. Chị nói đã đập cửa nhà anh rầm rầm cả chục lần mà không có tiếng ai trả lời. Bán tín bán nghi, tôi cấp tốc đến đây xem sự thể ra sao?

Người cha đau khổ nhếch môi cười gượng gạo. Ông liếc bà Phụng một cái bén ngón làm bà xấu hổ bỏ vào trong, nói là đi pha cà phê.

Bắt được cái cười của ông Hai Nghĩa, người bạn biết đây là cơ hội tốt để tháo gút tâm sự:

- Từng tuổi này, tôi mới nghiệm ra rằng mình chỉ nên sống với thực tại. Chấp nhận thực tế, dù nó không đúng với sự mong cầu của mình, mình sẽ đỡ khổ lắm anh à! Vợ chồng tôi có đến bốn đứa con, hai trai hai gái nhưng tới lúc bạc đầu cũng không sống chung với đứa nào được. Mà sống riêng cũng có cái hay, mình độc lập mà chúng nó thì được tự do.

Ông Hai vuốt tóc - chắc đầu tóc mình bồm xồm khó coi, khách tới bất thành linh quá. Ông im lìm một lúc rồi nói như than:

- Thì sự thể đã rõ ràng như vậy, không chấp nhận cũng không được. Sinh con nào để sinh lòng!

Hiểu nỗi đau của bạn, ông Vinh tìm cách an ủi:

- Thôi, thì dù sao đi nữa, con hơn cha là nhà có phúc anh à! Bây giờ anh không cần phải lo lắng, đùm bọc, che chở cho cậu ấy nữa. Con chim trời khi đủ lông đủ cánh, cứ thả cho nó bay... Mình nghĩ vậy mà khỏe, khỏi bận lòng.

Ông Nghĩa hít sâu một hơi thở để làm dịu con xúc động rồi trầm ngâm. Tiếng đồng hồ “tích tắc”, “tích tắc” gọi ông nhớ lại những đêm khó ngủ, những đêm dài thăm thẳm, triền miên với bao phiền muộn, thất vọng và ngán ngẩm.

- Thú thiệt với anh ghen, tôi vốn quê mùa dốt nát, nuôi được đứa con ăn học thành tài thì mình hành diện ghê lắm nhưng mà xét cho kỹ, đó không phải là cái phúc của gia đình tôi. Phải nói đây là điều bất hạnh. Nhưng dù sao tôi cũng tha thứ cho nó. Sau này, nếu nó hoạn nạn, ốm đau, thất bại hay gì đi nữa, tôi cũng sẵn lòng thương...

- Tôi hiểu! Mình là cha mà, dù chúng nên hay hư, giỏi hay dở, thành công hay thất bại mình cũng cứ thương thôi. Sông còn có lúc nước lớn nước ròng chứ cha mẹ thương con bao giờ cũng thế, tràn ngập, phủ phê...

- Mà thôi, mình không biết thực tế cuộc sống của cậu ấy ra sao, cứ ngồi đây mà trách, có khi cũng oan!

Không cảm được giòng nước mắt thương cảm, ông Hai lặng lẽ khóc: “Ông Vinh đã thấy được nỗi lo thầm kín của mình, người bạn này sâu sắc, tế nhị mà lại bao dung, không bao giờ phê phán, xét nét ai.”

Ông Vinh tôn trọng sự xúc động của bạn, đứng lên nhìn ra cửa sổ. Nắng buổi trưa sáng rực cả con đường nhựa trắng tấp, hàng cây dogwood trở hoa hồng nhạt làm dịu lại bầu không khí nóng nực của mùa hè. Ở Mỹ, người về hưu còn khỏe lắm, lại còn một thời gian dài trước mặt, nếu không khéo sử dụng, cuộc sống sẽ trở nên vô vị, nhạt phèo.

Mùi cà phê thơm ngát báo hiệu sự hiện diện của bà Phụng. Cái miệng “bếp xép” của bà nẩy giờ phải khép lại trong nhà bếp khiến bà khó chịu nên vừa bung khay cà phê vào, bà nói liền:

- Giận thì khô, không giận thì lổ!

Trở lại ghé ngồi, ông Vinh cười, buông câu đùa:

- Nhưng “giận thì giận, mà thương thì thương!”

Hai người đàn ông trao nhau cái nhìn thông cảm. Ông Hai Nghĩa có dịp nhìn ngắm người bạn gái vui tính và bộc trực của ông: bà ta đã tròng hai cái răng cửa, tóc tai vén khéo, da mặt không còn bủng beo tái ngắt như xưa. Lúc sau này, bà hoạt động tích cực cho hội cao niên, hay đi chùa làm công quả, bà tìm được lẽ sống và nguồn hạnh phúc yêu đời. Bà không còn cay cú khi có ai vô tình nhắc đến con Lụa.

Ông Nghĩa biết rằng ông cũng có cơ hội để sống vui, ông sẽ nhờ Vinh hướng dẫn đi chùa, học giáo lý, tụng kinh niệm Phật; tâm hồn ông sẽ bớt khổ đau, phiền muộn. Con đường đầy hoa bưởi, hoa cam dẫn đến ngôi chùa làng ở quê nhà như hiện ra trước mắt. Ông bỗng nhớ quá ao sen trước sân chùa rợp sắc hồng, ngào ngạt hương thơm vào mùa hạ và bóng áo nâu của sư ông thật dịu hiền...

... Tối hôm đó, sau khi dùng cơm ở nhà Vinh về, ông đang chuẩn bị đi ngủ thì có tiếng điện thoại reo vang. Dù cố gắng bình tĩnh, tay ông vẫn run lên khi nghe tiếng Hòa ở đâu bên kia.

- Ba tha lỗi cho con!

- Ồ! ... con có gì khó khăn cứ nói đi.

- Con hay nói dối ba, lần này con phải thừa thật!

- Chuyện gì đó con?

- Con ra đời không thành công như mình mong ước... lương đã thấp mà bị thất nghiệp hoài... có cô bạn gái, mình cung chịu hết sức, rốt cuộc cũng không thành.

- Không sao, từ từ rồi con gặp người khác.

- Con lỡ có con với... với Mỹ đen rồi ba à!

- !!! (Đành im lặng, ông biết nói gì đây?)

- Ba còn nghe con không?... Bị thất tình, buồn quá, con vợ đại cô đó, ở ngay phòng bên cạnh, ai dè...

Ông Hai Nghĩa cố dấu tiếng thở dài:

- Thôi, dù sao cũng là máu mủ của mình, đừng bỏ người ta mang tội, con à.

- Bây giờ con đang thất nghiệp, còn nó sanh rồi không ai giữ con, tiền gửi nhà trẻ mắc quá...

Quyết định đến thật nhanh, không đắn đo suy nghĩ ông Hai sốt sắng:

- Tụi bây dọn về đây ở chung với tao nè, tiền nhà khỏi tốn, đỡ lo. Tao giữ cháu nội cho hai đứa đi làm.

- Con cảm ơn ba. Lúc nào ba cũng thương yêu, lo lắng cho con mà con thì chưa làm được gì để đền đáp. Con hứa từ nay...

Ông Hai chận lời:

- Ba chỉ cần con hứa từ nay phải sống thành thật với chính mình và với người chung quanh. Đừng ngụy tạo, đừng vẽ vờ. Tốt gỗ hơn tốt nước sơn, con à.

Giọng của Hòa trở nên ngập ngừng:

- Con xấu hổ, con ăn năn... con xin chừa!

- Ờ thôi, chuyện cũ bỏ qua hết đi con. Mà cháu nội của tao là trai hay gái vậy?

- Dạ con trai, nó bự lắm ba à, hồi mới sanh đã 9 pounds, bây giờ chưa tròn ba tháng đã 15 pounds rồi.

Ông Hai nói thêm: “Lại một lần nữa, con hơn cha là nhà có phúc!”

- Con đặt tên nó là Michael. Hi vọng sau này lớn lên, nói chơi bóng rổ giỏi như Michael Jordan vậy!

- Thôi con ơi, đừng mơ mộng viễn vông nữa, sống với thực tế là hơn! Thực tế là, tao nhận giữ cháu ngày thường thôi. Thứ bảy tao sinh hoạt hội cao niên, chủ nhật tao đi chùa.

Hòa nghĩ trong bụng: “ông già bây giờ có uy quá, tự nhiên mình thấy khớp!” Rồi anh vui vẻ hứa:

- Dạ, con đâu dám đòi hỏi gì hơn. Ba giúp con đúng lúc quá! Tụi con thu xếp, tuần sau đi xe lửa về.

- Tao còn sẵn hai vé miễn phí nè, để tao gọi lên cho. Thôi khuya rồi, tao đi ngủ đây. Bye!

Bỗng nhiên trời đổ xuống một trận mưa rào. Tiếng mưa ban đầu còn thưa thớt, về sau trút xuống ào ào không ngớt. Mưa làm tan bầu không khí oi bức, nồng nực ở chung quanh. Ông Hai nằm im nghe sự mát mẻ của đất trời đang hòa lẫn với niềm vui lớn lao đang làm tươi lại trái tim khô héo của mình từ bấy lâu nay...

---o0o---

Tiếng Gọi

“Prom” là đêm trọng đại, tung bừng hoa đăng của tất cả học sinh trung học vừa tốt nghiệp. Buổi lễ ra trường ban ngày với những bài diễn văn, những phần thưởng thật ra không đáng để họ lưu tâm bằng đêm dạ hội này

Họ được làm người lớn từ cách ăn mặc đến những bước khiêu vũ dưới ánh đèn màu, được chính thức giới thiệu với cha mẹ người bạn trai hay bạn gái của mình.

Ngọc Hà chuẩn bị quần áo cho đêm dạ vũ từ ba tháng về trước. Cô mua áo này, đổi lại cái kia, rồi thử tới thử lui, ngắm nghía mình trong gương hàng chục, hàng trăm lần; còn phải xin thêm tiền mẹ mua đôi giày, nhõng nhẽo với cha đòi cái bóp...

Đầu mùa hè, khí hậu Cali ấm áp, dễ chịu. Đêm nay Ngọc Hà mặc chiếc áo đầm nhung đen hở vai để khoe nhựa sống của tuổi thanh xuân, khoe cái eo thon thắt chặt làm nổi đường cong vẫn còn thanh mảnh.

Mặc dù mẹ đã góp ý về cách trang điểm, Ngọc Hà cứ viền vòng mắt thật đậm, thật to, lại gắn lông nheo giả cho thêm phần quyến rũ. Nàng muốn người bạn trai của mình phải ngạc nhiên khi thấy đêm nay nàng hoàn toàn khác lạ, nổi bật hơn các cô bạn cùng lớp, và muốn cha mẹ thấy mình đã là người lớn thật sự. Và lại, nàng đã hai mươi một tuổi rồi, còn nhỏ nhít gì nữa. Nếu được định cư ở Hoa Kỳ sớm hơn, chắc nàng đã vào đại học lâu rồi.

Hai ông bà Lân im lặng theo dõi tivi. Thịnh thoảng bà kín đáo ném cái nhìn quan sát vào phòng con gái. Cánh cửa phòng khép hờ cho bà thấy Ngọc Hà đang đi tới đi lui, uốn éo trước gương rồi ngồi xuống sửa lại mái tóc đã đánh rối bù, tô thêm đôi môi đã dày cộm sấp đỏ...

Ông Lân hiểu vợ hơn ai hết, nắm nhẹ tay bà như an ủi. Dù đã dặn lòng, không muốn làm con mất vui trong đêm trọng đại này nhưng bà không thể nào chấp nhận sự “thoát xác” quá nhanh chóng của Ngọc Hà. Với lối trang điểm kỳ cục như vậy, Ngọc Hà đánh mất vẻ thơ ngây, trông ngổ ngáo như gái bụi đời. Nếu bà mở miệng góp ý kiến, Ngọc Hà sẽ vùng vằng phản ứng, sẽ nói: “má sao quê mùa, hủ lậu!” Đành ngậm tã cho nó vui trọn đêm nay!

Có tiếng xe mô tô nổ “bình bịch” trước cửa, tiếng rồ máy rồi tắt máy. Không kịp chờ nghe tiếng chuông, Ngọc Hà phóng ra mở cửa. Cô bé ôm “thằng tây hát bóng cao lớn dềnh dàng” ấy một cách triu mến rồi nắm tay nó kéo vào nhà.

Ông bà Lân sững sờ ngạc nhiên. Trời ơi! bạn trai của Hà đó sao? Một thằng Mễ lai Mỹ đen râu ria xồm xoàm, to lớn gấp hai lần Ngọc Hà. Đã vậy, tóc còn để dài, cột túm lại sau ót để lộ vành tai đeo đầy khoen bạc, sắp thứ tự lớp lang từ lớn tới nhỏ!

Nó tiến tới chỗ ông Lân, chìa tay ra; bà Lân kịp thấy cổ tay nó xăm đầy hình lăng nhăng, vừa lộ ra sau lớp áo. Nếu nó không mặc áo sơ mi trắng mà đổi vào đây là một cái áo da đen bóng, kèm thêm cặp kính đen sậm thì có lẽ khi nó vừa bước chân vào nhà, bà đã hô toáng lên: ăn cướp! ăn cướp!

Ông Lân miễn cưỡng bắt tay nó, nói vài câu xã giao trong khi Hà líu lo giới thiệu. Nó - thằng Lucky - nhả hàm răng cá sấu cười với bà, bà Lân trả lời bằng cái mếu thì đúng hơn.

Sự bực tức và thất vọng làm người bà mềm nhũn, bà như sắp bị nghẹt thở. Hoa đốm lảng vảng trước mắt giúp bà khỏi nhìn thấy cô con gái cung duy nhất của bà đang cặp tay thằng Lucky ra cửa một cách ngang nhiên và thân mật.

Cánh cửa ập lại, tiếng xe mô tô nổ máy rồ rồ bình bịch rồi rú lên, vọt đi. Căn phòng chìm trong sự im lặng hệt hẫng.

Ông Lân đã tắt tivi, rót cho vợ một ly nước lạnh. Ông dỗ dành:

- Thôi em đừng buồn, mình đang sống ở Mỹ mà!

Nước mắt được dịp trào ra, bà râm rức khóc:

- Mình qua Mỹ mới sáu năm mà con đã hư, nó lai căng, mất gốc rồi ông ơi!

Người chồng dịu dàng lấy khăn lau nước mắt cho vợ trong khi chính ông, ông cũng đang nén tiếng thở dài:

- Hi vọng nó bỏ với thằng này một thời gian ngắn rồi thôi. Tụi nhỏ đôi bỏ như thay áo, lo gì!

Vốn nóng tánh, bà có dịp đổ cái giận vào ông chồng:

- Lo chớ sao không! Nó là con gái mà! Ông vô tâm quá thành ra khỏe ru!

Ông Lân chợt hiểu ra: “Ồ há! rủa nó có bầu thì khổ!”

Hai vợ chồng rầu rĩ, mỗi người ngồi một góc. Không khí buồn thiu bao phủ căn nhà nhỏ xíu và cũ kỹ này. Chẳng ai muốn đi ngủ vì biết có nằm xuống cũng không ngủ được, họ đau khổ quá vì không ngờ sự thể xảy ra như vậy. Thời gian chậm chạp trôi qua, chở nặng lo sầu.

Hai giờ sáng! Ngọc Hà về thấy cha mẹ còn ngồi ở phòng khách, cô cau mặt, nện gót giày mạnh hơn rồi đi thẳng vô phòng mình, đóng cửa cái rầm.

Bà Lân đứng bật lên như cái lò xo, bà muốn tát vào mặt con bé một cái thẳng tay, tóe lửa cho hả giận nhưng ông chồng biết ý, đã vội dìu bà đi ngủ.

Những ngày sau đó, Ngọc Hà vẫn giữ vẻ mặt cày cạy dù đôi lúc ông bố muốn tạo hòa khí bằng vài câu bông đùa. Cô không thèm nói chuyện với mẹ, chỉ thỉnh thoảng mới trao đổi với cha vài câu cần thiết.

Nhà tuy chỉ có ba người nhưng họ không bao giờ gặp nhau đủ mặt trong bữa ăn, nhất là lúc sau này Hà đi về giờ giấc không nhất định.

Ngọc Hà có lý lẽ của cô: “Mình đã trưởng thành rồi, phải được tự do sống thoải mái như các bạn cùng trang lứa. Mỹ mà, đâu phải ở Việt Nam mà gò bó trong khuôn khổ xưa rích hủ lậu. Ông bà già mà tỏ ý kiểm soát, ràng buộc là mình “run away” liền, sợ gì?! Boyfriend Lucky sẵn sàng cho mình ở chung. Với đồng lương và tiền “tip” của chiêu đãi viên trong night club Mỹ, mình tự sống được, đâu cần nhờ vả ai nữa!”

Thật ra Hà cũng chưa muốn dứt áo đi quá sớm vì dù sao không khí gia đình cũng dễ chịu hơn cuộc sống xô bồ của thế giới mới chung quanh mà cô vừa thích vừa sợ. Thế giới của cảm giác, phóng túng, buông trôi làm cô mê mẩn nhưng cũng sờ sờ một cái gì đó rờn rợn bất an như rừng rậm ban đêm.

Nhưng mà phải tỏ vẻ cứng rắn với ông bà già, nếu không hai người ấy sẽ rao giảng luân lý giáo khoa, sẽ tiếp tục trói cột mình vào khuôn khổ của “con nhà nê nếp”. Cha mẹ có vẻ không chấp nhận Lucky vì ông bà đâu biết được tài ca hát của chàng. Trong hộp đêm, dưới ánh đèn, chàng là thần tượng của bao cô gái Mỹ, mình may mắn lắm mới được Lucky chọn làm bồ. Phải lấy đó làm hãnh diện chứ!

Thứ bảy ở nhà một mình, bà Lân cảm thấy lẻ loi quá! Trưa nay cũng chẳng cần lo cơm nước vì chồng bà đi làm “over-time” đến chiều mới về, còn Ngọc Hà thì khỏi kể đến nó làm gì. Lúc sau này, nó thường đi sáng đêm, bà biết nó hư rồi, thả lỏng cho hư luôn chứ còn cứu vớt gì được nữa, đời con gái chỉ có một lần.

Dạy con từ thuở còn thơ với hi vọng uốn nắn được, đằng này, chỉ có một đứa, hai vợ chồng cung như trứng, húng như hoa, đòi gì được nấy, muốn gì cũng cho, riết rồi thành thói quen, nó luôn luôn thấy cha mẹ phải có bổn phận lo lắng phục vụ nó; còn bổn phận làm con đối với cha mẹ thì không được dạy trong nhà trường, thầy cô giáo Mỹ không nói tới, sách vở ít bàn đến nên nó không biết là phải rồi!

Hai vợ chồng tiếc rằng mình đã chọn lựa sai khi quyết định đi Mỹ. Nếu không vì tương lai của Ngọc Hà, họ ở lại Việt Nam tiếp tục bán sơn cũng đắp đổi qua ngày. Qua đây rồi mới thấy cuộc sống không dễ dàng như mọi người trong nước tưởng tượng. Học chỉ thấy hình ảnh những Việt Kiều về

nước nhờn như khoe của, ăn chơi chứ họ đâu biết cảnh bà ngồi may thêu đêm để kiếm từng đồng, cảnh chồng bà “đi cày” không thấy ánh mặt trời! Vậy mà con gái chẳng biết thương, còn nổi khổ nào hơn!

Có tiếng chuông gọi cửa. Bà Lân vui hẳn lên khi thấy dáng người phốp pháp quen thuộc của chị Mận in trên cửa kiếng. Hai người là bạn với nhau suốt bảy năm trung học ở trường Gia Long. Sau này lớn lên, mỗi người lập gia đình đi một phương nhưng xui khiến thế nào khi qua Mỹ, họ lại là hàng xóm láng giềng. Thành ra thân như ruột thịt.

Bà Lân mở cửa cho bạn. Ánh sáng bên ngoài lùa vào rạng rỡ làm tươi thêm vẻ mặt lúc nào cũng lạc quan hạnh phúc của Mận.

“Bà này không thấy già! Qua Mỹ vẫn phây phây khỏi đi cày, chồng con làm bao nhiêu đem về nộp hết, sướng thật!

Mận mang qua cho bà Lân ổ bánh bông lan nho mới nướng, nóng hổi, còn thơm phức. Dù đôi khi bị mặc cảm thua sút trước gia cảnh của Mận, bà Lân cũng thích có người nói chuyện trong lúc này cho đỡ buồn; nhất là vì Mận rất thân tình và tế nhị.

Họ cùng ăn bánh uống trà, trao đổi dăm ba câu về thời tiết. Rồi bà Mận lấy trong túi xách ra một thư màu vàng, trao cho bạn. Giọng nói của bà như trang nghiêm hơn:

- Thư chùa V.Q. mời gia đình chị đi dự lễ Vu Lan.

Như bao nhiêu lần trước, bà Lân thối thác:

- Chắc tôi không đi được chị à! Nhiều hàng gấp phải may để giao cho kịp.

- Thì bỏ ra một buổi có là bao! Tôi sẽ qua phụ cho. Chị đi một ngày, tôi giúp cho một ngày, không tính tiền công đâu!

- Cám ơn lòng tốt của chị, tôi không dám hứa.

- Mùa báo hiếu mình nên đến chùa cầu siêu cho vong linh phụ mẫu...

Hai tiếng “báo hiếu” như khơi dậy nỗi sầu, bà Lân có dịp thở than cùng bạn:

- Hồi cha mẹ tôi còn sinh tiền, tôi là đứa con hiếu thảo, tại sao bây giờ con tôi lại hỗn láo vô nghi?

Biết bà bạn thân chưa hiểu đạo, chưa rõ nhân quả ba đời, chưa tin ngôi Tam Bảo nên Mận không thể giải thích qua loa trong lúc này, nhất là tâm trạng bạn đang bất an. Mận chỉ đùa cho qua câu chuyện:

- Con là nợ mà!

Nào ngờ bà Lân nắm lấy câu nói ấy, hỏi vặn lại:

- Vậy, tại sao hai đứa con của chị, đứa nào cũng ngoan ngoãn, hiếu đễ? Tụi nó vừa đi làm giúp gia đình, vừa học hành giỏi dắn.

Dù hãnh diện về con, Mận cũng không muốn đề cập đến chuyện này để tránh cho bạn sự tủi thân.

Nhưng bà Lân lại tiếp:

- Cháu Loan cũng bằng tuổi Ngọc Hà mà bây giờ được học bổng vô đại học Berkeley giống như anh của cháu vậy. Tương lai của hai con chị tốt quá! Chắc tại chị khéo tu.

Mận an ủi:

- Khéo tu hay vụng tu cũng tùy hoàn cảnh thôi. Thường đi chùa thì mình có cơ hội làm chuyện phước thiện, bố thí, công quả, lại được tu Bát Quan Trai... chị thử theo tôi đi chùa, thấy tinh thần được an ổn hơn trước, rồi dần dần tạo phước đức về sau...

Cánh cửa bỗng xịt mở. Hai người cùng hướng mắt nhìn ra. Bà Lân ước gì đất sụp xuống cho bà chui vào đáy mà trốn bạn, xấu hổ chịu không nổi!

Ngọc Hà đi sáng đêm, giờ mới vác bộ mặt trác táng xanh xao về; đầu tóc rối tung, áo quần vừa hở hang vừa nhả nhúm. Đôi mắt trờ lơ thâm quầng, làn da nhẽ nhại thiếu ánh sáng mặt trời, cặp môi xám xịt... Ngọc Hà trông giống như một bà già, một thầy ma thì đúng hơn. Cô ta giương đôi mắt vô hồn nhìn khách rồi lặng im bước vào trong.

Mận thấy mặt bà Lân đỏ rần, biết sự xấu hổ của bạn sắp sửa đổi thành tức giận. Mận tìm cách tháo lui để tránh cơn bão sắp lùa tới, hất tung mọi thứ trong nhà này.

- Thôi, tôi về đi chợ, chị nhé!

Trong lúc Mận vội vã bước ra ngoài, bà Lân ngồi im không nhúc nhích, rán dần cơn nóng giận cho đến lúc bạn đã đi khuất.

Bấy giờ, bà cất giọng the thé vừa gọi vừa hét:

- Này con kia, ra tao biểu!

Chỉ có sự im lặng đáp lời bà.

- Hà, ra tao biểu!

Con gái đã thay đồ bộ vào, trông đỡ hơn lúc nãy. Cô vừa đi ra vừa ngáp.

- Nghe tao hỏi đây. Mày đi đâu sáng đêm giờ mới vác mặt về?

Cô gái cười mũi:

- Tức cười quá hà! Tôi lớn rồi, muốn đi đâu thì đi, bà hỏi làm gì?

Tuy đang giận sôi gan nhưng bà Lân biết dù sao mình cũng đã hỏi một câu thừa. Ba tháng nay, nó đi luông tuồng có ai dám nói động tới đâu – vì sợ nó bỏ nhà đi luôn. Nó biết chỗ yếu của cha mẹ nên làm tới.

Bà Lân né sang vấn đề khác:

- Mày thật là mất dạy. Về nhà thấy khách khứa chẳng biết mở miệng chào.

Hà nín thinh. Chẳng lẽ Hà nói mình không ưa bà Mận vì con cái của bà ngoan hiền, học giỏi! Sự làm thinh của Hà khiến bà Lân giận uất người, có cảm tưởng như một thái độ khiêu khích.

Bà chồm tới, vả vào bộ mặt khinh khỉnh của Hà một cái tóa lửa.

Hà xô bà ra:

- Tức cười quá hà, sao lại đánh tôi?

Chưa bao giờ bà thấy con gái mình lại vô duyên trong lời ăn tiếng nói như vậy. Vừa vô duyên, vừa vô phép.

Bà điên tiết:

- Tao từ mày. Hãy ra khỏi nhà tao ngay lập tức!

Bây giờ tới phiên Hà lên con. Máu nóng dồn lên thái dương, hai mắt cô đỏ ngầu. Cô gằn giọng:

- Khỏi đuổi, tôi đi liền!

Biết mình lỡ lời, bà Lân buông ngấm sự hăm dọa:

- Cấm không được mang theo một món gì tao đã mua sắm cho.

- Khỏi cần, tôi trả chiếc xe lại cho bà luôn!

Hà vội vã nhắc điện thoại. Mười phút sau, cô ra đi mình không. Thăng Lucky rờ máy xe moto chở đứa con gái cưng của bà mất dạng.

- Trời ơi, tôi khổ quá!

Bà Lân ngất lịm trong niềm cay đắng, nỗi khổ đau và sự nhục nhã.

Trên tường, tiếng đồng hồ vẫn “tích tắc, tích tắc” đều đặn một cách vô tình.

Trong cuộc, có lẽ mình ông Lân là người bình tĩnh. Ông biết chuyện này dù cố tránh, vẫn sẽ xảy ra. Hai mẹ con nóng tánh như nhau. Lại thêm sự ương ngạnh của tuổi trẻ, Ngọc Hà đâu cần biết cái gì sẽ chờ đợi cô trong thế giới sống về đêm; bà Lân thì có tự ái của người lớn, cảm thấy tức tối và bất lực trước sự hư hỏng của con. Ông biết phải từ từ, chờ tình thế lắng dịu mới hi vọng bắt lại nhịp cầu giữa hai người.

Ông Lân lén vợ, âm thầm đi tìm Hà. Dù sao nó cũng là đứa con duy nhất. Nếu đời nó khổ, ông bà làm sao vui được?

Hà không còn làm ở chỗ cũ, Thăng Lucky cũng vậy. Nhà nó ở đâu, ông không biết. Có lần, ông vô đại trong bar, vào tận quầy rượu, giả bộ kêu một ly rồi hỏi thăm về Hà, về Lucky.

Không ai buồn trả lời ông. Họ chỉ lắc đầu như cái máy. Ông không nản chí, cứ đi ba tuần trở lại đó một lần. Cuối cùng nhờ biết phải quấy theo luật giang hồ, ông nắm được miếng giấy ghi địa chỉ của Lucky.

Ông Lân tìm đến căn phòng tồi tàn ấy, nơi mà ông chắc chắn rằng đứa con gái thân yêu của mình đang tá túc. Đôi dép quen thuộc của nó ở ngoài cửa kia kìa. Con ơi! Con ơi!

Ông đã run tay bấm chuông nhiều lần... Không có tiếng trả lời. “Chắc không có ai ở nhà.” Ông tự nói như vậy.

Ông trở lại lắm lần nữa, vào những giờ giấc khác nhau. Lần nào trái tim ông cũng hồi hộp, xôn xao. Ông nhớ con gái quá! Trong tâm tưởng ông, Ngọc Hà vẫn là cô bé hai, ba tuổi, tóc bum bê đen nhánh, cặp mắt tròn xoe sáng ngời, đôi môi nhỏ xiu đỏ au hay nũng nịu đòi cây cà rem, đòi cái bánh in nhân đậu...

Ông thương nó lắm, dù cho phải bi lụy năn nỉ nó dẹp tự ái để trở về, ông cũng vui lòng làm như vậy. Vắng con mới mấy tháng mà căn nhà buồn như đám ma. Vợ ông tuy cứng cỏi, không nói ra niềm nhớ nhưng đêm đêm nghe tiếng bà thờ dài ông cũng không sao ngủ được.

Lần này, trước khi đi tìm con, ông lâm râm khấn vái Phật trời dun rui cho ông được gặp con, được thấy nó còn bình yên, ông cũng đỡ khổ phần nào. Ông giơ một ngón tay lên, run run ấn vào nút chuông trước cửa. Bấm một lần nữa, rồi hai lần, ba lần... Khi ông sắp sửa quay lưng đi thì cánh cửa chợt hé mở.

- Ngọc Hà, con ơi, con!

Ông vừa gọi tên con, vừa bước lẹ vô trong như sợ cánh cửa sẽ khép lại, tiếp tục dấu kín đứa con yêu của mình. Tuy cặp mắt đã mờ lẹ nhưng ông vẫn thấy sự khác biệt của con gái ông: “Nó đang có mang.”

Ngọc Hà đứng yên, lúng túng. Hai tay cô ôm ngang bụng như muốn che dấu sự thật. Cô nhìn cha bây giờ ốm quá, đôi mắt thụt sâu, quầng đen ám chung quanh. Bao nhiêu lần cô biết cha đã nhấn chuông, cô dứt khoát không mở cửa nhưng sau mỗi lần như vậy, tim cô nhói đau, nước mắt chảy ròng ròng.

Dù giận mẹ thế mấy, cô cũng không thể giận lây cha, người cha hiền như Bụt luôn luôn cho cô những lời lẽ ngọt ngào, luôn luôn chịu mọi ý muốn của con.

Ông Lân tiến đến nắm tay Hà, miệng nói như mếu:

- Ba nhớ con quá! Thôi, về nhà đi con!

Chẳng lẽ làm thình mãi, Ngọc Hà nói cho qua chuyện:

- Ba ngồi chơi, con rót nước ba uống.

- Thôi khỏi, gặp mây là tao vui rồi, ăn uống gì. Sửa soạn đi về với ba.

- Con không về đâu. Má đuổi con mà, đâu phải tự ý con bỏ nhà.

- Ôi, bà giận bà nói vậy, hơi nào buồn! Con về xin lỗi một câu là xong xuôi hết.

Hà ngún nguẩy:

- Con không xin lỗi đâu. Đuổi thì đuổi chớ. Bộ ra khỏi nhà là chết đói à? Ba về nói với má: con đã bỏ lại hết quần áo, nữ trang, xe cộ. Con không nợ má cái gì hết, đừng theo đòi.

Bỗng nhiên ông Lân thấy cần phải “mở mắt” cho Ngọc Hà. Nếu không, nó chẳng biết lỗi phải gì cả.

Ông hỏi vặn lại:

- Con có chắc là con chẳng lấy của má con món gì hết không?

- Chắc chắn như vậy!

Rồi cô vênh váo:

- Bà không tin cứ lại đây mà xét?

- Ông Lân chậm rãi ngồi xuống ghế. Ông hít một hơi thở sâu vì biết rằng nếu không giữ được bình tĩnh trong lúc này thì mọi việc sẽ hỏng cả.

- Đâu con xem kỹ lại, coi có đem theo món nào quan trọng không, có sao bỏ u sầu hoài?

Hà giậm chân, tắc lưỡi. Cô bực tức ra mặt:

- Con nói không là không mà!!

- Con ơi, còn cái hình hài của con đó, con lấy ở đâu ra? Ai đã sinh thành dưỡng dục con vậy? Nếu không có mẹ có cha làm sao con nên hình nên vóc như ngày nay? Con đâu phải từ đất nẻ chun lên, con đâu phải là đứa trẻ vô thừa nhận bị quăng ngoài đường. Từ khi con chào đời, còn đồ hỏn trong nôi cho đến bây giờ và về sau nữa, không lúc nào cha mẹ không thương con, không lo lắng cho con. Thương yêu là món nợ thứ nhì con đã vay của mẹ, của cha, con biết không?

Ước nguyện duy nhất của mẹ cha là mong con nên người, mong đời con sáng sủa. Vì vậy mà đôi lúc mẹ mắng cha rầy khi thấy con sai đường lạc lối. Nếu con lấy đó làm phiền thì ba xin lỗi con vậy.

Nước mắt Hà nhỏ giọt vẫn dài làm ướt đẫm vạt áo trước. Sự ấm nóng thấm xuống làn da bụng căng tròn; thai nhi trong bụng như cũng lây cảm xúc, nó cựa mình khe khẽ.

Ông Lân đánh thêm đòn tâm lý:

- Con sắp có con. Rồi đây con sẽ hiểu lòng cha mẹ. Trông cây mận cây xoài còn mong ngày ăn trái chớ nuôi con, ai dám hi vọng nhờ con? Vậy mà mẹ cha nhịn ăn quên ngủ, vất vả ngược xuôi từ tháng này qua năm nợ cũng chỉ vì con. Thử hỏi, trên đời này, ngoài cha mẹ ra, ai ban cho con tình thương vô điều kiện như vậy.

Ngọc Hà liên tưởng đến thái độ của thằng bò Lucky mấy tuần sau này. Lucky bắt đầu hờ hững lạnh nhạt với mình chỉ vì mình trở thành gánh nặng cho nó. Nó cứ xúi phá thai để sớm trở lại công việc làm nhưng mà tự nhiên sao Hà thấy thương quá đứa con còn nằm trong bụng. Cái máy, cái đập của nó cũng làm Hà cảm động.

- Thôi, sửa soạn về nhà với ba đi con!

Dù sao, đây cũng là cơ hội tốt để giữ thai nhi. Nàng viết vội dòng chữ: “I go home” để lại cho thằng bò. Già nhân ngãi non vợ chồng như họ thì chuyện đi, ở cũng giản dị có chừng ấy thôi.

Hai mẹ con gặp lại nhau, trong bụng mỗi người đều cảm thấy vui nhưng bên ngoài, vì tự ái, họ vẫn “kênh” nhau. Chiến tranh nóng lúc trước trở thành chiến tranh lạnh. Họ chỉ nói chuyện với nhau qua trung gian là ông Lân. Thành ra lúc ông Lân đi làm, ở nhà, hai mẹ con không ai nói tới ai.

“Nó là con mà không xuống nước, mình là mẹ lại phải đi xin lỗi nó à?”

“Bả đuổi mình đi, giờ không tỏ vẻ gì hối hận; người gì cứng như sỏi đá!”

Phải chi Hà đừng giống tánh mẹ, đừng cứng cỏi như bà thì mọi chuyện đã êm xuôi, đâu vào đấy. Đằng nay, không ai nhường ai nên họ cứ giữ bộ mặt lạnh lùng.

Ngọc Hà còn giận mẹ thêm khi nàng đi sinh: bà từ chối không chịu vào phòng sinh. Thật ra bà sợ chứng kiến cảnh con mình oằn oại rên la nhưng Hà lại nghĩ mẹ chẳng còn thương mình vì mình có chữa hoang, làm hại danh giá của bà.

Bởi vậy khi đem con về, dù non ngày non tháng, Hà cũng tự tay săn sóc con. Cái gì không biết thì lật sách ra đọc, cần mua gì thì nói với ba.

Bà Lân buồn lắm. Con không hiểu mình. Nhiều lần bà mon men vào phòng con, tiến đến gần cái nôi của cháu ngoại, ngắm nhìn nó đang ngủ yên, đẹp như thiên thần. Những lúc ấy, nếu Hà chỉ nhìn mẹ mà cười, bà sẽ quên hết mọi chuyện cũ, gia đình sẽ trở lại hòa khí như xưa.

Nhưng Hà đã không làm như vậy, đã không cho mẹ được một nụ cười; trái lại, cái giận làm nàng ngu si, nàng ngoảnh mặt xoay vào tường. Như là tấm vách tường đáng nhìn hơn bộ điệu muốn làm quen của mẹ vậy.

Thế là bà Lân lui thủi trở về với bàn máy may. Bà gạt nước mắt, nhấn bàn đạp, nghĩ tới những món cần dùng của đứa cháu ngoại. “May mà nó là con trai!”

Buổi chiều, khi bà Lân uể oải sắp xếp đồ may lại cho gọn để chuẩn bị cơm nước thì nghe tiếng Ngọc Hà gọi thất thanh:

- Má ơi má! Coi nè! Sao thằng Tom lại như vậy?

Bà Lân phóng lệ như tên. Bả hoảng hồn khi thấy đứa bé đang trợn trừng cặp mắt, tay chân quíu lại sắp sửa co giật.

- Nó bị làm kinh. Mở nước lạnh đầy bồn tắm cho tao!

Bà ẵm đứa cháu lên, cả người nó nóng như cục than hầm, cái mặt đỏ như. Rồi bà ôm lấy nó, bước tòm vào bồn tắm, nâng Tom trong hai cánh tay cho nước lạnh ngập hết người nó. Hà chỉ biết đứng nhìn, thút thít khóc.

Chừng năm, bảy phút sau, người nó dịu lại. Áp mặt vào trán cháu, bà biết nhiệt độ đã giảm. Bảo Hà lấy sẵn cái khăn lông mềm, bà đứng lên, đưa đứa nhỏ cho mẹ nó quấn lại.

Ôm đứa con bình yên trong tay, Ngọc Hà sung sướng quá! Rồi nhìn lại mẹ, thấy bà đang lúng túng trong bộ đồ sũng nước, Hà bật cười thành tiếng, bà Lân cũng cười theo.

Chiều hôm đó ông Lân về thấy hai người thân yêu của ông đang vui vẻ trò chuyện với nhau về thằng bé, giờ đã ngủ ngon lành sau khi uống thuốc và nút cạn bình sữa.

Ngọc Hà xung phong lo dọn cơm. Lâu lắm rồi họ mới được ngồi chung với nhau, thân mật và hạnh phúc trong buổi cơm chiều.

Với niềm vui tuôn chảy trong tim, bây giờ Ngọc Hà mới hiểu rằng hễ mình khổ thì cha mẹ khổ, mình vui thì cha mẹ vui, cũng như thằng Tom bệnh thì Hà điếng hồn vậy. Tình cảm này thiêng liêng quá!

Có thu hết can đảm, Hà đưa ra một đề nghị:

- Chừng nào thằng Tom một tuổi, con đi học lại. Má vừa may vừa giữ cháu được không?

Ông bà Lân trao nhau cái nhìn mãn nguyện.

Bà trả lời, giọng sáng sủa:

- Dur sức! Có nó ở nhà hủ hủ còn vui thêm. Bản mặt nó càng nhìn càng thấy ghét.

Rồi bà tiếp, vừa nói vừa nghiêng răng:

- Chờ nó lớn thêm chút nữa, tao nụng mới đã!

Ngọc Hà cúi mặt, cười chúm chím. Cô hiểu và thương mẹ hơn.

---o0o---

Mẹ Tôi

Bác sĩ giải phẫu mắt ở thành phố Houston này không phải ít nhưng thật khó tìm một vị nào vừa ý mẹ tôi. Bà chọn bác sĩ còn kỹ hơn chọn dâu nữa kia. Dĩ nhiên phải là y sĩ người Việt, lại cần vui tính, dễ thương, có kinh nghiệm, tay nghề giỏi v.v... Nếu được một nữ bác sĩ lại càng tốt hơn vì mẹ tôi nói người nữ khéo tay lại chịu khó...

Tôi tìm đờ mắt cũng không được một người đúng tiêu chuẩn của mẹ tôi. Nhưng cũng may, chị bạn cùng sở cho biết ở khu Sugarland có một nữ bác sĩ nhãn khoa mới mở phòng mạch. Đó là một bác sĩ nổi tiếng ở Cali, vì lấy chồng mới dọn về đây. Nhờ bác sĩ Cúc Lan mới mở phòng mạch lại, chưa có thân chủ nhiều nên tôi xin được cái hẹn cho mẹ tôi vào tuần sau, không phải chờ đợi lâu.

Báo tin cho mẹ tôi hay, bà hỏi ngay:

- Cô bao nhiêu tuổi, con biết không?

- Con chưa gặp mặt làm sao biết được? Bộ má muốn coi tuổi có hạn không à?

Bà im lặng có vẻ buồn. Biết mình lỡ lời, tôi choàng vai mẹ cười giả lả:

- Con nói chơi mà! Bà này giỏi lắm, bạn con biết tiếng từ bên Cali. Tại mới lập gia đình, bà theo chồng về đây đó.

- Mới lấy chồng chắc chưa đúng tuổi đâu.

Tôi hiểu tính mẹ. Bà khó khăn này nọ chỉ vì bà nhát lắm: sợ bị mỗ! Tánh bà vốn sợ máu me, từ nhỏ tới lớn chưa hề lật đầu một con tép sống nói chi là

làm cá hay cắt cổ gà. Thời kỳ làm dâu ở vườn, mẹ tôi cũng xẩu mình vì bà con láng giềng cứ xa gần bóng gió chỉ vì mẹ tôi không dám đụng đến tôm cá sống. Nhưng nhờ ông nội tôi là người thờ Phật, biết tu hành; ông che chở biện hộ cho nên từ từ cũng yên chuyện.

Cuộc đời của mẹ tôi tuy không sóng gió truân chuyên lắm như các dì của tôi nhưng bà góa chồng sớm, lúc mới ba mươi hai tuổi. Sáu anh em chúng tôi một lòng tôn trọng thương yêu mẹ không phải vì bà đã ở vậy nuôi con, thủ tiết thờ chồng. Chúng tôi quý phục lắm đức tính nhơn từ và sự nhẫn nhục của mẹ. Có lẽ nhờ vào đó mà bà đã có thể một mình một thân nuôi nấng gầy dựng cho chúng tôi nên người.

Hơn ai hết, tôi tin rằng anh em chúng tôi đã nhờ vào phước đức của người nên mới có thể xuống tàu vượt biên giữa mùa mưa bão mà vẫn đến nơi được.

Chúng tôi định cư ở Mỹ được sáu năm thì lo làm thủ tục bảo lãnh mẹ sang. Hai năm sau, anh em chúng tôi sung sướng đón mẹ đến từ phi trường San Francisco lúc bà đã sáu mươi lăm tuổi. Từ đó, chúng tôi thay phiên nhau nuôi dưỡng mẹ. Mùa lạnh thì bà ở miền Nam, mùa Thu ở Cali, mùa hè bay tận Washington. Nhưng phải ngồi máy bay mãi cũng ngán, bà đòi định cư mỗi chỗ vài năm. Mẹ hiện ở với tôi, con gái út của bà, lúc bà sắp sửa bước vào tuổi thượng thọ.

Thôi chợt nhớ là mình đã làm thỉnh hơi lâu; sợ mẹ buồn tôi đề nghị:

- Má cứ tới gặp cho biết. Lần đầu tiên bác sĩ chỉ khám thôi, nếu mình cảm thấy không tin tưởng thì không cần phải tiếp tục.

- Ờ... nhưng mà làm như vậy tội nghiệp người ta!

Tôi không thể nín cười:

- Má à! Má lo đủ thứ chuyện, bởi vậy ốm nhom. Ở xứ này bác sĩ hái ra bạc, họ không ế đâu, đừng lo giùm họ!

Thuyết phục mãi bà mới chịu đi đến phòng mạch bác sĩ. Nữ bác sĩ Cúc Lan chinh phục được bà già ngay sau lần khám mắt đầu tiên nhờ sự niềm nở, dịu dàng và chững chạc. Tôi cũng mừng vì mẹ tôi chịu hẹn mổ một tháng sau đó.

Nhưng có lúc bà chịu ăn, có lúc không. Mỗi khi chúng tôi mời dọn món ngon vật lạ, bà ngồi thần thờ, đăm chiêu. Sau nhiều lần khéo léo gạn hỏi, mẹ tôi nhỏ nhẹ nói: “Thấy đồ ăn ngon, nghĩ thương mấy cậu mấy dì, các cháu ở Việt Nam. Họ bệnh hoạn còn không có thuốc men, nói gì được ăn uống phủ phê như bên này.”

Thế là, ngoài việc lo tâm bổ hình vóc cho mẹ, anh em chúng tôi còn lo gửi tiền bạc, quà cáp về cho những người thân mà mẹ tôi đang bận tâm vì họ, để bà được an tâm.

Những giấy biên nhận từ Việt Nam gửi qua làm bà vui được mấy hôm nhưng sau đó, còn độ mười ngày đến hẹn thì tôi thấy mẹ tôi yếu hẳn đi, mặt mày xanh xao hốc hác, chân đi không muốn vững. Báo tin cho bác sĩ Cúc Lan hay, bà yêu cầu đưa mẹ tôi đi bác sĩ gia đình. Bác sĩ gia đình sau khi khám tổng quát, tỏ vẻ lo ngại, yêu cầu mẹ tôi phải gặp bác sĩ chuyên về tim. Thế là ngày mỗ mắt phải hoãn lại để lo trị bệnh tim mạch cho mẹ tôi.

Chao ôi, họ bắt mẹ tôi phải mang “tâm động đồ” luôn suốt bên mình để đo tim mạch một cách cụ thể và chính xác. Mẹ tôi vốn “yếu bóng vía” lại giàu tưởng tượng nên khi phải mang máy móc kè kè trong người thì bà có cảm tưởng sắp ‘qui tiên’ tới nơi rồi. Bà xìu xuống từ từ như cái bong bóng bị xì hơi. Ăn không vô, ngủ không được, mẹ nói xa gần như trời trăn: “Tao già rồi, tới số thì chết, không sợ gì, nhưng thương những người còn kẹt bên Việt Nam...”

Nếu tình trạng này kéo dài chắc chắn là không ổn rồi. Tôi suy nghĩ dữ lắm để tìm một giải pháp. Tôi hiểu tâm trạng của mẹ tôi hiện nay: sự sợ hãi và tưởng tượng vu vơ làm cơ tim của bà làm việc không đều. Phải làm sao đánh tan kẻ thù vô hình đó thì mọi sự mới trở nên bình thường. Người già nhiều khi tánh tình trở lại giống như trẻ con. Tôi chọn phương pháp vừa khích lệ vừa khơi lòng tự ái của bà, hi vọng có thể giải quyết vấn đề. Mô Phật, nếu tôi không khéo, làm mẹ giận chắc phải đọa địa ngục.

Một hôm, lựa lúc bà ngồi xem video Thúy Nga, chăm chú theo dõi một cảnh rút trong chuyện Kiều, tôi cầm tay mẹ triu mến:

- Mỗ mắt xong, má sẽ thấy tài tử Ái Vân thủ vai Thúy Kiều hay và đẹp tuyệt!

Bà làm thình. Tôi hôn bàn tay mẹ, bàn tay này đã ẵm bồng nâng niu tôi từ nhỏ. Tôi không thấy mặt cha từ lúc sinh ra nên đối với tôi, mẹ là báu vật duy nhất trong cuộc đời.

- Mổ không đau đốn gì hết đâu, mà đừng sợ!

- Tao đâu sợ đau! Chỉ sợ họ lỡ tay làm mình mù luôn rồi nằm đó báo hại con cháu.

- Bác sĩ nói trường hợp của má dễ lắm, chỉ lột mây ra thôi, không có cườm, thành ra kết quả bảo đảm như ý.

Bà thở dài:

- Lời Phật thiệt không sai! Làm người khổ đủ thứ!

Tôi bạo gan nói luôn:

- Nhưng mà tùy mỗi người mà cái khổ có thể tăng hay giảm. Tưởng tượng chuyện chưa xảy ra chỉ tự mình làm khổ mình thêm thôi.

Tưởng mẹ giận, không dè bà thú thật:

- Ồ, tao cũng biết vậy mà sao không dứt bỏ ý nghĩ ấy được.

Tôi vuốt mấy sợi tóc bạc lưa thưa trên trán mẹ. Bây giờ tôi chợt hiểu rằng không phải ai cũng làm chủ được ý nghĩ của mình. Tôi cũng đã từng sống trong sự khổ sở ray rứt một cách vô lý.

Đó là thời gian tôi bị té gãy chân phải nằm nhà mấy tháng liền. Cách đây sáu năm về trước. Mặc dầu các con tôi vẫn ngoan ngoãn, chồng tôi vẫn đi làm giờ giấc đều đặn nhưng lòng tôi cứ nghi ngại băng quơ. Tôi sinh ra ghen bóng ghen gió, rình ngó từng cử chỉ, suy luận từng lời nói của chồng tôi...

Biết đó là những ý nghĩ vô lý, sằng bậy, tôi không dám thổ lộ cùng ai nhưng không dứt ra khỏi đầu tôi được. Tôi đau khổ âm thầm, phờ phạc, sút cân... làm cả nhà phải bận tâm thêm về mình.

Chị tôi từ tiểu bang khác lấy mấy ngày phép lái xe qua thăm.

Với chị, tôi có thể thổ lộ tâm tình một cách thành thật. Chị không cười tôi lại tỏ vẻ thông cảm. Chị chở tôi đi chùa, khuyên tôi đọc sách và niệm Phật, tức là đừng để đầu óc rảnh rang quá, nó sẽ đi hoang đàng và dấy lên những ý nghĩ sằng bậy. Chị nói: “Thầy dạy rằng hễ cột tâm lại một chỗ thì được bằng an.”

Thuở ấy tôi chưa kết duyên với Phật pháp một cách sâu đậm nhưng tôi nghe lời khuyên, cố gắng niệm Phật thường xuyên thì quả nhiên những vọng tưởng điên rồ ấy không còn quấy rầy tôi nữa.

Nhớ lại kinh nghiệm bản thân, tôi muốn giúp mẹ tôi thoát ra khỏi những sợ hãi vu vơ của bà. Tôi hỏi mẹ:

- Xâu chuỗi bồ đề của má đâu?
- Ở dưới gối.
- Mỗi ngày má lần mấy chuỗi?
- Mươi, lần nhiều đau tay. Già cả, gân cốt bây giờ như khô cứng rồi.
- Ngoài việc lần chuỗi, con quên nhắc má niệm thêm danh hiệu đức Quán Thế Âm, niệm thâm cũng được. Niệm Quán Thế Âm tâm mình được vô úy, nghĩa là không sợ hãi, do đó lòng an ổn. Khi tâm má an ổn thì con chắc chắn rằng tim mạch của má sẽ trở lại bình thường, khỏi cần mang máy đo tim, khỏi cần uống thuốc.

Thấy mẹ có vẻ đồng ý, tôi nói thêm:

- Rồi thì mở mắt, dễ dàng lắm mà à. Chừng được sáng mắt má sẽ thấy trẻ lại, sẽ thấy yêu đời hơn.

Mẹ bật cười thành tiếng. Có lẽ vì bà thấy tôi dễ dàng bà như con nít.

Thấy mẹ vui, tôi nâng cả hai bàn tay gầy guộc xương xẩu của mẹ lên mà hôn một cách trìu mến. Mẹ xúc động. Tay bà run nhẹ trong tay tôi.

Tôi nói qua làn nước mắt:

- Má khỏe, má vui, con cũng thấy khỏe thấy vui. Má yếu xiu như vậy hoài làm con lo lắm...

Sau buổi nói chuyện ấy, mẹ có vẻ tỉnh mình hơn, dần dần sức khoẻ được phục hồi và hai tuần sau, bà đi mổ mắt.

Thời kỳ “tiền giải phẫu” khó khăn như thế tưởng cũng đã xong, nào ngờ giai đoạn “hậu giải phẫu” lại có lắm chuyện cười ra nước mắt.

Ngày đầu tiên mới mổ về, mẹ nằm im im, không nhúc nhích, chẳng nói năng làm tôi lo ngại. Tuy biết rằng sau khi mổ, toàn thân đều ê ẩm và có thể bị nhức đầu nhưng thấy mẹ nằm thiu thếp như vậy, tôi e tình trạng có thể bất thường hoặc bị biến chứng. Tôi lấy phép nghỉ để tự tay săn sóc mẹ. Tôi chườm đá cho mẹ mỗi mười phút rồi dỗ dành bà uống thuốc. Bác sĩ dặn thuốc phải uống khi bụng no và mấy ngày đầu cần uống thật nhiều nước. Thế nhưng bà chịu uống thuốc mà chẳng chịu ăn, ép lắm chỉ uống chút sữa hay nước táo.

Tôi phải vừa giải thích, vừa “hăm dọa”

- Bá sĩ nói vết mổ sớm lành hay không là do mình ăn uống, bồi dưỡng. Mẹ không ăn, tới chừng mở băng thấy chưa lành, bác sĩ sẽ băng trở lại đó!

Nấu cho má chút cháo ăn với nước tương được rồi.

- Để con hầm xương gà lấy nước, nấu cháo thịt nạc băm cho má ăn nghe!

Mẹ nói như thêu thào:

- Đừng làm gì hết, má muốn ăn chay.

- Má muốn ăn chay, con không dám cản nhưng chờ sau khi mở băng đã. Sức khoẻ yếu như vậy mà ăn chay làm sao sớm lành bệnh?

- Má cứ dầu mỡ.

Thôi, tôi hiểu rồi. Vì trong máu của mẹ tôi có lượng cholesterol khá cao nên bà ăn uống kiêng cử lắm. Ngoài sáu ngày chay ăn toàn rau cải luộc, những ngày còn lại, tự tay bà nấu ăn vì không tin tưởng ai hết. Bà ít dùng dầu mỡ, cứ trứng một cách tuyệt đối và mỗi khi hầm xương nấu phở hay cháo gà, cháo vịt, bà đứng canh chừng vớt hết nước béo, màng mỡ ở trên mặt cho đến lúc chỉ còn nước trong bà mới dám dùng.

- Vậy để con nấu súp chay nghe!

- Ở cũng được.

- Nhưng nếu bữa nào không nhằm ngày chay thì con nướng thịt, bảo đảm không có chút mỡ.

Mẹ làm thỉnh, chắc bà đồng ý. Tánh bà vốn kỹ lưỡng mọi chuyện, từ những việc nhỏ nhặt như quét nhà, rửa chén cũng đã cẩn thận rồi, nói chi đến chuyện kiêng cử theo lời bác sĩ.

Bác sĩ Cúc Lan dặn sau khi mổ nên cử động nhẹ nhàng và tránh cúi đầu xuống thấp vì sợ áp suất dồn vào vết mổ vốn rất nhỏ nhiệm, mong manh. Thế là mẹ tôi lúc nằm ngòai đi đứng đều giữ cổ thẳng băng như bó bột, không dám xây qua xây lại, nói gì là cúi xuống. Sau mấy hôm như vậy, cổ mẹ bị cứng đơ; tôi khuyên bà nên cử động bình thường, bà không nghe, tôi phải điện thoại vô phòng mạch bác sĩ hỏi lại cho rõ ràng, bác sĩ Cúc Lan cười ngất và chính bác sĩ phải nói chuyện, giải thích rõ ràng với mẹ, bà mới chịu tin.

Khi mới tháo băng, bác sĩ dặn phải đeo kính râm để tránh ánh sáng mặt trời, thế là dù ở trong nhà, hễ có chút nắng rọi vào hay có mở đèn là bà đeo kính vô liền, mà như vậy cũng chưa chắc ăn, bà còn trùm thêm cái khăn lông lên đầu nữa, cả nhà rán nín cười.

Mẹ tôi con cháu đông, tính lại hiền hậu nên ai cũng mến, vì vậy mỗi lần đau ốm, nhiều người tới lui thăm hỏi. Có người để nói chuyện, mẹ vui lắm và ai khuyên gì mẹ cũng nghe (trừ tôi ra!). Người thì nói: “dì phải cử cam, ăn cam mắt đỏ ghèn!”. Thế là từ lúc ấy về sau, bà chẳng đụng đến trái cam. Người khác bảo: “phải cử uống sữa tươi!”. Vậy là thực đơn của bà phải gạt bỏ bớt một thứ nữa.

Tôi tưởng tượng nếu bà con cô bác, nói chung là mấy “thầy lang vườn” mà vui miệng khuyên bà tuyệt thực chắc bà cũng nghe theo! Tôi ước gì có người khuyên bà “đừng nghe lời ai hết, ngoài bác sĩ!” nhưng hai tuần trôi qua rồi mà không ai nói như vậy, kể cũng lạ.

Thông thường, hễ tháo băng xong thì một tuần sau đó, mắt có thể mở bình thường, chỉ còn sưng chút đỉnh, nhưng mẹ tôi “nhát” lắm, bà không dám mở lớn, chỉ dám mở hi hí thôi cho nên trông bà tội lắm.

Nhìn dáng dấp nhỏ nhoi, ốm yếu của mẹ sẽ di động trong nhà với đôi mắt còn sưng đỏ, lòng tôi thương cảm vô cùng. Tôi nghĩ đến số phận chung của

con người: ai cũng phải trải qua những biến thiên dâu bể, chịu đựng biết bao nỗi khổ về thân cũng như về tâm để rồi đi đến cái hẹn sau cùng với thần chết. Không ai có thể thoát ra khỏi lịch trình đấng cay ấy.

Mẹ tôi đang ngồi chải tóc. Mái tóc thưa, mỏng và trắng như mây. Chẳng biết lúc nào làn mây mỏng ấy sẽ tan trong gió? Sự hiện hữu của mẹ mong manh quá! Dù tôi tin tưởng rằng người hiền đức tu hành như mẹ tôi sẽ được về Cực Lạc sống trong cảnh giới toàn vui không khổ nhưng tôi sẽ bị mất đi cái kho tàng chứa đầy thương yêu và kỷ niệm nếu mai kia mẹ không còn ở trên đời. Mẹ già quý như nắng ấm giữa mùa Đông.

Tôi lại nghĩ ngợi vẩn vơ rồi. Mẹ đang ngồi đây, gần tôi trong gang tấc, sao tôi không tận hưởng từng phút giây quý báu của hiện tại? Muốn phá tan sự im lặng đã chìm tôi trong những ý tưởng mông lung, tôi lên tiếng:

- Má à!

- Ở gì đó con?

Tiếng nói thân quen của mẹ làm ấm cả lòng tôi. Tôi nũng nịu như thuở nào còn bé:

- Con thèm ăn hủ tiếu Mỹ Tho của má nấu!

Mẹ cười vui, giọng cười dòn dã, chứa chan hạnh phúc:

- Tưởng gì, để chừng má khỏe, má nấu cho ăn!

Vậy đó, hạnh phúc của mẹ tôi là được phục vụ con cháu và nghĩ đến người chung quanh hơn bản thân mình.

---o0o---

Khai Bút

Sau khi cúng Giao thừa, cả nhà đều đi ngủ, chỉ ông Hai Cửu còn thức, Mặc dù ở Mỹ, đêm Giao thừa thiếu không khí thiêng liêng, thiếu tiếng pháo đi đùng nhưng ông cũng khá hài lòng với sự chu đáo của vợ chồng Công, nhất là con dâu quý hóa của ông, nó sắm sửa chẳng thiếu món gì. Tiểu bang Cali có khác!

Bàn thờ Phật trông ra vẻ Tết lắm với hai chậu mai vàng tươi tốt, tuy nhỏ nhưng đầy nụ. Mai thật chớ không phải mai nylon đâu. Hôm đi chợ hoa ở khu Lion, hai đứa thấy ông cứ đứng tần ngần bên hàng mai nên bàn nhau mua về tặng ông đồng thời cũng để lấy hên cho năm mới.

Ông cảm động vì sự hiếu thảo của con cái, để tự ý chúng làm chớ ông cũng có khả năng mua được. Tiền già lãnh hàng tháng, ông phụ con phân nửa tiền mướn nhà – Công chẳng giàu có gì với đồng lương thợ sơn – còn mấy trăm ông xài dư giả, lại có khả năng cúng chùa, bố thí, làm việc phước thiện.

Ông Cử hay làm việc nghĩa, thích giúp người hoặc bố thí; một phần do thói quen, một phần khác là để tưởng nhớ người vợ hiền đã khuất núi, một mẫu người đức hạnh, từ tâm hiếm có, đã từng hướng dẫn khuyến khích ông trong các việc làm từ thiện.

Vợ ông từ nhỏ đến lớn đã sống trong nhung lụa, có lắm kẻ hầu người hạ nhưng không bao giờ khinh rẻ, chê bai ai khiến chung quanh mọi người đều thương yêu, quý trọng.

Có lẽ vì tâm hồn bà rộng rãi, hiền từ, bao dung như thế nên bà đã không phải chứng kiến cuộc đời 1975, cảnh gia đình bị đánh tư sản và bị đuổi về vùng “kinh tế mới”. Bà mất sớm lại là cái hay!

Từ ngày theo đứa con trai duy nhất vượt biên sang Mỹ, ông chẳng còn tha thiết điều gì. Tài sắc, lợi danh thấy đều như huyền hóa. Ông hay đi chùa để tìm sự an tĩnh, nghe thuyết pháp để chiêm nghiệm về lẽ thật của cuộc đời nhưng thì giờ vẫn còn thừa thãi quá trong tuổi già.

Một hôm, nhớ lại sự say mê cầm bút thuở còn đi học – mà sau này lớn lên, con người kinh doanh đã đánh tan mộng văn sĩ trong ông – ông Hai Cử thử viết truyện, tập làm thơ.

Chẳng biết bài vở của ông xem cũng được hay vì báo chí ở đây cần có bài để chen vào các trang quảng cáo dày đặc - chiếm ba phần tư tờ báo – mà người ta cho đăng bài ông rất thường xuyên. Bút hiệu Hà Văn lần lần trở thành quen thuộc với những độc giả không khó tánh và dư thì giờ. Ông lấy làm há dạ dù có được tiền nhuận bút hay không.

Giao thừa Kỷ Mão năm nay, ông chuẩn bị khai bút thật cẩn thận: Bình trà Nhật Bản đã do chính tay ông tự pha lấy và đĩa mút gừng cay đang mời mọc. Cảnh hoa đào hồng thắm trên bình sứ đang nở rộ như gọi hứng cho

văn nhân. Tập giấy bản thảo trắng tinh đã mở sẵn, cây viết Parker đang chờ đợi.

Ông Cửu đứng lên đi vòng vòng trong phòng, giờ đã trở nên lặng lẽ. Đêm nay, ông muốn viết một bài thật trong sáng, hiền hòa, cởi mở để tặng người vợ quá cố. Với món quà quý hiếm này, chắc bà sẽ vui lòng vì thấy tâm hồn chồng đã chuyển biến, không còn cố chấp, khắt khe như thuở nào.

Ý nghĩa đó làm ông sinh phần khởi, ông kéo ghế ngồi xuống, tự thưởng mình một chung trà nóng thơm ngát hương sen. Rồi trân trọng cầm viết, ông tập trung tư tưởng như một thiền sinh...

Trong giây phút trọng đại đó, hình ảnh của “thằng Lập” bỗng hiện ra. Cái mặt mâm nung núc thịt của nó chiếm trọn tâm thức của ông như một màn ảnh vĩ đại. Ông thấy rõ từng nét khó ưa của nó: Cặp mắt ốc nhồi trắng dã, cái miệng hô hốc, hàm răng khấp khểnh đen thui. Vậy mà sau này còn bày đặt để râu xồm xàm cho ra vẻ phú quý, chứ thật ra trông vừa xấu lại vừa dơ, chịu không nổi.

Giọng nói của nó bây giờ cũng khác xưa. Ngày nào còn là thư ký của ông, nó nói năng mềm mỏng như lụa; nhất là mỗi khi vợ ốm con đau, thiếu điều nó quì xuống lạy ông để mượn lương trước. Chắc chắn nó cũng đã lợi dụng tánh hay thương người của vợ ông để xin xỏ lắm thứ rồi. Những lúc gia đình nó hữu sự, vợ chồng ông đã cứu giúp nó tận tình; bây giờ qua đây, vợ con nó gặp thời, làm “neo” kiếm được lắm tiền, mua nhà sắm xe rộn ràng thì nó xem ông chủ cũ của nó như kẻ khổ rách áo ôm; nó trở giọng thầy đời, nói năng lếu láo, nỏ lung tung khiến ông không tức sao được.

Cả đời ông chuyên làm ơn làm phước cho người, chưa hề gây thù gây oán với ai, duy chỉ ghét thằng Lập này thôi, ghét cay ghét đắng.

Mà lạ lắm, hễ mình ghét nó thì cứ phải nghĩ về nó hoài, càng nghĩ càng tức lộn cả ruột gan, muốn xua đuổi đi, nó càng bám riết.

Ông Hai nhớ nhiều lần thầy giảng rằng tâm mình là nơi cao quý lắm, như phòng khách chính trong nhà, đừng để cho những ý tưởng tham sân si làm nhơ bẩn, xấu xa. Hãy mời thiện tri thức vào đây, hãy thờ Phật ở đây. Vậy mà thằng Lập cứ ngồi chễm chệ ở đó hoài; sáng vừa mở mắt ra là gặp nó, tối ngủ nó cũng không tha. Bây giờ muốn khai bút đầu năm, nó lại lù lù hiện ra phá đám, nó ám mình như quỷ, như ma vậy... Ông Cửu vò đầu, bứt tóc. Ông cảm thấy nhức đầu, ngã người trên ghế sofa cạnh đấy.

“Ai lấp ló như thằng Lập vậy kìa? Mà sao nó không còn phương phi, trích thượng như cũ? Nó ốm tong teo, mặt mày hốc hác, tóc tai bơ phờ. Còn hàm râu khà ó đã biến đi đâu mất rồi”.

Nó chấp tay lễ phép chào ông Cửu khi vừa bước vào nhà chớ không kên kên theo lối Mỹ vừa hát mặt vừa nói: “Hê! Hao you?” Rất chượng tai như trước.

- Ông chủ ơi, em khổ quá!

“Lạ chưa, bây giờ bị khổ lại nhớ kêu mình là ông chủ!”

Ông trầm tĩnh bảo nó ngồi xuống ghế. Trông nó buồn xo, xuôi xị như cái bánh bao chiều. Tự nhiên ông cảm thấy tội nghiệp; ác cảm hầu như không còn.

Ân cần, ông hỏi:

- Sao, chú em gặp chuyện gì rồi reng lắm hay sao mà xuống sắc dữ vậy?

- Ông chủ ôi, vợ con em bỏ đi rồi! Sáng mở mắt ra là nhà cửa trống trơn, ba mẹ con nó thì mất dạng. Em ra tiệm “neo” tìm thì tiệm đã sang cho người khác rồi.

Lập cúi đầu để đầu hai hàng nước mắt đang thi nhau nhỏ giọt:

- Hồi qua Mỹ tới giờ, thiệt tình mà nói, em chỉ ăn không ngồi rồi, sống nhờ vào tay vợ. Bây giờ đùng một cái, em hóa thành kẻ vô gia cư, chẳng biết nương dựa vào đâu? Tiền bạc không, nghề nghề cũng không. Nhà cửa thì bị ngân hàng thu hồi lại rồi.

Ông Cửu bậm môi để khỏi thốt ra lời khiển trách: “Mây là đàn ông mà nói nghe bịnh quá! Thân nam nhi lại vô dụng, sống nhờ vợ như chùm gửi. Bạc nhược hết chỗ nói!”

Tuy nhiên, ông Cửu cảm thấy dễ chịu hơn với hình ảnh chú Lập khốn cùng: còn cái thằng Lập phờ phơ thành công sao mà đáng ghét chi lạ!

Trước hoàn cảnh bi đát của Lập – bi đát hơn thiên tai, bão lụt hay hỏa hoạn nữa kìa – vì đùng một cái bị mất hết cả tiền lẫn tình, hóa thành kẻ bơ vơ; ông Cửu nghe thương hại.

Ông nói không đắn đo:

- Thôi, chú em (ông gọi Lập thân mật như hồi xưa) đừng buồn, chuyện đâu còn có đó. Chú còn trẻ, có thể tìm việc làm nuôi thân. Bây giờ tạm ở chung với tôi đi. Phòng tôi cũng còn chỗ kê thêm cái giường nữa.

Thấy Lập vẫn cúi đầu làm thinh, ông an ủi thêm:

- Đời người ai cũng có lúc thịnh lúc suy, khi được khi thất. Những sự vô thường đó hãy nhìn nó đến đi như mây nổi, như chiêm bao...

- Ông nội ơi, thức dậy! Sao ông nội ngủ ở ngoài này vậy?

Ông Cửu nghe tiếng gọi, giật mình, mở mắt ra nhìn chung quanh mới hay mình ngủ quên ở phòng khách từ Giao thừa đến sáng bết và đã trải qua một giấc mơ.

- Ông đứng lên, xoa đầu thằng Trương, cười trừ:

Ừ, ông ngủ quên! Thôi để ông đi rửa mặt thay đồ rồi trở ra cho con mừng tuổi nghe! Thằng cháu đích tôn rất ư là phục phịch của ông nhe miệng cười, hai răng cửa trông tron. Vừa lúc ấy, mẹ nó, Chi, bước ra:

- Thưa ba, con đã pha cà phê sữa cho ba rồi. Anh Công vẫn còn ngủ. Thằng này cứ đòi kêu ông nội dậy hoài, để xin tiền lì xì. Nếu ngày thường chắc phải đòn rồi.

- Không sao đâu con!

Nói rồi ông lững thững bước vào trong. Đi ngang qua bàn thờ vợ đang tỏa khói hương, ông thấy ảnh bà như mỉm cười.

Thuở bà con sanh tiền, hầu như mỗi lần ông có một hành vi nào sai trái, bà vẫn hay cười như thế. Cái cười nhẹ, tuy độ lượng bao dung nhưng cũng gói trong đó một lời khuyên nhủ thẳng thắn: “Tôi thấu rõ tâm địa ông rồi, nên chuyển đổi đi!”

Trong lúc rửa mặt, ông Cửu tự hỏi lòng: “Hình như có điều gì sai trái trong ta? Tối hôm qua đến nay, chỉ lo tụng kinh làm lễ đón Giao thừa, mình đâu đã làm hay nói hay nghĩ gì sai quấy đâu? Duy chỉ có một việc tính mà chưa

làm được, đó là khai bút đầu năm. Mà thật ra, chuyện ấy cũng chẳng quan trọng gì”.

Chợt có tiếng phone reo, rồi tiếng con dâu nói vào:

- Thưa ba, chú thím Lập nói chút nữa sẽ tới chúc Tết ba!

- Ồ!

“Thằng Lập! Thì ra giấc mơ thấy thằng Lập sạt nghiệp chỉ là do tính ghen ghét sinh ra.

Giấc mơ đã thỏa mãn lòng đố kỵ của mình. Thấy nó giàu có, mình không chịu được rồi tìm cách bắt bẻ lỗi phải đủ thứ, lại còn trù ẻo nó. Ai dè lòng dạ mình hiểm ác đến độ này!”

Nhưng luật sư riêng trong ông lên tiếng bào chữa ngay:

- Dù trong giấc mơ, ông cũng đã thể hiện lòng tốt. Ông mời thằng Lập về ở chung kia mà!

Vị luật sư “vô minh” có vẻ hữu lý lại xoa dịu lòng tự ái của ông. Nhưng nụ cười của vợ ông lại hàm ẩn một ý nghĩa khác:

- Tánh ông xưa nay vẫn vậy, chưa khá hơn được! Đành rằng thấy ai sa cơ lỡ vận ông tận tình giúp đỡ nhưng giúp ai rồi, ông muốn người ta mang ơn ông suốt đời, hoặc giả thấy người ta ăn nên làm ra, phát đạt giàu có hơn thì ông tức, ông ghét, ông lỗi phải. Đó không phải là lòng từ bi. Thật ra ông giúp người chỉ để thỏa mãn tánh ngã mạn của ông thôi.

- Tại sao?

- Bởi vì ông ra tay giúp kẻ thấp kém để tự thấy rằng mình hơn người ta, để được người ta cung kính, biết ơn.

- Khó hiểu quá! Hễ giúp đỡ là tốt rồi. Không có lòng từ bi, làm sao phát tâm được?

- Ông ơi! Kẻ có lòng từ bi, khi thấy người khác khổ, họ cũng khổ y như vậy nên ra tay tế độ mà không thấy mình làm, vì thế không bao giờ màng đến nghĩa ơn. Kẻ có lòng từ bi thường vui với nỗi vui của người chung quanh,

lại hay tùy hỉ với sự thành công của mọi người nên tâm từ bi rộng lớn vô biên. Với đức Từ Bi Hỉ Xả, phàm phu trở nên Bồ Tát, phiền não hóa thành Bồ Đề, cảnh địa ngục biến thành cõi An Lạc.

Ông gần đất xa trời rồi mà chưa chịu sửa đổi, tự làm khổ mình, gây khó cho người...

Miên man với những ý nghĩ tự vấn, ông Cửu đánh răng rửa mặt thật lâu mới xong. Nhìn vào gương chải tóc, ông có cảm tưởng những sợi tóc trắng thưa thưa của ông như bông lau ngã nghiêng trước gió. Rồi những sợi tóc bạc màu này cũng sẽ tan hoại đi khi ông nằm dưới ba tấc đất. Rồi cái mà ông tâng tiu nhất, quý trọng nhất, cái ngã chấp cũng theo duyên nghiệp mà trôi nổi luân lưu...

Thằng Trương chờ ông nội hoài không thấy trở ra, nó xông xộc đi tìm. Bất gặp ông còn ở trong nhà tắm, nó mừng rỡ, nịu áo ông lôi ra ngoài.

- Thùng thảng rồi ông ra mà!

Trương giậm chân, vò đầu, bứt tóc, mặt mày đỏ rân. Nó sắp sửa hét lên để biểu lộ sự tức giận. Cái nét của nó ghê lắm, nhất là khi gặp chuyện không vừa ý. Lần đầu tiên ông thấy nó hư – chung quanh ai cũng nói vậy mà ông không chịu – cũng tại ông cung chiu cháu quá trở nên cứng đầu khó dạy; cả nhà đổ lỗi cho ông.

Chắc cũng đúng đó! Nhưng mà xét cho kỹ, ông còn hư hơn, tệ hơn nó nhiều lắm kia. Bởi vì ông cung chiu nó mới sáu, bảy năm nay mà nó còn như vậy; còn cái “ngã” của ông, ông tôn quý, phục dịch nó từ vô lượng kiếp đến bây giờ thì chắc chắn nó còn tệ hại vạn bội ức lần hơn.

Khi ông bước ra ngoài, tập bản thảo vẫn còn y chỗ cũ. Ông sinh hứng khởi vì đã có đề tài để khai bút. Ông sẽ viết một bài với tựa đề là: “Tôi biết tôi hư!”

Ở phòng bên kia, ông nghe tiếng thằng Trương khóc thút thít. Chắc nó bị đòn. Mặc dù xót ruột, ông cũng gặt gù: “Ồ, thương thì cho roi cho vọt, vậy mới nên người!”

Xuân Tâm

Ở đây, mùa Đông là những ngày mưa dầm, mưa lê thê từ sáng đến chiều, từ hôm này đến hôm khác. Bầu trời xám xịt, mặt đất sũng nước, hơi ẩm là mọi người cảm thấy khó thở và người ta rũ nhau ách xì, sổ mũi, ho hen. Trong tình trạng thiếu nắng một cách trầm trọng như thế, trong nhà ai cũng cảm thấy khó chịu và dễ trở nên cáu kỉnh, quạu quọ.

Ông Tư Hoàng đi tới đi lui trong phòng khách rộng, trang hoàng đẹp mắt theo lối Âu Mỹ. Ông đứng ngồi không yên, vặn tivi rồi lại tắt. Tin tức cứ lập đi lập lại đến phát chán. Cô xướng ngôn viên chính của đài CNN vốn được báo chí Mỹ bầu là người duyên dáng nhất trong lĩnh vực thông tin cũng không làm ông vui lòng. Xem phim thì không thích. Ông vẫn thường tuyên bố: “Cuộc đời vốn đã là mộng, phim truyện lại còn tạo ra thế giới của ảo ảnh, của tưởng tượng làm người xem bị chìm sâu vào giả huyền”. Phim chương lại còn tệ hơn nữa, vì kỹ thuật quá ấu trĩ, nghèo nàn...

Ông liếc ra sau: vợ ông loay hoay mãi trong bếp. “Già rồi, không nghỉ ngơi cho khỏe, cứ lực đực hoài!” Ông lầu bầu trong miệng như thế rồi tăng hăng một tiếng gọi vợ:

- Bà ơi, ra tôi hỏi chuyện chút coi!

Ba Tư bung ra cho chồng một ly cà phê “phin”, nhẹ nhàng đặt xuống bà, im lặng chờ. Bà đã quen tuân phục chồng như thế, từ mấy chục năm nay.

- Sao, thằng Huỳnh nói thẳng với bà là cưới vợ xong, tụi nó ra ở riêng hả?

Tìm cách làm dịu lại sự khỗ tâm của chồng, bà cười, nói như đùa:

- Thì vợ chồng son mà, đâu ai muốn mất tự do...

Ông chép miệng:

- Nhà rộng thênh thang không chịu ở... Nó lại bắt chước anh Hai nó. Kẻ đi trước đã vậy thì người sau đâu thể khác hơn được...

- Thôi ông ơi, ở Mỹ mà, bắt tụi nó ở chung làm chi. Tụi nó cưới vợ Việt Nam còn đỡ chứ lấy vợ ngoại quốc thì kẻ như con mình bị bắt cóc luôn.

Biết mình vừa lỡ lời, bà Tư nín ngang. Ông Hoàng vẫn thường chua chát tuyên bố với bạn bè: “Trưởng nam của tôi bị bắt cóc rồi!”

Bà đứng lên đi lấy cái muỗng để khỏi tiếp tục câu chuyện. Ông Tư thần thờ nhìn những giọt cà phê đen sậm, đặc quánh, rơi xuống từng giọt buồn...

Mỹ Yên vừa đỡ con ngủ xong. Buổi trưa nào mà hai đứa ngủ một lượt thì nàng có thì giờ rảnh rang đôi chút. Nàng muốn ngã lưng ngủ một giấc ngắn trước khi lo bữa cơm chiều nhưng cái thiệp đám cưới vừa nhận được sáng nay làm nàng suy nghĩ mãi. “Chú Út sắp cưới vợ, mà sao chẳng ai điện thoại bàn tính với vợ chồng mình cả? Kỳ này chắc ông già từ luôn rồi. Rõ ràng cái thiệp chỉ đề tên ảnh, lại là cái thiệp báo tin thôi, không mời tham dự...”

Hình ảnh ông bố chồng nghiêm nghị lạnh lùng lại hiện ra, trông đáng ngại như quan tòa xử phiên hình sự. Cặp lông mày xách ngược màu xám tro của ông có những sợi dài, cong, rủ xuống, tạo cho đôi mắt sắc bén của ông một chút gì bí hiểm.

Dù thuở ấy Mỹ Yên còn ngây thơ trong lứa tuổi sinh viên, dù được sinh ra và lớn lên trong môi trường văn hóa Mỹ, cô cũng đủ nhạy bén để hiểu rằng ông bố chồng đánh giá cô và cả gia đình cô quá thấp, nghĩa là chẳng môn đăng hộ đối chút nào.

Vốn trước kia đã du học ở Mỹ cho nên sau 1975, tản cư qua Mỹ, ông tiếp tục nghề kỹ sư công chánh một cách dễ dàng. Ba đứa con của ông, người nào cũng có cấp bằng, địa vị. Hoạch, chồng nàng, là giáo sư đại học, cô em chồng là dược sĩ lại có chồng bác sĩ còn chú Út vừa học xong nha khoa. Đây là gia đình Việt Nam thuộc hàng danh vọng ở Portland, Oregon.

Trong khi đó, ba nàng chỉ là công nhân tầm thường trong hãng giấy, mẹ làm nghề uốn tóc. Mỹ Yên là chị cả của ba đứa em trai. Chị lấy chồng lúc mới hai mươi tuổi, việc học chưa đi tới đâu.

Bởi vậy cô em chồng đánh đá của Yên, hễ gặp mặt là bóng gió xa gần bằng câu hát: “Nói ra sợ chị em cười, rằng tôi nhan sắc cho chồng say mê...” Yên nhỏ hơn chồng đến mười lăm tuổi, sắc vóc lại dễ nhìn nên Hoạch cưới vợ rồi, muốn nàng nghỉ học. Yên chịu nghỉ học với điều kiện phải dọn ra ở riêng. Thế là Hoạch chuyển sang ngành nghiên cứu, làm việc ở Florida.

Chắc chắn Hoa đổ dầu vào lửa khiến ông bố chồng, vốn không ưa nàng dâu trưởng, đã không hề bước chân tới nhà của vợ chồng Hoạch, chẳng thèm nhìn đến cháu nội: một đứa rồi hai đứa, sinh năm một.

Hoạch, thật ra, chẳng phải mê vợ đến nỗi quên mẹ quên cha nhưng công việc ở sở thì bù đầu, về nhà phải trông con giúp vợ, chàng không có dịp về thăm. Ngày kỵ giỗ, ngày Tết, lễ Thanks Giving, Christmas... Hoạch chỉ có thể gọi điện thoại về nhà. Mong mẹ bắt phone nói chuyện cho đỡ nhớ nhưng lần nào cũng chỉ nhận được những lời trách móc, cay cú của ba...

Thế là chàng “lặn” luôn cho khỏe thân, dù giải thích đến mấy đi chăng nữa, bố cứ khẳng khẳng trong đầu là “con nó mê vợ, bỏ mẹ bỏ cha!”

Thời gian vô tình chẳng những không xóa nhòa được sự bất hòa còn làm họ ngày càng xa nhau hơn. Mới ba năm mà tình thân tưởng chừng đã nhạt.

Mỹ Yên còn quá trẻ, quá non nớt để có thể giải thế cờ khó khăn này. Cô ngây thơ nghĩ rằng “thôi thì được yên thân ngày nào, khỏe ngày ấy!”

Ba tháng ở chung bên nhà chồng là một chuỗi ngày hết sức nhục nhằn, đắng cay; kỷ niệm này như lưỡi lam bén ngót, thỉnh thoảng lại trôi lên, cắt hết những cảm tình còn sót lại trong trái tim nàng.

Dù sao, với sự giúp đỡ, giải thích của mẹ, Yên cũng hiểu một phần nào nỗi khổ của ông già chồng: ông đã quen sống với quyền uy, thế lực, danh vọng, bây giờ hưu trí rồi, những thứ ấy từ từ biến mất hết. Và con cái đối với ông, cũng là một thứ sở hữu, nay chúng dám tự ý sống cuộc đời riêng tư, dám từ chối sự che chở của ông, ông càng thấy tự ái bị thương tổn nặng nề. Yên hiểu thế nhưng Yên chưa thương được, có lẽ vì ông và con gái ông đã làm khổ Yên nhiều quá...

Hai đứa nhỏ tặng cho mẹ mấy tiếng đồng hồ êm ả, chúng còn ngủ say sưa. Sau khi nấu nướng, đặt bàn xong, Yên đi tắm. Nàng luôn luôn giữ được vẻ tươi mát dù trong lòng có sự buồn bực hay âu lo.

Hôm nay Hoạch đi làm về sớm, trông mệt mỏi hơn thường ngày. Yên thấy chàng già hơn. Những sợi tóc trắng đã xen lẫn trong đám tóc đen dày, vết nhăn trên vầng trán rộng rõ nét hơn và đôi mắt đã làm Yên rung động xao xuyến trong những giờ ngồi trong lớp của chàng - trở nên xa vắng, u hoài với những quãng tâm.

Hoạch nở một nụ cười với vợ; Yển có cảm tưởng chàng đang cố gắng vì cái cười ấy như một món trang trí nhân tạo, một cây kiềng bằng nhựa nhuộm màu, không có sức sống.

Đột nhiên, Yển nhớ đến câu nói của mẹ lúc nàng báo tin “sẽ rời Portland nay mai, sẽ hoàn toàn tự do”. “Con à, cây bứng ra khỏi đất, cây sẽ bị héo úa, nếu không khéo chăm sóc, con sẽ thất bại đấy!”

Lòng nàng chợt thấy dấy lên một sự ray rứt mơ hồ nhưng nó lại chìm xuống ngay vì những người bạn Mỹ ở quanh đây, ai cũng sống như Yển thôi; hình ảnh đại gia đình sống chung, đối với họ, là một thứ gì không thể chấp nhận, không thể tưởng tượng nổi.

Theo thói quen, Hoạch vừa ngồi xuống thào cà-vạt, vừa kiểm thư. Ô! Thiệp cưới của chú Huỳnh! Chú này tệ thật, cưới vợ mà không nói anh biết trước. Nhưng thiệp mời đâu? Chỉ báo tin suông à? Chú ấy đáng trí thật! Mà không, đây là tuồng chữ của ông già...

Hoạch chống tay xuống bàn, nhìn lơ đãng ra sân sau qua cửa kính trong suốt. Trên đám cỏ xanh non, mấy chú chim sáo đang tắm nước rìa lông cạnh hòn non bộ có suối chảy róc rách... Kỷ niệm thời thơ ấu hiện về như những đám mây bông bành lằng đặng trên vòm trời ký ức xanh như ngọc thạch.

Chú Huỳnh ấy à, từ nhỏ xíu mới ba, bốn tuổi thôi, đã là người “duy lợi chủ nghĩa”; muốn chú nghe lời, chỉ cần cái kẹo, miếng bánh là được. Nhớ mỗi lần Hoạch gây gổ với cô em gái, để kéo chú về phe mình, anh cứ tặng cho chú vài ba viên bi chai hay một con đế đá, con cá lia thia... là chú trở thành một đồng minh sốt sắng, trung thành hết mực.

Hoạch suy đoán tiếp: chú ấy mới ra trường, tiền đâu cưới vợ, chắc là chú giao toàn quyền cho ông già sắp đặt lo liệu... Rõ ràng nét chữ trên thiệp là của ông già. Hình ảnh của bố hiện ra: thân hình cao lớn, cái trán trượt thông thái, đôi môi mỏng với khóe miệng xéch mũi thuyền và đôi mắt nhiều thị lực, lúc nào cũng muốn thị uy, ra lệnh...

Thật ra, ông là người chủ gia đình tốt, thương yêu vợ con, không túm đồ tường. Nhưng cách thương của ông làm anh ngột ngạt khó thở quá, ông muốn mọi việc, mọi người đều phải răm rắp tuân theo ý ông.

Một cách lờ mờ, Hoạch cảm thấy hố sâu ngăn cách hai người là ở chỗ đó. Bố chàng là người của thế hệ rất xa xưa của thời phong kiến, thời mà người

ta ca tụng “phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu”. Tư tưởng đó, đối với một người trí thức hấp thụ văn hóa Âu Mỹ từ hai mươi lăm năm nay, là một cái gì nghịch lý vô cùng.

Hầu như bố chàng không thể nào chấp nhận sự bình đẳng về tư tưởng giữa bố con. Đùng hòng tranh biện, cãi lý với ông. Ông sẽ tát tai, sẽ đập bàn ghế và quát tháo dữ dội... Đó là một ông bố độc tài quá cỡ, may mà ông không làm vua!

Hoạch nhận ly nước cam tươi từ tay vợ. Sự mệt nhọc như vơi bớt đi theo từng ngụm nước lạnh, ngọt ngào. Chàng đứng lên, hôn trán vợ, nắm tay nâng đến giường các con. Thằng Tí lớn đã thức dậy, đứng nhón chân, miệng bi bô, giơ tay đòi ba ẵm, Tí nhỏ vừa trở mình đã được vòng tay êm của mẹ nâng lên.

Chàng ôm lấy con, nghĩ thầm: tụi bây sướng hơn tao nhiều vì sau này lớn lên, khỏi phải tranh đấu cho “nhân quyền” với “vua” cha.

Vốn dĩ thông minh và nhạy cảm, Hoạch hiểu “thông điệp” của bố qua cái thiệp báo tin: “Cho mày hay tin đó, liệu mà về, còn tha thứ được, bằng không, tao từ luôn.” Dù sao, đây cũng là “lệnh ân xá” của ông. Ờ, thì mình cũng rán về cho vui vẻ cả, nhưng phải về bất ngờ để xem phản ứng của bố ra sao?

Sau đám cưới của cậu con Út, ông Hoàng ngã bệnh nặng, cảm sốt mấy tuần liền, không ăn uống gì được. Bà Tư phải chở chồng đi bác sĩ chích thuốc và vô nước biển mỗi ngày. Khi con bệnh lui dần, ông trở nên ít nói cười, cả ngày ngồi yên lặng, nhìn mông lung và trí nhớ ngày một kém đi.

Nhà không còn ai ngoài đôi vợ chồng già. Bóng tối của tuổi về chiều làm căn nhà trở nên ảm đạm, u trầm hơn. Huỳnh và vợ mới cưới, sau tuần trăng mật ở Hawaii đã ở riêng, thật xa chốn này. Hồng Hoa thỉnh thoảng cũng về nhưng sự hiện diện của Hoa chỉ làm họ buồn bực hơn vì bệnh ghen tương trầm trọng của cô: cô kể chuyện, kể tội, kể sự nghi ngờ của cô về ông chồng bác sĩ hảo ngọt mãi không dứt.

Còn Hoạch thì không thấy tăm hơi gì. Hình như tụi nó có điều chi giấu mẹ, bà gọi phone hoài không gặp ai. Trong tình cảnh này, những người bạn già của ông bà thật đáng quý. Họ thay phiên lui tới chuyện trò.

Vào những ngày nắng đẹp hiếm hoi, những ngày nắng báo hiệu nàng Xuân sắp đến, nhóm bạn rủ nhau đi chơi, nay chỗ này mai chỗ khác. Chẳng hiểu sao họ đồng một ý nghĩ như nhau là khi viếng cảnh chùa, được hầu chuyện cùng nhà sư trẻ trụ trì vui tánh, họ cảm thấy thoải mái, ấm cúng làm sao. Họ như được bao phủ trong không khí bình yên, giản dị và hạnh phúc, thứ hạnh phúc mà ông Hoàng chưa bao giờ được hưởng.

Nhà sư bình dân và khiêm tốn, tiếp nhóm bạn này ân cần lắm. Thầy biết họ có nhiều thì giờ thừa thãi, phải khéo léo giúp họ tiêu pha thì giờ ấy một cách hữu ích. Đặc biệt, thầy L.T. chú ý tới ông Hoàng vì sự đau khổ cùng cực đã biến ông thành kẻ ngây khờ. Hiểu rõ tâm sự của ông, thầy càng thương hơn.

Một ngày đẹp trời đầu mùa Xuân, sau khi giải thích và giúp nhóm bạn thực tập về thiền trà, thầy mở đầu cuộc pháp đàm bằng câu chuyện đời mình rất tự nhiên:

- Nhiều người hỏi tôi: sao thầy còn trẻ mà đi tu? Các bác chắc cũng sẽ hỏi như thế, phải không, dù bây giờ tôi không còn trẻ nữa. Tôi đã bốn mươi lăm tuổi rồi.

Mọi người nhìn thầy, gật đầu. Họ thầm nghĩ: “Thầy trông trẻ hơn tuổi nhiều, mà còn đẹp trai nữa: dáng thầy mảnh khảnh, đôi mắt lúc nào cũng như ánh lên cái cười, lại ăn nói dịu dàng, vui vẻ.”

Thầy L.T. mỉm cười:

- Tôi tin rằng tu hành phải có căn, nghĩa là có mầm mống từ kiếp nào rồi, đến khi đủ duyên mới có thể xuất gia.

Từ lúc mười tuổi, tôi đã thường tự hỏi: Làm người ai cũng chết, mà sau khi chết rồi, đi về đâu? Thắc mắc này có khi tôi hỏi bạn bè trong lớp, các bạn phá lên cười rồi nói: “Hể chết thì ra nghĩa địa!” Hỏi người lớn hơn, họ cũng không đáp được. Hỏi cha tôi, cha rầy: “Còn nhỏ mà nói chuyện xa vời!”. Tôi không dám cãi lại nhưng đối với tôi, đó không phải là cái gì xa vời vì sống chết là vấn đề trước mắt. Đâu phải già mới chết, người trẻ cũng chết mà!

Lớn thêm chút nữa, tôi có duyên may lui tới chùa Xá Lợi ở Sài Gòn. Ngoài những buổi được nghe giảng, tôi say sưa với những cuốn sách Phật pháp. Dần dần tôi biết con đường mình phải đi.

Năm mười chín tuổi, tôi xin cha cho phép tôi đi tu. Cha tôi buồn lắm. Tuy không cản trở nhưng ông nói như van nài: “Mẹ con chết sớm, cha chỉ có mình con. Con đi rồi, cha ở với ai đây?”

Tôi biết cha sợ cô đơn, cha trông cậy vào tôi. Nhưng dưới nhãn quan của một người thông hiểu lý vô thường, vô ngã, điều này không có gì bảo đảm. Tôi nào là gì đâu hề, để người khác có thể nương tựa vào tôi?

Nói tới đây, thầy L.T. nhìn thẳng vào bác Hoàng:

- Nhờ bác tìm chỉ cho L.T. nhé, từ thể chất đến tinh thần của L.T. có cái gì không thay đổi, có cái chi còn mãi không hư hoại?

Ông Hoàng lắc đầu. Ông thấy chân lý rất phổ thông ấy, cái chân lý ai cũng biết mà ít ai muốn chấp nhận. Ông cũng vậy, ông thích sống trong mê muội hơn là đối đầu với sự thật đó vì ông không đủ can đảm nhìn sự mất mát, cái gì rồi cũng vượt qua khỏi tầm tay... Nuôi con như thể nuôi cò, nuôi cho cò lớn, co giò cò bay.

Thầy tiếp:

- Nếu mình muốn tìm chỗ nương tựa – tôi nói với cha tôi – mình phải chọn cái gì bền vững hơn, có giá trị chắc thực hơn chứ người này tựa người kia, dù đó là con cháu ruột thịt, người vợ, người chồng, người bạn tri kỷ thì ai cũng như ai, đều cùng chung số phận sinh tử, đều có những phiền não khổ sâu, mạng sống thì mong manh.

Mỗi ngày tôi gợi ý cha tôi một chút như vậy đó. Thế rồi, đâu chừng ba, bốn tháng sau, ông gọi tôi lại và hỏi:

- Tại sao con nghĩ rằng đạo Phật là chỗ nên nương tựa?

Tôi thưa:

- Nếu thực hành đạo Phật một cách đúng đắn thì lúc đang tu, mình giảm thiểu được phiền não nhờ biết chế ngự được lòng ham muốn, sự giận dữ và si mê mù quáng. Như vậy, nội tâm mình sẽ an ổn, thanh bình hơn người không biết tu. Đó là hạnh phúc chân thật. Cao hơn nữa, khi người tu phá được bệnh chấp ngã, chứng quả A La Hán thì chấm dứt được sinh tử luân hồi, không còn phải thọ sanh nữa. Tuy không bị nghiệp lực lôi kéo vào chốn tử tử sinh sinh nhưng vì lòng từ bi vô lượng, người ấy tự nguyện trở lại thế

gian thực hành Bồ Tát đạo trong tinh thần vô ngã, cứ như thế mà phát triển phước trí cho trọn vẹn thì thành Phật, là đáng giác ngộ hoàn toàn, là chỗ nương về của chúng sanh.

Ông Hoàng bị lôi cuốn vào câu chuyện của thầy, không phải vì giọng nói thầy hòa nhã dịu dàng vui tươi nhưng vì có sự đồng điệu nào đó giữa người nghe với nhân vật người cha trong truyện kể.

Phải rồi, ông cũng sợ cô đơn trong tuổi già: vợ ông chắc chắn sẽ đi trước vì bệnh thận kinh niên của bà, con gái thì khi lập gia đình xong là tách riêng ngay, chỉ biết tới tiểu gia đình của nó. Chung quanh ông rồi sẽ không còn ai, mà như thầy vừa nói đó, không ai có thể là chỗ nương tựa chắc chắn của mình được...

Ông Hoàng rụt rè hỏi:

- Thưa thầy, trong hoàn cảnh của tôi, rõ ràng là chẳng thể nương tựa vào ai, mà tôi lại không có căn tu để xuất gia như thầy, vậy tôi phải làm sao để giải quyết những khổ tâm, những phiền não của mình?

- Thưa bác, con người chỉ sợ cô đơn khi họ nghĩ tới mình nhiều quá. Cái tôi của mình càng lớn, nỗi sợ hãi và đau khổ của mình càng to. Biết quên mình để lo cho người khác, biết phục vụ công ích mà không màng tới ơn nghĩa, công trạng, đó là chìa khóa mở cửa chân trời hạnh phúc. Nắm được chìa khóa đó, người ta sẽ sống vui và tương lai của những kiếp về sau sẽ tươi đẹp lắm.

Bà Tư hướng mắt về phía chồng, nét hân hoan làm tươi lại khuôn mặt héo hon và làn da tái nhợt của bà. Bà biết tánh ông quyết liệt lắm, nếu chuyển đổi được quan niệm, tư tưởng của ông, ông sẽ sửa đổi nhanh, ông sẽ sớm có hạnh phúc.

Rồi để kết thúc câu chuyện, thầy L.T. cười một cách hóm hỉnh:

- Các bác biết không, cha tôi hỏi mãi, chất vấn tôi mãi về Phật pháp, rốt cuộc ông đi xuất gia trước tôi. Ông nói: “Tao là cha mày, phải xuất gia trước, kéo không, tuổi hạ thấp hơn phải gọi mày là huynh à?”

Tôi đùa: “Bây giờ ba nói vậy còn nghe được, chứ nếu mai sau, tuổi đạo lên cao rồi chấp vào danh vị, vào số hạ, vào số đệ tử thì thật là uổng công tu hành đó ba!”

Tôi nói xong, quan sát phản ứng của cha tôi, thấy ông điềm nhiên không giận, tôi sung sướng quá! Hai cha con ôm nhau cười mãi...

Một tháng sau. Một tháng tự cố gắng sửa đổi quan niệm sai lầm của mình, quả thật ông Hoàng thấy lòng êm dịu lại. Ông để tâm săn sóc vợ hơn là bắt bà phải phục dịch mình. Ông bớt phê phán, ông giảm bớt sự khinh thị kẻ dưới mình.

Hai vợ chồng đang dùng cơm trưa. Bữa cơm chay đơn giản với rau luộc, tương Cự Đà, canh chua rau muống, đậu hủ chiên. Họ ăn chậm rãi, không nói chuyện. Họ biết họ đang được ném cam lồ vị.

Bỗng nhiên có tiếng chuông cửa. Bà Tư dơ đứng lên, ông Hoàng ra đầu để ông đi mở cửa. Ô kia bất ngờ chưa? Vợ chồng con cái của thằng Hoạch! Trong lúc ông còn đứng trân ra đấy vì ngạc nhiên, bà Tư nhảy tới ôm chầm lấy con trai, rồi bà vỗ vai con dâu, cười với hai đứa bé đang bám chặt chân mẹ, dẫu mặt sợ sệt.

Trong phút giây, ông Hoàng có dịp tự quan sát nội tâm mình: ông chẳng còn giận hờn ghét bỏ nữa, thật là dễ chịu sung sướng khi được gặp lại con trai, dâu và các cháu, ông nói:

- Thôi, tụi bây vào ăn cơm luôn cho vui. Bữa nay nhà ăn chay. Lâu lâu được ăn chay, mấy đứa sẽ thấy ngon miệng đấy.

Họ cùng tiến vào trong. Hai ông bà đều thấy bước chân Hoạch hơi khập khiễng. Bà Tư nhìn Mỹ Yến như han hỏi, cô thưa:

- Dạ, anh con bị tai nạn xe hơi ngày anh ấy lái xe ra phi trường để về dự đám cưới chú Út. Cũng may, năm nhà thương hai tháng thì bình phục, tuy vậy chân đi cũng còn đau.

Ông Hoàng lại có dịp tự nhủ: “VẬY ĐÓ, mà mình cứ vì định kiến xấu, nghĩ bậy về nó rồi ghét, rồi giận cả đám!”

Trong lúc bà Tư nhìn con, xót ruột, ông Hoàng đỡ lấy cái vali cồng kềnh, nặng chịch trên tay con dâu. Mỹ Yến hơi ngỡ ngàng rồi nài an tâm khi thấy vẻ mặt bố chồng tươi tỉnh và hiền lành, không phải như hồi đó.

Ông Hoàng lại có thêm kinh nghiệm cho việc tu hành: “Phiền não, sân hận chỉ là một đám mây đen kịt, nếu ánh sáng mặt trời đủ sức xuyên suốt qua đây hay gió kíp thời làm tan nó đi thì mọi sự sẽ bình yên”.

---o0o---

Họ Phúc Trùng Trùng

Chiếc Boeing hiện đại, đầy đủ tiện nghi của hãng hàng không Malaysia đang bắt đầu bay trên Thái Bình Dương để đưa hành khách từ những nước Á Châu đi du lịch hay trở về Mỹ.

Ngồi chễm chệ trên chiếc ghế rộng thuộc hạng first class, ông giám đốc hãng Việt Tiến gọi cô tiếp viên mang thêm cho ông một ly rượu. Ông Việt Tiến thích nhìn hoặc trò chuyện với cô gái Mã Lai xinh đẹp và duyên dáng này, chẳng phải để tiêu pha thì giờ mà thôi.

Dáng dấp tròn trịa và thanh mảnh, nụ cười hoa đào luôn chúm chím trên môi, mái tóc đen mượt bới cao khoe khuôn cổ ngà thon thả, chưa hẳn một vết nhăn... Cô gái này phảng phất giống Quỳnh Hoa...

Ôi, Quỳnh Hoa “người yêu bé nhỏ” của ông! Mới từ già nòng hôm qua, tưởng chừng đã xa nhau lâu lắm! Nhớ em vô cùng! Ai ngờ ở lứa tuổi ngoài năm mươi mà ông còn yêu say đắm, cuồng nhiệt không khác gì thời trai trẻ mấy chục năm xưa.

Trong ánh mắt của những người chung quanh, ở Sài Gòn, dù ai cũng cố dấu không biểu lộ ra nhưng ông vẫn đọc được ý nghĩ thâm kín của họ. Mọi người đều cho rằng mối liên hệ này chỉ là một sự trao đổi. Bao nhiêu đàn ông Việt kiều về nước vung tiền ra để mua vui, ông cũng thế thôi. Ngay cả Vũ, người bạn từ thuở còn để chỏm, thân thiết như ruột thịt, cũng không nghĩ khác.

“Họ chỉ là người ngoài cuộc, họ đâu hiểu Quỳnh Hoa cũng yêu mình bằng trái tim chân thật. Mồ côi cha từ thuở còn tám bé, Quỳnh Hoa là loại thiếu nữ thích đàn ông lớn tuổi như cần được che chở, được dìu dắt trên chợ đời quá nhiều chông gai, cạm bẫy. Từ Hà Nội lưu lạc tận trời Nam, nàng như con nai tơ, đẹp và ngây thơ. Chung quanh nàng, bao nhiêu tay thợ săn đang giương cung.”

Mà tôi chưa! Một năm ông chỉ đến với nàng một tháng là cùng. Ông không thể vịn lý do gì để đi về thường xuyên được. Gina có thể nghi ngờ. Đàn bà có sự nhạy bén của họ.

Men rượu lan tỏa khắp cơ thể gây cho ông cảm giác dễ chịu, lâng lâng. Qua khung cửa sổ, ông dõi mắt theo những cụm mây trắng đang phiêu du trên bầu trời xanh ngắt, trong ngần. Ước gì mình cũng như mây. Mình sẽ tự do bay về nơi ấy... Mình còn thua những cánh chim trời, chúng muốn đi đâu thì đi, ở đâu thì ở, chẳng có gì vướng bận.

Bồn phận, danh tiếng, lương tâm... Ôi, những thứ ấy sao mà rắc rối, sao mà ràng buộc! Đời người được bao lâu, mấy ai dám sống cho mình, sống thỏa thích, tận hưởng những gì mình đang có!

Nghĩ ngợi vẩn vơ mãi sinh ra bực tức, ông làm bầm trong miệng: “Ước gì máy bay rớt xuống biển, chết phúc cho rồi!”

Oái ăm thay, ngay lúc ấy, chuông báo động trong máy bay vang rền. Phi công cất tiếng: “Vì lý do kỹ thuật, phi cơ phải quay lại Singapore để có thể đáp xuống an toàn. Yêu cầu các tiếp viên giúp đỡ hành khách chuẩn bị mọi thứ cần thiết cho trường hợp khẩn cấp!”

Không khí căng thẳng đột nhiên ập xuống như một cái lưới to, trùm lấy tất cả mọi người. Máy bay bắt đầu chao đảo như con diều sắp gãy. Trẻ con khóc ré lên. Nhiều người nhắm mắt lại chú tâm cầu nguyện. Những bàn tay thân thích nắm chặt nhau để trấn an, đè nén sự sợ hãi.

Thần chết lảng vảng đâu đây. Ông Việt Tiến rùng mình. Hình ảnh Gina và hai đứa con trai hiện rõ nét. Họ sẽ mất mát gì khi ông già từ cuộc đời ngay hôm nay? Dĩ nhiên Gina sẽ đau khổ lắm vì tình yêu của nàng đối với ông rất đậm đà. Nhưng nàng thừa sức tiếp tục điều khiển hãng giấy để nuôi Micheal học xong ngành y khoa, và em nó tuy mới vào đại học Yale năm nay, cũng không có điều chi trở ngại cho mộng trở thành luật sư của nó.

Khói bắt đầu lan vào các toa hành khách; người ta ho sặc sụa. Ông Việt Tiến cảm thấy khó thở, vội đeo mặt nạ dưỡng khí vào.

Bây giờ ông mới thật sự sợ hãi; hai chân run rẩy, lạnh toát mồ hôi. Càng gần với cái chết, người ta càng tiếc nuối sự sống.

Khi ông có cảm tưởng sắp ngất đi, Quỳnh Hoa hiện ra chập chờn như sương khói. Ông vớ tay chồm tới nhưng nàng chỉ lạnh lùng xoay lưng...

Chiếc máy bay như con thú bị thương, rán lết về hang động trước khi chết. Đất liền đã gần lắm cho tầm nhìn. Hi vọng sống tăng lên khi phi công báo tin sắp sửa hạ cánh. Nhưng than ôi, trước khi đáp xuống phi trường, tàu bay bị gãy làm đôi và bốc cháy nửa phần sau.

Hung tin được loan truyền nhanh chóng khắp thế giới. Đó là tai nạn hàng không thảm khốc mở đầu thiên niên kỷ: năm 2000.

Gina cấp tốc đi tìm chồng. Trong cảnh hỗn độn giữa sống và chết, may và rủi, phước và họa, Gina mừng rú lên khi biết chồng mình thoát chết. Sự chấn thương nặng nề vẫn còn làm anh hôn mê nhưng người vợ ngoại chủng ấy vui lòng chấp nhận bất cứ tình huống nào xảy ra cho chồng, miễn là anh còn sống.

Ở Washington, khí hậu tháng sáu đã đủ ấm để khách nhàn du thong thả đi dạo. Gina đẩy xe lăn, đưa chồng ra vườn sau. Năng xuân lấp lánh reo vui trên mặt hồ bơi in sắc da trời.

Hàng trúc đào trông sát bờ tường đang khoe sắc hồng tươi. Tiếng chim ríu rít chung quanh. Vườn hoa hồng đủ màu sắc đang đua nở, hương thơm lan nhẹ trong khu vườn riêng của đôi vợ chồng triệu phú.

Ông Việt Tiến sung sướng ngẩng mặt lên đón nắng, hít thở không khí ấm áp, trong lành. Gina mỉm cười với chồng, giọng nàng tươi vui:

- Lúc này trông anh khỏe ra, da mặt sáng và hồng hào.
- Tất cả là nhờ em đó, nàng tiên của anh!

Chẳng phải nịnh đầm đâu. Ông Việt Tiến đáp lời vợ với sự thành thật. Sự dịu dàng, chu đáo, thủy chung của nàng giúp ông lấy lại nghị lực để sống và can đảm chấp nhận sự tàn phế của mình. Đây là một người phụ nữ rất đẹp về tâm hồn mà ông có diễm phúc được cưới làm vợ.

Ở lứa tuổi này, người đàn bà Mỹ già sớm hơn người Á Đông. Làn da lốm đốm tàn nhang, trắng nhợt; nếp nhăn đã xuất hiện nhiều ở đuôi mắt, khóe

miệng. Tóc nàng không còn óng mượt ánh tơ vàng như thuở còn là sinh viên; đôi mắt trong xanh ngày nào giờ đã kém tinh anh. Nhưng vẻ đẹp của tâm hồn nàng khiến Việt Tiến thấy Gina là một bà tiên. Nàng đã nâng tinh thần anh từ nơi tuyệt vọng, chán chường vì mặc cảm tàn phế đến chỗ lấy lại sự tự tin vào năng lực của mình.

Dù Gina làm việc thường xuyên tại hãng nhưng trong cách xử sự của nàng, ông vẫn là chủ tịch điều khiển, uy quyền vẫn trọn vẹn. Nàng luôn luôn tuân theo quyết định của ông. Tánh ông xưa nay vẫn thế, thích chỉ huy và nắm trọn quyền hành.

Gina vịn vai chồng, âu yếm trao quyển sách Phật giáo mà anh đang đọc dở dang:

- Anh đọc sách nhé! Em vào giúp bà bếp lo bữa cơm chay. Hôm nay anh Hoàng cùng nhà sư ở Oregon sẽ đến chơi, anh nhớ không?

- Nhớ chứ! Mà em cũng biết nấu món chay à?

- Thì cứ theo cách chỉ dẫn trong sách mà làm! Em sẽ chờ mọi người thật đói mới dọn ra, chừng đó ai ăn cũng thấy ngon.

Ông Việt Tiến mắng yêu bằng tiếng Việt:

- Cô lém vừa thôi nhé!

Người vợ cười, hạnh phúc lấp lánh trong mắt. Cô hiểu tiếng việt chút đỉnh, những câu nói đùa.

Trước khi bước đi, nàng còn dặn:

- Cái phone em để sẵn trong xe, cần gì gọi em nha!

Việt Tiến gật đầu, nhìn theo dáng đi nhún nhảy của Gina. Những lúc sung sướng, bước chân nàng như chim sáo.

Đột nhiên, một câu hỏi hiện ra trong đầu ông: “Nếu Gina biết được một năm trước đây mình có ý định bỏ nàng để chính thức cưới Quỳnh Hoa, nàng sẽ phản ứng ra sao?”

Ông lắc đầu, không dám nghĩ tiếp. Không ngờ có lúc mình lại u mê như vậy. Dục vọng thật là đáng sợ! Nhưng Quỳnh Hoa đóng kịch tài quá, đến cáo già như mình còn bị gạt, huống chi người khác.

Nhớ lại sau tai nạn phi cơ, nằm bệnh viện hơn ba tháng, trở về nhà, ông liên lạc với Vũ ngay để hỏi thăm về Quỳnh Hoa vì dường như nàng không còn ở địa chỉ cũ, đường điện thoại đã bị cắt.

Lòng ông xôn xang nhiều nỗi. Phân lo cho Hoa, phần buồn rầu vì sự tàn phế của mình. Làm sao ông có thể bay về Việt Nam như trước? Và nếu gặp lại ông trong tình trạng này, Quỳnh Hoa sẽ đối xử với ông ra sao?

Rồi quan trọng hơn hết, đối diện với lương tâm, ông tự hỏi mình có thể nhẫn tâm tiếp tục lén lút với Quỳnh Hoa trong khi Gina hết dạ lo lắng thương yêu chồng?

Vũ tuy ở Việt Nam cũng không biết tung tích gì về Quỳnh Hoa. Ngôi nhà đã đổi chủ.

Mãi đâu năm tháng sau đó, Việt Tiến mới vỡ lẽ ra. Than ôi, còn sự thật nào chua chát hơn? Vũ gửi cho ông tờ báo “Tuổi Trẻ”. Tưởng là bạn gửi mình đọc cho vui, nào ngờ... nào ngờ bài phóng sự dài với nhiều hình ảnh rõ ràng đã giết chết người yêu trong mộng của ông. Tựa bài phóng sự gói trọn nội dung của nó: “Người đẹp tài hoa vừa làm gái bao vừa làm tú bà.”

May mà bài báo không nêu tên tuổi ông ra như một “khách xộp”, một nạn nhân ở nước ngoài.

... Việt Tiến lắc đầu, muốn xua đuổi quá khứ. Dù cố quên, chuyện cũ vẫn quấy rầy ông mãi không thôi. Mặc cảm tội lỗi cũng có, nhưng hình như ông đau vì lòng kiêu hãnh tự tôn của ông bị xúc phạm nhiều hơn.

Ông Hoàng ngừng xe trước cổng sắt của tòa biệt thự và bấm còi. Trong lúc chờ người ra mở cửa, ông xây qua thầy L.T. vừa nói vừa cười:

- Anh em tôi mỗi người một tánh, nói đúng hơn mỗi người một tật. Tôi thì khó khăn, xét nét hay bắt bẻ nhưng nhờ theo thầy, nay đã đỡ lắm rồi; còn Việt Tiến, chú em út của tôi thì kiêu lắm. Có lẽ vì chú ấy có tài, lại luôn gặp

vận hên, thành công dễ dàng trong mọi việc, từ học hành đến sự nghiệp và ngay cả chuyện hôn nhân...

Xe từ từ vào sân; Gina chạy ra đón, mừng ríu rít. Nàng chấp tay chào nhà sư một cách cung kính. Đây là lần thứ nhì thầy đến đây. Thầy đến để chiêm cứu và dạy Việt Tiến phương pháp trị liệu bằng nội công.

Hai chân của Việt Tiến, các bác sĩ chuyên khoa đều chịu thua nhưng theo thầy L.T., nếu dùng sức mạnh của ý chí và kiên nhẫn tập luyện đều đặn thì trong vòng một năm, có thể đứng lên được. Khi đã đứng lên được thì chuyện tập đi không khó khăn.

Việt Tiến đang chờ ở phòng khách. Ông có cảm tình với nhà sư trẻ này. Được tiếp xúc với Thầy, Việt Tiến cảm thấy thoải mái lắm. Nơi thầy tỏa ra sự yên ổn, bình dị, yêu đời. Chẳng biết có phải vì chiếc áo nhật bình màu nâu đơn giản hay vì nụ cười hồn nhiên vô tư thường nở trên môi thầy? Nụ cười làm đôi mắt sáng của thầy cũng cười theo.

Thầy chậm rãi bước lên bậc tam cấp bằng cẩm thạch, tiến vào nhà. Thầy còn trẻ trung nhưng điệu bộ lúc nào cũng thong dong, thư thả. Đi đâu, thầy cũng có túi vải nâu đeo trên vai làm bạn.

Việt Tiến chưa kịp chào, thầy đã hỏi:

- Bác khỏe không? Tháng vừa rồi tập đều không?

- Dạ cũng đỡ.

Rồi ông tự động khoe:

- Tôi tập đều lắm thầy à, ngày hai lần. Tôi nghe lời thầy, ráng hít thở thật chậm và thật sâu rồi tổng mạnh trực khí ra ngoài, thấy khỏe lắm!

Nhà sư mỉm cười, buông câu nói đùa:

- Tôi đoán chừng hỏi nhỏ ông học giỏi lắm. Ông là loại người hễ làm việc gì là làm tới nơi tới chốn.

Việt Tiến gật đầu, không dấu sự hãnh diện:

- Thầy đoán đúng! Tôi được học bổng toàn phần du học ở Mỹ suốt trong sáu năm liền.

Vui miệng Việt Tiến kể luôn:

- Nhờ thời gian học ở Michigan, tôi gặp Gina, cưới nàng và ở lại Mỹ luôn. Chỉ hai năm sau khi ra trường, chúng tôi tạo lập một xưởng giấy, ban đầu nhỏ thôi nhưng dần dần to ra mãi cho đến nay.

Gina và ông Hoàng vừa vào trong. Chiếc giỏ mây trên tay nàng đầy những hoa hồng mới cắt, đặt biệt là những hoa màu nâu sậm, nâu non, xen lẫn vài đóa vàng rực như áo nhà sư.

Nàng đã sung sướng khoe anh chồng vườn hồng này do chính tay nàng chọn giống và ghép màu. Hương hoa thoang thoang khắp cả gian phòng rộng, trang hoàng đẹp mắt.

Trong lúc đó thầy L.T. bỏ túi vải xuống, soạn dụng cụ châm cứu, Gina cúi đầu chào thầy lần nữa rồi xin phép xuống bếp lo buổi cơm trưa.

Thầy ngẩng mặt về phía ông Hoàng:

- Bác Hoàng, trong lúc tôi đi rửa tay, bác tìm gói cao kê hai chân bác Tiến lên giùm nhé!

- Dạ vâng!

Thầy L.T. không hành nghề châm cứu thường xuyên nhưng nhìn hai ngón tay nhanh nhẹn của thầy ve xoắn cây kim cắm gọn vào huyết dưới da khiến người bệnh sinh lòng tin tưởng.

Trong lúc làm việc, thầy chú tâm lắm nhưng vừa xong cây kim cuối cùng, thầy đùa ngay:

- Tôi chữa bệnh theo kiểu “phước chủ may thầy” chỉ mong đừng ai thừa kiện gì. Dù tôi bị thua kiện cũng chẳng có chi để đền vì gia tài chỉ có ba bộ y và một cái bát.

Câu nói đùa của thầy khiến Việt Tiến nhớ lại thắc mắc của mình, sẵn dịp ông hỏi luôn:

- Thừa thầy, kỳ trước thầy kể chuyện “Tái ông mất ngựa” chắc là để an ủi tôi. Nhưng tôi thấy câu chuyện ấy có tính cách cá biệt quá, không thể đúng trong mọi trường hợp. Đâu phải lúc nào họa cùng sinh phúc, rồi phúc sinh họa v.v... theo chu kỳ đơn giản như vậy đâu!

Việt Tiến ngưng nói, đưa mắt nhìn thầy rồi nhìn ông Hoàng, xem phản ứng của hai người ra sao...

Thầy mỉm cười, khuyến khích:

- Bác nói tiếp! Tôi thích nghe!

- Tôi xin đan cử trường hợp thực tế là cuộc đời tôi . Mẹ tôi nói tôi là đứa trẻ đẻ bọc điều. Quả thật, đời tôi gặp toàn sự may mắn và thành công. Từ việc học hành, thi cử đến chuyện làm ăn. Chưa thất bại bao giờ. Đến như máy bay rớt, cháy, mà tôi vẫn còn sống sót thì phải biết số tôi hên lắm, ít ai được như vậy.

Ông Hoàng nhìn em, ngẫm nghĩ: “Nếu chú này mà thêm được bộ vó đẹp trai nữa chắc chú kiêu bằng trời. Cặp mắt ốc nhồi trắng dã của chú luôn luôn chẳng thấy ai bằng mình! Chú đâu ngờ rằng sự thành công khiến chú sinh kiêu mạn, ngênh ngang; Đó là cái họa lớn lắm mà chú không biết.”

Thầy L.T. vẫn điềm đạm tự nhiên. Thông thường, ngựa chứng là ngựa hay. Nếu điều phục được bệnh nhân này mình mới xứng đáng là thầy thuốc.

Thầy cất tiếng, giọng êm ái, dịu dàng:

- Tôi rất đồng ý với bác, bác Tiến à. Đâu phải phúc sinh họa rồi họa lại sinh phúc. Họa phúc gì cũng do cái nhân mình đã tạo từ trước. Gieo gió gặp bão, ở hiền gặp lành, đơn giản vậy thôi. Họa phúc là kết quả của những nhân tố có sẵn và thường thì chúng duyên với nhau không dứt để trở thành những điều may rủi, thành công thất bại, hạnh phúc khổ đau v.v... liên tiếp trong đời sống của chúng ta.

Thầy Việt Tiến chú ý lắng nghe, thầy tiếp:

- Theo quan điểm của Phật Giáo, trong phúc có họa, trong rủi có may, trong thành công có thất bại...

- Sao lạ vậy? Tôi chưa hiểu!

- Tôi xin nếu thí dụ này cho dễ nhé! Nhưng một người hay bịnh hoạn đau yếu, dưới mắt kẻ khác, là kém may mắn, đáng thương hại phải không? Nhưng vì phải đối phó với bịnh tật, tâm người ấy ít tham dục. Chẳng những ít tham dục, người ấy thấy rõ rằng “hữu thân hữu khổ” nên tìm phương cách thoát khổ, mong được thoát ly sinh tử... Đó là trong họa có phúc vậy. Họa phúc, phúc họa cứ trùng trùng sinh khởi như thế mãi.

Việt Tiên gật gù:

- Tôi cũng vậy, nếu không bị thương tật, tôi đã không có cơ hội gặp thầy và không biết gì về giáo lý nhà Phật... Cả tháng nay tôi đọc nhiều sách Phật, rất thích thú. Không ngờ một người có đầu óc thiên về khoa học như tôi lại bị chinh phục dễ dàng như thế.

Ông Hoàng có dịp xen vào:

- Không có sự mâu thuẫn nào hết giữa Phật giáo và khoa học chú ạ. Khoa học tiến bộ, càng có những khám phá mới, càng chứng minh được sự hợp lý của đạo Phật. Đây là đạo của sự thật, không phải là sự viển vông mơ hồ hay mê tín dị đoan.

- Đồng ý! Nhưng, thưa thầy, tôi chưa đủ niềm tin về chuyện tái sinh hay vòng luân hồi. Tôi muốn hiểu Phật giáo trên quan điểm thực tiễn, nghĩa là qua giáo lý, làm sao mình hưởng dụng được ngay, không đợi đến kiếp sau.

Nhà sư trẻ tỏ ra sốt sắng:

- Tôi bước vào đạo cũng bằng tinh thần thực dụng như thế nên tôi hiểu rõ ý bác.

Chúng ta trở lại vấn đề phúc và họa nhé! Nếu một người thấm nhuần giáo lý nhà Phật và có sự ưa thích thực hành lý thuyết Phật giáo mà mình thâm nhận được thì khi biết rằng trong phúc có họa, trong họa có phúc, người ấy sẽ không phát sinh lòng vui sướng kiêu hãnh khi gặp may mắn thành công, và cũng không buồn rầu chán nản nếu rủi ro thất bại. Đó là người ấy đã vượt qua khỏi sự phân biệt, tâm họ an nhiên trong mọi hoàn cảnh thuận nghịch. Đây là người được giải thoát ngay trong đời sống hằng ngày. Tâm người ấy như mặt nước hồ thu, yên lặng trong trẻo, không bị xao động vì sóng gió phiền não.

Việt Tiên hỏi, nửa đùa nửa thật:

- Nếu ngày nào cũng im lặng êm đềm như ngày nầy thì cuộc sống còn sôi động, hứng thú gì nữa?

Không thích nghe giọng đùa dai của Việt Tiến, ông Hoàng chận ngay:

- Vậy tôi hỏi chú, nếu phi cơ chuyển nào như chuyển nầy đều an toàn bình yên vô sự thì chán lắm, buồn lắm hử? Phải có trục trặc, bị rớt bị cháy mới hào hứng à?

Biết lời nói của mình vô duyên nên bị hiểu lầm, Việt Tiến cười giả lả...

Nhà sư đứng lên gỡ kim cho Việt Tiến. Xong xuôi, thầy bảo anh thở sâu, thở mạnh và quán tưởng mình dồn ép thanh khí xuống tận đôi chân.

Việt Tiến nhìn đôi chân vô dụng của mình. Khi tâm ông vừa khởi lên ý tưởng bị quán, ông nhớ ngay đến lời giảng dạy của thầy: họa phúc trùng trùng. Lại thay, Việt Tiến cảm thấy lòng mình trở nên bình thản ngay. Sự bình yên thanh thản này giúp ông lấy lại nghị lực. Ông vận công thở, chú tâm vào luồng khí bơm vào phổi đang từ từ mang sinh lực đến toàn thân.

Gina xuất hiện với bình hoa hồng thắm tươi. Nàng tiến đến gần nhà sư, trình trọng dâng lên thầy, lấp bắp câu tiếng Việt:

- Con cúng dường thầy!

Sư L.T. ngạc nhiên và cảm động, ông tiếp nhận bình hoa, mỉm cười, đáp lại bằng tiếng Anh:

- Thank you!

Ông Việt Tiến biết đây là những đóa hoa hiếm, lạ mà Gina rất quý nhưng nàng đã dám cắt để cúng dường thầy. Hành động của nàng cũng là một đóa hoa vi diệu, đầy hương thơm.

Nàng cho ông Hoàng hay bữa cơm trưa đã sẵn sàng.

Khi Việt Tiến tập và nghỉ ngơi xong, mọi người ngồi vào bàn ăn. Họ bắt chước nhà sư nâng chén lên cúng dường.

Riêng Việt Tiến, ông biết mình bắt đầu ném pháp vị. Ông mong ngày nào đó sẽ đi đứng lại bình thường. Chừng ấy, thay vì về Việt Nam để đắm chìm

trong đục lạt, ông sẽ thường xuyên đi chùa, tu học tinh tiến và tự nguyện làm cánh tay hộ pháp đắc lực.

Hơn ai hết, ông hiểu rằng khi si mê, mình nhìn vấn đề rất sai lầm, sự sai lầm gây tác hại khô đau. Đến với đạo Phật là hướng về chân lý giải thoát.

---o0o---

Đốc Mơ Đòi Mộng

Đêm nay trời mưa tầm tã. Những hạt mưa nặng, theo sức gió, đổ rầm rập trên mái nhà như một sự hăm dọa, thách thức.

Ông Nam Lĩnh không tài nào ngủ được. Lòng dạ xôn xao bức rức, ông se sẽ ngồi dậy. Vợ ông đang ngái ngủ, chợt trở mình thức giấc.

- Trời mưa hờ ông?

- Ồ, bà ngủ đi!

Trước khi trở vào giấc ngủ say, bà lẩm bẫm:

- Tháng năm rồi, sao còn mưa?

Ông xỏ chân vào dép, lừ đừ đứng dậy. Dòng tư tưởng của ông như theo cơn mưa, cuộn cuộn phá vỡ sự yên ổn cần thiết cho giấc ngủ.

Nghiêng đầu, cố lắng tai nghe, ông chờ đợi, từ mấy tháng nay, một tiếng mèo kêu quen thuộc, vào khoảng nửa đêm về sáng.

Đêm nay, hấn lại không về. Hấn giận ông rồi! Có lẽ hấn thà co rút trong một xó xỉnh nào đó, chịu rét, chịu ướt hơn là về đây... Ông luôn luôn tự trách mình là kẻ “tiền hậu bất nhất”, mỗi khi ông nghĩ đến hấn.

Tâm tư nặng nề vì nỗi ăn năn, ông đi tìm mãi người bạn “bí mật” ấy để có thể bày tỏ sự hối tiếc hay nói lên một lời xin lỗi. Bằng không, ông sẽ mang bệnh mất ngủ cho đến chết, như là những đêm rét buốt hay những ngày mưa gió nồm nê...

Nhìn vợ ngủ dễ dàng, ngủ say sưa, ông phát thêm một giấc tràn trề, no nê, cho gân cốt rần rã, cho cái đầu được nghỉ ngơi đầy đủ. Đồng thời, ông cũng

cảm thấy lẻ loi quá trong màn đêm hiu quạnh. Nỗi buồn này chẳng thể bày tỏ cùng ai.

Đêm nay ông lại làm bạn với bình trà, đọc âm, đếm thời gian trôi qua một cách vô vị. Là một Phật tử, ông đâu muốn sống cuộc đời tẻ nhạt, vô nghĩa, luống để tháng ngày hờ hững trôi qua, thâu ngắn dần mạng sống thế này. Ông cũng có những hoài bão thiện nguyện, những ước mơ cao đẹp nhưng cuộc đời ông là sự tiếp nối của nhiều thất bại. Từ trẻ đến giờ, ông làm việc gì cũng chẳng xong nên sinh nản lòng, muốn buông trôi tất cả.

Học tài thi phận mãi, không lấy được bằng Tú Tài, ông đành cam phận làm thư ký bưu điện với đồng lương khiêm nhường.

May mà vợ ông biết xoay xở bán buôn lại chẳng đua đòi nên khi cần phải đóng năm cây vàng cho đưa con trai duy nhất đi vượt biên, bà sẵn sàng ngay.

Lúc đó, thằng Hào mới mười sáu tuổi, ông bà dứt ruột giao con cho sự rủi may... Nhờ hồng phúc tổ tiên và có lẽ cũng nhờ hai vợ chồng ăn ở hiền lành nên chuyến đi sông sê, nó được Mỹ bóc ngay sau mấy tháng ở đảo Bi-đông.

Cuộc đời quả là giấc mộng với những biến chuyển không lường. Bây giờ ông bà đang ở San Diego, đã nhập quốc tịch Mỹ. Không còn những lo sợ pháp phòng, những sợ hãi vu vơ cứ chập chùng về trong mộng mị như những ngày còn ở quê nhà. Tuổi già an ổn, hậu vận tốt.

Ông có nhiều bạn bè cũ ở Los Angeles nhưng vợ chồng Hào không muốn bán căn nhà đầu tiên này, một phần vì kỷ niệm, phần khác thực tế hơn, giữ lại làm nhà nghỉ mát để thỉnh thoảng từ Santa Ana lái xe về chơi, sẵn dịp thăm ba mẹ cũng tiện bề. Tụi nó bây giờ khá giả lắm vì hai vợ chồng đều tốt nghiệp đại học, có việc làm tốt, lương bổng hậu hỉ.

Thế là đôi vợ chồng già sống thoải mái trong căn nhà ba phòng, tuy cũ nhưng xinh xắn, đất đai rộng rãi chung quanh, có vườn hoa tươi tắn, thảm cỏ xanh rờn. Bà cứ đòi ông phải bỏ cái nhà kho cũ ở cuối vườn để trồng lên vài cây dứa, bụi chuối ở đấy. Ông lười, hện mãi, riết rồi bà cũng im.

Mùa Giáng Sinh vừa rồi, vợ chồng Hào dẫn hai con về ở chơi một tuần lễ. Căn nhà ấm cúng hẳn lên với những bữa ăn đông vầy, những tiếng cười nói

và nô đùa của trẻ thơ. Thằng Luân con Thúy lại thích chơi chòi, trốn bắt trong nhà kho. Ba cha con rượt đuổi nhau âm ỉ sau vườn.

Bây giờ bà thấy ông cũng có lý khi chẳng muốn phá nhà kho dù nó hơi lớn, choán đất nhiều. Ông thì có ý định riêng. Ông tính toán lâu rồi, chờ sau lễ sẽ âm thầm thực hiện quyết định khá táo bạo ấy.

Như người họa sĩ muốn có bức tranh để đời, ông cũng muốn làm một việc gì đó để trước khi nhắm mắt được hãnh diện với nghĩa cử của mình.

Ông đã tình cờ thấy hắn, khá sạch sẽ tươm tất trong chiếc áo sơ mi ngắn tay màu lục. Hắn ngồi sát tường, dưới bóng cây, trước mặt là cái thùng rác bằng sắt, to như một căn phòng nhỏ, đặt ở sân sau nhà hàng. Hắn ngồi bó gối trong vùng đất hẹp ấy chẳng biết đã bao lâu?

Đây là một thanh niên Mễ, chắc chắn đã vượt rào cản và định cư lậu trên đất Mỹ. Vùng này sát biên giới, dân Mễ tìm mọi cách để vào; họ bán sức lao động rẻ nên cũng nhiều người muốn.

Làm ăn dành dụm được chút đỉnh, họ lại về nước giúp đỡ gia đình, vợ con, rồi cứ đi đi về về, đùa dai cùng cảnh sát biên phòng như thế. Thà chịu nguy hiểm, nhọc nhằn tha phương cầu thực lắm khi phải ngậm đắng nuốt cay mà còn đỡ hơn chịu đói trên quê nghèo. Một người hy sinh nuôi được cả nhà...

Ông Nam Lĩnh sống ở đây đã lâu nên hiểu rõ tình cảnh của họ, thậm chí số mình cũng may; tuy cả đời không thành công nhưng cuối đời cũng được an nhàn thoải mái với tiền trợ cấp tuổi già, con cái thì đã nên danh nên phận.

Sự sung túc của gia đình khiến ông chạnh lòng khi nhìn thấy những kẻ bất hạnh chung quanh. Kinh tế của Mỹ đang suy yếu, kèm theo biến cố kinh hoàng ở New York vào năm ngoái khiến bao cảnh thương tâm đã xảy ra hàng ngày.

Nhiều người bản xứ còn lâm vào cảnh thất nghiệp hướng gì những dân ở lậu nơi đây. Nếu không có việc làm trong một tuần thôi, họ sẽ trở thành “homeless” ngay, sống vất vưởng quanh các tiệm ăn, chờ thức ăn thừa.

Nhà hàng V.T. là tiệm ăn Việt Nam nổi tiếng nhất vùng này. Cùng là người Việt, lại là thực khách quen thuộc nên khi ông Nam Lĩnh hỏi thăm về chú Mễ ấy, ông chủ V.T. không ngại gì tiết lộ tung tích của chàng ta.

- Chú Mễ đó tên Hugo. Nó hiền lành chịu khó. Lúc nhà hàng đông khách, tôi cũng hay mượn chú ta rửa chén, lo phần dọn dẹp vệ sinh trong tiệm nhưng mấy tháng nay bán chậm quá, đành cho nó nghỉ việc. Cũng tội, nó nghỉ việc rồi mà cứ quanh quẩn ở đây, chờ được kêu lại... Ông bạn có việc gì làm, kêu nó tới giúp cho, trả công bao nhiêu cũng được. Ăn thì không sợ, nhưng còn chỗ nghỉ ngơi, tắm rửa... Nó lang thang không nơi trú ngụ thấy cũng tội nhưng làm sao chứa được?

Ông Nam Lĩnh động lòng thương, thỉnh thoảng chở nó về làm vườn tược, cắt cỏ, tĩa cây. Nhìn ánh mắt sáng rực của nó khi được gọi đến, lòng từ tâm của ông mở rộng thêm ra.

Ngày nào nó đến làm việc, vợ ông lo thêm phần ăn nhưng nó không dám ngồi chung bàn, xin được ăn riêng ở bên ngoài. Buổi trưa, ông bảo nó vào nhà kho nghỉ lưng. Hugo chỉ vào đây vài lần là bên trong cái kho sạch sẽ, đàng hoàng.

Mùa Đông ở đây thỉnh thoảng cũng có những ngày nắng ấm. Hôm nay ông Nam Lĩnh lái xe ra tiệm ăn quen thuộc, cố ý tìm Hugo. Vợ ông về Việt Nam ăn Tết rồi, nếu không lợi dụng cơ hội này thực hiện điều mong mỏi thì còn chờ đến bao giờ?

Xuống xe, ông đi vòng ra phía sau, chỗ thùng rác to. Tim ông nhói đau khi thấy anh ta, ốm và xanh hơn trước, quần mình trong chiếc áo mưa cũ, màu xám sậm; ngồi co ro trong khoảng đất chật hẹp cũ, bây giờ hơi hám và ẩm ướt hơn.

Thấy ông, nó vụt đứng lên, đôi môi xám xịt nở ra một nụ cười, nửa như xả giao, nửa như mỉu.

Thương quá hóa giận, ông xô luôn một tràng tiếng Anh rất tron tru:

- Sao không đi tìm việc làm? Mày ngồi đây mà ra tiền sao?

Nó lắc đầu, mấy giọt nước trên tóc rơi xuống vai áo mưa, giọng thiếu nã:

- Police!

Phải rồi, đang có chiến dịch ruồng bắt những người ở lậu nhất là khu downtown này, làm sao nó dám chường mặt ra?

Ông Nam Lĩnh hất hàm ra lệnh:

- Đi theo tao!

Tự nhiên ông già ốm yếu nhỏ con này thấy mình có uy quyền, có oai lực khi ông phát tâm làm việc nghĩa. Ông chở nó về nhà, đưa bộ đồ cũ của Hào cho nó rồi chỉ chỗ, bảo nó đi tắm rửa; ông lo dọn cơm.

Khi Hugo trở ra, ông nhìn nó, ngạc nhiên. Trong cái quần jean vừa vặn và áo len cổ lọ màu vàng úa, Hugo giống như một sinh viên đại học. Dáng dấp mập mạp, nước da trắng trẻo, chàng ta phảng phất giống Hào, con trai ông.

“Có lẽ kiếp trước nó cũng là con cháu của mình chi đây nên bây giờ tự nhiên mình thương, muốn cứu mang giúp đỡ. Hồi ở Việt Nam, đi nghe thuyết pháp, quý thầy cũng nói tất cả chúng sanh đều là thân bằng quyến thuộc với nhau trong nhiều đời. Chắc đúng!”

Ông dọn cơm, bảo nó cùng ngồi ăn. Đôi mắt to dưới cặp mày rậm của chàng thanh niên Mễ long lanh nước mắt vì cảm động. Có lẽ từ lúc tha phương cầu thực đến giờ, đây là lần đầu tiên chú được ngồi ăn một bữa đàng hoàng, có tính cách gia đình như vậy. Cơm chiên và canh cải, hai món ăn tầm thường nhưng đối với chú thật quý báu. Hugo cố gắng ăn chậm rãi cho ra vẻ lịch sự nhưng cái đói mạnh hơn, nó khiến chú nhai ngấu nghiến, nuốt vội vàng...

Sau bữa cơm, chú Mễ tươi tỉnh ra. Vừa dọn dẹp, rửa chén, lau chùi nhà bếp, chú vừa huyền thuyên kể chuyện gia đình mình bên Mễ. Chú còn ba mẹ, hai đứa em trai. Một cô bạn gái quen thân thời trung học. Chú hứa đi Mỹ lập nghiệp chừng ba năm sẽ trở về làm đám cưới... Hơn ba năm đã trôi qua từ ngày chia tay, chắc cô đâu ngờ tình cảnh của anh hiện nay chẳng khác gì lúc ban đầu.

Anh chép miệng, thoáng buồn:

- Chúng tôi không có tin tức gì của nhau. Chắc cô ấy trách tôi là kẻ bạc tình. Thật ra tôi cũng chẳng dám liên lạc về gia đình... Tôi không muốn nói dối nhưng cũng không muốn cha mẹ anh em tôi biết sự thất bại khốn đốn của tôi hiện nay. Ai cũng tưởng hễ trốn qua đây được là làm giàu...

Chàng thanh niên thở dài:

- Thôi, kể như tôi chết rồi!

Ông Nam Lĩnh uống nốt ngụm trà, đứng lên tráng rửa cái tách rồi ra dẫu cho Hugo đi theo. Sân sau còn ẩm thấp vì mấy cơn mưa dầm cuối Đông. Những ngày nắng lẻ loi chẳng kịp làm khô đất nhưng cũng giúp người đỡ ẻo oải, biếng lười.

Hai người đến trước nhà kho. Khi ông mở cửa ra, mùi ẩm mốc xông ra đến khó thở.

- Mày dọn dẹp lại cho sạch. Tao vào lấy cái này...

Khi ông trở ra với cái máy sưởi nhỏ và cái túi ngủ (sleeping bag) thì chú Mễ như đoán được lòng hảo tâm của “bố già”. Anh đứng ngẩn ngơ, xúc động đến nghẹn ngào.

- Vợ tao về Việt Nam một tháng. Trong thời gian này, tao cho mày dùng tạm cái kho để ngủ cho đỡ lạnh. Khi nào bà về, mày phải kín đáo hơn lúc đến và đi. Khuya nào muốn về ngủ, mày đứng bên hông nhà, giả làm tiếng mèo kêu, ta sẽ ra mở cửa cho mày vào. Sáng, trước 5 giờ là phải dậy, nghe chưa, đi cho sớm!

Ông giải thích, cái đầu hói lác lư vì ông đang bơi óc đào ra cho đủ từ ngữ tiếng Anh:

- Vợ tao cũng có lòng thương người nhưng bà không thể kín miệng. Bà biết thì con tao biết... Nhà này của con tao. Theo phép, tao không được làm như vậy mà không có sự ưng thuận của nó. Con tao rất sợ những rắc rối dính líu đến luật pháp.

Người thanh niên gật đầu tỏ vẻ hiểu biết. Anh không dám mơ ước nhiều hơn. Sau ba năm lăn lóc bụi đời, kinh nghiệm sống của anh nhiều lắm: thông thường, người già rộng lượng bao dung hơn người trẻ, kẻ giàu chi xài có tính toán, giới nghèo chi tiêu rộng rãi hơn...

Trong lúc bắt tay từ gã Hugo, ông dặn thêm:

- Tháng này, mày có thể về ngủ sớm. Tao chừa cửa rào bên hông đến mười giờ.

Rồi ông cười, cái miệng móm xòm, khoe hàm răng giả đều đặn, khít khao:

- Tao mà trúng số, sẽ xuất tiền ra xây chỗ ở cho những người homeless ngay. Mùa Đông mà không nơi trú ngụ, khổ vô cùng.

Hugo gật đầu, biểu đồng tình.

Nói đoạn, ông Nam Lĩnh rút vội trong túi xấp tiền lẻ dúm vào tay nó:

- Mày ra đây đón xe buýt số 72, đi chừng mười trạm là tới chợ trời. Bữa nay nắng tốt, chắc sẽ có người thuê. Còn đây là địa chỉ và số phone của tao, nếu không biết đường về, cứ gọi.

- Nhưng tôi chưa biết tên ông!

“Bố già” phá cười:

- A ha! Cứ gọi tao là Linh Lee. Nè, mặc thêm áo này cho đủ ấm!

Trước khi bước ra cửa, chàng thanh niên nhìn ông lần nữa, cái nhìn sâu thẳm đến lạ lùng...

Buổi tối đến thật nhanh. Màn đêm đen kịt. Tiếng côn trùng rên rỉ thở than ở chung quanh khiến ông Nam Lĩnh cảm thấy quạnh quẽ lắm trong căn nhà vắng bóng vợ hiền.

Đồng hồ lặng lẽ điểm 8 tiếng... “Chẳng biết chừng nào nó mới về? Cửa rào không khóa thế này, nếu kẻ gian hay được thì chẳng yên thân!”

Ý tưởng về “kẻ gian” vừa xuất hiện trong đầu thì đột nhiên những tin cướp của giết người trên báo, trên Tivi lũ lượt kéo về trí nhớ... Những hình ảnh ghê rợn ấy khiến ông sợ hãi vu vơ...

Ông Nam Lĩnh đứng lên kiểm soát cửa nẻo lần nữa rồi bật đèn sáng choang khắp nhà. Chưa yên tâm, ông lấy điện thoại không dây cầm sẵn nơi tay. “Có gì thì gọi 911 liền!”

Ông vén màn nhìn ra ngoài lần nữa, bóng tối như dày đặc thêm với sương mù. Trong khung vải đen đang phủ trùm vạn vật, đôi mắt của Hugo hiện ra, sâu thẳm và sáng quắc như mắt mèo hoang.

Tự nhiên ông Nam Lĩnh phát rùng mình. “Nếu nó là kẻ gian chắc mình toi mạng! Còn như chưa từng trộm cướp mà đang cơn túng quẫn ngặt nghèo, thấy dễ ăn quá, cũng dám làm bậy chứ chẳng không.”

Những ý nghĩ tiêu cực cứ quanh quẩn vướng vít làm sự nghi ngờ và lòng sợ hãi càng tăng. Để trấn an, ông gọi phone đôi người bạn, nói vài câu vớ vẩn nắng mưa... Một tiếng đồng hồ đã trôi qua chậm chạp, nặng nề.

Bỗng có tiếng mèo kêu! Tim ông bắt đầu đập loạn xạ. Vừa lắng tai, vừa thủ thỉ, ông nghĩ: “Nếu nó giờ trò gì, ông sẽ phản ứng ngay lập tức!” Nhưng chờ mãi, không có tiếng mở cửa rào. “Chẳng phải nó về!”

Sự căng thẳng làm ông nhức đầu quá! Viên Tylenol thật là cần thiết trong lúc này. Tủ thuốc gia đình, vợ ông cất trong bàn thờ Phật ở phòng kế bên.

Bước vào phòng thờ Phật, tự nhiên ông thấy an ổn hơn khi nhìn nét ung dung tự tại của đức Thế Tôn. Ông run tay thắp một nén hương và ngồi xuống ngay chỗ vợ ông vẫn thường ngồi tụng kinh. Khói lam lan tỏa nhẹ nhàng, mùi trầm thanh tịnh quá! Ông thèm nghe một thời kinh. Mỗi tối nghe vợ tụng kinh, ông cảm thấy ấm cúng, bình an làm sao! Ai ngờ nhu cầu tâm linh cũng cần thiết như thức ăn cho cơ thể!

Dù chưa rành chuông mõ lắm nhưng ông quyết định tụng thời kinh cầu an. Tiếng chuông ngân nga, nhịp mõ chậm ấm đã hòa với giọng đọc kinh tuy chưa nhuần nhuyễn nhưng chan chứa lòng tin tưởng thiết tha đã giúp ông lấy lại sự định tĩnh và đẩy lui những sợ hãi băng quơ...

Sau thời kinh, ông tự thưởng mình một tách trà nóng và ngẫm nghĩ: “Hình như nỗi sợ, niềm lo chỉ là ảo giác!

Sau khi ấy, ông biết Hugo về. Nó giả tiếng mèo kêu rất đặc biệt, kêu một hơi bốn tiếng dài ngoằng, chắc sợ ông không nghe!

Ông khoác áo ấm, bước ra ngoài, nói nhỏ:

- Suyt, mày đừng làm lồi xóm để ý, sẽ phiền lắm đấy! Thôi, vào ngủ đi!

Nói xong, ông khóa cửa rào cẩn thận và quày quả trở vào nhà.

Dù đã bớt nghi kỵ nhưng ông thấy không nên đối xử với nó quá thân mật như ban sáng.

Chàng thanh niên ngoại quốc cũng bén nhảy lồm, và biết thân phận mình. Anh lồm lũi đi thẳng ra sau. Cái nhà kho ấy hứa hẹn giấc ngủ ngon, ấm áp, an toàn, sau một ngày may mắn có việc làm ngoài chợ...

Một tháng đã trôi qua như thế trong sự đều đặn đi về của chú Mễ. Lòng từ tâm của ông Nam Lĩnh cũng đều đặn song đôi với những ngại ngần, thối thác...

Ông sợ lối xóm đê ý, biết mình chứa kẻ vượt biên ở lậu. Dù nó không làm điều chi phạm pháp, nhưng một khi có người mách thì cảnh sát sẽ đến nơi điều tra, ông sẽ bị phiền toái lồi thối với chánh quyền. Đó là điều tối kỵ đối với kẻ di dân như ông.

Chung quanh ông toàn là nhà của Mỹ trắng, bề ngoài họ lịch sự vui vẻ nhưng chắc chắn tâm nhìn của họ luôn luôn hướng về phía mình...

Vợ ông sắp sửa trở qua, con cháu ông sắp xuống đây thăm mẹ, thăm nội... Ôi thôi, càng nghĩ càng điên đầu.

“Mình có thể bảo nó tạm ngưng đến đây một thời gian...”

Nghĩ ngợi mãi sinh bực dọc. Ông mở cửa sau, đi tản bộ trong vườn cho khuây khỏa. Cỏ đã xanh rờn như mạ non, vài đóa hoa daffodil vàng tươi hé cười trong nắng báo hiệu Xuân sắp về. Những phiến đá tròn sạch bóng như mời gọi bước chân.

Ông Lĩnh chợt nảy ra một ý định. Ông tiến đến ngắm nghía cây hoa đào đang bung tròn như một cây dù; các nhánh tron bóng đơm đầy những nụ hoa nụ bầm, vươn lên trời xanh, tỏa sức sống và nét đẹp rạng rỡ.

“Phải chọn cành đào nào đẹp nhất chung ở bàn thờ Phật, bà ấy về thấy vậy sẽ vui lắm!”

Ông nhanh nhẹn, hăng hái tiến vào nhà kho để tìm cây cưa. Cả tháng nay, vì lịch sự, ông không hề mở cửa kho.

Khi xô nhẹ cánh cửa ván mong manh, ông ngạc nhiên hết sức khi thấy Hugo đã dùng cây ván có sẵn trong kho để kê thành cái giường thấp, phủ lên trên là cái túi ngủ, gối và mền.

Đầu giường bày ra nhiều thứ linh tinh: gương, lược, bàn chải, kem đánh răng, nón, vớ, đèn cây...

Bàn tay gầy guộc của ông Nam Lĩnh run lên khi ông chợt thấy vài món quần áo lót của phụ nữ rơi xuống đất lúc ông xúc cái mền ra.

Chưa bao giờ ông tức giận như thế! Nó lạm dụng lòng tốt của ông nhiều quá! Cơn giận dữ xuất hiện thật đúng lúc, giúp ông chấm dứt sự giằng co nan giải cả tháng trời nay.

Ông quyết định tống cổ nó đi lập tức!

Tối hôm đó, vừa thấy mặt Hugo, ông ra lệnh cho nó đi ngay, chẳng đê thì giờ cho trái tim ông lên tiếng nói.

Chàng ta cũng biết lỗi, nó xá ông lia lịa và nhanh chóng thu dọn đồ đạc. Hogo lại tiếp tục sống những ngày cơ hàn, bấp bênh, trên xứ sở giàu có, được mệnh danh là vùng đất hứa...

Trút xong gánh nặng này, ông Nam Lĩnh thở phào nhẹ nhõm, bao nỗi ưu tư đều tan biến cả. Nhưng ngờ đâu, từ đó, mỗi khi đêm về, niềm ân hận cứ âm thầm gặm nhấm cõi lòng ông.

Ông cứ như người bị trượt chân khi muốn leo lên dốc mơ để hái kỳ hoa dị thảo. Dốc thấy chẳng cao nhưng thực tế thì khó trèo. Thật là “đoạn trường ai có qua cầu mới hay...!”

Nồi cơm vừa chín tới tỏa hơi thơm khắp nhà. Tháng 9 ở Mỹ đã có gạo mới nhập, dẻo và ngon. Ông Nam Lĩnh lui cui giúp vợ dọn cơm trưa. Vợ ông đang xắt ngò om, ngò gai, ớt đỏ để rắc lên nồi canh măng chua.

Chợt có tiếng chuông. Ông police mặc sắc phục đang đứng trước khung cửa; tự nhiên hai chân của ông run lập cập.

“Trời ơi, chắc có ai tố cáo mình chứa kẻ ở lậu! Mà đã nửa năm nay, thằng Mễ Hugo đã không còn đến đây, lẽ nào có chuyện lôi thôi...!”

- Chào ông! Tôi là Robert, nhân viên cảnh sát, muốn tìm ông Linh Lee tại địa chỉ này.

- Tôi là Linh Lee.

Ông trả lời bằng giọng nói đứt quãng, mặt mày tái xanh.

Sau cái bắt tay, chàng cảnh sát trẻ như đoán được nỗi lo sợ của người đối diện, tỏ vẻ thân thiện hơn:

- Ông có quà!

Không đợi han hỏi, chàng cảnh sát Mỹ tiếp luôn:

- Dù sao đây cũng là một tin buồn. Một người homeless tên là Hugo, đã chết trước cửa tiệm ăn V.T. vào tối hôm qua. Trong người anh ta có một bao thư này, đề tên ông. Xin ông mở ra xem và ký nhận cho!

Mặt đất như đang rung chuyển dưới chân ông Nam Lĩnh. Phải khó khăn lắm ông mới mở được cái phong bì vàng, khá nặng mà người cảnh sát giao cho ông. Thì ra đây là cuốn nhật ký, trong ấy có kèm một bì thư nhỏ, cũng đề tên ông. Chỉ là một tờ thư mỏng, gói vài đồng bạc lẻ và tám vé số.

Anh cảnh sát viên ghi vội những chi tiết này vào tờ biên bản, đưa ông Nam Lĩnh ký rồi bắt tay từ giã.

“Nó chết rồi, chết cồng, chết đói, trời ơi, khổ thân con tôi!”

Hình ảnh chàng thanh niên Mễ thất thời lỡ vận, lang thang không cửa không nhà hiện rõ trong trí ông... Hugo đang nhìn ông, nửa như van lơn, nửa như thất vọng...

“Mình đuổi nó đi nên nó mới chết! Đành rằng mình chẳng thể cứu mang nó suốt đời nhưng quyết định ấy tàn nhẫn quá! Gián tiếp, vô tình giết một mạng người, tội này đâu nhỏ! Cái nhà kho bé xíu kia có thể cứu mạng người nhưng cái tâm địa mà mình tưởng là rộng lớn lắm lại chẳng thể dung nạp một kẻ cơ hàn!”

Người cảnh sát quay lưng đi xa rồi mà ông Nam Lĩnh vẫn còn run. Đóng ập cửa lại, ông ngồi khụy xuống, ôm ngực, há miệng ra thở, đầu óc quay mòng mòng, hoa đóm loe loé trước mắt.

- Ông ơi ông! Có sao không?

Ông vịn cánh cửa, gượng đứng lên:

- Bà đỡ tôi vào trong... Không sao đâu, nằm nghỉ chút sẽ hết...

Bà vợ nóng lòng muốn hỏi nhiều câu nhưng thấy mặt chồng xanh dờn, hơi thở đứt quãng, mặt nhợt, bà phát lo, vội dìu ông vào phòng và đi pha một tách trà gừng.

Ánh đèn trong phòng khách như bùng sáng thêm vì những đôi mắt ngời hân hoan.

- Ba trúng số thiệt hả ba? Độc đắc phải không? Kỳ này mười triệu đó!

Kim Oanh, cô con dâu vốn ít nói, bỗng nhiên líu lo, ríu rít như chim.

Bà Nam Lĩnh có dịp giảng:

- “Ăn khế trả vàng”. Chuyện xưa tích cũ thật không ngoa. Tụi bây tưởng tượng có ai không hề mua vé số mà lại trúng số không?

Nghe vợ nói, ông cảm thấy cao hứng:

- Ồ, chính police đem tới nhà, trao tận tay.

Chuyện này Hào được nghe mẹ kể trên phone rồi nhưng chàng vẫn muốn nghe lại, do chính ba kể mới hay. Thế là ông già có dịp tỉ mỉ kể đầu đuôi câu chuyện về chàng thanh niên Mễ xấu số. Hình như niềm vui lớn lao về tờ vé số độc đắc đã lấn áp sự ân hận của ông về cái chết của Hugo.

Tuy nhiên, khi đề cập đến quyền nhật ký, ông cảm thấy xấu hổ. “Nó ca ngợi mình như một ân nhân hiếm có!”

- Nếu Hugo còn sống, gia đình nó sẽ được vinh quang. Nhưng tao phải thay nó mà giúp họ.

Nó đã tin tưởng trao tấm vé số cho mình với hy vọng khi nào trúng, mình sẽ lo cho gia đình nó... Hugo cũng biết chọn mặt gửi vàng, mình đâu nỡ tham lam giành hết. Phải chia cho gia đình nó một phần đích đáng!

Kim Oanh hỏi dò, đôi mắt sắc sảo, đen láy của cô như mở to hơn:

- Đích đáng là bao nhiêu hở ba?

- Ít nhất cũng một phần tư tờ vé số!

Hào cố ngăn cái cười nhếch mép – không dại gì làm mất lòng ông già triệu phú – tìm cách đưa ông về với thực tế:

- Con đề nghị hai việc quan trọng: thứ nhất kiểm lại tờ vé số xem có đúng ngày xổ, đúng cả sáu số hay không rồi đề tên phía sau cho cẩn thận. Thứ hai, phải nhờ luật sư lãnh vì trường hợp của ba rất đặt biệt; báo chí, truyền hình hay được, ba sẽ không yên với họ đâu!

- Phải đó ông! Tồn kém bao nhiêu cũng được, miễn mình yên ổn sống đời bình thường như cũ.

Hào giải sẵn cho ông già bài toán:

- Ba ơi, tuy trúng mười triệu nhưng nếu mình lãnh một lần, trừ thuế, trừ huê hồng của luật sư thì tiền mặt đem về chỉ ngoài hai triệu thôi.

- Ủa, sao ít vậy? Tao mong trúng số sẽ giúp tiền cơ quan từ thiện lo cho những người homeless.

Bà Nam Lĩnh háy chồng một cái:

- Bao nhiêu đó thấm thía gì mà đòi làm việc lớn! Ông nên nhớ, ở Việt Nam, mình còn bà con nghèo nhiều lắm, bên ông cũng như phía bên tui. Phải giúp cho đều, nếu không thì kẻ trách người hờn...

Hình như Hào sợ mất phần, anh xem vào ngay, giọng nói hơi kém bình tĩnh:

- Ba má tính gì tính nhưng nhớ cho con tiền “pay off” hai cái nhà. Nợ nhà băng trả hoài ngàn quá!

Ông già cảm thấy chóng mặt. Y như là nợ vây tứ phía! Ông lẳng lặng bỏ ra sân nhìn hai đứa cháu nội đang chơi banh.

Trong lúc bà già vào bếp châm thêm trà, Kim Oanh ghé tai chồng thì thầm: “Mình là con một thì tiền của ba là của mình. Anh phải theo sát ba, đừng để ông hứa lung tung. Đụng ai cũng cho, bao nhiêu cũng không đủ!” . Hào gật

đầu biểu đồng tình: “Ông làm gì thì làm, nhưng ít nhất mình phải có một triệu. Trả nợ nhà năm trăm, còn lại năm trăm, quá khỏe!”

Bà Nam Lĩnh bung khay trà trở ra, thấy vợ chồng Hào rù rì to nhỏ, tự nhiên phát bực. “Tụi nó giàu mà còn tham!” Bà đồng ý với chồng là nên bố thí nhưng phải lo cho họ hàng trước.

Mỗi người một ý kiến. Ai cũng thấy mình đúng, còn người kia sai. Nhưng oái ăm thay, họ cùng gặp nhau ở một điểm: mình là sở hữu chủ của tờ vé số độc đắc.

Sự bất hòa ngày càng tăng. Nỗi mừng trúng số đâu không thấy. Bây giờ chỉ là những ngày căng thẳng giữa vợ chồng, cha mẹ và con cái.

Chữ tiền như đám mây đen khổng lồ đã che lấp cuộc sống êm đềm hòa thuận của họ. Chẳng ai chịu nhường ai.

Mỗi tối, bà Nam Lĩnh vẫn tiếp tục tụng kinh nhưng hình như lời kinh chỉ là những âm thanh rời rạc, bà chỉ mong thời khóa chóng xong. Ông chồng rầu rĩ bên tách trà, không còn cái thú vị thanh tao lắng nghe pháp âm vi diệu...

Vợ chồng con cái Hòa “đóng đô” ở đây gần một tuần rồi, tụi nó xin nghỉ phép, cho thằng Luân con Thúy nghỉ học... Thế nhưng không khí chẳng đậm ấm vui nhộn như thuở xưa, lúc tụi nó thỉnh thoảng về đây nghỉ hè, nghỉ lễ...

Tự viện nằm trên sườn núi cao, chênh vênh trên gộp đá ve ra vịnh Mission bát ngát. Núp sau những hàng dương tha thướt, nó có vẻ là căn nhà nghỉ mát hơn là một ngôi chùa truyền thống.

Thầy M.N. nhận “gia tài” này từ một người Mỹ triệu phú sùng đạo Phật. Ông hiến tặng đại đức sau một năm theo thầy học giáo lý Đại Thừa, xin thí phát xuất gia rồi đi ẩn tu. Ông ta chuyên tu Tịnh độ.

Thầy M.N thuộc giới trẻ, hấp thụ nhiều kiến thức Âu Mỹ với bằng M.A. Dáng dấp khỏe mạnh, gương mặt tươi vui, thầy hay cười và làm cho người đối diện phải bật cười luôn vì cách nói chuyện dí dỏm, hay pha trò.

Ít người biết tới ngôi tự viện này. Thầy nói: “Chùa mới lập mà tôi thì không muốn quảng cáo!” Thế nhưng thầy có những người bạn trẻ thường lui tới học hỏi giáo pháp và giúp thầy trong việc sửa sang phòng ốc, khai hoang trồng trọt.

Có hai chú tiểu, vốn là anh em song sinh mồ côi cha, được mẹ chú giao cho thầy lúc vừa lên tám khi bà biết mình mắc bệnh nan y.

Ông Nam Lĩnh khám phá ra Thanh Sơn Tự Viện do một sự tình cờ, lúc cùng gia đình Hào đi nghỉ mát ở thắng cảnh du lịch gần đây.

Gặp thầy một lần là ông muốn trở lại để được cười, được gột rửa trần lao trong khung cảnh hùng vĩ của núi rừng với tầm nhìn bao la của biển cả và sự thanh tịnh của già lam.

Ông Nam Lĩnh đã thường lái xe hai tiếng đồng hồ chở vợ về đây để tu tập trong một hoặc hai ngày và cảm thấy những lạc thú thế gian không còn có thể quyến rũ được ông nữa.

Lần này, ông trở lại một mình với nỗi sầu nặng trĩu. “Quả là thọ thì khổ! Chỉ mới biết tin trúng số, chưa thấy được đồng nào, mình đã khổ rồi. Dem đồng tiền về nhà chắc sẽ khổ nhiều hơn, khổ dài dài...”

Trời mới bước vào Thu, núi rừng đã se lạnh, những cây phong nhuộm đỏ một vùng. Ông xuống xe, đội nón len, quấn khăn quàng cổ rồi lững thững theo hàng thông già đi vào chùa.

Cửa chùa khép hờ, bên trong chẳng có ai. Ông quày trở ra đi xuống vùng thung lũng bên hông tự viện. Nắng đã lên cao, chiếu lấp lánh trên những đợt sóng nhấp nhô, mặt biển xanh rờn.

Từ xa, ông đã thấy thầy M.N. đang lom khom nhỏ đậu; hai chú tiểu đang tranh nhau hái cà chua, nhanh như vượn bẻ bắp.

Ông hăng hái bước tới. Thầy đã thấy ông:

- Lại đây, bác ơi! Giúp tôi một tay cho xong đám đậu này! Chiều nay mưa xuống thì hỏng cả! Đậu bị nước không thể để lâu được.

- Đậu nành là món ăn chánh trong chùa. Nếu biết cất giữ cẩn thận, quanh năm sẽ có đủ tương, chao, đậu hủ, sữa đậu nành đây bổ dưỡng.

Ông Nam Lĩnh thích khoảnh đất này lắm! Theo mùa, thầy trồng đủ cả: từ cà đến bí, rau thơm, cải ngọt, cải làm dưa, ớt, chanh, đậu phộng, đậu hòa lan... Khoai mì viền chung quanh, lên cao và đều như hàng giậu thế mà cũng không che được mắt mấy chú khỉ tinh khôn thường hay chui vào đây đào khoai lang.

Phía bên kia là vùng đất “An Tiêm”, nơi đó bí rợ, dưa hấu không trồng mà mọc, đúng mùa cũng thu hoạch bộn bàng.

Phật tử nào tới chùa cũng trở nên thân thiết: Khi ra về bao giờ cũng có rau quả tươi làm quà và ai cũng sốt sắng giúp thầy một tay.

Bốn người hăng hái làm việc. Những chùm đậu no tròn, chín vàng làm họ say mê. Mùi thơm hăng hăng của mấy giàn cà chua, mùi thơm của đậu tươi như lan tỏa khắp không gian hiền hòa ở chung quanh.

Thầy đã thấm mệt. Ông ngưng tay, quệt mồ hôi trán đang tuôn nhễ nhại.

- Tâm Từ, Tâm Bi, vào lo cúng ngộ đi con, thầy đã bắt sẵn nồi cơm rồi đó!

- Trưa nay mình ăn gì, sư phụ?
- Cà chua chấm mắm đậu, canh cải bẹ xanh.

Một chú xuýt xoa:

- Con đói bụng rồi! Có khách chắc phải bắt thêm cơm.

Thầy trả lời bằng cái lắc đầu; cười, nói nhỏ với ông Nam Lĩnh:

- Một đĩa tham ăn, một đĩa tham ngủ. Tôi chán tụi nó phát mệt!

Ông già cũng dừng tay, góp chuyện:

- Còn nhỏ thì ham ngủ, ham ăn; lớn lên ham muốn nhiều thứ khác nữa, thầy ơi! Biết tu sớm như mấy chú là phước mấy đời để lại. Không phải ai cũng ở chùa được đâu!

Thầy M.N. tháo cái khăn đang cột ngang hông ra lau mặt. Khuôn mặt thanh tú của thầy sáng rỡ trong nắng; cái đầu mới cạo bóng loáng như tỏa hào quang. Trông thầy đẹp như pho tượng. Tự nhiên ông Nam Lĩnh buộc miệng hỏi:

- Sao thầy đi tu?

Thầy bật cười ra tiếng, hỏi ngược lại:

- Bác tiếc cho tôi hả?

Bác Nam Lĩnh rất phục thầy vì thầy như luôn luôn đọc được ý nghĩ của người đối diện:

- Dạ, không dám!

Nhà sư trẻ ôm từng thúng đậu nành đổ vào xe cút kít:

- Đãi báo tối nay mưa, tôi phải đem đậu vào kho. Có thân thì cực vì thân, bác thấy không? May mà mình chỉ có một cái miệng!

Ông Nam Lĩnh giúp thầy chắt đậu vào kho xong, đi vòng ra ngoài, bước xuống thêm đá, ngồi ngâm chân trong nước biển, nhìn ngắm vu vơ.

Trời xanh, biển rộng, sóng vỗ rì rào, bờ cát trắng phau. Nhưng “người buồn cảnh có vui đâu bao giờ!”

Trước đây, tháng tháng lãnh tiền già, chi phí tiêu xài xong, còn thấy dư, đời sống an nhàn chẳng âu lo, bây giờ trúng số thì cảm thấy thiếu trước hụt sau, lạ thật!

- Bác nghĩ ngợi gì đấy!

Giọng nói trầm ấm của thầy cất lên phía sau lưng. Ông già quay lại. Hình như thầy vừa tắm gội xong, tươi mát như Đức Phật Đản Sinh. “Đây là cơ hội tốt chăng? Để mình tâm sự và tham vấn?”

- Dạ, mời thầy ngồi. Con cũng có đôi điều muốn thưa.

- Cứ xem tôi như bạn đi, người bạn vong niên.

Thầy lúc nào cũng dễ dãi và cởi mở. Nhờ vậy thầy có dịp tháo gút cho nhiều nỗi niềm tâm sự.

Hai người cùng nhìn ra biển. Đột nhiên thầy hỏi:

- Nhìn ra biển khơi, bác thấy gì?

- Con thấy sóng nhấp nhô, bọt tung trắng xóa.
 - Vâng, tâm chúng sinh cũng thế, không bao giờ dứt phiền não.
- “Hình như thầy hiểu được lòng mình.” Ông Nam Linh mạnh dạn vào đề.
- Thưa thầy, phiền não do đâu mà sinh khởi? Nếu từ tâm khởi thì tại sao nó không khởi lên được mà phải chờ có dịp, có cơ hội mới hiện hành?

Nhà sư gật đầu khen:

- Câu hỏi rất hay! Nhưng bác nên nhớ rằng tất cả pháp đều phải hội đủ nhân và duyên mới sinh khởi được.

Bác còn nhớ câu chuyện “Quan huyện thanh liêm” trong sách giáo khoa không? Xưa có ông quan nổi tiếng thanh liêm, không hề ăn hối lộ, không nhận của đút lót nên trị dân rất công bình, sống đời rất mẫu mực. Nhiều người đã đem vàng bạc, lụa là, gấm vóc đến tặng để nhờ giúp đỡ chuyện riêng, ông đều khước từ.

Nhân có vụ án mạng liên quan đến ông nhà giàu nọ, ông này tặng ông một trăm lượng vàng, ông từ chối. Lần thứ hai tặng năm trăm lượng, ông mời đi ra. Cuối cùng, ông phú hộ sai người mang đến hai ngàn lượng vàng, để ở cửa sau. Vợ quan huyện ôm vàng vào nhà, đếm vàng hoa cả mắt, còn ông thì lặng im, chấp nhận.

Cái “nhân” tham của ông quan huyện quá vi tế nên bình thường không khởi lên mới tưởng là thanh liêm nhưng ở một mức độ nào đó, gọi là đủ “duyên” thì thấy được, như dùng kính hiển vi phóng đại vậy.

Ông Nam Linh toát mồ hôi trán. “Thầy có thần thông chăng? Thầy đọc được tâm tư mình! Phải rồi, đối với năm, ba ngàn đô mình thấy dửng dưng nhưng khi có bạc triệu thì khác. Cho ai, mình cũng thấy tiếc rẻ, vì lẽ đó mà sinh bực dọc, phiền muộn... Vậy tham lam bòn xén là gốc rễ của khổ đau mà mình đang gánh chịu.

Mình muốn cho gia đình Hugo một phần tư số tiền, chừng tính lại, thấy con số quá to! Định giúp đỡ cho dân homeless thì nghĩ tiền mình quá ít! Muốn chia số tiền làm ba phần cho vợ, cho con, và cho mình thì sợ họ xài không đúng chỗ.

Ôi, có trăm ngàn lý do che cho tật xấu của mình! Hôm nay nhờ thầy, mình mới có dịp phản tỉnh, biết nhìn lại sự sai quấy của tự thân”.

Bác cảm động, nhìn thầy nhưng rồi bắt sang chuyện khác:

- Cảnh chùa ở đây đẹp quá! Đất đai lại màu mỡ, trông trọt đủ sống quanh năm. Nhưng con thấy chánh điện cần xây cất lại cho rộng rãi kang trang hơn.

Nhà sư vừa cười vừa lắc đầu:

- Tôi sắp dọn đi nên chuyện đó khởi cần lo.

Sự ngạc nhiên làm ông sững sờ một giây:

- Thưa thầy nói thật hay đùa? Mà tại sao?

- Con của triệu phú Mỹ muốn lấy lại chỗ này để thành lập khu giải trí, thể thao, sân golf...

- Nhưng thầy có quyền từ chối!

- Đúng vậy! Nhưng tôi nhớ rõ trong Kinh Đại Bửu Tích, đức Phật dạy các Tỷ kheo không nên ở một nơi nào quá lâu, phải như nai rừng, không sống chỗ nào nhất định.

- Thưa, vì sao?

- Yêu thích cái gì, cái đó sẽ trói buộc mình. Phải biết xa rời cái gì mình ưa chuộng, dù đó là cái chùa, chiếc xe hay cái y. Đây là hạnh xả ly. Đây thật là cơ hội tốt cho tôi.

“Chùa này, cảnh trí này, nương rẫy kia không phải là của mình thế mà hay tin sắp sửa mất đi, mình còn xót của, thế sao thầy lại bình thản như không?”

- Con có cảm tưởng thầy đã đạt đạo mặc dù thầy còn rất trẻ.

- Không dám! Nhưng đạo Phật không có gì để đạt, không có chi để chứng đắc. Vấn đề là mình phải thấy biết chân tướng của vũ trụ nhân sinh để sống không vướng mắc, không bị ràng buộc.

- Con vẫn hiểu “Sắc bất dị không, không bất dị sắc” nhưng hầu như biết là một chuyện mà nghĩ và làm lại là chuyện khác.

Thầy khiêm tốn:

- Tôi cũng vậy! Nhưng nhờ quán MỘNG, luôn luôn tâm niệm rằng mình đang sống trong cảnh mộng hư ảo vô thường nên dần dần tỉnh ra, bác à!

- Có lẽ vì thế lúc nào thầy cũng an ổn, thông dong.

Thầy có dịp đùa:

- Thấy vậy chứ không phải vậy!

Đột nhiên, thầy sửa giọng nghiêm trang:

- Bác có bao giờ quán sát một giấc mộng chưa? Nó có đủ hết: nào cảnh, nào người, nào vật, đủ cảm thọ vui buồn, sợ hãi theo các biến chuyển éo le... Trong mộng thì quả nhiên mình thấy nó là thật nhưng nếu tỉnh giấc chiêm bao, biết nó không thật thì mình buông hết. Hãy nhìn sâu vào mộng thì có ngày tỉnh dậy, bác à.

Nói xong, nhà sư đứng lên:

- Thôi, chúng ta vào dùng ngọc kẹo trẻ.

... Một năm sau, ông Nam Lĩnh có dịp trở lại chốn xưa. Ngôi già lam không còn dấu vết, tiếng chuông chùa không còn thông thả ngân nga trong gió sớm, sương chiều để thức người trong cõi mộng...

Phật Mẫu

Thông thường, Phật tử chúng ta hay kể cho nhau nghe về những truyền thuyết khi Thái Tử Tất Đạt Đa ra đời nơi vườn Lâm Tì Ni. Những biểu hiện kỳ lạ khi Thái tử ra đời rất đáng được truyền tụng và hiểu rành rẽ về cả sự lẫn lý, nên bằng cách này, quý vị đã và đang làm sống dậy ngày Phật Đản cách đây hơn hai mươi lăm thế kỷ. Duy còn một điều khác cũng không kém phần quan trọng trong cuộc đời của Thái Tử Tất Đạt Đa, ấy là mẹ của ngài, bà Ma Gia phu nhân, tưởng cũng nên được biết đến một cách rõ ràng.

Chúng ta chỉ biết Ma Gia phu nhân là con gái của vua A Loa Tích Ca và là vợ của vua Tịnh Phạn. Khi sắp đến ngày sinh đứa con đầu lòng, theo phong tục của xứ Ấn Độ thời bấy giờ, Ma Gia phu nhân trở về quê mẹ để sinh nở. Trên đường đi, ngang qua vườn Lâm Tì Ni, phu nhân thấy phong cảnh ở đây xinh đẹp lạ thường, hoa nở phô bày hương sắc dịu dàng tươi thắm, chim chóc líu lo ca hát đón mừng. Phu nhân truyền lệnh xa giá ngừng lại cho bà ngoạn cảnh và nghỉ ngơi. Chính nơi đây, trong khi bà vói tay hái cành hoa, thái tử ra đời. Thời gian ngắn sau đó, bà từ trần, có lẽ vì phu nhân qua đời quá sớm nên trong lược sử đức Phật Thích Ca cũng ít đề cập đến Ma Gia phu Nhân.

Nhưng trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Nhập Pháp Giới, khi Thiện Tài đồng tử đến cầu đạo Bồ Tát với Ma Gia phu nhân trên cung trời Đao Lợi, chính Ma Gia phu nhân đã nói với Thiện Tài rằng:

- Ta đã thành tựu môn “Giải Thoát Bồ Tát Đại Nguyên Trí Huyền” do đây ta thường làm mẹ của Bồ Tát. Từ hông bên hữu, ta đã sanh Thái Tử Tất Đạt Đa, hiện bất tư nghì thần biến tự tại. Trong thế giới hải này, tất cả Tỳ Lô Giá Na Như Lai đều vào thân ta mà thị hiện đản sanh thần biến.

Thiện Tài bạch rằng:

- Đại Thánh được môn giải thoát này đã bao lâu?

Ma Gia phu nhân nói:

- Thiện nam tử! Cách đây bất khả tư nghì kiếp số, có kiếp tên là Tịnh Quang, thế giới tên là Tu Di Đức. Nơi đây có vị Chuyển Luân Vương tên là Đại Oai Đức ngự trị.

Thời ấy có Bồ Tát Ly Cấu Tràng đang ngồi kiết già nơi đạo tràng, sắp thành bậc Đẳng Chánh Giác thì bị ma vương cùng quyến thuộc đến bao vây định quấy nhiễu. Chuyển Luân Vương Đại Oai Đức dùng thần thông tự tại, biến hóa vô số binh lực kéo đến đạo tràng. Ma quân thấy thế sợ hãi và tan rã. Nhờ đó Bồ Tát Ly Cấu Tràng thành bậc Vô Thượng Chánh Giác.

Bấy giờ có vị thần nơi đạo tràng tên là Từ Đức, thấy sự việc xảy ra, lòng hoan hỷ vô lượng, đối trước Phật phát nguyện rằng: “Chuyển Luân Vương này chẳng luận sanh chỗ nào, nguyện tôi đều làm mẹ của vương, nhẫn đến đời vương thành Phật cũng vậy”.

Vị thần Từ Đức chính là tiền thân của ta, còn Chuyển Luân Vương Đại Oai Đức là tiền thân của Đức Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Do lời phát nguyện ấy, về sau ta đời đời làm mẹ của ngài. Vô Lượng chư Phật sắp thành Đẳng Chánh Giác cũng đều chọn ta làm mẹ cho tới hậu thân của các ngài.

“Niệm niệm nguyện vi chư Phật Mẫu

Sinh sinh thị tác nữ hoàng thân”

(Bách thành yên thủy)

Tạm dịch:

“Niệm niệm nguyện làm chư Phật Mẫu

Đời đời mong được nữ hoàng thân”

Nhứt Sanh Bồ Xứ là bậc Bồ Tát đã ở ngôi vị bất thoái chuyển, tâm đã tự tại giải thoát nhưng khi thị hiện ở cõi Ta Bà ở kiếp sau rốt (tối hậu thân) để hàng phục ma vương và chuyển bánh xe pháp hầu viên thành quả vị Phật, ngài cũng phải nương vào Đại Trí Huyền (được biểu tượng bằng hình ảnh của Ma Gia phu nhân). Tại sao Bồ Tát phải nương vào Đại Trí Huyền khi tế độ quần sanh trong cõi ngũ trược ác thế này?

Bước vào ngôi nhà lửa của chúng sanh, hành giả phải dùng Đại Trí Huyền để tự trang nghiêm mới có thể thông dong đi cùng khắp. Tại sao thế? Bởi vì nếu chấp có cảnh thật, người thật thì cảnh dễ làm náo lòng người: nào thành, nào bại, nào đấng, nào cay, nào thương, nào ghét... mỗi mỗi sự đều lưu lại trong tâm khảm hành giả một ấn tượng khó phai khiến cho tâm người

bị dính chặt vào thế giới của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, làm sao có thể siêu quá thế gian mà cứu độ chúng sanh?

Bồ Tát khi giữ vững tâm niệm “Tu như huyễn pháp, hành như huyễn sự” thì lòng dạ rảnh rang vì không dính mắc vào đâu. Nếu tất cả chỉ là mộng ảo thì có ai phân biệt, thủ xả làm chi những điều xảy ra trong các giấc mộng?

Nhân gian là cảnh mộng, thế nhân là người mộng; Bồ Tát cũng vì cơn mê dài của chúng sinh mà phải dùng nhiều pháp môn phương tiện để thức tỉnh họ: vì mộng nên phải nói, vì mộng nên phải làm, một khi tất cả đều tỉnh dậy rồi thì nào có ai là Bồ Tát, đâu có kẻ làm phàm phu, cũng đâu có pháp môn tu, đâu có thuyền độ khổ!

Nhờ buông bỏ hết mọi thật chấp nên Bồ Tát được thông dụng tự tại trong mọi tình huống của cuộc đời, trong mọi cảnh giới mà mình thọ sinh.

Bởi thế, tất cả các Bồ Tát, nếu muốn thành tựu đại hạnh, đại nguyện đều phải nhờ nơi ĐẠI TRÍ HUYỀN. Đó là lý do vì sao những tối hậu thân của các Bồ Tát đều nhận Ma Gia phu nhân làm mẹ của mình (Màya cũng có nghĩa là ảo hóa).

Ngoài Ma Gia phu nhân là người mẹ của báo thân và ứng thân, chư Phật ba đời còn có người mẹ tinh thần tối cao, tối thắng, tối diệu, đó là Bát Nhã Ba La Mật. Kinh Đại Bát Nhã phẩm Phật Mẫu, phân thượng, có đoạn như sau:

“Vì pháp thậm thâm Bát Nhã Ba La Mật thường hay sanh ra chư Phật, cũng hay giúp cho chư Phật phát triển Nhất Thiết Trí, cũng hay chỉ bày các tướng trạng thế gian nên chư Phật thường dùng Phật nhãn chú tâm vào pháp Bát Nhã Ba La Mật này”. Hoặc là:

“Này ông Tu Bồ Đề, sở dĩ chư Phật thành tựu đạo quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hoặc đã, đang hay sắp đắc quả đều do nương vào non duyên pháp thậm thâm Bát Nhã Ba La Mật này mà được thành tựu”.

Vì sao Bát Nhã Ba La Mật là người mẹ tối cao của ba đời mười phương chư Phật?

Chúng ta biết rằng tâm chúng sanh vốn rỗng không, vô tướng, vô nhiễm và rộng lớn vô biên nhưng vì chúng sanh bị vướng mắc, bị ràng buộc vào chỗ trụ trước nên phát ra tà kiến, biên kiến. Do có tà kiến, biên kiến nên ngã chấp, pháp chấp ngày càng kiên cố khiến cho tâm loạn động. Tâm loạn

động luôn luôn biến đổi theo hoàn cảnh và làm cho chúng sanh trôi lăn trong vòng sinh tử luân hồi. Những vị Bồ Tát từ đệ thất địa trở xuống sở dĩ chưa chứng được ngôi vị Bất Thối Chuyển cũng vì tâm loạn động (vi tế, nhỏ nhiệm chứ không thô thiển như phàm phu). Pháp thậm thâm Bát Nhã phá trừ tất cả những kiến chấp nhị biên (chấp thường, chấp đoạn, chấp hữu, chấp vô v.v...) lại phá bỏ hết 60 loại tà kiến của chúng sanh để hiển bày tướng NHƯ của các pháp, vốn bất tận, bất hoại. Chư Phật nhờ thân chứng tướng NHƯ này mà viên thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác nên chư Phật cũng gọi là Như Lai.

Hành giả tu học Phật pháp mà tin hiểu và thấu rõ được tướng NHƯ này chẳng những không bị thối chuyển trong đạo Bồ Đề mà còn có thể tiến thẳng lên ngôi vị Phật, vì những hành giả này đã và đang làm con của Bát Nhã Ba La Mật.

Chúng ta ai cũng thấy rằng ánh đạo vàng vẫn luân chuyển như vàng thái dương, không bao giờ ngừng chiếu sáng. Đồng thời chúng ta cũng tưởng nhớ công đức của những vị Phật Mẫu đã sinh thành và trưởng dưỡng Nhất Thiết Trí của chư Phật. Đối với Phật Mẫu Ma Gia, nguyện chúng con nương vào năng lực của pháp môn Như huyễn phá trừ nghiệp chấp. Đối trước Bát Nhã Ba La Mật, nguyện chúng con phá trừ vô minh, thấu tỏ “mày mặt thật” để có thể vào nhà Như Lai và gánh vác công việc của Như Lai, làm muôn vàn lợi ích cho chúng sanh với tâm hồn sáng trong, vô trước nhiễm...

---o0o---

Sống Tức Là Tương Quan

Tuổi trẻ thường hay chịu ảnh hưởng của bạn bè. Hồi còn nhỏ, tôi rất phục cách sống và lối xử sự của một người bạn thân ở trung học. Chị không làm rách lòng ai, cũng không gây gổ với ai bao giờ. Chị thường nói với tôi: “Bạn bè, hễ hợp với mình thì mình chơi thân, không hợp thì xã giao bề ngoài, còn đối với người mình ghét thì coi như họ không có mặt trên thế gian này, như vậy khỏi bận tâm”. Tôi áp dụng phương thức đó một thời gian khá lâu nhưng về sau này, khi tuổi đời tăng trưởng và tâm suy nghĩ có chiều sâu hơn, tôi thấy trong phương cách đó có điều gì không ổn. Đối với những người mình ghét, dù mình coi họ như “không” đi nữa thì cũng vẫn phải bận tâm vì họ như thường, chứ nào được an tâm.

Sống là tương quan với tha nhân hoặc gián tiếp, hoặc trực tiếp. Không thể nào có một thái độ đứng dung, biệt lập. Tôi ghét ông A nào đó thì hình ảnh

của ông A đã gây tác động trong tâm tôi rồi, đó cũng là một hình thức tương quan. Hoặc có khi nào bạn lang thang một mình giữa phố xá đông người, tập nập xe cộ lại qua mà thấy lòng trống vắng, cô đơn? Những khi ấy bạn có thật sự cách biệt với những người không quen biết đang hấp tấp ngược xuôi trên đường phố chẳng?

Xin thưa: không! Bởi vì nếu bạn giữ đúng luật lưu thông, luật đi đường dành cho người đi bộ thì chính bạn đang là giọt nước đang cùng dòng nước chảy xiết một chiều. Trái lại, nếu bạn phạm luật giao thông, gây tai nạn, bạn tạo ra biết bao trở ngại cho những người đang di chuyển chung quanh bạn, đó là sự tương quan rất rõ ràng. Dù có tác động thuận hay nghịch, hoặc dù không thấy có tác động xảy ra đi chẳng nữa, thì lúc nào sống cũng có nghĩa là tương quan. Hôm nay tôi muốn cùng quý đạo hữu chia sẻ ý nghĩa của tương quan trong khía cạnh thực tế nhất hầu rút ra một bài học thực tiễn về đời sống để thấy đạo và đời vốn chỉ là một thôi.

Lý tương quan trong đạo Phật, nếu nói đủ, phải là: luật tương quan – tương duyên – tương sinh của vạn hữu. Trên thế gian này, không có cái gì có thể sống riêng rẽ biệt lập mà không dính dáng, liên hệ tới vật khác. Chẳng những sự vật vật có liên hệ với nhau một cách mật thiết (tương quan) lại còn phải nương vào nhau để phát sinh (tương sinh) và nương vào nhau để tồn tại (tương duyên). Cái này có là nhờ cái kia, cái kia có là nhờ cái nọ. Sự vật liên hệ với nhau trùng trùng như lưới võng, đan kết chằng chịt với nhau khấn khít đến nỗi nếu chỉ bứt đi một mắt lưới thôi thì cả cái lưới đều rách rời ra cả. Vì vậy nên kinh Hoa Nghiêm nói rằng: “Một là tất cả, tất cả là một” nhằm hiển minh lý “Trùng trùng duyên khởi” hay “Vô tận duyên khởi”.

Đem lý duyên khởi này xét nghiệm trong đời sống của con người, chúng ta sẽ thấy rõ mối quan hệ giữa mình và người rất sâu xa mật thiết và bất cứ điều gì mình gây ra cho người khác đều trở lại tác động vào chính bản thân như tiếng la hét của mình trong hang núi sẽ trở thành tiếng vang dội ngược lại tai mình; như trái banh ném vào tường cũng sẽ dội ngược lại chỗ người vừa ném nó.

Tương tự như thế, trong gia đình nếu bậc làm cha mẹ biết thương yêu, lo lắng, dạy dỗ cho con cái nên người, thì sự thành công, thành nhân của con cái chẳng những là phần thưởng tinh thần vô cùng quý báu khiến cho mẹ cha được nở mặt nở mày mà các con còn biết hiếu đạo, biết phụng dưỡng mẹ cha. Trái lại nếu cha mẹ vô trách nhiệm, thờ ơ trong việc giáo dục thì con cái sẽ hoang đàng, bực bề với mẹ cha của chúng. Những gia đình có con

nuôi, con ghẻ (cùng cha khác mẹ hay cùng mẹ khác cha) hay con riêng, nếu đứa trẻ không được thương yêu và đối xử bình đẳng với anh chị em của chúng thì không khí trong gia đình sẽ kém vui vì những chuyện xích mích bất hòa. Cho dù đứa trẻ tánh tình hiền lành, không có phản ứng mạnh mẽ gì khi bị ức hiếp nhưng thái độ câm nín chịu đựng lặng lẽ của nó cũng là áng mây mờ che phủ hạnh phúc trong gia đình và làm mọi người cảm thấy buồn bã đến khó chịu.

Thậm chí đến những con vật chúng ta nuôi trong nhà như chó, mèo v.v... nếu chúng ta không thương yêu chăm sóc lại còn đánh đập bạc đãi thì hình vóc tiêu tụy và dáng vẻ thiếu nã của chúng cũng tạo ra sự ảm đạm trong nhà.

Bên cạnh gia đình là môi trường bằng hữu. Bạn bè thì có kẻ ghét người thương. Đối với người mình mến thích thì dĩ nhiên không có vấn đề đặt ra vì mình sẵn sàng chịu bạn dù phải chịu thua thiệt chút đỉnh. Nhưng đối với kẻ mình không ưa mà cứ phải đối diện hoài (oán tắng hội khổ!) thì quả nhiên mình khó có thể cư xử đẹp với họ. Nhưng thử hỏi, nếu mình chơi xấu với họ thì hậu quả sẽ ra sao? Để trả lời câu hỏi này, tôi xin kể một câu chuyện cổ tích Tây Phương. “Ngày xưa có một anh tiểu phu kia lang thang trong rừng để đôn củi. Trong lúc mệt mỏi, chàng ta nằm ngả lưng bên bờ suối. Đang lúc mơ màng nửa thức nửa ngủ bỗng một bà tiên hiện ra. Bà thấy cảnh cùng khổ của anh nên động lòng từ, ban cho anh một điều ước với điều kiện là nếu anh ước gì thì người cừ địch của anh sẽ được gấp đôi cái mà anh có. Điều kiện kỳ lạ này làm anh suy nghĩ, đắn đo. Nếu anh ước giàu có thì tên thợ săn mà anh ghét cay ghét đắng ở cạnh nhà sẽ giàu có gấp đôi; nếu anh ước vợ đẹp thì bà vợ xấu xí hiện nay của hắn sẽ hóa ra xinh đẹp gấp đôi người đẹp của anh; nếu anh ước danh vọng địa vị thì đương nhiên hắn cũng hơn anh và dẫu anh ước tài năng tuyệt hảo đi nữa, thì hắn cũng sẽ giỏi hơn anh... chỉ mới nghĩ thế thôi mà anh đã thấy ứn lòng. Thế rồi, trong tâm trạng căm tức đó, anh ước được chột một mắt với hy vọng rằng kẻ thù sẽ đui cả đôi mắt. Buổi chiều, anh lững thững trở về với con mắt chột. Anh cố tình đi ngang qua nhà tên thợ săn để xem hắn có bị mù không? Nhưng hỡi ôi! Đôi mắt hắn vẫn bình thường. Hắn đang giỡn với con chó săn của hắn ở trước sân nhà. Bây giờ anh vừa ngậm ngùi vừa xấu hổ vì ác tâm của mình”.

Tục ngữ Việt Nam cũng có câu: “Ngậm máu phun người, dư miệng mình”. Khi ta muốn làm điều không phải với ai, thì chính mình bị thiệt hại trước rồi. Vì sao? Vì ác tâm là con rắn độc, nó nằm ngay trong tâm thức của mình làm cho mình phải khổ sở vì lòng sân hận, oán thù và giết hại những

chúng tử thiện vốn sẵn có. Nó xúi giục mình làm những việc bất thiện, gieo nghiệp nhân xấu để tự mình phải gánh chịu quả báo tai hại về sau. Cho nên, hại người tức là tự hại mình. Tốt hơn hết là đừng làm những gì mà ta không thích người khác làm cho mình.

Xét rộng hơn, trong môi trường xã hội, sự tương quan giữa mình và người cũng rất dễ thấy, trong sở làm, nếu bạn ghét ông chủ của bạn và sau lưng ông, bạn làm việc tắc trách, tìm cách phá hại ông thì kết quả là sớm muộn gì họ cũng khám phá ra và bạn sẽ bị đuổi việc, có khi còn bị truy tố ra tòa. Hoặc là, nếu sự việc êm thấm hơn, sự phá hoại của bạn không bị phát giác nhưng đã làm ông chủ bị thua lỗ, ông phải đóng cửa xí nghiệp và bạn cũng lâm vào cảnh thất nghiệp thôi. Chủ nhân có vai trò và quyền hạn của chủ nhân, nhân viên có bổn phận và quyền lợi của nhân viên. Nếu hai bên biết hợp tác nhau trên tinh thần tương thân tương trợ thì mọi việc sẽ tốt đẹp vô cùng. Kinh nghiệm này, người xưa cũng đã phải trải qua nên đã dạy rằng: “Ăn cây nào, rào cây ấy” là vì vậy.

Những lúc đến siêu thị để mua thức ăn, có bao giờ bạn quan sát cách lựa hàng của người đi mua không? Người đi mua, ai cũng muốn chọn những trái cây, rau cải thật tươi ngon, không bị bầm dập hư hại; nhưng tiếc thay, có một số người đã xóc xáo tìm lựa một cách rất “phũ phàng” đối với rau cải, trái cây là những thứ lẽ ra mình phải rất nhẹ nhàng, tung tiu khi cầm đến. Họ làm hư hại như vậy chính là tự họ đã nâng cao giá hàng lên mà họ không hay vì chủ tiệm buôn nào cũng phải tính “tỉ lệ hư hao” của từng loại hàng để định giá bán. Mặt hàng nào bị hư hại nhiều thì giá bán phải cao hơn để tránh sự lỗ lã.

Sống trong xã hội, nếu mỗi người chỉ nghĩ đến chính mình mà dửng dưng với kẻ chung quanh thì thái độ ích kỷ dửng dưng ấy sẽ gây tác hại cho mình không ít.

Người hàng xóm mà ta không có cảm tình vừa bị trộm. Tên trộm ấy, trong đêm qua, vô tình ta đã nhìn thấy nhưng ta cũng phớt lờ đi cho bỏ ghét thay vì ta điện thoại cho cảnh sát hay. Kết quả là vài tuần sau, ta cũng bị trộm trong lúc ngủ say. Vì sao? Vì tên trộm thấy khu vực này làm ăn quá dễ dàng, lối xóm láng giềng không có tinh thần đoàn kết, tương thân.

Ở đâu không có sự mở rộng tương quan, ở đó có bế tắc vì tương quan là mạch điện của đời sống, của tình thương. Tương quan luôn luôn có hai chiều, trong đó chủ thể và đối tượng thể hiện lý Bất Nhị một cách rõ ràng.

Bồ tát (chủ thể) là bậc hữu tình giác ngộ, phát khởi tâm Đại Bi, lăn lộn vào chốn trần gian đầy khổ lụy để cứu giúp và hóa độ chúng sanh (đối tượng). Chúng sanh nhận chịu sự giúp đỡ, cứu độ nhưng đồng thời chúng sanh lại là ân nhân (đối tượng trở thành chủ thể), là ruộng phước giúp đỡ Bồ Tát (chủ thể trở thành đối tượng) có môi trường thích hợp để hoàn thành Bồ Tát đạo. Bởi vì nếu không có chúng sanh mê muội đang lặn ngụp trong bể khổ trầm luân thì Bồ Tát không thể thực hiện lòng từ bi. Nhờ thực hiện lòng từ bi, tìm phương giúp người mà tâm từ ngày càng mở rộng. Phương Tiện Trí ngày càng nảy nở khiến cho Phước Trí tròn đầy, trở thành bậc Lương Túc Tôn.

Giúp người tức là giúp mình. Thấy rõ điều đó, hành giả phá được hàng rào ngăn cách giữa mình và người. Phá vỡ sự cách biệt giữa mình và người thì tâm hồn trở nên rộng rãi biết bao và đời sống vui vẻ biết bao vì bây giờ không còn có ai đáng để dành cho “tình cảm đặc biệt” nên không gieo trồng tham ái, si mê; không có ai để oán ghét nên lòng thanh thoi không cừ hận.

Tương quan là một định luật của đời sống, xã hội cũng như những định luật khoa học thiên nhiên. Nếu hiểu rõ và diệu dụng được cái định luật này, chúng ta sẽ tạo ra muôn vàn lợi ích, còn như đi ngược lại với định luật, chúng ta chẳng những tự chuốc lấy khổ đau mà còn tác hại đến bao nhiêu người khác. Diệu dụng lý tương quan ở mức độ cao tức là thể hiện tinh thần bình đẳng và lòng thương yêu. Không còn có thái độ chấp ngã để tự thấy mình đáng quý, đáng trọng hơn hết; “cái tôi” bây giờ đã được hòa dung với tất cả chúng sanh nên Bồ Tát mới “bình vì chúng sanh bình” và dám xả thân cứu khổ muôn loài chỉ vì một lý do đơn giản: “thương người như thể thương thân”. Vì thương người như thể thương thân nên cứu độ mà không thấy có chúng sanh mình đang độ, làm trăm công ngàn việc mà không thấy mình có làm; không có người thi ân cũng không có kẻ thọ ân. Hành động cứu giúp của Bồ Tát tự nhiên như mặt trời thường chiếu sáng, như hoa nở điểm tô cho đời, như gió mát trăng thanh. Dù người đón nhận hay hững hờ, bản tính và hành động của Bồ Tát vẫn là như vậy.

Chỉ khi nào sống với tinh thần tương quan rộng rãi và sâu sắc như thế, chúng ta mới thực hiện được tam tự qui y:

- Tự qui y Phật vì đã trở về với tự tánh Giác Ngộ, không còn mê chấp, vô minh.
- Tự qui y Pháp vì đã thấu rõ chân lý vi diệu của pháp giới trùng trùng duyên khởi, trong đó mình và người vốn không hai, không khác.

- Tự qui y Tăng vì đã hòa hợp được với tất cả chúng sanh nên tất cả đều trở thành vô ngại.

Khi ấy thì tuy sống trong cảnh đời đầy phiền não mà tâm đã được giải thoát. Bước đi trong cõi Ta Bà ướ trước mà như dạo chốn vườn hoa, thấy đất đai bằng phẳng không có núi cao chắn chở, không có hầm hố ngăn ngại. Với phong cách thông dong tự tại và đầy an lạc như thế, hành giả trở thành một đóa hoa vô ưu thơm ngát hương vị giải thoát đem đến cho người muôn vàn lợi ích an vui.

Như thế, khi thấu rõ chân lý của vũ trụ nhân sinh và thể hiện chân lý ấy vào cuộc sống tức là đem đạo vào đời, biến cõi trần ai đầy khổ lụy này thành xứ sở An Lạc.

Đạo không phải là cái gì huyền bí xa vời tách rời khỏi cuộc sống. Đạo phát xuất từ cuộc đời. Ngày xưa, sau 49 ngày thiền định dưới cội Bồ Đề, đức Phật tỏ ngộ chân lý chứ không phải ngài phát minh ra chân lý. Chân lý vốn tự nó là như vậy, xưa nay vẫn thế, không phải do ai bày vẽ hay sắp đặt ra nó. Những gì đức Phật thuyết giảng trong hơn 49 năm hoằng pháp độ sanh, có lúc cao có lúc thấp, khi thuyết hữu vi, khi nói vô vi, khi giảng về nhân quả, rồi khổ, không, vô thường, vô ngã, lúc thuyết Tứ Đế, nhân duyên, khi lập hội Bát Nhã, hội Hoa Nghiêm v.v... nhưng tất cả những điều ngài nói đều phát xuất từ một nguồn gốc duy nhất: Như Thị (nói thật, đúng y như thật). Cũng vì lẽ đó mà ngài đã bảo rằng: “Trong bốn mươi chín năm thuyết pháp, ta chưa từng động đôi môi”. Những điều ngài nói ra nào có chi mới lạ, nào phải là triết thuyết của riêng ngài. Nó có đây từ bao giờ, từ vô thủy đến vô chung cho nên nói mà như không nói vì “đạo khả đạo phi thường đạo” (đạo mà có thể nói ra thì không phải là đạo vậy).

Đạo ở nơi thân tâm, ở trong đời sống, ở khắp cả các pháp nhưng tiếc thay chúng ta cứ mãi hiệp trần bội giác (chạy theo trần cảnh, quên điều giác ngộ) nên sự suy nghĩ và hành động thường sai quấy đến nỗi phải lưu lạc trôi nổi mãi trong biển sinh tử luân hồi. Bởi thế cho nên nhân loại rất cần những bậc người giác ngộ có lòng Đại Bi làm bậc đạo sư dẫn dắt cho người biết đường đi nẻo về nơi trụ xứ Thường An Lạc.

---o0o---

Hết

